

LIÊN MINH FARBOUND

NGHỊCH ÂM

Tiểu thuyết

Chặng đầu · Bản đọc thử miễn phí

MANUEL A. DOMINGUEZ

NGHỊCH ÂM

CÙNG BỘ LIÊN MINH FARBOUND

Đường ray thứ tư

LIÊN MINH FARBOUND

NGHỊCH ÂM

Tiểu thuyết

Chặng đầu · Bản đọc thử miễn phí

MANUEL A. DOMINGUEZ

Nghịch âm

Nguyên tác: *DISSONANCE*

Tiểu thuyết thuộc bộ Liên Minh Farbound

Bản quyền © 2026 Manuel A. Dominguez. Bảo lưu mọi quyền.

Không được sao chép, lưu trữ hay truyền tải bất kỳ phần nào của cuốn sách này dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của tác giả, trừ những trích dẫn ngắn trong bài điểm sách.

Đây là một tác phẩm hư cấu. Tên người, nhân vật, địa danh, tổ chức và sự kiện đều do tác giả tưởng tượng ra hoặc được dùng một cách hư cấu. Mọi sự giống nhau với người thật, còn sống hay đã mất, hoặc với sự kiện có thật đều là ngẫu nhiên. Thành phố trong sách bắt đầu từ một nơi có thật; lịch sử tương lai của nó là hư cấu.

Đây là bản đọc thử miễn phí gồm chặng đầu của tiểu thuyết, tức chương mở đầu và Phần một, Mùa nóng ẩm (chương 1 đến chương 29), do tác giả phát hành tại mudnewspackage.com. Toàn bộ cuốn tiểu thuyết hiện có bằng tiếng Anh trên Amazon, ở dạng bìa cứng, bìa mềm và Kindle.

Cuốn sách này và bìa sách được phát triển bằng công cụ AI tạo sinh theo chỉ đạo của tác giả. Bản dịch tiếng Việt này được làm bằng công cụ AI tạo sinh và được kiểm tra bằng công cụ tự động, không qua dịch giả là người. Xem [Nghiên cứu và hư cấu](#) ở cuối sách.

Tặng vợ tôi, con quý Tasmania của tôi và thiên thần của tôi.

Anh yêu trọn vẹn con người em.

Mục lục

Đôi lời về ngôn ngữ	viii
1 Ghi nhận một trường hợp tử vong	I
Phần một: Mùa nóng ẩm	6
2 Bài ca nhịp bôm	7
3 Đôi ủng sần, ngày thứ chín	16
4 Cá đối rần, lược	25
5 Số lần yêu cầu trước: Mười bốn	33
6 Hai can	40
7 Mặt cắt một chiếc đế giày	47
8 Dòng chăm sóc	54
9 Trả lại Liên lạc viên Phòng, không xử lý	60
10 Một chiếc vòng cổ xám đi thuê	68
11 Hai mươi sáu nhỉnh một chút	75
12 Một chiếc giường trong suốt thời hạn thỏa thuận	83
13 Bảy mươi ba xềng	90
14 Cuốn sổ cái xanh	95
15 Nồi gumbo cầu tàu	102
16 Một năm một ngày	110
17 Phần không chịu ở lại	118
18 Đệm bàn đập	124
19 Đồ vải đứng tên ông	132
20 Bốn can một tuần	139
21 Một người con trai được thăm	145
22 Nồi hơi không đổ chuông	151
23 Hồ Thu Số Ba	159
24 Những gì anh cảm nhận, những gì anh suy ra	165
25 Cái bát thừa	169
26 Dưới nước hôm nay, không ai	173
27 Bốn mươi bao và một con dê	182
28 Nguồn gốc	187
29 Đề xuất	193
Hết phần đọc thử	198
Nhân vật	199

MỤC LỤC

Địa danh và thiết chế	201
Đọc các ngôn ngữ	203
Bảng từ vựng	204
Nghiên cứu và hư cấu	218
Về tác giả	219
Các tác phẩm khác của Manuel A. Dominguez	220

Đôi lời về ngôn ngữ

Người Vùng Bùn nói tiếng Kanal, và trong cuốn sách này họ nói tiếng ấy ngay trên trang giấy. Bạn không cần học nó. Lời kể chuyển tải những gì quan trọng, và phần lớn các câu tự giải thích ngay khi chúng được nói ra.

Khi ai đó chuyển sang tiếng Anh chuẩn của Tầng Tán, để nói với một viên chức, một thư ký của Quầy, nhân viên ở Hồ Thu Số Ba hay Hội Đồng, thì trong nguyên tác câu ấy hiện lên bằng tiếng Anh; trong bản này, câu ấy hiện lên bằng tiếng Việt, còn tiếng Kanal vẫn được giữ nguyên như khi viết. Sự đổi giọng ấy chính là cú chuyển: thứ tiếng mà người Vùng Bùn tìm đến khi phía bên kia quầy đang lắng nghe. Chữ viết cũng thuộc về tiếng chuẩn, nên thông báo, biểu mẫu, sổ sách và thư từ cũng hiện lên bằng tiếng Việt, in nghiêng khi được trích dẫn.

Những ngôn ngữ cổ hơn của các phường, trong đó có tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt, tiếng Kreyòl Haiti, tiếng Hàn và tiếng Pháp Louisiana, được thuật lại qua lời kể.

Nhiều chương mở đầu bằng một dòng in nghiêng cho biết chương ấy theo lời kể của ai.

Ở cuối sách: Nhân vật, Địa danh và thiết chế, Đọc các ngôn ngữ và Bảng từ vựng gồm mọi từ tiếng Kanal được nói trong truyện.



Ghi nhận một trường hợp tử vong

Thông báo của Hội Đồng, như được dán trên tủ chuyển tiếp Dây Sabine; lời kể của Janelle Mouton; của Ozanne Dufresne, một phần.

Vào buổi sáng ngày thứ ba sau cơn bão, thông báo của Hội Đồng được dán lên.

Janelle thấy nó trước tiên, vì nó được dán lên cánh cửa thép của tủ chuyển tiếp Dây Sabine bên kia ngõ, đối diện bàn làm việc của cô, nơi Cổng và Đội Canh dán mọi thứ họ muốn cả dây đọc. Hai lính Thanh Tẩy dùng chổi quét hồ từ một cái xô dán nó lên vào tiếng chuông thứ bảy rồi đi tiếp sang tú kế bên. Nó được in trên giấy tốt, thứ giấy trắng dày của Tầng Tấn, với con dấu của Hội Đồng ở trên cùng, dấu của Cổng và dấu của Đội Canh ở bên dưới. Đến lúc cô băng qua ngõ thì đã có chừng một chục người đứng trước nó, và Ozanne, đang leo lên khỏi hố với cuốn sổ ghi buộc dây, đứng phía sau họ đọc qua đầu họ.



THÔNG BÁO CỦA HỘI ĐỒNG

Về việc gián đoạn dịch vụ tại trạm bơm Dây Bể Chứa, Phường 7, trong đêm xảy ra cơn bão vừa qua.

Hội Đồng lấy làm tiếc về việc gián đoạn dịch vụ thoát nước tại trạm Dây Bể Chứa cùng tình trạng ngập nhà ở phát sinh từ đó, và ghi nhận một trường hợp tử vong.

Kết quả rà soát sơ bộ của Cổng và Đội Canh xác định nguyên nhân gián đoạn là do can thiệp không phép vào hạ tầng định thời theo mạng tại Phường 7 trong thời gian bão, bao gồm:

1. vật liệu giảm chấn chưa đăng ký, được lắp không có giấy phép vào máy móc của Cổng tại trạm Dây Sabine và được phân phát cho các đội Cổng trong phường;
2. hướng dẫn vận hành trái phép được lưu hành tới các đội Cổng bởi những người có liên quan đến tổ chức được biết đến với tên gọi Gai Hồng;
3. một can thiệp y tế chưa đăng ký được thực hiện trong một cơ sở chăm sóc của Tập Đoàn vào đêm nói trên, mà ảnh hưởng của nó đối với việc định thời mạng đang được xem xét.

Hội Đồng sẽ khôi phục toàn bộ hoạt động mạng cho tất cả các trạm thuộc Phường 7. Những người có thông tin liên quan đến các nội dung nêu trên được yêu cầu trình báo tại văn phòng phường. Các đội Cổng được nhắc nhở rằng việc vận hành thủ công máy móc định thời theo mạng bị nghiêm cấm.

Cả dãy đọc nó trong im lặng. Rồi Hortense Picou, vừa tan ca đêm với hai bàn tay quần giẻ, nói, rất rõ ràng, “Sabine te e la sèl ra te deme sek” và một người đàn ông ở phía sau nói, “Poutet sa le pa amu li” và ai đó bật cười, cười không nên tiếng. Sabine là dãy duy nhất còn khô ráo. Đó, ý người đàn ông ấy là vậy, là lý do Hội Đồng không ưa nó.

Janelle đọc mục một ba lần. *Vật liệu giảm chấn chưa đăng ký*. Cao su lớp xe, nút bàn và mấy mẫu thừa anh trai cô cắt ra, ba lớp dán và khâu trên một cái bàn có một khắc ở mép trước. Được phân phát cho các đội Cổng trong phường. Nó không ghi tên cô. Nó không cần ghi. Ai đọc nó cũng biết cái bàn của ai nằm bên kia ngõ đối diện tử, những lính Thanh Tẩy đã dán nó cũng biết, và kẻ nào đã viết nó cũng biết.

“Le te meta tu su miray” Babette nói khẽ bên cạnh cô. Họ đã đưa cô lên tường rồi.

“Le te meta la pad ye su miray.” Là mấy tấm đệm, Janelle nói. Không phải cô.

“Mem miray.” Cùng một bức tường.

Ozanne đi vòng qua rìa đám đông và đứng cạnh họ. Trên má cô có một vết bút sáp, và quầng mắt thâm như vết bầm. “Numero tres” Ozanne nói, khẽ đến mức chỉ Janelle nghe được. “La nuit so.” Cô không nhìn tờ thông báo. “Kekchoz te pasa na tiyo la nuit so. Về onse. Mo te havi men di mo su li.” Có thứ gì đó đã đi qua đường ống đêm ấy, vào khoảng mười một giờ, và tay cô đã đặt trên nó. Cô dừng lại. Cô sẽ không nói đó là gì, và cũng không biết đó là gì. “Mo te havi men di mo su li. Sa selman.” Chỉ có vậy.

Janelle nhìn cô. Ozanne nhìn lại rồi quay đi, nhìn xuôi con ngõ về phía Dây Bể Chứa.

Vessa đang đi ngược con ngõ từ Dây Bể Chứa lên, kẹp một tập hồ sơ dưới nách, bùn ngập tới đầu gối. Bà đi xuyên qua đám đông, đám đông dạt ra cho bà đi, rồi bà đứng trước tờ thông báo và đọc nó, đọc hết, chậm rãi, theo cách Janelle từng thấy bà đọc số bài thánh ca trên bảng ở nhà thờ St. Brigid, mấp máy môi. Đọc xong bà còn đứng thêm một lúc.

Rồi bà lấy trong túi ra một mẫu phần, loại phần đá vôi to mập mà người bán văn phòng phẩm ở Bãi Chung cắt cho Lối Tang, rồi vươn tay lên, và trên cánh cửa thép của tủ, bên cạnh dòng *ghi nhận một trường hợp tử vong*, bằng nét chữ học trò tròn trịa cẩn thận của một người đàn bà từng bị bắt chép đi chép lại các con chữ và chưa bao giờ quên cách viết, bà viết:

Wendell Ancelet. 88. Dây Bể Chứa. Ông nói máy bơm vẫn đang chạy.

Bà cất mẫu phần lại vào túi.

“Le ve lava li” ai đó nói. Họ sẽ rửa nó đi.

“Ko mo gon vena baka” Vessa nói. Vậy thì bà sẽ quay lại. Bà đi tiếp lên dãy về phía văn phòng phường với tập hồ sơ, để hỏi Asante xem hội định đặt ông ở đâu, vì các ngăn của Hội Bàn Bể Chứa đã đầy từ năm dịch sốt và ngăn chung của Quầy là chỗ duy nhất còn trống.

* * *

Theo lời kể của Vessa; sổ ghi quỹ của Teodor Asante; thẻ an táng do Quầy cấp, trên đó ghi sai tên.

Tại văn phòng phường trên phố Toulouse lúc chín giờ sáng ngày thứ ba, Teodor Asante nghe Vessa nói với hai bàn tay đặt phẳng trên mặt quầy, rồi đứng dậy tự mình lấy sổ ngăn của Hội Bạn Bể Chứa trong tủ ra, vì anh muốn bà thấy rằng anh đã tra.

Hội Bạn có chín ngăn trong ngôi mộ của họ phía sau nhà nguyện Dãy Bể Chứa. Cả chín ngăn đã đầy từ năm dịch sốt, và danh sách chờ những ngăn được giải phóng dài hai trang, bằng ba nét chữ khác nhau. Tên Wendell Ancelet không có trong danh sách. Hội phí của ông nợ ba quý, và đã nợ như thế từ quý sau khi hạn một năm một ngày của vợ ông hết và xương bà được dời ra phía sau. Theo quy định của Hội Bạn, một hội viên nợ ba quý thì không có quyền đòi một ngăn.

“Ko sa e la vout komin” Vessa nói. Vậy thì là hàm mộ chung.

“Sa e la vout komin.” Teodor lấy tấm thẻ của Quầy xuống. *An táng trang trọng, cư dân không thuộc hội. Lệ phí nộp khi nhận thi hài: mười hai xèng. Quầy cung cấp một ngăn, một thẻ và phương tiện chuyên chở. Gom cốt sau một năm một ngày.* “Mo pu ranpli fom po un dispans” anh nói. Xin miễn lệ phí phải mất sáu tuần. “Seis semen.”

“Li e su un dora na palye di Broussard ye depi dos jou an mita” Vessa nói. “Na chale sa.” Ông đã nằm trên một tấm cửa ở chiếu nghỉ cầu thang nhà Broussard suốt hai ngày rưỡi, trong cái nóng này. Gai đã mang đá tới hai lần, và nhà Broussard đã gửi lũ trẻ sang nhà họ hàng. “Seis semen.”

Dù vậy Teodor vẫn ghi *đã xin miễn lệ phí* vào sổ ghi quầy của mình, kèm giờ ghi. Rồi anh thò tay vào túi mình và đặt hai xèng lên mặt quầy, và không nhìn bà trong lúc làm việc đó, và bà cầm lấy.

Cả dãy góp phần còn lại. Clémence mở hộp thiếc của Vòng Ngưỡng Cửa và đếm ra bốn xèng. Nhà Kerrigan tìm được một. Janelle Mouton, người có nghề làm ăn đang cạn dần từ sau vụ cái khắc, gửi hai xèng qua Babette. Vessa còn ba xèng trong hộp thiếc của chính mình sau khi thợ lắp của Cổng tính bà tám xèng để nói lại nhà bà, và bà bỏ cả ba vào. Còn một hộp thiếc khác dưới gầm giường bà, cạnh đôi giày của Néri, đựng chín năm tiền công của anh. Bà không mở nó ra.

Xe của Quầy đến lúc bốn giờ: một chiếc xe sàn phẳng phủ bạt do hai người đàn ông đeo găng và khẩu trang vải kéo, và một thư ký đi bộ phía sau với một hộp thẻ và một cây bút buộc xích. Người thư ký trẻ, mặt mới và lịch sự. Anh ta nhận mười hai xèng, đếm hai lần và viết biên nhận. Anh ta hỏi thẻ hộ tịch của người quá cố.

“Nó rơi xuống nước rồi,” Vessa nói, bằng tiếng Anh của Quầy, giọng cống. “Nó ở trong áo khoác của ông ấy.”

“Vậy thì tôi lấy tên từ danh sách của Quầy.” Anh ta lướt một ngón tay dọc một trang giấy trong hộp và viết lên một tấm thẻ trắng bằng nét chữ rõ ràng: *ANCELOT, W. Phường 7. Không thuộc hội.* Anh ta lồng nó vào khung đồng thau gắn bên hông xe.

“Ancelet,” Vessa nói. “E, T. Wendell Ancelet.”

“Thẻ được lấy theo danh sách, thưa bà.”

“La lis pa korek” Vessa nói. Danh sách sai. Bà nói câu đó bằng tiếng Kanal, và không buồn đổi sang thứ tiếng khác cho anh ta.

“Việc đính chính được thực hiện bằng biểu mẫu,” người thư ký nói, “kèm theo thẻ hộ tịch của người quá cố.” Anh ta nói điều đó một cách tử tế. Anh ta đã từng nói câu đó. Vessa, người đã nộp một biểu mẫu mỗi tháng suốt chín năm, nhìn anh ta và hiểu ra rằng anh ta không hề biết mình vừa nói ra điều gì.

Đến lúc ấy Wendell Ancelet đã bắt đầu biến đổi. Đá của Gai đã tan hai lần, thấm qua tấm chăn và tấm cửa rồi nhỏ giọt xuống cầu thang nhà Broussard, và chiếu nghỉ bốc mùi ngọt và nặng, đến nỗi nhà Broussard phải buộc vải che mặt mỗi khi đi qua. Bụng ông đã trương lên dưới tấm chăn. Mặt ông thâm lại, chảy xệ và phù lên, môi co rút để lộ hàm răng, và chỗ tấm chăn trượt ra có những vết xanh trên da ở mạn sườn ông. Ruồi đã tìm tới khoe mắt ông, dù Auguste đã ngồi suốt buổi sáng với một chiếc quạt lá cọ. Khi bốn người nhấc tấm cửa lên, dịch chảy ra từ dưới tấm chăn dọc theo mặt gỗ và xuống bậc cầu thang, và Aurélien Broussard quay đi nôn qua lan can xuống ngõ, rồi chùi miệng, rồi quay lại cầm lấy góc của mình. Họ khiêng ông xuống và trượt ông lên xe trong tấm chăn, và mấy người đàn ông kéo bạt phủ lên ông. Rồi cả dãy đi bộ theo sau xe lên tới dốc Tầng Giữa. Clémence đi đầu trên chiếc xe lăn của mình, Auguste đẩy ở những đoạn ngõ bị vỡ, rồi đến Madame Arsenaute phía sau trên chiếc xe lăn của chính bà với chuỗi tràng hạt, rồi Jules chống nạng, và sau họ là phần còn lại của Dây Bể Chứa lấm lem bùn, nhà Kerrigan và nhà Broussard và Pip nắm tay Ernestine. Nessa đã từ Phường 8 xuống cùng Big Theo và Philomène Ardoine của Ban Nhạc Xưởng Thùng, và họ đi ở cuối đoàn và chơi bài hát cây ma thật chậm, theo nhịp của Phường 7, tiếng kèn trumpet của Philomène trầm thấp, Nessa hát bên dưới tiếng kèn, và Big Theo giữ nhịp trên chiếc kèn bass.

Ở chỗ con ngõ rẽ lên dốc và lớp sắt dưới chân họ nhường chỗ cho mặt lát giảm chấn của Tầng Giữa, nhịp bơm lạng đi. Vessa cảm thấy nó rời khỏi lòng bàn chân mình như khi người ta cảm thấy một bàn tay buông ra. Ban nhạc mất nhịp. Trong vài ô nhịp, bài hát đi lệch giữa sự yên tĩnh, quá nhanh rồi quá chậm, cho đến khi Big Theo bắt đầu dậm nhịp xuống mặt lát bằng chân phải, nặng nề, bốn mươi lần mỗi phút, và họ tìm lại được nhịp theo bàn chân anh.

Hầm mộ chung là một cánh cửa khoét vào sườn dốc bên dưới cầu thang Toulouse, ốp đá xám, cạnh đó là một giá đồng thau cài bốn mươi tám thẻ trắng xếp thành hàng. Mấy người đàn ông trượt Ancelet vào một ngăn bên trong trên một tấm ván rồi đi ra, và người thư ký chuyển tấm thẻ của ông từ khung trên xe sang giá, hàng dưới cùng, vị trí cuối: *ANCELOT, W.* Anh ta ghi số ngăn lên biên nhận của Vessa. Toàn bộ việc ấy mất mười một phút. Cả dãy đứng đó trên mặt lát yên tĩnh thêm một lúc sau khi người thư ký đã đi, vì không ai muốn là người đầu tiên bỏ đi.

Vessa hát đoạn cuối cùng với ban nhạc. Bà hát thấp đi một phần tư cung, như bà đã hát mọi thứ suốt chín năm, để một giọng nói ở một nơi tối tăm, nếu có bao giờ nghe thấy bà, sẽ biết đó là giọng của ai. Néri không có ngăn, không có thẻ, không có biên nhận, cũng không có cái tên viết sai nào trên một giá đồng thau. Bà đứng trước tấm thẻ viết sai tên của Wendell Ancelet và hiểu ra rằng mình ghen tị với ông vì tấm thẻ ấy, và thấy xấu hổ, và vẫn hát.

* * *

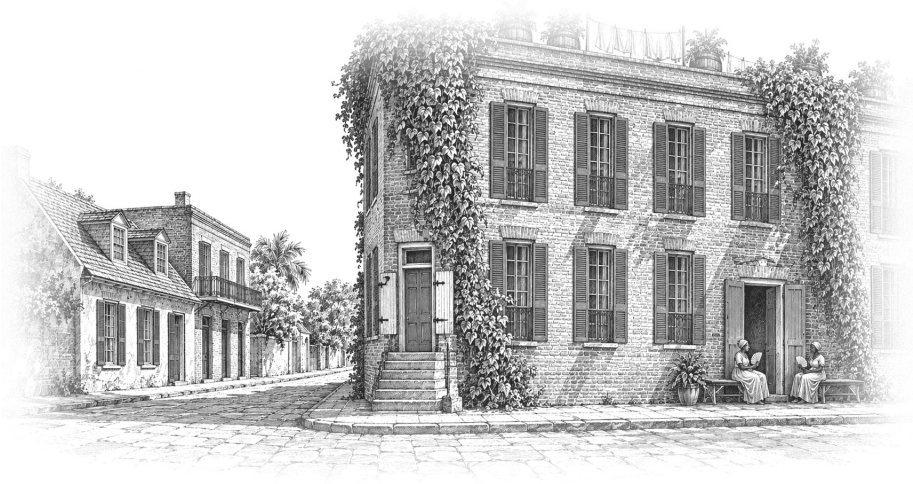
Bản tin buổi sáng của Văn phòng Thị trường vào ngày thứ hai sau cơn bão, như đã nghe trên chiếc đài nhà Broussard; ghi chú của Clémence Fortier bên lề sổ ghi chép của bà.

.....

Văn phòng Thị trường thông báo rằng tất cả các trạm bơm thuộc Phường 7 đã hoạt động trong phạm vi thông số dịch vụ trong đợt thời tiết vừa qua. Một nhà ở tại Dãy Bể Chứa đã bị nước tràn vào, và Văn phòng xin gửi lời thông cảm tới những người chịu bất tiện. Dịch vụ thoát nước đã được khôi phục. Việc nối lại các khớp nối tiện ích tự tách do các thợ lắp được Cống cấp phép thực hiện theo mức phí tiêu chuẩn. Trên sân Esplanade, Đại Vũ Đua Thuyền sẽ diễn ra theo kế hoạch, Hội Câu Cá Tầng Tán đã xác nhận thời tiết quang đãng trở lại. Phần nối dài Sân Bắc báo cáo nhịp cầu đã hoàn thiện không có thiệt hại. Tiếng ngân tiếp tục phát trên các loa phát của Tầng Giữa. Bình yên là một tần số.

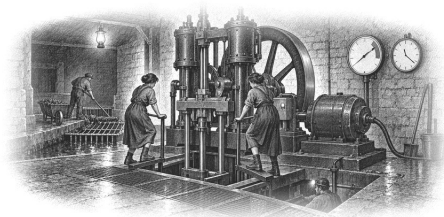
.....

Bên lề sổ ghi chép của Vòng Ngưỡng Cửa, cạnh mục ghi lúc 00:50, Clémence Fortier viết bằng bút chì: *Một nhà ở. Chín ngôi nhà nổi lên, mười bốn tầng trệt chìm dưới nước, một người đàn ông chết trên một tấm cửa ở chiều nghỉ này trong lúc họ nói câu đó. C.F.*



PHẦN MỘT

Mùa nóng ẩm



2

Bài ca nhíp bơm

Theo lời kể của Delphine Aubry; số nhíp bơm Dây Sabine, ca đêm; số bàn thợ của Janelle Mouton.

Lúc hai giờ sáng, nhà bơm Dây Sabine sức mùi mỡ nóng, bùn sông và dầu đinh hương mà Fabien Mercier xoa vào các đốt ngón tay, còn Delphine Aubry đứng trên bàn đập bên trái, dồn sức nặng xuống hai gót chân, và đếm cổ máy.

Bốn mươi nhíp một phút khi nó chạy đúng. Chị không cần đến chiếc đồng hồ trên tường cho việc ấy. Bánh đà quay qua đỉnh, tay quay rơi xuống, con trượt to bằng sắt trượt xuống theo rãnh dẫn và cả mặt sàn ép ngược lên lòng bàn chân chị, rồi buông ra, rồi lại ép. Cú ép là phần người ta đếm được. Bên dưới nó chạy cái phần không đếm được, một cơn rung tê tê ở răng hàm trong cùng và ở khớp quai hàm, thứ mà phòng khám gọi là một mỗi nhíp bơm còn mẹ Delphine thì gọi là thứ Ba. Ở nhíp bốn mươi một phút, bàn đập muốn chị ở nhíp xuống, và chị dồn sức nặng vào nó ngay trước khi tay quay chạm đáy, để chiếc van đẩy cũ đóng khít êm thay vì sập mạnh. Bên kia hồ, Hortense Picou làm y như thế trên bàn đập bên phải, chậm hơn nửa nhíp. Giữa hai người, cổ máy thờ.

Đó là một máy bơm piston hai xi lanh, được dựng lại nhiều lần đến mức ba lớp sơn ba màu đã phủ kín tấm biển của Cổng trên khung máy. Ai đó từ thời xứ cũ đã đặt nó lên một tấm bệ đổ vào đất sét, và tấm bệ đã lún từ chùng nào người ta còn ghi sổ, nên nhà bơm thấp hơn một bàn tay ở phía bức tường giáp hồ. Tuần đầu tiên, Yusuf Landry lăn một viên bi qua sàn và đánh mất nó qua tấm lưới sắt, rơi xuống hồ thu. Đến giờ cậu vẫn còn nhắc về viên bi.

Chiếc động cơ kéo cổ máy thì mới hơn nếu đem ra so: sáu mươi năm tuổi, một khối hình trống thấp lùn, có sợi cáp điện của phường chạy vào từ trạm biến áp của Cổng phía sau quán chiến nhà Hurley. Bắt bu lông vào khung ngay bên cạnh là bộ điều tốc, một chiếc hộp màu xám với một ngọn đèn hồ phách nhấp nháy theo nhíp của mạng chuyển tiếp. Hai mươi năm trước, Cổng đã lắp bộ điều tốc lên mọi máy bơm của các phường để động cơ tự chỉnh tốc độ theo nhíp giờ của thành phố. Thợ lắp máy bảo mấy cái hộp ấy ở đó để văn phòng đếm được nhíp bơm mà khỏi phải cử người xuống. Delphine không nói gì về chuyện đó và vẫn giữ sổ đếm của riêng mình.

Chị hát khế trong hơi thở. Phường nào cũng có bài ca máy bơm của mình và bài nào cũng chạy theo tốc độ máy bơm của phường ấy, và bài của Phường 7 thì chậm và nặng, một nhíp nặng dài khi lên và một nhíp đặt khi xuống. Lời bài phần lớn là tên phố, Sabine, Bế

Chứa, Palmer, Toulouse, với một đoạn ở giữa kể về một người đàn bà có chồng chết đuối vào năm bức tường thứ hai và từ đó về sau đêm nào cũng đi quanh tường vòng gọi chồng về ăn tối. Bà của Delphine từng hát nó trên chính mặt sàn này. Khi một kíp bàn đạp lệch nhịp, bài hát báo cho họ biết trước tiên, vì người ta nghe lời hát trật trước khi cái van trật.

“Tu e fo su Toulouse”, Hortense nói vọng qua hố. Non giọng, ở đoạn Toulouse.

“Mo e fatigue su Toulouse.”

“Mem bagay.”

Phía sau họ, ở song chắn rác, Gil Arceneaux đang cào. Song chắn là một tấm lưới bằng các thanh sắt chắn ngang kênh dẫn vào, nơi nước tiêu của phường từ dưới các con phố đổ về, và nó giữ lại những gì phường vớt đi và những gì phường đánh mất: từng mảnh lục bình, tấm ni lông, một tấm ván còn dính, cái hình thù vàng vọt trường phình của một con chuột hải ly đã chết từ trước cuối tuần. Gil kéo cây cào dài lên dọc các thanh sắt, đổ mớ rác vào xe cút kít và không nói gì. Gil không bao giờ nói khi ở song chắn. Anh bảo nói là để cho các thứ lọt vào.

Fabien Mercier ở dưới hố ổ trục, đèn đội trên đầu, đang dùng mu bàn tay sờ vỏ ổ trục chính. Ông đã mất gần hết thính giác trên mặt sàn này từ trước khi Delphine ra đời, và khi trèo thang lên ông không hét. Ông đưa mắt tìm chị bên kia hố và ra dấu, hai ngón tay đặt ngang lòng bàn tay và một cái nghiêng cổ tay: *ám, ớn, coi chừng*. Kíp nào ở Vùng Bùn cũng nói chuyện như thế, bằng tay, vì kíp nào rồi cũng điếc, và các dấu tay đã ri ra ngoài các ngõ cho đến khi nửa Dây Sabine có thể nói *ớn* và *coi chừng* và *mẹ nhà anh* mà không phát ra một tiếng nào. Delphine ra dấu đáp lại *nghe rồi*, và Fabien cười toe vì câu đùa như ông vẫn cười toe vì nó mỗi đêm suốt sáu năm nay.

Đồng hồ áp treo trên tường phía trên ống đẩy chính, một mặt tròn trắng với chiếc kim đen và một vạch đỏ sơn ở phía dưới. Kim nằm trong vạch đỏ. Nó đã nằm trong vạch đỏ từ nửa đêm.

Delphine nhìn nó ở mỗi nhịp xuống. Chị không cưỡng được. Đồng hồ đo những gì máy bơm đẩy ra ống xả chính, ống ấy chạy dưới tường vòng ra tới vũng cửa xả trong con kênh nơi lũ bò nông đậu. Nó chỉ thấp vì một lý do giản dị nhất đời. Đã bốn ngày trời không mưa. Cái nóng ầm ì lên phường như một chiếc nắp vung, làm không khí sôi sùng sục, làm mốc nở trên từng bức tường, vậy mà từ thứ Sáu tới giờ chưa rơi một giọt nào. Hố thu cạn. Nước theo kênh về tới song chắn ít hơn, nên cổ máy chuyển đi ít hơn. Khi mực nước tụt quá thấp, ống hút bắt đầu hút phải không khí, và Delphine cho kíp tiết lưu cửa nhận nước để máy bơm khỏi tự nện mình tan tành vào khoảng không. Ai từng đứng trên bàn đạp cũng biết điều đó.

Văn phòng chưa bao giờ đứng trên bàn đạp. Văn phòng có một định mức viết ra từ một năm bão, và một thư ký đọc bản ghi đồng hồ áp vào cuối mỗi ca, và một dòng trên bảng lương gọi là *hụt tải*. Khi đồng hồ nằm trong vạch đỏ, Cống trừ lương kíp vì hụt tải. Đồng hồ nằm trong vạch đỏ vì sao thì không quan trọng. Có lần Delphine đã hỏi Anatole Pellerin, thư ký Cống phụ trách nhà bơm Dây Sabine, rằng văn phòng có muốn kíp của chị đổ nước vào hố thu bằng xô không. Pellerin đã bật cười, vì anh không phải người xấu, rồi anh vẫn trừ lương họ, vì anh là thư ký.

Họ cũng mệt nữa. Nhịp bơm lên vào giấc ngủ của người ta và cái nóng ầm ì còn lên vào tẻ hơn, và mùa này không ai trong bọn họ ngủ được bốn tiếng liền. Tuần trước, Delphine

đã thấy Yusuf dừng lại ở song chắn, cây cào giờ lơ lửng và miệng há ra, như thể ai đó vừa hỏi cậu một câu mà cậu không nhớ nổi. Chính chị, hai lần trong một tiếng, đã vào muộn ở nhịp xuống và cảm thấy van sập dội từ gót chân lên tận hông. Đồng hồ áp không phân biệt được bầu trời với một người đàn bà mệt mỏi, và bảng lương cũng vậy.

Ở đỉnh nhịp nâng, chị bước khỏi bàn đạp và để Yusuf vào thế chổ. Cậu bước lên gọn gàng, đáp đúng nhịp xuống, và bắt lấy bài hát ở đoạn Palmer. Cậu hát theo lối trẻ, các đoạn chạy liền vào nhau và đuôi chữ buông lỏng, và nguyên âm khép cũ ở dòng thứ hai mở toang ra như bây giờ nó vẫn mở trong miệng tất cả những ai dưới bốn mươi. Bà của Delphine từng hát dòng ấy trên chính bàn đạp này với nguyên âm khép chặt như một nắm đấm, và từng bảo bọn trẻ hát Bài ca nhịp bơm như tiếng ngân của Tầng Tán, toàn phần giữa mà chẳng có góc cạnh. Fabien, ở chỗ ổ trục, không nghe được chút nào và cũng chẳng cần nghe. Ông nhìn sang và búng hai ngón tay khỏi cằm về phía Yusuf, dấu tay của kíp cho trẻ, mà trên mặt sàn này cũng có nghĩa là *đầu* và *bên*, và Delphine ra dấu *nghe rồi* đáp lại và không sửa cậu bé, vì máy bơm chẳng quan tâm người ta hát đoạn Palmer thế nào miễn là đáp đúng nhịp xuống. Chị ra đứng ở khung cửa để thở.

Đấy Sabine lúc hai giờ sáng có màu đá phiến ướt. Con ngõ chạy ngược lên phía phố trên từ nhà bơm, giữa những ngôi nhà đã được nâng nền nhiều lần đến mức cửa ra phố nằm trên đầu những đợt bậc ngắn, ba bậc, năm bậc, một đợt mười một bậc ở chỗ nhà Batrville đã nâng nền hai lần trong một đời người và phải trả bằng quỹ tang của bà cụ trong nhà. Mọi khung cửa đều viền gioăng cao su lớp xe. Bên cạnh treo ván chắn nước dâng trên giá đỡ, sơn dấu hiệu của từng nhà, một con cá, một ngôi sao, một đôi mái chèo bất chéo. Bên kia ngõ, trên bức tường dưới tấm áp phích Lối Tang, tủ chuyển tiếp của Cổng được bắt bu lỏng vào ống chính cũ ở chỗ nó trôi lên khỏi mặt đất: một hộp thép xám có ngọn đèn nhấp nháy cùng sắc hổ phách như bộ điều tốc. Bản thân ống chính chạy dọc chân tường hai mươi mét rồi mới chui trở lại xuống đất, gang đen còn già hơn cả Tập Đoàn, già hơn bà của bất kỳ ai, rịn mồ hôi trong cái nóng. Nó truyền nhịp bơm. Đặt tay lên nó ở bất cứ đâu từ đây đến chợ là cảm thấy kíp của Delphine đang làm việc.

Xa hơn về phía trên, radio nhà ai đó vãn nhỏ một đĩa nhạc khiêu vũ của Phường 22, toàn tiếng tay vỗ mà chẳng có tiếng sàn. Con ngõ có mùi thuốc xịt của đội diệt muỗi và chẳng có mùi đồ chiên nào. Vào một đêm bình thường, nhà Hurley đã chiên cá đối ở góc phố cho tới ba giờ, cho các kíp đêm và mấy cô gái đi làm ở các vũ sảnh về. Quán chiên tối om. Phần cấp phát dầu của Quầy cho Phường 7 đã chậm mười một ngày, và hôm Chủ nhật phường đã ăn hết chỗ dầu cuối cùng còn có.

Dưới tấm áp phích Lối Tang, cạnh tủ chuyển tiếp, một cô gái trẻ ngồi dựa lưng vào tường, hai đầu gối co lên và một chiếc tàu thủy tinh nhỏ đang ngụy dần trong lòng. Mùi khói bay qua ngõ tới chỗ Delphine, ngọt và khét, như đường bỏ quên trên bếp: Ashe. Đó là Clotilde, con gái của người chị em gái Hortense, hai mươi hai tuổi, từng làm ở dây chuyền thủy tinh trong Basin cho tới khi phổi hỏng và nhà máy lọc cho cô nghỉ với ba tháng lương cùng một cơn ho khắc ra thứ màu xám. Mắt cô mở. Cô đang nhìn ngọn đèn hổ phách của chiếc tủ như thể nó đang nói với cô điều gì tử tế. Delphine nhìn cô một lúc và không gọi Hortense. Đến giờ nghỉ của mình Hortense sẽ tự thấy, rồi sẽ băng qua ngõ, xóc nách con bé đứng dậy và đi về nhà mẹ nó ở Dây Bể Chứa, như chị đã làm hai lần trong tháng này,

rồi sẽ quay lại bước lên bàn đập và không nói gì, và bài hát sẽ non giọng ở đoạn Toulouse suốt một tiếng.

Lisette đi lên ngõ lúc hai giờ rưỡi với một chiếc giỏ có nắp đậy, bước vòng qua vũng nước ở góc nhà Batraverse nơi rãnh nước bị tắc ú ngược. Cô bé mười sáu tuổi, cao, và đi đứng giống bố, điều mà Delphine đã thôi để bụng.

“Tu sipoze ap dormi.”

“Li tro cho po dormi.” Lisette đưa chiếc giỏ. “Omma Kang te senda pat piman. Li pava ki tu ve neda li ave sa ye.”

Bánh là bánh hấp. Bánh tảo xanh, ép trên các bề ở kênh phố Palmer và bán theo chõng, và tuần nào có dầu thì người ta chiên chúng cho tới khi mép giòn vàng nâu còn ruột vẫn mềm. Hấp thì chúng đặc, ẩm và có vị kênh. Delphine bốc một chiếc ăn bằng tay, chấm tương ớt của Omma Kang, ăn đỡ hơn. Lisette ngồi trên bậc cửa, lấy nắp giỏ quạt cho mình.

“Gen un fanm di ajans na Chicory Stalls chak jedi aster”, Lisette nói. Một người đàn bà bên văn phòng việc làm, giờ thì thứ Năm nào cũng tới.

“Mo sava.”

“Li pran nom po la dek nov.” Họ cần vú em cho cả khu nhà phía bắc, Lisette nói, các gia đình sẽ dọn vào trước mùa nước dâng. “Tres jou di formasyon, Mama, an le dava tu la kolye. Tu pa neda achta li.” Ba ngày học việc, và bên văn phòng phát cho vòng cổ làm việc; không phải tự mua.

“Le alkila la kolye a tu.”

“Le pran li de la pey. Sa e mem bagay.”

“Sa pa e mem bagay.” Delphine liếm ớt khỏi ngón cái. “Alkila sinifa ki le e met li. Alkila sinifa ki le pu pran li baka.” Thuê nghĩa là cái vòng là của họ. Thuê nghĩa là họ có thể lấy lại.

Lisette nhìn mẹ. Cô bé cũng có đôi mắt của bố, kiểu mắt kiên nhẫn đợi người ta sai cho hết. “Kouzen di un zanmi te monta na sezon sek.” Một người họ hàng của một đứa bạn đã lên trên đó vào mùa khô. Bà chủ của người ấy có một khu vườn trên sân với một cây vả, một cái cây thật, mẹ ạ, trồng dưới đất. “Li pava ki sa e tro kalm laro, tu pu audi la fey ye.”

Delphine đã nghe kể về sự yên tĩnh ấy. Chị chưa bao giờ lên cầu thang công vụ quá trạm kiểm soát Tầng Giữa. Chị hình dung con gái mình trong một căn phòng không có nhịp bơm, một căn phòng lặng chết đến mức nghe được cả tiếng một chiếc lá, và cố thấy mừng cho con, nhưng thay vào đó lại thấy mặt sàn ép ngược lên qua bậc cửa vào hai chân mình rồi buông ra.

“Apré la sezon”, chị nói.

“Tu te pava sa na sezon sek.”

“La sezon sek e un sezon.”

Lisette bật cười và ném cái nắp giỏ vào mẹ. Trong nhà, bài hát rẽ qua góc sang đoạn Bể Chứa và giọng Hortense trôi lên từ trong đó, khăn và hơi non giọng, cùng giọng Yusuf bên dưới, và cổ máy đáp lời ở nhịp xuống.

* * *

Theo lời kể của Gil Arceneaux và của Delphine Aubry, hai lời kể không thống nhất ai đã đặt tên cho con diệc; số nhịp bơm Dây Sabine, các mục giờ nghỉ.

Lúc ba giờ rưỡi, dịp đêm Dây Sabine nghỉ giải lao theo luật cũ, mỗi lần một người và không bao giờ hai, và Delphine Aubry leo lên cầu thang tường vôi.

Cầu thang leo dọc mặt ngoài nhà bơm ở bức tường phía hồ, bốn mươi bậc sắt bắt bu lông vào gạch, với tay vịn mà ai đó đã quấn cao su lớp xe để buổi trưa nó không làm bỏng tay. Trên đỉnh, lối đi trên tường chạy về cả hai phía dọc theo vòng tường, một dải bê tông cũ rộng hai mét, một bên là phườơng, một bên là kênh, và cứ một trăm bước lại có một ngọn đèn trên cột mà người tuần tường thấp vào mùa nước dâng và giờ thì không ai thấp. Delphine đứng trên đỉnh và để không khí tìm đến mình. Trên này đôi khi có gió nhẹ từ kênh thổi lên. Đêm nay chỉ có mùi của nó, muối, rong và mùi thối ẩm của các bãi bùn lúc nước ròng, và cái nóng nằm dài dọc bức tường như một con chó ướt.

Bên dưới chị, phía kênh, ống xả chính chui ra dưới chân tường qua một miệng sắt rộng bằng khung cửa ra vào, và nước của phườơng trào ra từ đó ở mỗi nhịp xuống thành một cú đẩy chậm làm gồ mặt vũng cửa xả lên rồi loang ra thành những vòng tròn. Từ trên này người ta có thể nhìn nhịp bơm thay vì cảm nhận nó. Vũng nước là một nửa vòng tròn nước vỡ sóng được giữ lại bởi lớp đá học cũ, và quá lớp đá học, con kênh chạy đen và phẳng về phía dòng sông không còn ở đó, với ánh đèn của cửa xả Phườơng 9 xa tít dọc theo bức tường và, xa hơn nữa, các dây sần đứng sừng sững trên dải gồ thành những hàng dài sáng đèn như những con tàu mắc cạn trên một quả đồi.

Gil đã ở trên tường từ trước. Chị không thấy anh lên lúc nào. Anh ngồi ở mép tường, hai chân thõng xuống phía kênh, đôi tay cào rác buồng lông trong lòng, nhìn xuống vũng nước.

“Tu sipoze e na grij.”

“Yusuf havi la grij. Hortense havi la pedal. Tu lib. Mo lib apre tu, me mo te monta avan.” Yusuf giữ song chắn còn Hortense giữ bàn đạp; giờ nghỉ của Gil là sau Delphine, nhưng anh đã lên trước. Anh không quay đầu lại. Ở song chắn anh hoàn toàn không nói. Trên tường, lúc ba giờ rưỡi, anh hóa thành một người khác, và không ai trong dịp giải thích được, Gil lại càng không. “Mira la dlo.”

Chị nhìn. Máy bơm đẩy. Nước gồ lên rồi loang ra, và ở chỗ nó vỡ qua mép lớp đá học, mép sóng vỡ sáng lên.

Nó sáng màu xanh lam lục, một thứ lửa dịu và lạnh chạy dọc đường sóng vỡ, rồi tắt dần, và đến nhịp sau lại sáng. Chỗ một con cá đổi nhảy lên trong vũng, nó để lại một vòng sáng loang rộng ra rồi tắt. Delphine bám lấy lan can. Cả đời chị có lẽ mới thấy ánh sáng ấy năm lần, lần nào cũng vào mùa nóng ẩm, lần nào cũng vào một đêm lặng gió sau một chuỗi ngày khô, và lần nào nó cũng làm chị thấy mình như đứa trẻ được cho thức khuya. Bà của chị gọi nó là ngọn đèn của phườơng và bảo nó có nghĩa là mưa đã quên mình rồi. Phòng khám bảo đó là một sinh vật nhỏ sống trong nước, bị khuấy động thì phát sáng. Delphine tin phòng khám và chẳng bận tâm. Chị có thể tin phòng khám mà vẫn đứng đây, miệng hơi há ra.

“Kuatro jou sek”, Gil nói. “Lapli vena apre kuatro oswa sinko.” Mưa đến vào ngày thứ tư hoặc thứ năm.

“Granmè di mo te pava sa.”

“Granmè di toti mona te pava sa.” Gil nhặt một vảy gỉ sắt trên mép tường rồi thả xuống, và cả hai cùng nhìn xem có tia sáng bắn lên ở chỗ nó rơi xuống vũng không. Nó quá nhỏ để làm nên một tia nào. “Se di mo te konn naja ladan.” Người chị em gái của anh hỏi trước hay bơi trong đó. Ở cửa xả Phường 9, hỏi họ còn bé, vào những đêm nó sáng. “Li te pava ki li te kole su bra kom sik.”

“Se di tu e wena aster?” Delphine hỏi.

“Katyè Katorse”, Gil đáp, rồi, vì anh biết con số ấy gây ra điều gì cho chị, “padon.”

“Sa e un katye. Mona ye deme du.”

“Kek mona.”

Chị bật cười, điều chị không ngờ mình sẽ làm.

Thierry Vidrine đã sang Phường 14 tám năm trước, khi Lisette lên tám, cùng một người đàn bà điều hành một gác lưới ở phía bên kia cổng Phường 12, và suốt một năm cả Dãy Sabine bảo rằng tim anh chạy theo giờ Phường 14 và cười câu đùa ấy ngay trước mặt Delphine, tin rằng như thế là an ủi chị. Không phải vậy. Điều an ủi chị, rốt cuộc, là anh bỏ đi cũng dễ như mọi việc khác anh không muốn làm. Anh quay về lấy đồ nghề ba lần và lần thứ ba thì khóc trên bậc cửa, và chị pha cà phê cho anh rồi tiễn đi. Giờ thì họ nói chuyện với nhau ở các đám tang. Anh gửi tiền sinh nhật cho Lisette qua Hortense vì không dám đối mặt với nhà bơm, và Hortense chuyển tiền kèm lời bình phẩm. Chính anh đã đưa Delphine lên cầu thang này lần đầu, khi chị mười chín tuổi và mới vào làm trên mặt sàn còn anh vãi lưới cho dân bắt cua Phường 7, và đêm ấy vũng nước cũng sáng, và anh đã hôn chị trên tường trong khi cả phường đang đẩy dưới chân họ. Những đêm chị nhớ một điều gì, chị nhớ cái thời mười chín tuổi trên một bức tường sáng, và chị đã thôi giải thích với Hortense rằng chuyện đó khác với chuyện nhớ Thierry.

Một con diệc đi xuống dọc tường về phía họ trong bóng tối, đôi vai nhô lên, bước chậm rãi, rồi dừng lại cách mười bước và nghiêng một mắt ngắm cửa xả. Nó mổ. Nó nhô lên với một ngón tay cá đối bạc ngậm ngang mỏ, và chỗ nước nó vừa mổ giữ một vòng sáng trong chốc lát sau đó, và con chim nuốt, rũ mình rồi tiếp tục nhìn xuống như thể chưa có chuyện gì xảy ra.

“Li fasa sa chak nuit”, Gil nói. “Mem sa. Mo noma li Pellerin.” Đêm nào cũng là con chim ấy, và anh đã đặt tên nó là Pellerin.

“Poukisa?”

“Li pran un sizim.” Nó lấy một phần sáu, giống anh thư ký Cống.

Delphine cười nghiêng ngả đến mức phải ngồi xuống bức tường cạnh anh, và bên dưới họ máy bơm đẩy nước của phường ra kênh ở nhịp xuống, và mép vũng nước sáng lên rồi tối đi, sáng lên rồi tối đi, bốn mươi lần một phút, cho đến khi giọng Hortense vọng lên cầu thang hỏi giờ nghỉ này là giờ nghỉ hay là ngày lễ.

* * *

Theo lời kể của Marcel De La Rosa; số trực đêm của phòng khám Cái Đe, một dòng chữ tay của Yvonne Celestin: “Thằng bé nhà Kerrigan, cảm nóng, nước và khăn ướt, tự đi bộ về nhà.”

Lúc hai giờ sáng, trong khi kíp Dãy Sabine hát trên mặt sàn của họ cách đó hai con phố, Marcel De La Rosa nằm trên tầng trên cùng của Cái Đe, cởi trần, cửa sổ mở, và đếm.

Anh không định đếm. Là tại cái nóng. Vào một đêm mát anh ngủ như bất kỳ ai. Vào mùa nóng ẩm, gạch giữ hơi ẩm của ban ngày cho tới sáng và trả nó lại qua tấm đệm, và anh nằm thức đủ lâu để ngôi nhà bắt đầu nói chuyện với anh, và một khi nó đã bắt đầu thì anh không thôi lắng nghe được. Nhịp bơm đến trước tiên, bao giờ cũng thế. Máy bơm Phường 7 đẩy nước của lồng chảo lên và ra qua tường vòng với bốn mươi nhịp một phút khi chúng chạy đúng, và gang cửi truyền từng nhịp một vào móng của mọi ngôi nhà trong phường, rồi lên tường, rồi vào khung giường. Anh cảm thấy nó ở hai bả vai. Nâng và đặt. Nâng và đặt. Đêm nay nó chậm một chút xíu, và có một chỗ khựng nhỏ ở đỉnh nhịp nâng, đó là van đẩy của Dãy Sabine không đóng khít. Ai đó đang đứng trên bàn đập bên phải nặng hơn bên trái. Anh không biết là ai. Anh biết cái van.

Bên dưới nhịp bơm là tim của chính anh, và nó thì anh không đếm, vì đếm nhịp tim là một thói quen Yvonne đã bắt anh bỏ từ năm anh lên bảy. Bộ điều khiển nằm trong chiếc vỏ dẹt ở bên trái ngực anh, dưới da, thấp hơn xương đòn một bàn tay, và một ánh đèn hổ phách nhỏ hắt xuyên qua khi phòng đủ tối. Người ta đã bảo anh rằng nó không cần phải canh. Bệnh viện Tăng Tấn đã bảo anh như thế năm anh mười hai tuổi, khi họ thay nó, và Yvonne cũng bảo thế mỗi năm kể từ đó. Dù vậy anh vẫn úp lòng bàn tay lên nó, như người khác sờ túi áo để biết chìa khóa còn đó.

Đồng xu nằm trên bậu cửa sổ chỗ anh để lại. Anh với lấy nó mà không nhìn và cho nó đi qua các đốt ngón tay, từ ngón trỏ tới ngón út rồi luồn ngược lại bên dưới, và cái sức nặng nhỏ bé đi vòng ấy làm anh vướng lại như nó vẫn luôn làm.

Bên dưới anh, ngôi nhà tạo ra những tiếng động ban đêm của nó. Những giao liên lỡ giờ giới nghiêm đang ngủ trên sàn phòng của Gai, và một người trong bọn họ ngáy có tiếng huyết trong đó. Colette nói mê, một hai chữ, không bao giờ là thứ gì ai dùng được. Nước trong bể trên mái kêu tích tắc khi nguội đi. Và từ phòng khám ở tầng dưới cùng, theo lồng cầu thang dội lên như thể lồng cầu thang được xây ra để mang nó, là giọng Yvonne, trầm, đều và kiên nhẫn.

Giọng nói có màu đối với anh. Chúng có màu từ trước khi anh gọi được tên các màu, và anh đã thôi kể với mọi người về chuyện đó vào khoảng cái tuổi anh thôi đếm nhịp tim, vì những lời kể ấy làm họ nhìn anh như thể anh vừa nói ra điều gì thiêng liêng, mà nó đâu có thiêng liêng. Đó chỉ là cách thánh giác của anh đến với anh. Giọng Solène đỏ ở rìa, như cây bút chì. Giọng Nel là màu nâu vàng của gỗ đàn kalimba. Giọng Yvonne từ trước đến nay vẫn luôn là màu xanh lam của vành chiếc bát trắng của Étienne, cái bát trên giá cao mà không ai đụng tới. Lúc hai giờ sáng, vọng lên qua bốn tầng cầu thang, nó vẫn là màu xanh ấy nhưng sẫm lại, màu xanh của một căn phòng thấp đèn.

Có một đứa trẻ đang khóc ở dưới ấy, mệt quá đến không khóc ra hồn được. Anh trở dậy.

Đèn phòng khám đang thấp. Đó là thứ đầu tiên anh thấy từ cầu thang, và đó là thứ không đúng, vì đèn phòng khám đốt đầu đốt và Cái Đe chỉ còn hai ngày dầu đốt cho nồi

tiệt trùng và không còn chút nào cho đèn. Yvonne ngồi trên ghế cạnh chiếc giường cao, một thằng bé chừng năm tuổi nằm vắt ngang lòng bà, một thằng bé đầu to, chân dài, những lọn tóc xoắn bết mồ hôi dính sát da đầu, và bà đang lau tay chân nó bằng một chiếc khăn ướt nhúng từ chậu nước dưới sàn, những đường lau chậm từ vai trở xuống, và nói chuyện với nó bằng tiếng Kanal về những chuyện vu vơ: đàn gà của mẹ nó, đàn cá cháo lớn sắp về, một con chó bà từng biết hồi trước ăn xà phòng. Mẹ thằng bé ngồi trên băng ghế cạnh cửa, đầu tựa vào tường, ngủ gục trong tư thế ngồi.

“Kerrigan”, Yvonne nói mà không quay đầu lại. “De Cistern Row. Chale. Li ve bon.”

“La lanp.”

“Mo sava su la lanp.”

Anh biết tốt hơn hết là đừng nói thêm gì về chuyện ấy. Anh lấy chiếc quạt trên đỉnh xuống, một chiếc quạt lá cọ viền mép bằng vải đỏ, ngồi xuống sàn dưới chân bà và quạt cho thằng bé, và bà để yên cho anh làm. Thằng bé thở nhanh và nông, và da nó dưới tay Marcel khi anh chạm vào mắt cá thì khô và nóng quá mức, rồi, sau một lúc khăn ướt và quạt, thì ẩm. Yvonne nghiêng cốc nước cho nó uống từng ngụm một. Nó nuốt và kêu ca. Bà bảo nó khi nào mát hơn thì hãy kêu ca.

Mất một tiếng. Marcel quạt cho tới khi mỗi cổ tay thì đổi tay. Nhịp bơm Sabine vẫn giữ chỗ khựng nhỏ ấy. Một lần, gần ba giờ, nó ngừng hẳn trong khoảng một hơi thở, như nó vẫn ngừng khi các kíp đổi bàn đạp theo luật cũ, và anh cảm thấy Yvonne cũng cảm thấy, một sự lặng nhỏ trong lòng bà, rồi nó quay lại và bà tiếp tục lau. Đến một lúc nào đó thằng bé ngủ say hẳn và thoi là một đứa trẻ ốm mà chỉ còn là một đứa trẻ, nặng và mềm oặt, nhỏ chút dãi lên tạp dề của Yvonne.

“Nika dormi”, bà nói với Marcel.

“Tu nika dormi.”

“Mo gon skriva li na liv, an etenda lanp sa, ko mo gon nika dormi.” Bà không nhúc nhích. Bà nhìn ngọn đèn. Đó là một ngọn đèn phòng khám bằng đồng thau có bóng thủy tinh trong, đã cũ, loại Cổng phát bốn mươi năm trước, và nó cháy với ngọn lửa cao và sạch vì sáng nào bà cũng cắt bắc, dù đêm trước nó có được thắp hay không. “Cora gon nika a Counter demen. Oswa apre demen. Kekmoun ve dava nu luil, oswa un papye.” Dầu, hoặc một tờ giấy.

“An si sa e un papye?”

“Ko mo ve sava la bagay ra la papye pava.” Khi đó bà sẽ biết tờ giấy nói gì. Bà xê sức nặng của thằng bé, rảnh ra một tay và viết vào cuốn sổ đêm trên bàn bên cạnh, dòng chữ mà sau này anh sẽ thấy: *Thằng bé nhà Kerrigan, cảm nóng, nước và khăn ướt, tự đi bộ về nhà.* Thằng bé vẫn chưa về. Bà viết nó theo cách bà viết mọi thứ trong cuốn sổ ấy, đi trước sự việc, như thể chữ viết sẽ giữ cửa cho nó.

Khi mẹ thằng bé tỉnh dậy, xấu hổ vì đã ngủ, Yvonne cho hai mẹ con về với một bình nước lấy từ máy vò nước của chính nhà mình và dặn chị ta làm ướt tấm ga trước khi đặt thằng bé lên. Rồi bà vận bác xuống. Ngọn lửa thu lại thành một hạt xanh rồi tắt. Trong bóng tối mùi đồng thau ẩm và dầu còn đọng lại trong phòng, và ánh đèn hồ phách trên ngực Marcel là ánh sáng duy nhất, mờ nhạt, một hòn than sau lớp vải. Anh thấy bà nhìn nó, rồi nhìn đi chỗ khác.

“Ponyet di tu”, bà nói.

“Li bon.”

“Ponyet di tu.” Bà cầm lấy nó trong bàn tay đầy sẹo, xoay nó và lấy ngón cái ấn vào gân, theo cách bà ấn gân của mọi người, và anh để yên cho bà làm, và không nói với bà rằng đêm nay nhịp bơm chậm và van của Sabine sắp hỏng, vì bà đã không hỏi về cái van và trong lòng bà vẫn còn hơi nóng của thằng bé nhà Kerrigan.

Lúc tờ mờ sáng, Junie đi xuống cầu thang trong chiếc áo của hôm qua, kẹp tấm bảng đếm nước dưới một bên nách và cầm chìa khóa xe đẩy buộc dây, và thấy hai người họ trong phòng khám tối, Yvonne ngủ trên ghế còn Marcel ngủ dưới sàn, đầu tựa vào đầu gối bà, chiếc quạt vẫn còn trong tay anh.



Đôi ủng sàn, ngày thứ chín

Thông báo mùa nắng nóng của Hội Đồng, như được dán trên nhà cột Phường 7 và bảng tin Dây Sập Diếp Xoăn vào mùa nóng ẩm Năm 19; những con số ở lề là của Teodor Asante.

HỘI ĐỒNG NEO NEW ORLEANS. HƯỚNG DẪN MÙA NẮNG NÓNG.

Mùa nóng ẩm là một đặc điểm bình thường trong lịch của thành phố. Hội Đồng chúc mọi cư dân một mùa dễ chịu.

1. Người hoạt động nhiều cảm nhận cái nóng rõ nhất. Cư dân được khuyến khích nghỉ ngơi vào những giờ nóng nhất. Đội nhíp bơm, người bốc xếp, người khuân vác và nhân viên cổng Thập Phân được khuyến khích nghỉ ngơi vào những giờ nóng nhất nằm ngoài ca làm việc theo lịch của mình.
2. Hãy uống nước. Nước được cung cấp tại các vòi nước công cộng của phường theo lịch đã niêm yết.
3. Cư dân cảm thấy choáng, lú lẫn, hoặc sờ vào thấy nóng bất thường nên di chuyển đến nơi mát hơn. Danh sách các nơi mát hơn được Quầy cung cấp khi có đơn đề nghị, và điều kiện được sử dụng từng nơi được in bên cạnh.
4. Cư dân đã ngừng ra mồ hôi nên tìm kiếm trợ giúp. Trợ giúp có tại các phòng khám phường trong giờ khám.
5. Các sự kiện nghỉ ngơi liên quan đến nhiệt được văn phòng phường ghi nhận và báo cáo lên Hội Đồng hằng tuần. Sự kiện nghỉ ngơi liên quan đến nhiệt không phải là nguyên nhân tử vong và không được ghi là nguyên nhân tử vong trên thẻ an táng. Kết quả rà soát của Hội Đồng cho thấy những cư dân tử vong trong mùa nóng ẩm tử vong do nhiều tình trạng khác nhau, bao gồm tuổi tác, tim, phổi, bệnh có từ trước, và không nghỉ ngơi.
6. Nhằm hỗ trợ sự bình yên của cư dân, dịch vụ tiếng ngân trên các loa phát Tăng Giữa đã được kéo dài thêm hai giờ mỗi đêm. Cư dân sống bên dưới Tăng Giữa muốn được hưởng lợi có thể lên Tăng Giữa trong các giờ kéo dài, với điều kiện có giấy thông hành.

7. Khiếu nại về cái nóng là khiếu nại về thời tiết, vốn không thuộc quyền quản lý của văn phòng nào.

Thành phố giữ lời hứa. Cái nóng chỉ là tạm thời.

Ở lề bản của mình, Teodor Asante ghi số liệu của Phường 7 trong tuần đầu, đúng như văn phòng phường gửi lên: *Sự kiện nghỉ ngơi, 9. Trên bảy mươi tuổi, 6. Dưới hai tuổi, 2. Trên bàn đạp, 1.* Bên dưới đó: *Thế an táng trả lại gia đình để đình chính nguyên nhân, 9.* Và dưới nữa, nhỏ hơn, bằng nét chữ ấn mạnh đến mức hằn qua tận con dấu của Hội Đồng ở mặt bên kia: *Đã viết thư hỏi Hội Đồng hai đứa dưới hai tuổi đã không chịu nghỉ ngơi sau việc gì. Đã chuyển lên.*

* * *

Số nhíp bơm Dây Sabine, các mục lúc rạng sáng; tờ giấy vàng như được ghim lên; theo lời kể của Delphine Aubry.

Lúc năm giờ mười lăm trong nhà bơm Dây Sabine, Gil Arceneaux gỡ một chiếc dép xăng đan màu hồng của trẻ con khỏi song chắn rồi đặt nó lên bậu cửa sổ cùng những thứ khác không ai vứt vào xe cút kít: một cái thìa, một tấm mề day thánh, một cánh tay búp bê. Cứ vài tháng Delphine lại mang cả đồng ấy đến miếu thờ những đứa trẻ chết đuối trên Lối Tang.

Lúc năm rưỡi, bầu trời trên tường vòng chuyển từ màu đá phiến sang màu nước diệp xoắn pha loãng, và lũ diệp ngũ trên tường bắt đầu đi dọc theo nó, vai so lại, cúi nhìn xuống nước. Cái nóng không dịu đi. Nó chỉ sáng hơn.

Lúc sáu giờ kém mười lăm, Anatole Pellerin đi xuống ngõ, ô cụp lại, túi phiếu kẹp dưới nách.

Anh là một người đàn ông gầy mảnh mặc sơ mi là phẳng, làm cho Cổng từ năm mươi chín tuổi. Anh đọc bản ghi đồng hồ áp trên trống quay, ghi vào bảng kẹp, ghim một tờ giấy vàng lên bảng tin cạnh cửa, rồi lùi lại khỏi nó như người ta lùi lại khỏi cái bếp nóng. Delphine không ra xem. Chị biết hình thù của một lệnh trừ lương.

“Kuatro jou san lapli, Pellerin” chị nói.

“Tôi biết, bà Aubry.” Anh trả lời bằng tiếng Anh của Cổng, như các thư ký Cổng vẫn luôn làm khi đứng trong nhà bơm, kể cả với những người phụ nữ họ quen từ thời đi học.

“Tu veli skriva sa su li?”

“Không có dòng nào cho chuyện đó.” Anh nói vậy với ý tốt. Chị nghe ra được là anh nói với ý tốt. “Bà có thể nộp một bản ghi chú tình trạng cho văn phòng phường. Asante sẽ chuyển chúng lên.”

“Asante senda toti bagay.” Asante chuyển mọi thứ lên, và chẳng có gì quay xuống bao giờ.

Pellerin không cãi. Anh liếc nhìn ngọn đèn hồ phách của bộ điều tốc như sắp nói gì đó về nó, rồi chúc họ buổi sáng tốt lành và đi tiếp sang nhà bơm Dây Bể Chứa với một tờ giấy vàng khác.

Hortense rời bàn đạp khi kíp ngày tới và đi thẳng tới bảng tin. Chị đọc, môi mấp máy. Tờ giấy ghi, bằng chữ in xanh của Cổng với các chỗ trống được điền bằng bút của Pellerin:

VẬN HÀNH CỐNG. ĐIỀU CHỈNH HIỆU SUẤT CA. Trạm: Dây Sabine (W7-S). Ca: đêm. Sản lượng dưới tiêu chuẩn: 5 giờ 10 phút. Điều chỉnh: một phần sáu (1/6) giá trị ca, mỗi thành viên kíp. Mã nguyên nhân: HỤT TẢI (do kíp). Khiếu nại không được giải quyết ở cấp trạm. Cống cảm ơn mọi kíp đã giữ cho thành phố khô ráo.

“Un sizim” Hortense nói. “Un sizim di la tura.”

“Ankora” Yusuf nói.

“Ankora, cher, yo. Tu te pensa ki li sere pava wani, konpliman?”

Fabien đã leo lên khỏi hố. Ông không nghe được họ, nhưng ông đọc được tấm bảng và đọc được nét mặt Hortense, và ông ra hiệu một câu ngắn ngắn tục tĩu về mẹ của Cống khiến kíp ngày bật cười khi vào chỗ. Rồi trưởng kíp ngày bước lên bàn đập trái và bắt tiếp bài hát ở đoạn Sabine, đúng chỗ Delphine đã dừng, và cổ máy không hụt một nhịp nào.

Delphine bảo cả kíp ngồi xuống bậc thềm và cởi giày ra. Tuần này là tuần của Janelle.

* * *

Sổ bàn thợ của Janelle Mouton, trang nhà bơm Sabine; theo lời kể của Hortense Picou.

Janelle Mouton đi lên Dây Sabine lúc sáu giờ mười, mặt trời sau lưng và một bao vải bạt trên vai, và thấy năm đôi giày đập bơm xếp hàng trên bậc thềm nhà bơm như một đoàn diễu hành đã lạc mất ban nhạc.

Cô đã làm việc này hai tuần một lần suốt hai năm. Kíp của Delphine đi giày làm việc để dày bằng nhiều lớp cao su lớp xe, cắt rồi dán rồi khâu trên bàn thợ của Janelle, vì bàn đập là những tấm lưới sắt có gân nổi hình thoi và chúng ăn để giày như Hồ ăn các bến. Mỗi ca, mỗi nhịp đập xuống, bốn mươi lần một phút, tám tiếng: người ta làm phép tính ấy một lần rồi thôi, vì nó làm người ta mệt. Cao su nứt dọc theo phần ức bàn chân chỗ gân sắt cắn vào, rồi vết nứt toác ra, rồi người đi giày bắt đầu đập lệch xuống bàn đập để tránh vết nứt, và một thợ đập bơm đập lệch thì chưa tới một năm sẽ hỏng đầu gối. Janelle đã thấy những đầu gối ấy. Cô đã thấy chúng trong sổ bàn thợ trước khi thấy chúng ngoài ngõ, một chiếc để mòn thùng ở mép ngoài vào tháng Ba và cũng người đàn ông ấy chống gậy đi lại khi mùa khô tới.

“Bonjour, Janelle.”

“Bonjour, Delphine. Tu sanble mor.”

“Mo pa te dormi toti nuit.”

“Sa pa e un eskiz.” Janelle ngồi xổm trên bậc và cầm đôi đầu tiên lên. Của Hortense: cô nhận ra qua vết mòn, nặng ở gót phải, một người phụ nữ đứng dồn sức nặng về phía sau. Vết nứt chạy từ phía trong ức bàn chân phải gần tới tận mép. “Mizè. Hortense, tu te ap dansa su sa ye?”

“Chak nuit” Hortense nói từ bậc trên cùng, nơi chị ngồi ngâm chân trong một xô nước. “Ave mari di mo. Li dansa tre bon, la pedal. Li tena mo tre pre.” Ông chồng bàn đập của chị, một tay nhảy rất cừ, ôm chị rất chặt.

“Tro pre. Mira sa.”

Janelle xem hết cả năm đôi. Đôi của Yusuf không tệ; cậu còn trẻ và đặt cả bàn chân xuống. Đôi của Gil nứt ở ức và mũi cả hai chân, và cô giơ một chiếc lên nhìn anh, còn anh

nhìn ra con kênh. Đôi của Fabien đường khâu còn nhiều hơn da, mòn đều, đôi đế của một người đã đứng trên cùng một mặt sàn suốt bốn mươi năm và biết đặt chân vào đâu. Đôi của Delphine nứt bên trái, bên phải bàn đạp.

Cô ghi lại. Cuốn sổ bàn thợ là một quyển sổ cái dày, gáy nứt, từng là của dì cô, cô mở nó trên đầu gối và viết *nhà bơm Sabine, kíp đêm, năm đôi* và mỗi đôi một dòng: cỡ, vết nứt, độ mòn gót. Cô vẽ chiếc đế trái của Delphine và tô bóng vết nứt, như dì đã dạy: *vẽ bàn chân thì mặt sàn tự hiện ra*. Nếu lật nhanh hai năm những trang ấy, người ta có thể thấy bàn đạp ăn vào đúng một chỗ, hai tuần này qua hai tuần khác.

Rồi cô nhìn tờ giấy vàng trên bảng.

“Un sizim” cô nói.

“Lapli pa te tonba” Delphine nói.

“Mo sava ki lapli pa te tonba, mo ap dormi atè ave fenet ouvè kom pouason su plati. Le te doka vu po la tan.” Họ đã trừ lương cả kíp vì thời tiết.

“Le te doka mu po la jej.” Không phải vì thời tiết: vì đồng hồ áp, ý Delphine là vậy, thứ chỉ đọc lượng nước máy bơm đẩy ra mà chẳng bao giờ hỏi tại sao.

“Mais, la jej sipoze havi wont.” Janelle gấp sổ lại. “Mem pri?”

“Ke tu pu fasa le avan jedi?”

“Mo pu fasa tres avan jedi, an dos avan vandredi.” Đôi của Gil thì cô phải làm lại từ đường viền. “Gil, pa mira la kanal. La kanal pa ve peya mo.” Cô buộc các đôi lại với nhau bằng dây giày rồi cho vào bao, cái bao nặng trĩu trên vai cô. “Un token an mita po chak par, an tu douva mo la mita di la fua pase, an Hortense douva mo un bouyi krab.”

“Mo janmen promi tu un bouyi krab.”

“Tu te promi mo devan temwen na parad di Sabine Friends.”

“Mo te e sou na parad.”

“Kan mona e sou, le promi vre” Janelle nói, rồi đi xuống ngõ với năm đôi giày đạp bơm lộc cộc đập vào lưng, trong khi phía sau cô cổ máy ép buổi sáng trời lên qua những phiến đá.

* * *

Sổ bàn thợ của Janelle Mouton; tám thẻ trên quầy bằng nét chữ của dì cô; theo lời kể của Sơ Octavia, và của Nessa, một đoạn ngắn.

Bàn thợ của Janelle Mouton nằm dưới một mái hiên vải bạt xanh lá ở phía hạ phố của Dãy Sabine, bên kia ngõ đối diện tử chuyển tiếp, ở tầng một của một tòa nhà đã được nâng hai lần và sẽ phải nâng thêm lần nữa. Dì cô đã thuê gian phía trước ba mươi năm, nhưng cái bàn còn cũ hơn gian phòng: nó từng là của bà Janelle, và dì cô đã làm trên nó mười một năm trước khi thuê gian phía trước này. Ở đó có một cái quầy, cái bàn thợ, những khuôn giày bằng sắt đủ mọi cỡ từ trẻ con đến cỡ Fabien, một chiếc máy khâu đạp chân còn cũ hơn bộ điều tốc của nhà bơm, và một nền lưới sắt phủ trên một rãnh thoát nước, vì chủ nhà đã nâng nền lên trên rãnh thay vì lấp nó đi. Vào một buổi chiều đông khách, tám lưới truyền nhịp bơm lên tận chiếc ghế đầu người ta ngồi.

Trên giá sau quầy, bên dưới bức tranh thánh và lịch tập của ca đoàn, là đôi ủng.

Chúng đã nằm đó chín ngày. Sáng nào Janelle cũng nhìn chúng khi tháo cửa chớp xuống. Đó là đôi ủng của người đưa hàng trên sàn: màu đen, cao tới gối, làm bằng thứ da trơn màu xám đen mà cô chưa bao giờ mua được và một chiếc đế sạch, đều đến mức trông như được đổ khuôn. Một người đưa hàng của sàn đã mang chúng tới. Anh ta còn trẻ, với giọng phẳng của Tầng Tấn và cử chỉ dè dặt của một người được mẹ dặn rằng Vùng Bùn đầy kẻ trộm, và anh ta đặt chúng lên quầy, chỉ vào đường viền ở mũi giày trái, chỗ đường khâu bị bung chừng ba centimet, và hỏi cô có thể khâu lại trước thứ Năm không. Cô bảo được. Anh ta bảo sẽ trả tiền khi đến lấy, như người Tầng Tấn vẫn luôn nói. Cô viết một tấm phiếu, *người đưa hàng sàn, ủng đen, khâu viền mũi T, 9 xềng khi lấy*, treo một nửa lên đôi ủng và đưa anh ta nửa kia, và anh ta đi ngược lên ngõ về phía cầu thang công vụ.

Cô còn nhớ thêm một điều về anh ta, và cô đã lật đi lật lại điều đó hơn một lần trong chín ngày ấy. Nền cửa hàng của cô là lưới sắt phủ trên rãnh thoát nước. Khi Fabien Mercier bước vào, người ta cảm thấy ông trên tấm lưới. Khi một đứa trẻ chạy ngang qua, người ta cảm thấy đứa trẻ, một tiếng lộp độp nhỏ trong chân ghế đầu. Khi người đưa hàng bước vào rồi bước ra, trong đôi ủng ấy, cô không cảm thấy gì. Cô đã ngồi trên ghế đầu, tay đặt trên bàn thợ, cô đã nhìn anh ta đi ngang nền nhà mình và cô không cảm thấy chút gì truyền lên qua lớp sắt cả.

Ngày chiều hôm đó cô đã khâu lại đường viền bằng mũi khâu kép với chỉ sáp. Từ đó đôi ủng nằm trên giá, tấm phiếu treo lưng lẳng trên quai kéo bên trái.

Cô tháo cửa chớp xuống, treo bao giày đập bom lên móc, rồi nhìn đôi ủng, và chúng nhìn lại cô bằng đôi đế sạch như đổ khuôn.

“Nueve” cô nói với chúng. “Vu ap kosta mo etajè.”

Quy tắc của cô được viết trên một tấm thẻ đặt trên quầy bằng nét chữ của dì cô, đã ngả nâu vì năm tháng: *Hàng không đến lấy trong mười ngày sẽ thuộc về bàn thợ*. Đó từng là quy tắc của dì cô và của dì của dì cô, và ai ở Dãy Sabine cũng biết. Trên các sàn thì chưa ai nghe đến.

Sơ Octavia từ quầy bánh cách hai nhà phía trên đi sang với hai cốc diếp xoắn và một gói giấy xoắn. Sơ là một nữ tu phụ việc của nhà thờ St. Brigid, người to lớn, giọng nói nhỏ nhẹ, bánh mì cao lương của sơ ngon nhất ba phường. Bánh mì không cần dầu. Bánh ngọt thì cần, và khay bánh ngọt đã trống trơn một tuần nay.

“Vapè” sơ nói, đặt gói giấy lên quầy. Hấp. “Padon. Mo ap manda padon a toti mona semen sa kom si sa e fot di mo.”

“Ke sa e fot di tu?”

“No, sa e fot di Counter, me tu pa pu manda padon a Counter, li pa havi figi.” Octavia ngồi lên ghế đầu dành cho khách và nhấp ngụm diếp xoắn. “Vye Batraverse pava ki li gon skriva a mè.”

“Vye Batraverse skriva a mè chak ane.”

Janelle mở gói giấy. Hai chiếc bánh xanh hấp, mỗi chiếc quết một chút mứt sung của Octavia vì Octavia không chịu nổi việc đưa cho ai một thứ trơn không. Cô đứng ăn một chiếc, đói đủ để biết ơn và mệt đủ để bực vì điều đó. Tháng trước nhà Hurley đã chiên bánh bằng dầu cao lương từ các ruộng bậc thang Garden Rise với muối và ớt vụn, cả ngõ đứng ngoài phố lúc trưa ăn bánh trên giấy, và Janelle đã hôn Nessa trên bậc cửa nhà Hurley với muối trên môi cả hai. Cô nghĩ về nụ hôn thay vì chiếc bánh.

“Kor swar sa” Octavia nói.

“Mo sava.”

“Li ap fasa nu chanta Kantik Sirj ankora.”

“Mo sava. Mo ap reva li.”

“Li tre lèd” Octavia nói, rồi làm dấu thánh giá, vì đó là một bài thánh ca.

Khi Octavia đã đi, Janelle ngồi vào bàn thợ và bắt đầu làm đôi giày của Hortense. Công việc vẫn là công việc cô luôn làm và cô thích nó như người ta thích một lối đi quen. Cô cắt đường khâu quanh chiếc đế nứt bằng con dao cong rồi bóc đế ra khỏi đường viền. Cô cạo lớp keo cũ bằng cái giũa cho tới khi lộ ra cao su sạch. Cô đặt chiếc giày lên một tấm cao su lớp mới, một trong những vỏ lốp xe tải nặng mà Dru mang xuống từ các bãi phế liệu ở rìa các sân, và dùng một mẫu phấn vạch quanh nó, rồi cộng thêm phần dư dãi đã dạy, bằng bề ngang một ngón tay, vì cao su nói dối về kích thước của nó cho tới khi được dán. Cửa hàng sức mùi keo cao su và diếp xoắn. Bên kia ngõ, ngọn đèn của tủ chuyển tiếp nhấp nháy màu hổ phách trong ánh mặt trời đang lên. Dưới ghế đầu, tấm lưới truyền nhịp bơm lên người cô.

Lúc chín giờ kém mười lăm, ngõ đông nghịt. Người làm ca ngày đi vào ca, người làm ca đêm đi về nhà, người làm trên sân đi ngược lên phía thượng phố tới cầu thang công vụ với vòng cổ trong túi. Vòng cổ được thuê theo tháng từ Laveau Tech, những thứ có đệm lót màu xám ôm quanh cổ và phủ xuống xương đòn, và người làm trên sân đeo chúng mười hai tiếng mỗi ngày ở trên kia để người Tầng Tấn không phàn nàn về cách họ cử động. Người ta thấy họ ở chân cầu thang ngựa cảm lên và kéo dây đai, như người ta đang tự trông dây dầm. Laveau Tech có một tấm áp phích trên tường nhà bơm, được thay mới hằng tháng: một chàng trai trẻ tươi cười đeo vòng cổ bụng khay cốc băng qua một thềm sân, và bên dưới anh ta, *VÒNG CỔ ÊM DỊU. Làm việc êm. Nghỉ ngơi yên. Tháng đầu nửa giá. Trễ thanh toán sẽ tạm ngưng êm dịu.* Ai đó đã viết phần *VẢ CÁ CỐ BẠN* bên dưới, và một người khác đã cố xóa đi và làm nó tệ hơn. Hai cô gái trẻ dừng lại đóng miếng gót giày và trong lúc cô làm thì nói chuyện về cái sân mới trên các khối nhà phía bắc, nơi máy đóng cọc làm rung đất suốt ngày chổng lên nhịp bơm.

Lúc mười giờ, Nessa ghé qua.

Ban nhạc đã chơi ở Phòng Dài sau chợ đến ba giờ, cho một tiệc cưới từ Phường 9 thuê họ chơi nhạc chậm rồi lại đòi nhạc nhanh, và Nessa vẫn còn mặc chiếc áo xanh lá của buổi diễn, một tay cầm cốc diếp xoắn, với vẻ mặt của người chưa đi ngủ và không định đi ngủ. Nessa tựa vào quầy và lấy chiếc bánh thứ hai khỏi tờ giấy mà không hỏi, bẻ đôi, và đưa lại một nửa.

“Vapè” Nessa nói, giọng chán ghét.

“Toti mona pava sa kom si le e la prim mona ra remake.”

“Mo e la prim mona ra remake matin sa. Bo mo.”

Cô hôn. Nessa có vị diếp xoắn, mút sung và một đêm thức khuya, và nụ hôn kéo dài hơn một chút so với mức cả ngõ cho là phải, và Sơ Octavia gọi với một câu gì đó từ cửa tiệm bánh khiến cả hai bật cười vào miệng nhau.

“Monta swar sa apre kor” Nessa nói. “La fenet ve e ouvè. Gen un ti van su tresim eta si tu kanpa egzakteman na un sèl plas.”

“Mo ve e fatige.”

“Tu ve e fatigue laro oswa fatigue anba da. Monta laro.” Nessa chạm vào sợi dây ở cổ Janelle. Janelle đeo chùm chìa khóa trên một sợi dây sập vì cô đã đánh mất quá nhiều chiếc khi treo ở thắt lưng: chìa khóa cửa hàng, chìa khóa ruộng thiếc, và một chiếc chìa bằng đồng thau, mới hơn những chiếc kia, cắt ở một sập sau chợ và được trao qua mặt bàn ở Phòng Dài ba tháng trước như thể chẳng có gì. Nessa xoay chiếc chìa ấy giữa hai ngón tay. Đó là chìa khóa căn phòng trên tầng ba phía trên xưởng làm thùng ở phố Palmer, nơi Nessa sống, tập nhạc và ngủ chập chờn với cửa sổ mở. “Tu toujou havi li.”

“Mo sere meta li wena?”

“Mona perdi kle.”

“Mo pa perdi kle. Mo perdi souli.” Janelle hất đầu về chiếc giá. “Nueve jou. La ti nonm di dek.”

Nessa nhìn đôi ừng với vẻ quan tâm nhà nghề, như nhìn tay trống của một ban nhạc khác. “Bon kuir.”

“Tro bon. Mira semel so. Mo janmen viza un semel kom sa.”

“Koupa li an mira.”

“Demen” Janelle nói. “Demen le e di mo.” Ngày mai chúng sẽ là của cô.

* * *

Theo lời kể của Junie, lời kể dài nhất trong hồ sơ này và đã bị cắt bớt hơn một nửa; bảng đếm nước của Cái Đe, như được viết phần sáng hôm ấy.

Xe chở nước của Cái Đe là một cái thùng phẳng đặt trên hai bánh xe đạp với tay cầm bằng ống nước, và nó chứa được bốn can hai mươi lít nếu dựng đứng chúng lên và không thêm được gì khác, và Junie đã đẩy nó tới điểm bán nước phố Mercy mỗi sáng kể từ khi mùa nóng ẩm tới, hồi Nox vẫn còn là một cái tên không ai nhắc tới bên bàn ăn và Solène đã quyết định rằng một đứa trẻ đếm được tới một trăm bằng ba thứ tiếng thì đếm được can nước.

Bảng đếm ghi những gì nhà cần. Junie đã kể các cột: UỐNG, NẤU, PHÒNG KHÁM, GÁ. Mưa làm đầy bể chứa trên mái để giặt giũ và tưới vườn, khi có mưa, và đã bốn ngày không có hạt nào. Nước uống phải mua. Nước cho phòng khám phải mua rồi đun sôi, việc ấy tốn dầu, mà dầu thì hết. Vì vậy cột phòng khám có một dấu hỏi, viết phần thật to, với hy vọng ai đó sẽ thấy và làm gì đó, và chẳng ai làm.

Sập của điểm bán nước là tầng một của một ngân hàng cũ ở góc Mercy và Rampart, và bà Lam điều hành nó cùng con trai là Dũng, một bể nước đã xử lý trên mái và một cái cân mà Quầy đến niêm phong mỗi quý. Hàng người bắt đầu xếp từ sáu giờ. Junie đứng thứ mười một. Phía trước là mấy cô gái nhà Broussard với một chiếc xe kéo tay giống của Cái Đe nhưng tồi hơn, một người đàn ông từ các quán chiêm với tám can trên một cái xe trượt, và một bà cộ đội một can trên đầu được lên đầu hàng vì ai cũng nhường. Bà cảm ơn bà Lam vì *dlo* theo lối cũ, với âm mũi mà giới trẻ không còn buồn giữ và phụ âm cuối được phát rõ tròn vẹn, và hai cô gái nhà Broussard liếc mắt nhìn nhau mà không cười, vì bà là bà của ai đó và chuyện sẽ đến tai. Bà Lam nói tiếng Việt với Dũng, tiếng Kanal với hàng người và tiếng Anh của Quầy với viên thanh tra niêm phong, và chuyển qua lại giữa chúng ngay giữa câu mà không để ý, như người ta ở chợ vẫn làm, nên “kuattro barik, dos token kuarenta, la

pri nov, pava granmè di tu” bật ra với tiếng Việt ở hai bên và một cử chỉ. Bốn can, hai xèng bốn mươi, giá mới, về nói với bà cháu.

“La pri nov” Junie nói.

“Pali ave Board” bà Lam nói. “La sel tretman te monta. Kan la sel monta, la dlo monta.” Rồi, bằng tiếng Việt, bà nói gì đó với Dũng khiến anh bật cười, rồi với Junie, bằng tiếng Kanal, “Pava a Yvonne ki mo gon meta la diferans su kuenta tanka luil di li vena. Pava a nulan otra.” Khoản chênh lệch sẽ được ghi vào sổ nợ của Cái Đe cho tới khi có đầu, và không ai khác được biết.

Junie ghi lên bảng, chữ nhỏ, ở góc: *Nợ Lam 0.40*. Rồi, vì Junie giữ sổ theo cách Margaux có lần đã chỉ cho cả bàn ăn cách giữ một cuốn sổ cái, như thể nó có thể nói dối, Junie viết *tại sao* bên cạnh và khoanh tròn chữ đó.

Xe đầy thì nặng. Phải đẩy nó trên những lối đi nâng cao, không phải dưới ngõ, vì ngõ trũng xuống ở mỗi tấm lưới thoát nước và can sẽ đổ. Phố Palmer đã nóng từ lúc bảy giờ. Quán chiên ở góc phố tối om, nhà Hurley ngồi trên bậc cửa, hai tay kẹp giữa đầu gối, và bà Hurley gọi với sang Junie rằng hôm nay cá đối sẽ phải luộc, luộc, như thể đó là một đám tang trong nhà, và Junie gọi lại rằng Cái Đe đang ăn bánh hấp, và bà Hurley nói ai cũng đang ăn bánh hấp, cả phường đang ăn bánh hấp, Tầng Tán phải biết xấu hổ, rồi quay lại nhìn hai bàn tay mình.

Chợ đến trước nhà. Đó là quy tắc Junie tự đặt ra và không ai khác biết. Những can nước của Cái Đe có thể đứng mười phút trong bóng râm của lán hàng cá mà không ai lấy, vì ai cũng biết hình in khuôn búa và hoa hồng trên thành xe, và phía sau lán hàng cá, ống chính của Phường 7 trồi lên khỏi mặt đất hai mươi mét rồi mới chui xuống lại, một đường ống sắt cù to bằng người, và Pip sẽ nằm trên đó.

Pip đang nằm đó. Áp sát người trên lớp sắt cong, một tai úp xuống và một tay bịt tai kia, đúng kiểu Pip vẫn luôn nằm, tám tuổi và toàn đầu gối, con một gia đình ở Dãy Bể Chứa làm nghề quét hắc ín máng nước, và nằm yên đến nỗi lú mòng biển đi vòng quanh.

Junie ngồi xuống mép vỉa hè, lấy hai chiếc bánh hấp ra khỏi một mảnh vải và chờ.

“Katyè Onse ap rira ankora” Pip nói, không nhúc nhích. “Mem fanm. Tres fua.” Có ai đó ở Phường Mười Một lại đang cười, vẫn người phụ nữ ấy, ba lần, và ống chính đã mang tiếng cười đó về tận chợ.

“Rira su wani?”

“Mo pa pu audi su wani. Selman rira.” Pip chìa một tay ra, ngửa lòng bàn tay, vẫn không nhìn, và Junie đặt một chiếc bánh vào đó. Pip nằm mà ăn. “Sabine lan.”

“Marcel te pava. Li pa te dormi toti nuit, ave ti Kerrigan.”

“Ti Kerrigan e kouzen di mo.” Pip nhắm nghĩ điều này. “Kouzen dosim. Li bon. Mo pu audi li.”

“Tu pa pu audi li.”

“Mo pu audi ponp di Kerrigan ye. Nulan ap kouri monta desanda a li. Ko li bon.” Ý Pip là nếu thằng bé lại trở nặng, sẽ có người chạy lên chạy xuống tới máy bơm nhà Kerrigan lấy nước lạnh, và lớp sắt cũng sẽ mang theo cả điều đó. Không ai đang chạy. Vậy là thằng bé khỏe.

Junie nghĩ điều này có lẽ đúng, và cũng nghĩ Pip đang khoe, và để cả hai ý nghĩ cùng đứng đó. Chiếc bánh thứ hai vào tay Pip. Cuộc trao đổi đã diễn ra từ mùa khô trước mùa

khô này, và các điều khoản chưa bao giờ được nói ra: Junie mang bánh tới, Pip kể cho Junie lớp sắt nói gì, và Junie mang điều đó về nhà, cất vào nhà như mọi thứ đồ dự trữ khác, và đôi khi Solène lắng nghe.

Điều không ai ở Cái Đe biết là chuyện chạy. Các giao liên của Gai mang tin tức của phường, mệnh lệnh của Gai và lời nhắn của phòng khám theo những tuyến đường được viết phần trong phòng của Gai trên một tấm bảng có hai mươi hai cái tên, và tên Pascale có trên đó, và Pascale mười bốn tuổi, và Solène đã nói, lần duy nhất Junie hỏi, *mười hai tuổi, không sớm hơn một ngày, và mười hai tuổi thì hỏi lại*. Thế nên Junie không hỏi. Thay vào đó Junie học các tuyến đường. Mỗi sáng sau khi chờ nước, và có những tối sau khi rửa bát, Junie chạy một mình một tuyến, tính giờ theo nhịp bơm, bốn mươi lần nâng mỗi phút, nên từ vòi nước công cộng phố Mercy tới bức tường Dây Bể Chứa là một nghìn một trăm lần nâng theo ngõ và chín trăm lần theo lối sau tiệm giặt rồi qua tấm ván bắc trên rãnh thoát nước phố Palmer. Điều đó cũng nằm trong một cuốn sổ. Một quyển vở bài tập, màu xanh lam, dưới bao cám gà trên mái, nơi không ai lên ngoài Junie và lũ gà.

“Tu gon kouri li jodi” Pip nói.

“Petet.”

“Tu gon kouri la miray.”

“Petet.” Junie đứng dậy phui vụn bánh. “Pava mo si ponp di ti Kerrigan starta.”

“Li pa ve starta.”

Lũ gà là bốn con gà mái trên mái nhà trong một cái chuồng Marcel đóng bằng gỗ giường tầng cũ còn thừa sau khi làm bàn thợ của anh, và tên của chúng là một chuyện còn tranh cãi. Colette đặt tên chúng theo các thánh. Yvonne gọi chúng theo cách để trứng: con chằm, con lười, con có cái mắt ấy, con kia. Junie gọi chúng theo bốn tiếng chuông của đêm, chuông thứ nhất, chuông thứ hai, thứ ba, thứ tư, vì đó là lúc chúng được cho ăn nếu Junie thức dậy, và trong lúc cho ăn thì hát cho chúng nghe bài Thánh Ca Nước Dâng của ca đoàn theo bản phổ nhạc kinh khủng của Philemon Roux, bản mà cả phường ghét, vì lũ gà mái không biết nó kinh khủng và vẩn đục.

Những can nước vào bếp lúc tám giờ kém mười lăm, ba can để uống, một can cho phòng khám, nơi Yvonne đang đứng nhìn chiếc nồi tiết trùng trống không. Junie viết phần lên bảng. UỐNG 60, NẤU lấy từ UỐNG, PHÒNG KHÁM 20, GÀ nước mưa, và dầu hỏi để nguyên chỗ cũ. Yvonne đọc qua đầu Junie.

“Wani e won sa?”

“Madame Lam ap meta kuarenta su kuenta. La sel te monta.”

Yvonne nhìn chữ *tại sao*, được khoanh tròn, rất lâu. Rồi bà đặt tay lên đầu Junie, thoáng qua, và đi tới bàn làm việc của phòng khám, lấy tờ đơn xin dầu ra khỏi ngăn kéo của Cora và đọc lại.



Cá đối rán, lược

Trích các điều khoản in ở mặt sau một thẻ khấu phần của Quầy, bản cấp cho Phường 7, chữ nhỏ đến mức Janelle Mouton phải đọc to cho chiếc ghế khách nghe qua kính lúp thợ giày; tấm thẻ là của Lão Batraverse ở Dãy Sabine, người muốn nó được đưa vào hồ sơ.

QUẦY NEO NEW ORLEANS. ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG XÈNG KHẤU PHẦN.

Bằng việc nhận, giữ, tiêu hoặc được trả bằng xèng, người giữ xèng đồng ý với các điều khoản này.

1. Xèng do Quầy phát hành và luôn luôn là tài sản thuộc về Quầy. Người giữ xèng chỉ giữ chúng.
2. Xèng có thể được đổi lấy hàng hóa tại các điểm phân phối được cấp phép, theo tỷ giá niêm yết, chừng nào hàng còn. Hàng còn chừng nào hàng còn.
3. Một xèng chẳng có giá trị gì bên ngoài một điểm được cấp phép. Một xèng chẳng có giá trị gì bên trong một điểm được cấp phép không còn gì để bán. Trong cả hai trường hợp, xèng vẫn là xèng, và người giữ xèng được cảm ơn vì đã giữ nó.
4. Tiền công trả bằng xèng có thể được ứng trước, trừ vào kỳ lương sau, theo mức chiết khấu niêm yết. Chiết khấu là một dịch vụ. Người giữ xèng nhận ứng trước là đồng ý rằng kỳ lương sau vốn dĩ đã định sẽ ít hơn.
5. Một khoản phân bổ được công bố là ĐÁP ỨNG ĐẦY ĐỦ khi nó đã được đáp ứng đầy đủ trên giấy tờ. Việc giao hàng tiến hành sau phân bổ, tùy theo kết quả rà soát nguồn cung. Hộ nào đã được phân bổ đầu là hộ đó đã có đầu.
6. Cư dân mới, cư dân trở về và người chuyển phường bắt đầu với một số dư đầu kỳ, vốn là một khoản nợ, cho việc cấp nhà ở và cấp phát dụng cụ. Người giữ xèng qua đời khi còn số dư đầu kỳ sẽ chuyển số dư ấy sang hộ gia đình. Quầy không muốn trở thành gánh nặng vào thời điểm khó khăn, và giữ khoản dư ấy không tính thêm phí trong quý đầu tiên.
7. Xèng nhặt được ngoài đường, thắng được khi chơi đô-mi-nô, được trả cho một bài hát ở đám tang hay do người lạ cho đều là xèng hợp lệ. Quầy chỉ yêu cầu chúng được tiêu.

8. Xềng không phải là tiền. Khiếu nại về giá cả là khiếu nại về nguồn cung. Khiếu nại về nguồn cung được chuyển tiếp.
9. Quầy có thể sửa đổi các điều khoản này vào bất cứ lúc nào. Điều khoản sửa đổi áp dụng cho cả số xềng đang được giữ.

Quầy: mọi thứ ở đúng chỗ.

Lão Batrville đã gạch dưới mục năm hai lần và viết bên cạnh, bằng nét chữ lịch sự mà giận dữ phòng văn thư đã quen qua ba mươi năm thư từ của ông: *Thế thì tháng này đêm nào tôi cũng đã được ăn cá đối rán, và tôi xin cảm ơn Quầy về từng bữa một.*

* * *

Theo lời kể của Janelle Mouton; của Pip, kể lại sau này và rất dài.

Buổi chiều, khi cái nóng gắt nhất và nửa Dãy Sabine đang nằm ngủ trên nền nhà, Janelle Mouton cầm đôi giày của Gil Arceneaux đi bộ ra chợ Phường 7 mua da viên.

Chợ Phường 7 nồng mùi diếp xoăn, cua và bìa các tông ướt. Phần lớn các hàng rán đã đóng cửa. Một người đàn ông bán cua luộc gói giấy đang dắt hàng, vì chẳng ai cần dầu để luộc cua, và một bà trồng ruộng bậc thang treo tấm biển trên mấy bao cao lương ghi *TUẦN SAU CHẮC CÓ DẦU, HỎI QUẦY*. Janelle cò kè với anh em nhà Delacroix về da viên mười phút cho sượng miệng và ép họ bớt được một phần sáu, mà cô tính là phần sáu của Cống đã quay về theo một ngã khác.

Sau chợ, nơi đường ống chính cũ lại trời lên khỏi mặt đất được vài mét dọc bức tường sau của lán hàng cá, một đứa trẻ đang nằm áp người trên nền đá, tai ép vào ống sắt.

Đó là Pip. Janelle biết Pip theo cách mọi người ở phía này của Phường 7 đều biết Pip: tám tuổi, toàn đầu gối với khuỷu tay, một trong những đứa nhỏ nhất của các gia đình Dãy Bể Chứa, một đứa trẻ phải gọi ba lần mới chịu về ăn tối. Pip nằm, một bên má áp lên ống chính, hai bàn tay xòe phẳng trên nền đá ở hai bên, mắt nhắm, gương mặt lặng và nghiêm đến mức Janelle dừng bước.

Đó cũng chính là thứ sắt chạy ngang qua bàn làm việc của cô, và nếu áp tai vào đúng chỗ, người ta có thể nghe thấy, bọn trẻ bảo thế, các phường khác. Janelle đã từng làm vậy khi bằng tuổi Pip trên chính đoạn này, và nghe thấy những gì bọn trẻ nghe: tiếng thỉnh thịch, tiếng cọt két, tiếng búa xa xa, nhịp nâng và đặt của Phường 7, và đôi khi, như ai đó đang ngân nga ở phòng bên, nhịp nhanh hơn của một phường khác truyền theo ống sắt từ xa hơn tới.

“Tu havi wani?” cô nói.

Pip mở một mắt. “Onse.”

“Katy Onse? De da?”

“Kekmoun ap rira.” Pip nhắm mắt lại và áp sát vào ống sắt hơn. “Un madanm. Li te rira tres fua. Kom sa.” Pip phát ra một âm thanh, một tràng cười trầm lục đục, không tẻ chút nào. “A midi mo te audi li, an mo te kouri a kay an pava Mama, an Mama te pava ki tu pa pu audi Katy Onse de deye mache, sa tro luen, an la gran tiyo pa pasa du.” Một người phụ nữ ở Phường 11, cười ba lần, như thế; Pip đã nghe tiếng cười ấy lúc giữa trưa và chạy về nhà kể, và mẹ đã bảo xa quá, các ống chính không thông tới tận đó.

“Mama di tu petet korek.”

“Mo sava ki li korek” Pip nói, rất mực kiên nhẫn. “Mo te audi li kanmem.”

Janelle ngồi xổm xuống với bao giày và đặt bàn tay phẳng lên ống sắt. Nó ấm vì nắng và truyền nhịp bơm lên lòng bàn tay cô, nhịp nâng và đặt của Dây Sabine, bốn mươi nhịp một phút, đội của Delphine trên bàn đạp trong những đôi giày đi mượn. Và có gì đó bên dưới, mảnh hơn, có thể là máy đóng cọc ở các khu nhà phía bắc, hoặc con dao chặt của người bán cá ở bên kia bức tường, hoặc một phương xa xôi.

Cô không áp tai vào. Cô ba mươi một tuổi, đang xách một bao giày, và không đời nào chịu nằm xuống nền đá sau lần cá ngay trước mặt anh em nhà Delacroix.

“Si li rira ankora” cô nói, “pava mo li ap rira su wani.” Nếu người phụ nữ ấy lại cười, Pip phải kể cho cô biết người ấy cười chuyện gì.

Pip cân nhắc điều này rồi gật đầu, như thể Janelle vừa hỏi một câu hợp lý. Janelle đứng dậy. Ở đầu lán phía chợ, một người bán hàng đang gỡ một tấm biển ghi *CÁ ĐỐI RÁN* xuống và lật nó sang mặt ghi *LUỘC*.

* * *

Theo lời kể của Janelle Mouton; của Lão Batraverse, vốn đặt đám mây vào một buổi tối khác.

Sáu giờ, cái nóng dịu đi một chút, và Dây Sabine ra ngồi trên bậc cửa.

Chuyện đó diễn ra mỗi tối vào mùa nóng ẩm và Janelle chưa một lần thấy ai quyết định nó. Cửa chớp mở ra, ghế được mang ra ngoài, người già hạ mình ngồi xuống bậc trên cùng trước những cánh cửa nâng cao, cỡi dép lê và đặt bàn chân trần phẳng lên đá. Họ bảo họ đang cảm nhận phương. Di của Janelle đã làm thế mỗi tối trong đời trên bậc cửa xuống thợ, và vào năm cuối, khi di không còn xuống cầu thang được nữa, Janelle đã bưng một chậu nước lên phòng di, và di đặt chân vào chậu trên ván sàn và nói rằng không giống, nhưng cũng được. Đó là bốn năm trước. Thỉnh thoảng có những tối Janelle vẫn cỡi giày trên bậc cửa và không tự hỏi vì sao.

Tối nay cô ngồi trên bậc cửa, đôi giày của Gil trên đầu gối và miếng da viền bên cạnh, làm việc dưới chút ánh sáng cuối ngày, vì dầu đèn đã cạn dần như mọi thứ khác. Bên kia ngõ, Lão Batraverse ngồi trên đỉnh mười một bậc thềm nhà mình với một tờ tin Tăng Giữa cũ đã một tháng, đọc to cho chẳng ai nghe. Faustin thợ lợp mái và ông Hurley già đã bày bàn đô-mi-nô ra ở góc ngõ dưới tấm biển tối om của quán đồ rán và đập quân xuống mạnh đến mức cái bàn xê dịch. Đám cháu nhà Hurley đang chơi nhảy bậc cửa trên bậc thềm nhà Batraverse, vì mười một bậc là nhiều nhất ngõ: phải nhảy từ ngõ lên bậc thứ nhất, rồi bậc thứ hai, và cứ mỗi bậc cao hơn lại phải hết thêm một năm tuổi của mình, và nếu trượt là bị chết đuối và phải ngồi dưới rãnh nước cho đến khi có ai kéo lên. Đứa nhỏ nhất nhà Hurley chết đuối bốn lần trong mười phút và đón nhận chuyện đó một cách triết lý.

Lúc sáu rưỡi, một đội phun muối đi xuống ngõ với cái bồn trên xe đẩy tay và cây vòi đồng dài, một cậu con trai và một người phụ nữ đeo tạp dề cao su phun khói xuống các rãnh nước và chỗ nước đọng dưới bậc thềm nhà Batraverse. Mấy người chơi đô-mi-nô nín thở và chửi thề. Bọn trẻ cố tình chạy vào làn khói rồi chui ra, ho sặc sụa mà thích thú. Bên kia tường vòng, phía hồ, một đám mây giống dựng đứng lên giữa buổi tối, trên trắng dưới

tím bầm, nắng cuối ngày đọng trên đỉnh, cao đến mức người ta dừng lại trên bậc cửa để ngắm. Nó lóe sáng bên trong mà không một tiếng động.

“Sa e lapli” Faustin nói.

“Sa e lapli di Katye Kuarenta” Hurley nói. “Li pa antra. Li mira nu an li nika a Kuarenta.”

“Petet li antra.”

“Li ap mira nu depi kuatro jou.”

Đám mây đứng yên tại chỗ và sáng lên từ bên trong, hồng rồi trắng, và cả dây ngấm nó như người ta ngấm một con mèo có thể đến hoặc không đến bên tay mình. Janelle ngừng khâu. Cô nghĩ đó là thứ đẹp nhất cô thấy cả tuần và bức nó vì không chịu mưa, và cả hai điều ấy cùng tồn tại một lúc, như phần lớn mọi chuyện ở Dây Sabine.

“Janelle” Lão Batrville gọi vọng qua ngõ. “Ti nonm di dek te vena po bot di li?”

Cả ngõ đều biết chuyện đôi ủng. “Demen e dies” cô gọi lại. Ngày thứ mười.

“Ko le e di tu.” Thế thì chúng là của cháu, ý ông là vậy, theo luật ghi trên tấm thẻ ở quầy.

“Ko le e di mo.”

“Bon kuir?”

“Tro bon.”

“Vanda le a Delacroix ye” Hurley nói, đập xuống một quân đôi. “Le ve dava tu un sizim su kekchoz.”

Bây giờ kém mười lăm, đám mây trôi sang Phường 40, như Hurley đã nói, và cả ngõ thở phào rồi quay lại với ván đồ-mi-nô. Janelle cắn đứt sợi chỉ, cho đôi giày của Gil lại vào bao, và vào nhà tìm tập nhạc ca đoàn.

* * *

Theo lời kể của Sơ Octavia về buổi tập; số bàn thờ của Janelle Mouton, dòng cuối cùng trong ngày.

Buổi tập ca đoàn ở nhà thờ St. Brigid tối hôm đó kéo dài. Philemon Roux, người chỉ huy buổi tập, một người đàn ông nhỏ người, tỉ mỉ, cất âm thoa trong một hộp nhung, bắt họ hát Thánh Ca Nước Dâng mười một lần. Đó là bản phổ nhạc của chính ông cho một lời ca cổ, và nó leo lên đúng chỗ lời ca muốn nghỉ, khiến các giọng nữ cao cứ tới chữ *xin giải thoát chúng con* trên một nốt như một cánh cửa. Janelle Mouton hát giọng nữ trầm hai không một lời phàn nàn, và trên đường về Octavia phàn nàn thay cho tất cả bọn họ.

Janelle không lên nhà Nessa. Cô đã định lên. Cô đi tới tận góc Palmer và ngược nhìn ô cửa sổ tầng ba phía trên cửa hàng thợ làm thùng, nơi đèn đang sáng, cửa chớp mở, và có ai đó, Nessa, đang chơi đi chơi lại một đoạn guitar, cùng bốn ô nhíp ấy, cố tìm xem chúng dẫn tới đâu. Ô cửa sổ là một hình vuông vàng giữa màu xám. Cô đứng, một tay đặt lên chiếc chìa khóa ở cổ, và lắng nghe.

Nessa đã đặt chiếc chìa khóa lên bàn ở Phòng Dài giữa hai đĩa cá đối rán vào đêm Hàng Cuối làm buổi diễn gây quỹ, trong giờ nghỉ giữa hai phần biểu diễn, rồi quay lên hát trước khi Janelle kịp nói gì. Bài kế tiếp là bài chậm về những cây ma, và Nessa đã hát trọn bài, mắt nhìn bức tường cuối phòng, chẳng hề nhìn về phía cô. Janelle đã cầm chìa khóa lên trong đoạn thứ hai. Đến điệp khúc cuối Nessa mới nhìn sang, rồi hát sót một chữ, và tay trống bật cười thành tiếng.

Cô nghĩ đến chỗ duy nhất trong phòng có gió lùa qua, và đến chiếc giường của chính mình, rồi về nhà. Đến trưa Nessa sẽ tha thứ cho cô và lại nhắc chuyện này ở buổi điếu hành tối.

Tối của nhà mình cô dừng lại nhìn qua ngõ. Tủ chuyển tiếp nhấp nháy. Nhà bơm ở chân dãy để đèn, và đội của Delphine chẳng mấy chốc sẽ lại vào ca trong những đôi giày đi mượn, vì Janelle đang giữ giày của họ trên bàn làm việc. Nhà Hurley tối om. Bếp nhà ai đó cách ba cửa phía trên tỏa mùi tảo hấp.

Trong xưởng, đôi ủng nằm trên kệ trong bóng tối. Cô không thắp đèn. Cô ngồi trên ghế đầu một phút, một tay đặt lên bàn, và tấm lưới sắt bên dưới truyền nhịp bơm lên qua chân ghế vào tận xương cô, bốn mươi nhịp một phút, chậm và nặng, như nó vẫn thế mỗi đêm trong đời cô.

Cô lần tay mở sổ bàn thợ tối trang của ngày hôm ấy và, trước khi lên giường, viết thêm một dòng bên dưới năm đôi giày, bằng bút chì vì lọ mực để trên kệ: *Ứng sắn, ngày 9. Chưa đến lấy. Thường hết dầu. Đội đêm Sabine bị trừ một phần sáu, lại lần nữa.*

* * *

Theo lời thuật của Solène Lafitte; bản tin tối của Gai như Cyprien Brevard chép vào sổ tuyến; của Nadège Poirier, vốn cái lại phép tính.

Phòng của Gai là phòng khách cũ phía trước của Cái Đe, và nó vẫn còn những bông hồng thạch cao của phòng khách trên trần và một lò sưởi đá cẩm thạch ba mươi năm nay chẳng ai đốt, với bảng tuyến dựng bên trong. Vào bảy giờ tối hôm Phường 7 hết dầu, căn phòng chứa hai mươi hai giao liên, ba trưởng ban, một con chó chẳng thuộc về ai, và hơi nóng của tất cả bọn họ, và Solène đứng bên bảng với cây bút chì đỏ và một chiếc khăn ướt quàng quanh cổ, nghe ngày hôm ấy đổ về.

Nó đổ về theo từng tuyến. Đó là cách Cyprien Brevard đã dựng bảng, nhiều năm trước khi cô tiếp quản: mỗi giao liên đứng dậy khi tuyến của mình được gọi và kể lại ngày theo thứ tự, từng ngõ một, không kèm ý kiến, còn ý kiến để sau, từ các trưởng ban, và được tranh luận. Mỗi bản báo cáo đều kết thúc bằng nguồn giao liên nghe được nó. *Viza*, đã thấy, nếu giao liên tận mắt thấy; hoặc *yodí*, người ta nói, treo ở cuối câu theo lối tiếng Kanal, lời đồn đặt sau cùng để không ai có thể làm nó với sự thật. Giao liên nào bỏ sót nó thì bị Cyprien phạt một lượt trực lò. Ngày nào trong đời mình Gai cũng hành động theo lời đồn, và phải biết cái nào là cái nào. Cyprien gọi các tuyến, *ruta*, như mọi giao liên ở Vùng Bùn vẫn nói, bằng giọng khô khan từ chiếc ghế bên lò sưởi, một người đàn ông to lớn sáu mươi tuổi, hồi nhỏ từng tự mình chạy tuyến phố Mercy và vẫn đi bộ tuyến ấy mỗi tuần một lần để đôi đầu gối khỏi giòn cứng.

“Palmer a Sabine.”

Một cô gái đứng dậy. “Hurley ye nuar. Ekip Sabine doka ankora, un sizim, la fey jon ye su miray. La valv, Delphine pava. Sister Octavia ap kuita san luil, pen gate, pri gate, li pava. Janelle Mouton havi un par bot kourye ra nulan te vena chercha, an li fache. Viza.” Nhà Hurley tối om; đội Sabine lại bị trừ, và Delphine đổ tại cái van; bánh mì hồng của Octavia với giá cả cũng hồng; đôi ủng chưa ai đến lấy của Janelle.

“Mercy an Rampart.”

Một cậu con trai. “Tiyo Mercy toujou koule. Dlo Madame Lam monta kuarenta po barik, la sel. Un goumen na liy gato na fou Rampart, dos fanm, po tura di wini, nulan blese, un te mode. Viza.” Ông chính Mercy vẫn rò; nước của Madame Lam lên tới bốn mươi mỗi thùng vì muối; hai người phụ nữ đánh nhau xem ai tới lượt trong hàng chờ bánh, và một người đã cắn.

“Toulouse.”

Một cậu bé đứng cạnh cửa. “Avi su dora di Counter pava ki luil an reta. Li pava sa depi onse jou. Madame Asante te manda mo pava a Teodor ki li manja kekchoz.” Tờ thông báo trên cửa Quầy ghi dầu bị chậm và đã ghi thể suốt mười một ngày, và Madame Asante đã nhấn lời bảo Teodor ở văn phòng phường ăn chút gì đi. Tiếng cười, mà Cyprien để mặc kéo dài đúng bằng thời gian ông lật một trang.

Chuyện đó kéo dài nửa tiếng, hai mươi hai tuyến, và Solène không viết gì cho đến cuối. Cô lắng nghe theo cách Yvonne đã dạy cô nghe lồng ngực người bệnh, tìm thứ nằm dưới âm thanh: tuyến nào có một cái tên mới, tuyến nào thiếu một cái tên cũ, giao liên nào nói *không ai bị thương* quá nhanh. Khi các tuyến đã xong, trên bảng có bốn chữ màu đỏ, và các trưởng ban nghiêng người về phía trước trên ghế.

Dầu. Nước. Cẩn. Delphine.

“Luil avan” Nadège Poirier nói, vì chị luôn là người lên tiếng trước, và vì nguồn cung là phần việc của chị. Chị là một người phụ nữ gầy mảnh đeo kính đọc sách có dây, cài nhau với tất cả mọi người và đã cài nhau với Solène sáu năm nay trong sự tôn trọng lẫn nhau sâu sắc. “La katye pa havi. Mu pa havi. Counter te affiche li livre.” Mọi hộ trong danh sách của chị đều đang hấp bánh, mà người già thì ăn bánh hấp vào là không giữ nổi trong bụng, và ở ba hộ người bà đã bỏ ăn. “Mo pu mova diri di klinik a le. Mo pa pu mova luil ra mo pa havi.”

“Gen luil na katye” Kwame Dorsainville nói.

Ai cũng biết ý anh là gì. Kwame điều hành các đội sửa chữa, vốn là đội của Marcel về mọi mặt trừ nét phấn trên bảng, và anh là một người kiên nhẫn, cẩn trọng, có một vết sẹo bỏng chạy dọc một cẳng tay do một hộp nối của Cổng, và khi anh nói bằng giọng ấy, nhỏ nhẹ và có lý, đó là vì anh đã quyết định rồi và đang mong có người thuyết phục mình bỏ ý định.

“La rut di Sindika” Solène nói.

“Tres chaland te monta la kanal apremidi sa. Mo te mira le dechaja na Basin” Kwame nói. Ba sà lan ngược kênh chiều hôm đó, dỡ hàng ở Basin. Dầu đốt, ít nhất bốn mươi can, cho nhà máy lọc dầu. “Li su waf di Basin anba un bach, ave un mona di Laveau ra sida su li ap manja zoranj.”

“An?”

“An la katye pa havi, an kuarenta kanis ap deme anba un bach, dos pon luen.” Phường thì không có chút nào, mà bốn mươi can nằm dưới một tấm bạt cách đó hai cây cầu.

Căn phòng đã lặng đi. Con chó nằm xuống.

“Mu pa pran” Solène nói. “Mu mova.” Ta không lấy. Ta chuyển.

“Sa e un pawol.” Đó là một câu cửa miệng, ý Kwame là vậy, và chỉ là một câu cửa miệng.

“Pikan kanpa su pawol sa.” Gai đứng vững trên câu nói đó. Nếu tối nay Gai lấy dầu của Laveau khỏi cầu tàu, cô nói, thì ngày mai người của Laveau sẽ lấy bất cứ thứ gì họ muốn

khỏi phố Palmer và bảo là họ học được điều đó từ Gai, và cả phường sẽ phải trả cho bốn mươi can bằng chính những cánh cửa nhà mình. Cô đặt cây bút chì xuống mặt lò sưởi, cẩn thận. Rồi sau đó, cô nói tiếp, Quầy sẽ niêm yết rằng Gai đã đột kích một lò hàng hợp pháp, và Hội Đồng sẽ phái lính Thanh Tẩy xuống Dãy Sabine, và đội của Delphine sẽ bị trừ một phần ba thay vì một phần sáu vì vụ náo loạn. “Tu sava toti sa.”

“Mo sava li.” Kwame xoa vết sẹo. “Mo te veli ki kekmoun pava li devan kourè ye. Kek kourè te ap pensa li.” Anh đã muốn điều đó được nói ra trước mặt các giao liên, vì một vài người trong số họ đã nghĩ đến nó.

Họ đã nghĩ thật. Solène thấy hai cậu lớn tuổi hơn nhìn xuống chân. Cô không nhìn họ. Cô nhìn Kwame, và anh nhìn lại cô với sự kiên nhẫn của một người đã đứng lên rất nhiều thứ và đã thấy chúng đổ xuống, và cô nghĩ, không phải lần đầu, rằng anh hẳn sẽ làm người đứng đầu Gai tốt hơn cô, và rằng anh biết thế, và không muốn điều đó.

“Dlo” cô nói, và họ tiếp tục.

Nước là con số bốn mươi trên mỗi thùng phuy, mà Nadège bảo chị gánh được cho mười hai hộ chứ không gánh được cho cả phường. Cẩn là hàng chờ ở lò bánh Rampart, nghĩa là nóng nảy, nghĩa là nóng bức và đói, nghĩa là ngày mai Gai nên cử hai giao liên ra ngồi cạnh lò với một tấm bảng đá và một túi bốc thăm chia lượt, như họ vẫn làm vào mùa khô. Delphine nghĩa là lại bị trừ một phần sáu, ba tuần liền, và đó là chữ Solène viết hai lần. Một đội bị trừ vì lơ tay do van của họ sắp hỏng sẽ phải đập mạnh hơn trên bàn đập để đạt định mức, và sẽ kiệt sức, rồi van sẽ hỏng, rồi nền sẽ sụt.

“La valv, Marcel pava” cô nói. “Li te audi li de eta anlè aye swar.”

“Marcel audi toti bagay de eta anlè” Nadège nói.

“Li souvan korek.”

“Li souvan korek su fè. Su toti bagay otra, li e diesinuvee ane.” Nadège tháo kính ra. “Mo gon meta dos kanis diri di klinik po Sabine. Le ve manja li frèt. Pava Marcel po nika mira la valv, an po pa pava okenn bagay a klèk di Drain ra fasa ki li skriva un fom.” Tức là, không nói gì khiến thư ký Cổng phải viết một mẫu đơn.

Cánh cửa mở ra đúng lúc họ đang cười vì câu đó, và Lena từ trên tường bước vào.

Tướng quân bước vào như thời tiết ập tới, từ phía hồ, sức mùi bùn sông và long não, súng ngắn đeo bên hông và một cuộn dây đo thấm vắt qua một bên vai, và mọi giao liên trong phòng đều ngồi thẳng hơn, vì người tuần tường là bộ phận duy nhất của Gai mà cả phường tự hào và không ai cãi lại. Lena không tới bên bảng. Lena tới chỗ lò sưởi và đặt hai ngón tay lên gáy Solène, dưới chiếc khăn ướt, chỗ nóng nhất, và giữ ở đó trong khoảng một hơi thở, trước mặt cả hai mươi hai giao liên và con chó, rồi rút tay về và quay sang Cyprien.

“Widow’s Elbow ap swe a dosim ranje” Lena nói. “Prosper veli kuarto mona pi su la mach depi lalin nov. Mo gon veli sak sab avan drapo sirj ye monta, pa apre.” Bức tường ở Khuỷu Bà Góa đang rịn nước ở lớp gạch thứ hai, Prosper đã muốn có thêm bốn người trên lối đi trên tường từ hồi trắng non, và Lena sẽ muốn bao cát được chất lên trước khi cờ nước dâng được kéo lên, chứ không phải sau.

“Tu gon veli” Nadège nói, “an mo gon veli, an Counter gon veli.”

“Ko nu toti gon veli ansam. Sa e tradisyon di Pikan.” Lena nhìn tấm bảng. “Wini te mode?”

“Un fanm na liy fou” Cyprien nói. “Nulan blese.”

“Kekmoun toujou blese kan kekmoun mode.” Lena tháo cuộn dây đo thắm xuống và ngồi lên tấm chăn lò sưởi với cuộn dây vắt ngang hai đầu gối, và bắt đầu cuộn lại, cho tử tế, và Solène cầm cây bút chì đỏ lên và gạch dưới chữ *Cẩn* lần thứ hai, và cuộc họp kéo dài vào bóng tối, với nhịp bơm truyền lên qua nền phòng khách, chậm và hơi sai, như nó đã thế suốt cả ngày.



Số lần yêu cầu trước: Mười bốn

Theo lời kể của Teodor Asante; số ghi quầy phân phối Phường 7.

Mẫu đơn yêu cầu về vòi nước công cộng có một ô ở góc trên bên phải đề *Số lần yêu cầu trước (số)*, và Teodor Asante đã viết 13 vào đó rồi mới nhận ra mình vừa làm gì, đành phải gạch đi, viết 14 bên cạnh và ký tắt vào chỗ sửa.

Anh ngả người ra sau và nhìn tờ đơn. Cổng muốn chỗ sửa phải được ký tắt, và muốn chữ ký tắt nằm ở lề, và sẽ gửi trả tờ đơn xuống nếu thấy chữ ký tắt nằm trong ô, chuyện đã xảy ra hồi mùa xuân, và tờ đơn mùa xuân không được tính là yêu cầu thứ mười một, cũng chẳng phải thứ mười hai, mà là một tờ đơn hỏng, thứ được cất vào một ngăn kéo khác. Vậy đây là lần thứ mười bốn. Vòi nước công cộng ở góc phố Mercy và ngõ Rampart đã rò ở chỗ vòng cổ từ trước khi Teodor ra đời. Nó rỉ ra một dòng nước Ống Dài to bằng ngón tay cái, đều đều, xuống rãnh cả ngày lẫn đêm, nước sạch, nước đã trả tiền, và con rãnh dẫn nó xuôi dốc tới miệng thoát nước của Dây Bể Chứa, rồi máy bơm Dây Bể Chứa đẩy nó qua tường vòng vào kênh, nơi nó lại thành nước mặn. Có lần ai đó đã tính ra, trên mặt sau một tờ thông báo của phường ghim ở Dây Sạp Diếp Xoăn, xem bao nhiêu gia đình có thể uống trong một năm bằng lượng nước mà vòi nước công cộng phố Mercy đã cho con kênh. Teodor đã gỡ tờ thông báo xuống. Mặt bên kia có con dấu văn phòng của anh.

Anh ký tờ đơn, đóng dấu, rồi đặt nó vào khay dành cho giao liên của Cổng. Khay đã đầy sẵn.

Văn phòng Phường 7 chiếm tầng một và tầng hai của một tòa nhà gạch nền cao ở phía chợ của phố Toulouse. Tòa nhà thuộc về cái vỏ dân chính, nghĩa là thuộc về văn phòng thị trưởng, nghĩa là cái tên Abagnale được khắc vào thanh dầm trên cửa ra vào bằng những con chữ mà mẹ Teodor gọi là *cái mũ*. Ở tầng dưới, sau một chiếc quầy gỗ dài chẳng chịt vết khía của bao thế hệ dao nhíp và mép xèng, Quầy điều hành bàn phân phối của phường: phát và đổi xèng, niêm yết phân cấp phát, ghi nhận đơn khiếu nại. Trên gác, trong hai căn phòng có cửa sổ nhìn xuống chợ, Teodor lo mọi việc không thuộc về Quầy. Kiểm đếm hộ. Kiểm tra tuân thủ. Chuyển tiếp yêu cầu sửa chữa. Nhận phúc đáp. Đó là một công việc mà văn phòng thị trưởng đã tuyển anh từ chính phường này, tám năm trước, với lý lẽ rằng người ta sẽ chịu nói chuyện với người của mình, và họ quả có nói chuyện với anh. Họ nói chuyện với anh suốt cả ngày. Anh không nhớ nổi lần cuối có ai nói với anh về một chuyện gì mà anh sửa được là khi nào.

Lúc chín giờ anh xuống dưới nhà, vì hàng người đã bắt đầu từ bảy giờ và đến chín giờ thì đã kéo ra khỏi cửa, dọc phố Toulouse tới tận góc đường.

Hàng người ấy là vì dầu. Ai đứng trong đó cũng biết là không có dầu, và ai cũng vẫn đến, vì tờ thông báo dán trên cửa văn phòng ghi *PHÂN CẤP PHÁT DẦU PHƯỜNG 7 BỊ CHẶM, DỰ KIẾN SẮP CÓ*, mà *sắp* là một chữ người ta phải tự đến tận nơi mà hỏi. Roven, nhân viên của Quầy ngồi bàn, đã ghim thêm tờ thứ hai bên dưới tờ thứ nhất, ghi *HÔM NAY KHÔNG CÓ DẦU*, chữ to hơn, và người ta cũng đọc tờ ấy, rồi vẫn đứng nguyên trong hàng. Họ muốn nghe một ai đó nói ra. Trên kệ sau quầy, chiếc đài của văn phòng, thứ mà Quầy buộc mọi bàn phường phải mở suốt giờ làm việc, đang phát bản tin trưa sớm hơn giờ: giọng một người phụ nữ, ấm áp và thông thả, nhắc các hộ gia đình rằng hấp là cách chế biến bánh xanh bổ dưỡng nhất, vì rán sẽ phá hủy vitamin, rằng phân cấp phát đang được đáp ứng khắp thành phố, và rằng sự kiên nhẫn của cư dân chính là điều giữ cho mọi mâm cơm luôn đầy. Ai đó trong hàng buông một tiếng với cái đài khiến một người phụ nữ gần đầu hàng phải bịt tai đứa con nhỏ. Roven vặn âm lượng xuống mức thấp nhất Quầy cho phép, mà mức đó không phải là tắt. Teodor hiểu hàng người. Anh đi tới đứng ở đầu quầy cạnh Roven, chỗ mọi người có thể thấy anh, và nói ra.

“Pa gen luil jodi. Livrezon di Counter po katye an reta na depo. Mo te manda. Mo gon manda ankora apremidi sa.”

“Tu te pava sa lendi” người phụ nữ bế đứa bé nói.

“Yo. Sa te vre lendi.”

“Konbe tan?”

“Mo pa sava.” Anh đã học được rằng nói thẳng như thế thì hơn. Năm đầu tiên, anh từng đưa ra cho người ta những con số, và khi các con số không thành thì người ta nhớ mặt anh cùng với chúng. “Kan mo sava, li ve e su dora.”

Người phụ nữ xóc lại đứa bé. “Mama di mo ap manja gato vapé. Li havi ochenta un ane. Li pava ki le kole na pecho di li.” Tám mươi mốt tuổi, và bánh hấp cứ nghẹn trong ngực bà cụ.

“Di mo osi” Teodor nói, điều đó là thật, và người phụ nữ nhìn anh một lúc rồi bật cười, vì đó là chuyện nhỏ và cả hai đều biết thế, và những người đứng sau chị cũng cười theo, chua chát, và hàng người dẹt đi một nấc. Không ai bỏ về.

Lão Batrville đến lúc chín rưỡi, mang theo một lá thư trong phong bì, ông đặt nó lên quầy trước mặt Teodor như thể trao một trát đòi. Thư đề gửi *Thị trưởng, Abagnale, Dải Gò*, bằng một nét chữ từng có thời rất đẹp. Ông muốn nó được chuyển lên trên có đóng dấu của phường để khỏi bị thất lạc. Teodor đóng dấu. Lão Batrville nhìn anh làm thế rồi hỏi, như năm nào cũng hỏi, liệu thị trưởng có đọc thư của ông không, và Teodor đáp, như năm nào cũng đáp, rằng văn phòng thị trưởng xác nhận đã nhận mọi thư từ. Batrville gật đầu, hài lòng. Ông đã viết thư cho thị trưởng từ trước khi Georges Abagnale giữ chức. Đôi khi Teodor tự hỏi liệu đã có ai trên dải gò từng mở một lá nào chưa, rồi lại tự hỏi chuyện đó có quan trọng không, vì Batrville có vẻ bước ra khỏi cuộc giao dịch này khá hơn phần lớn những người làm việc với văn phòng.

Vessa đến lúc mười một giờ.

Anh biết bà theo cái cách anh biết phần lớn Dây Bể Chứa, qua cánh cửa nhà bà và những lời phàn nàn của bà. Bà là một người phụ nữ cao, chừng năm mươi tuổi, tóc đã điểm bạc,

với đôi cẳng tay của thợ giặt, làm việc ở những thùng quay lớn tại xưởng giặt phổ Palmer, nơi đồ vải của Tầng Tán được đưa xuống giặt. Chín năm trước Đội Canh đã đưa em trai bà đi. Họ không bắt giữ anh. Không có cáo buộc nào. Họ đến với một tờ giấy ghi *chương trình Duy Trì, an trí tự nguyện*, và Néri, người từng sửa đài trong một sạp ở Dây Sạp Diếp Xoăn và không giữ nổi việc làm nào quá một mùa, đã đi theo họ với bộ quần áo đang mặc trên người, chân trần, vì họ đến lúc rạng sáng và không đợi anh tìm giày, và từ đó không ai còn thấy anh nữa. Vessa vẫn giữ đôi giày dưới gầm giường. Vessa đã đến văn phòng phường vì chuyện này từ trước khi Teodor nhận việc. Hồi mùa xuân bà đã nhờ anh chuyển một yêu cầu lên trên: *Néri ở đâu. Nó còn sống không. Tôi có được gặp nó không*. Anh đã chuyển nó tới bàn liên lạc của Đội Canh ở Tầng Giữa. Sáu tuần sau, một phong bì được gửi trả xuống.

Giờ bà đặt những thứ trong phong bì lên quầy. Đó là một mẫu in sẵn, một tờ, tiêu đề *PHÒNG DUY TRÌ: XÁC NHẬN YÊU CẦU THÔNG TIN CỦA GIA ĐÌNH*. Nó có các ô. Một ô cho số an trí, đã có người điền. Một ô cho *Tình trạng*, nơi ai đó đã đánh máy *ĐANG HOẠT ĐỘNG*. Một ô cho *Địa điểm*, nơi ai đó đã đánh máy *KHÔNG TIẾT LỘ THEO ĐIỀU KHOẢN CHƯƠNG TRÌNH*. Ở cuối tờ, một dòng ghi *Sẽ không ghi nhận thêm thư từ nào về vấn đề này*.

“Mo te leza li” Vessa nói. “Mo leza li chak nuit. *Đang hoạt động. Đang hoạt động* sinifa wani, Asante?”

“Mo pa sava.”

“Tu travaya po le.”

“Mo travaya po biwo di mè. Le travaya po Watch.” Anh nghe rõ câu đó nghe ra sao. “Li sinifa ki la plasman pa te ferme. Sa e toti bagay ra mo sava. Mo te manda.” Vụ an trí chưa bị đóng lại. Đó là tất cả những gì anh biết, mà anh đã hỏi rồi.

Bà lật tờ đơn lại. Ở mặt sau, bằng mực xanh, bằng nét chữ tròn trịa cẩn thận, bà đã viết lại các câu hỏi của mình, vẫn ba câu hỏi ấy, và bên dưới là câu thứ tư: *Nếu nó đang hoạt động, nó còn sống. Hãy cho tôi biết phải mang áo sơ mi của nó tới đâu*.

“Senda li baka anlè” bà nói.

“Le pava: *sẽ không ghi nhận thêm thư từ nào nữa*.” Anh nhắc lại lời của Phòng bằng tiếng Anh của Phòng, vì không có cách nào nói chúng bằng tiếng Kanal mà không nghe như một câu đùa.

“Ko senda li a kekmoun otra. Senda li a mè. Let di Vye Batrville nika a mè.” Bà đẩy tờ đơn sang cho anh. “Mo veli li su un deska. Nenpot deska. Mo veli ki kekmoun tena li na men an leza la bagay ra mo te skriva.”

Bà muốn nó nằm trên một cái bàn, bất kỳ cái bàn nào, trong tay một ai đó, được đọc. Teodor nhìn câu hỏi thứ tư rất lâu. Rồi anh lấy một phong bì dưới quầy, để gửi phòng văn thư của văn phòng thị trường ở Tầng Giữa, nơi nhận mọi thứ các phường gửi lên mà không vừa với chỗ nào khác, và cho tờ đơn vào đó cùng một tờ bìa, trên đó anh viết *Chuyển theo yêu cầu của gia đình; xem mặt sau*. Anh đóng dấu và cho bà xem con dấu. Bà nhìn nó được bỏ vào khay của giao liên, nằm trên tờ yêu cầu thứ mười bốn về vôi nước công cộng.

“Mesi” bà nói, rồi, vì bà là đàn bà Dây Bể Chứa, mà họ thì không bao giờ để việc gì dang dở, “tiyo di mama di tu toujou koule, tu sava.” Ý bà là cái vôi nước công cộng dưới cửa sổ nhà mẹ anh, vẫn đang chảy.

* * *

Theo lời kể của Teodor Asante, với sự đồng ý của mẹ anh; lời nhận xét của Madame Guichard, như anh thuật lại.

Buổi trưa Teodor Asante ăn trưa ở nhà mẹ, cách văn phòng phường hai con phố, trên tầng hai một ngôi nhà ở phố Mercy, nơi anh lớn lên và nơi bà đã sống năm mươi ba năm. Từ cửa sổ bếp nhà bà có thể nhìn thấy vòi nước công cộng. Bà kê bàn ăn dưới cửa sổ để có thể nhìn.

Teodor đến góc phố từ phía đầu Rampart, như mọi khi, và thấy vòi nước công cộng trước khi thấy cửa sổ nhà bà. Madame Guichard ở tầng một nhà bên cạnh đang để hai chiếc xô giặt ở đó và hứng chiếc thứ nhất dưới vòng cổ, chỗ nước rò chảy ra thành một sợi dây to bằng ngón tay cái, như bà vẫn hứng xô ở đó mỗi ngày trong suốt cuộc đời Teodor. Bà không dùng vòi. Không ai ở góc phố dùng vòi để lấy nước giặt. Vòi được gắn đồng hồ tính vào tài khoản xèng của phường còn chỗ rò thì không. Hai đứa cháu của bà ngồi trong dòng nước tràn, chỉ mặc đồ lót, với một chiếc thuyền sắt tây, và trong lớp rêu xanh dọc theo rãnh, nơi nước sạch đã chảy từ lâu hơn mọi sổ sách người ta từng ghi chép, những chú ếch nâu nhỏ không sống ở đâu khác trên phố Mercy ngồi phập phồng cổ họng, nhìn bàn chân lú trẻ. Một con chuồn chuồn xanh lơ treo mình trên những phiến đá ướt. Người già gọi loại đó là cây kim Ống Dài, vì nó chỉ đến nơi nước ngọt.

“Bonswa, Administraté” Madame Guichard nói, người từng thay tã cho anh.

“Bonswa, Madame Guichard.”

“Mama di tu pava ki tu te senda un papye otra su sa.”

“Yo.”

“Mais.” Bà nhắc chiếc xô đầy ra và đặt chiếc xô rỗng vào. “Pa senda tro anpil. Petet le vena.” Biết đâu họ đến thật.

Anh bật cười. Bà thì không, và suốt quãng đường ngắn còn lại anh hiểu ra rằng bà đã nói thật. Nếu có ngày Cổng đến lắp một cái vòng cổ mới, Madame Guichard sẽ phải trả tiền nước giặt bằng xèng như mọi người khác, lú ếch sẽ bỏ đi, và lú cháu bà sẽ ngồi trên một bậc thềm khô. Anh đã nộp mười bốn yêu cầu cho một việc mà một người đàn bà ở ngay góc phố nhà mẹ anh mong anh thất bại. Anh không biết phải làm gì với chuyện đó, nên anh làm điều anh vẫn làm với phần lớn những chuyện anh không biết phải làm gì, tức là mang nó lên bậc thềm và ăn bữa trưa.

Abena Asante bảy mươi bảy tuổi, nhỏ người, và đã làm thợ may trên các sà ba mươi năm, một người làm dịch vụ mỗi sáng leo cầu thang với cái vòng cổ trong túi, và bà nghỉ hưu với cái lưng đau cùng một khoản lương hưu của Tầng Tán trả bằng xèng theo một mức chưa hề đổi suốt hai mươi năm. Bà đã nấu canh đậu bắp với cá hun khói và một đụn bột cao lương đặc đến mức cầm thìa đứng được, và bà dọn cho anh mà không hỏi anh đã ăn chưa, như bà vẫn luôn làm.

“Tu sanble fatigue” bà nói.

“Sa e la chale.”

“Sa e la trav.” Bà ngồi xuống đối diện anh với bát của mình. “Madame Guichard pava ki toujou pa gen luil.”

“Pa gen luil, Ma.”

“Mo sava ki pa gen luil. Mo havi je. Mo ap manja gato vapè kom un prizonnyé.” Bà ăn. Bà bẻ cao lương bằng các ngón tay, chấm rồi ăn với sự gọn gàng của một người đàn bà đã ăn vội suốt ba mươi năm trong nhà người khác và giờ cố tình ăn chậm. Qua ô cửa sổ sau lưng bà, Teodor có thể thấy vòi nước công cộng ở góc phố, vệt ướt sẫm màu trên những phiến đá quanh chân nó, và đường rêu xanh dọc theo rãnh nơi nước chảy. Nó đã đang chảy khi anh rời văn phòng. Nó sẽ vẫn đang chảy khi anh quay lại.

“Tiyo so” mẹ anh nói, không quay lại nhìn, “ap koule depi avan tu te nasi.”

“Mo sava, Ma.”

“Papa đi tu te skriva un let su li.”

“Mo sava.”

“Li te skriva li su bon papye.” Bố anh cũng từng viết về chỗ rò, mà lại trên giấy tốt. Bà với tay dịch lọ muối lại gần bát anh. “Manja. Tu ve e grangou a kloch kuatro, an pa gen anyen na biwo so, selman lank.”

Anh ăn. Anh không kể với bà về yêu cầu thứ mười bốn. Trên đường sang anh đã nghĩ đến chuyện kể, đã hình dung gương mặt bà khi anh nói *mười bốn*, và đã quyết định rằng con số còn tệ hơn chỗ rò. Chỗ rò chỉ là nước. Con số là con trai bà ngồi ở một cái bàn viết đi viết lại cùng một câu mười bốn lần cho những người không đọc nó, và bà đã từng công anh trên lưng leo cầu thang công vụ khi anh còn ầm ngửa vì không có ai để gửi, và bà xứng đáng với điều tốt hơn con số ấy.

“Soup đi tu bon” anh nói.

“Li neda luil” mẹ anh nói. “Toti bagay neda luil.”

* * *

Theo sổ ghi hàng ngày của phòng khám Yvonne Celestin, ngày thứ hai của chuyện đầu; lời kể của Cora Badeaux, kể cho mục này và để riêng khỏi lời tường thuật của chính bà; của Hortense Picou, về gót chân của chị.

Phòng khám mở cửa lúc bảy giờ, và đến bảy giờ thì chiếc ghế dài bên ngoài cửa hông trên phố Dauphine đã có chín người và một con dê, và Yvonne đã đi tới điện thờ rồi quay về, còn những gì bà làm ở đó thì không có trong hồ sơ này.

Phòng khám có hai phòng. Phòng trước có bàn giấy, nơi Cora Badeaux ngồi dưới một kệ sổ sách và ghi tên mọi người bằng nét chữ biên nhận mà Quầy đã luyện cho bà; chiếc ghế dài dọc tường cho những ai không ngồi ngoài được; một cái cân; một bình nước uống với chiếc cốc sắt tây xích vào dây. Phòng sau có giường cao, nôi hấp tiệt trùng, chậu đựng dụng cụ, tủ thuốc hai khóa, và một cửa sổ nhìn ra sân sau, nơi những thùng hứng nước mưa đứng trống trơn. Nơi đây có mùi phenol và mùi thảo mộc phơi trên những sợi dây giăng ngang trần: nguyệt quế, sả, một thứ cây bụi đắng mà Yvonne gọi bằng tên tiếng Kreyòl và không chịu dịch, vì bản dịch là tên của một lwa còn cái cây thì chỉ là một cái cây.

Bà khám cho họ theo thứ tự Cora ghi.

Một đứa bé bị rôm sảy ở các nếp gấp cổ và đùi, người mẹ xin lỗi về chuyện đó như thể đấy là một khiếm khuyết đạo đức. Bọt ngô trong lọ, một chiếc khăn ướt, đứa bé cời trần nằm trong bóng râm suốt buổi chiều, không quần gì. Một người đàn ông trong đội đóng cọc ở sân mới, với một chiếc đinh xuyên qua kẽ tay trái mà anh ta đã tự rút ra và buộc lại bằng áo sơ mi. Bà rửa vết thương bằng nước sôi từ chiếc ấm đã đun bằng chút dầu đốt cuối

cùng của hôm qua, và không khâu nó, vì một vết đinh bị khâu kín sẽ liền lại trên những gì chiếc đinh đã mang vào, và bà nói với anh ta như thế, dặn anh ta hai ngày nữa quay lại, và biết anh ta sẽ không quay lại, vì hai ngày là một ngày công.

Một cô gái mười bảy tuổi từ công ty bảo mẫu trên sàn, với một vòng đỏ rất quanh cổ họng. Trên sàn cô đeo một chiếc vòng cổ làm việc, màu xám, đi thuê, giảm chấn rung, để con cái các gia đình Tầng Tấn không cảm thấy bước chân cô qua những tấm sàn composite, và dưới chiếc vòng da đã trầy rách ở hai chỗ và rỉ nước. Chiếc vòng có tấm biển Laveau Tech trên khóa cài. Công ty trừ tiền thuê vào lương cô theo tuần. Cô không được phép tháo nó ra trong ca làm. Yvonne băng hai chỗ ấy bằng mật ong và một dải vải lanh sạch rồi ghi vào sổ, bằng nét chữ nhỏ của chính bà bên dưới chữ Cora: *loét do vòng cổ, Laveau Tech, đi thuê, lần thứ hai*. Cô gái xin bà đừng ghi tên công ty, vì công ty sẽ biết. Yvonne nói bà không ghi tên công ty. Bà ghi cái tên trên khóa cài.

Madame Theriot từ căn phòng trên cửa hàng lưới đến lúc chín giờ, bụng to kèn, hai tay đỡ lưng, và nằm lên giường cao trong khi Yvonne sờ nắn đứa bé qua bụng chị, đặt chiếc ống nghe bằng gỗ vào hông chị và lắng nghe, rồi nói, “Swar sa, oswa demen swar” và Madame Theriot nói, “Swar sa, souple Bondye, mo pa pu kava li un jou pi na chale sa” và Yvonne nói Chúa sẽ xem xét lời thỉnh cầu ấy. Cora sẽ đi khi cơn đau đến. Giờ thì Cora đi đỡ tất cả các ca sinh trên phố Palmer. Đầu gối Yvonne không còn leo cầu thang ban đêm được như trước.

Hortense Picou đến lúc mười giờ, đi thẳng từ ca đêm ở xưởng Dây Sabine sang, trong đôi giày nứt đế, gót đã giảm bẹp, rồi ngồi xuống ghế dài và gác bàn chân phải lên đầu gối của người chủ con dê mà không hỏi, vì anh ta là anh họ chị.

“Sa e talon” Hortense nói.

Là cái gót chân. Là gót chân phải, cái gót Hortense dồn sức nặng lên, sáu đêm một tuần, trên bàn đạp bên phải, bốn mươi nhịp một phút suốt cả ca đêm, ấn một chiếc van đẩy đã mòn xuống ổ của nó bằng cả sức nặng cơ thể vì chiếc van không còn tự đóng khít được nữa. Lòng gót sờ vào thấy nóng và đau đến mức chị chửi thề khi Yvonne ấn vào, và sợi gân dài dưới vòm bàn chân căng như dây thừng.

“Kanpa su goch” Yvonne nói.

“Goch e kote di Delphine.”

“Chanja.”

“Delphine te chanja semen pase. Aster talon di li fini.” Hortense bật cười, mà đó chẳng phải là một tiếng cười cho ra hồn. “Le doka nu po *bụt tái*, Yvonne. Un sizim, tres semen. *Hụt tái*.” Chị nói chữ của bảng lương bằng thứ tiếng Anh của bảng lương. Bị trừ một phần sáu, ba tuần liền. Họ đứng trên cái bàn đạp ấy cho đến khi chân gục, rồi thư ký Cổng đi qua với tờ giấy vàng và bảo năng suất thấp.

Yvonne xoa vòm bàn chân bằng dầu ấm từ chiếc lọ nhỏ, thứ dầu tốt cuối cùng trong nhà, dầu thầu dầu, mà vẫn cứ làm, chậm và mạnh bằng cả hai ngón cái, và Hortense thôi nói, nhắm mắt lại. Xong xuôi, bà quấn gót chân bằng một dải chân cũ để đệm và bảo Hortense mang nó đến chỗ Janelle Mouton nhờ lột một miếng đệm vào giày, và đừng đứng chân trần trên bàn đạp cho đỡ mòn đế, và Hortense nói ai cũng đứng chân trần cho đỡ mòn đế, và Yvonne nói vậy thì ai cũng sẽ có cái gót chân của Hortense.

Lúc mười một giờ bà đi vào phòng sau và nhìn nồi hấp tiệt trùng.

Đó là một hộp thép đặt trên bếp đốt, một hộp áp suất, hàng cấp phát cũ của bệnh viện Cống giống như ngọn đèn của phòng khám, và nó ngốn một can dầu đốt mỗi bốn ngày nếu chạy cho các ca sinh, các vết thương bỏng và dụng cụ, vốn là những việc nó được dùng vào. Trong can dưới nó chỉ còn dầu cao một ngón tay. Một lần chạy nữa. Hai, nếu bà bỏ qua dụng cụ và luộc chúng trong ấm, mà ấm thì đốt cùng thứ dầu ấy.

“Cora.”

Cora từ bàn giấy đi vào, tay vẫn cầm bút. Bà là một người đàn bà to người, ít nói, chừng năm mươi tuổi, đã giữ bàn giấy phòng khám mười năm nay bằng tấm chứng chỉ thư ký Quỳ mà năm nào bà cũng gia hạn ở Tầng Giữa và chẳng bao giờ nhắc tới, và giữ sổ sách của phòng khám tốt hơn Quỳ giữ bất cứ thứ gì, không bao giờ xin gì, và hỏi về mọi thứ: ngăn kéo nào, cuốn sổ nào, một bệnh nhân không trả được tiền thì nên ghi bằng bút chì hay bằng mực. Yvonne từng thấy bà mất cả mười lăm phút để quyết định nên viết tên một người đàn ông với dấu mà ông ta dùng hay dấu trên thẻ của ông ta.

“Pota la reklamasyon a Counter” Yvonne nói. “Jodi. Nika kan Teodor e na deska, pa avan.” Hôm nay, và chỉ khi Teodor đã có mặt ở bàn.

“La revu pran seis semen.”

“Mo sava konbe tan la revu pran.”

“Le ve pava ki li te livre. Li affiche livre. Le ve mosa mo la afich.” Ý bà là sổ cái của Quỳ sẽ ghi dầu đã giao, và họ sẽ chỉ cho bà dòng ghi ấy.

“Ko mira la afich, an vena a kay.” Yvonne áp bàn tay lên thành ấm, cái ấm vẫn còn kêu tích tắc khi nguội dần. “Vena baka ave luil, oswa vena baka ave la papye ra pava poukisa pa gen. Mo veli sava kiles.” Dầu, hoặc tờ giấy nói vì sao không có. Bà đã điều hành phòng khám này qua hai trận lụt và một năm dịch sốt và chưa bao giờ không biết là thứ nào.

Cora nhìn nôi hấp tiệt trùng. Bà nhìn nó theo cách bà nhìn một cột số cộng không khớp, như thể lỗi có thể nằm ở chính mắt mình, rồi bà nói, “Yò” và quay lại bàn giấy, lấy đơn khiếu nại của Cái Đe ra khỏi ngăn kéo, ba mươi sáu can, thực phẩm và dầu đốt, bản sao có chữ ký của Solène, và đọc lại nó thêm một lần từ đầu, từng điều khoản, trước khi gấp nó vào túi.

Yvonne không hỏi bà đang nghĩ gì. Bà đã học được điều đó về Cora trong mười năm: suy nghĩ của Cora là của riêng Cora, và cách duy nhất để biết nó là chờ rồi đọc những gì bà viết.

Đến trưa người chủ con dê cuối cùng cũng đi vào, mang theo con dê, con dê đã ăn mất một mẫu tấm ván chắn nước dâng của ai đó và đang không khỏe, và Yvonne, không phải thầy thuốc chữa dê và đã nói thế, vẫn nhìn vào miệng nó.



6

Hai can

Theo sổ ghi quầy phân phối Phường 7; lời kể của Teodor Asante; giấy từ bỏ khiếu nại, liên trắng.

Lúc hai giờ rưỡi, tại bàn của Quầy trong văn phòng Phường 7 trên phố Toulouse, đơn khiếu nại về dầu của Cái Đe đến lượt.

Teodor Asante đã đoán trước chuyện này. Đơn khiếu nại đã nằm trong sổ ghi ba tuần. Cái Đe, hộ lớn ở góc Palmer và Dauphine cách Dãy Sabine hai phố, mỗi quý lĩnh một phần dầu cấp cho bếp và phòng khám của mình: mười hai can dầu ăn mười lít cho bếp, nơi nuôi cả nửa con ngõ vào những tuần tồi tệ, và hai mươi bốn can dầu đốt cho nồi hấp tiết trùng và đèn đêm của phòng khám. Phần cấp phát của quý này chưa về. Cái Đe đã ghi sổ một đơn khiếu nại. Quầy đã ghi sổ một tranh chấp. Một tuần trước, Roven đã cho Teodor xem dòng tranh chấp, với vẻ bất lực mà Roven vẫn mang mỗi khi Quầy làm điều gì đó mà bàn này sẽ phải đứng ra bênh vực: theo sổ cái phân phối của Quầy, định mức dầu hằng quý của phường đã được *đáp ứng đầy đủ* tại kho. Trên giấy tờ, Phường 7 đã có dầu. Trên giấy tờ, ba mươi sáu can của Cái Đe đã đi đâu đó. Không ai ở kho nói được là đi đâu, và chừng nào chưa có ai nói được, đơn khiếu nại vẫn bị tranh chấp và chờ xem xét, và việc xem xét mất sáu tuần, và cuộc xem xét có lẽ sẽ kết luận, như thường lệ, rằng giấy tờ đúng.

Người phụ nữ đến quầy là Cora Badeaux, người giữ bàn phòng khám của Cái Đe.

Teodor biết bà đôi chút. Bà gầy gọn và nhanh nhẹn, với đôi mắt phẳng lặng, chăm chú của một người đã bỏ hai mươi năm đọc chữ viết tay của người khác, và bà viết một nét chữ biên nhận, những chữ nhỏ đứng thẳng không thể đọc nhầm ngay cả qua ba lớp giấy than. Bàn phòng khám của Cái Đe từng là một cánh cửa. Cả ngõ ai cũng biết điều đó nữa.

Bà không cãi. Đó là điều đầu tiên Teodor để ý. Bà đặt bản khiếu nại của Cái Đe lên quầy, và Roven đặt bản tranh chấp của Quầy bên cạnh, và Cora đọc dòng tranh chấp rồi gật đầu như thể đã đoán trước.

“Xem xét mất bao lâu?”

“Sáu tuần,” Roven nói. “Có thể tám, vào mùa nước dâng.”

“Mà phòng khám chỉ còn dầu đốt cho hai ngày.”

“Tôi rất tiếc, thưa bà Badeaux.”

“Tôi biết cô tiếc.” Cora nhìn hai tờ giấy. “Quầy có gì trên kệ để cấp phát thiện chí? Hôm nay. Ngay bây giờ.”

Roven liếc nhìn Teodor. Quầy giữ một khoản dự trữ khẩn cấp nhỏ ở mỗi bàn phường, vài can, cho các phòng khám và người hấp hối. Rút từ đó cho một đơn khiếu nại đang tranh chấp nghĩa là người khiếu nại phải ký một giấy từ bỏ. Ai làm việc ở quầy cũng biết mẫu giấy ấy. Teodor đã thấy nó được dùng có lẽ hai lần trong tám năm, cả hai lần đều bởi những người già muốn cuộc tranh chấp chấm dứt hơn là muốn có dầu.

“Hai can,” Roven nói. “Một dầu ăn, một dầu đốt. Đổi lấy việc từ bỏ đơn khiếu nại.”

“Cả đơn khiếu nại?”

“Cả quý. Nó khép lại tranh chấp. Quầy ghi nhận đơn khiếu nại là đã được giải quyết.”

Teodor lên tiếng trước khi kịp quyết định, và bằng tiếng Kanal, qua bàn của Quầy, như thể Roven không có ở đó. “Madame Badeaux. Sa e trenta seis kanis po dos. Si la revu dava tu rezon, tu ve havi toti alokasyon. Si tu laga li, tu pa ve havi li.” Ba mươi sáu can đổi lấy hai, ý anh là vậy. Nếu cuộc xem xét phân xử có lợi cho bà, bà sẽ có toàn bộ phần cấp phát; nếu bà buông, bà sẽ chẳng có gì.

Cora nhìn anh. Đó là một cái nhìn cân nhắc, không hề thiếu thiện cảm, và có điều gì đó ở phía sau nó mà anh không đọc được và anh còn nghĩ về nó sau này, khi có thời gian để nghĩ, nhiều hơn anh muốn.

“La revu pa ve dava nu rezon” bà nói, bằng tiếng Kanal, với anh. “Tu sava sa, Asante. Li janmen fasa li.” Cuộc xem xét sẽ không phân xử có lợi cho họ, và anh biết thế; nó chưa bao giờ làm vậy. Trong sáu tuần đó, phòng khám sẽ tối om gần như mọi đêm. Bà quay lại phía Roven, chìa tay xin cây bút, và nói bằng tiếng Anh của Quầy, “Đưa tôi giấy từ bỏ.”

Roven đưa cho bà. Đó là một tờ duy nhất in ba liên, trắng, vàng và hồng. Dòng chữ nhỏ ở cuối ghi: *Người khiếu nại chấp nhận khoản cấp phát thiện chí nêu trên như sự giải quyết đầy đủ và cuối cùng đối với phần cấp phát hàng quý và miễn trừ cho Quầy, các kho và nhân viên của Quầy mọi khiếu nại phát sinh. Người khiếu nại xác nhận rằng việc từ bỏ này là hoàn toàn tự nguyện và không có sức ép nào của nhu cầu được áp đặt.* Cora đọc hết một lượt, toàn bộ, dòng chữ nhỏ hai lần, rồi bà ký bằng nét chữ biên nhận của mình, *C. Badeaux thay mặt hộ Cái Đe, bàn phòng khám*, ghi ngày và ghi giờ. Tay bà không ngập ngừng. Bà xé liên hồng và gấp bỏ vào túi. Roven đi vào phía sau và quay ra với hai can, thép xám có con dấu của Quầy trên nắp, đặt chúng lên quầy, và Cora cầm mỗi tay một can, cảm ơn Roven rồi quay đi.

Cửa văn phòng mở ra trước khi bà tới đó, và Solène Lafitte bước vào từ trong cái nóng.

* * *

Theo lời thuật của Solène Lafitte; của Pascale, trong đó nói cô đã chạy suốt quãng đường; giấy từ bỏ khiếu nại, liên vàng, có một vạch đỏ dưới một điều khoản.

Lúc ba giờ kém hai mươi trong cái nóng trắng xóa, Solène Lafitte đã chạy hai phố cuối cùng đến văn phòng Phường 7. Cô không định thế. Một giao liên đã tìm thấy cô ở cổng bốc hàng trên ngõ Rampart, một cô bé của Gai mười bốn tuổi tên Pascale đã ngồi trên bậc thềm văn phòng phường cả ngày chính vì việc này, và Pascale đã nói *Madame Badeaux vào nộp đơn khiếu nại rồi*, và Solène đã đi bộ, rồi đi nhanh, rồi, đến góc phố Toulouse, chuyển sang chạy, điều cô không ưa ở bản thân ngay cả khi đang làm. Người trong hàng quay lại nhìn. Cô bước qua cửa, áo dính bết vào lưng, và thấy Cora mỗi tay một can, thấy tập ba liên trên quầy với liên trắng và liên vàng vẫn còn trong đó, và hiểu ra.

“Tu te sinye wani?”

“La relis” Cora nói.

“Toti la reklamasyon?”

“Toti la reklamasyon. Dos kanis. Eskize mo, Solène, mo douva pota sa ye a klinik.”

Solène chìa tay về phía Roven mà không ngẩng lên. Roven, người đã biết cô từ khi cả hai còn là trẻ con ở trường St. Brigid, đưa cho cô liên vàng. Solène đọc. Cô đọc nó theo cách cô đọc bất kỳ sổ cái nào, một lượt toàn bộ rồi từng dòng một, và tay cô đưa lên túi ngực áo tìm cây bút chì đỏ cô vẫn mang ở đó, và cô đứng ở bàn của Quầy trong văn phòng phường trước bốn mươi người và viên quản lý phường mà gạch dưới, bằng màu đỏ, điều khoản ghi *từ bỏ mọi khiếu nại đối với phần cấp phát hàng quý như sự giải quyết đầy đủ và cuối cùng*.

Teodor Asante nói, “Li sinye, Madame Lafitte.”

“Mo viza ki li sinye.” Cô đưa liên vàng lại cho Roven và đổi giọng như người ta đổi tay khi xách một can nặng. “Ghi lại phản đối của tôi. Chỉ huy của Cái Đe đã không được hỏi ý kiến.”

“Tôi sẽ ghi,” Roven nói. “Nó sẽ chẳng thay đổi được gì.”

“Tôi biết. Cứ ghi đi.”

Ngoài phố ánh sáng trắng xóa. Hơi nóng bốc lên từ những phiến đá, xuyên qua đế giày của Solène, và đằng sau nó, bên dưới nó, là nhịp bơm, nhịp ép rồi nhả chậm rãi của Phường 7. Cô đuổi kịp Cora ở góc phố Toulouse và phố Mercy, cạnh một vòi nước công cộng đang rỉ một dòng nước sạch to bằng ngón tay cái xuống rãnh, và cầm lấy can đầu đốt khỏi tay trái bà mà không hỏi. Cora để cô cầm. Họ đi.

“Tu pa te manda mo” Solène nói.

“Tu te e na potay.”

“Mo te e dos lari luen. Pascale te e su eskalye. Tu te pu lana dies minit.” Cô chỉ ở cách hai phố, và Pascale ngồi trên bậc thềm. Cora đã có thể đợi mười phút.

“An apre, wani?” Cora không cao giọng. Bà chưa bao giờ cao giọng; đó là một trong những điều ở bà mà Solène đã ngưỡng mộ suốt mười năm và cũng là điều khiến cô muốn, vào những lúc như thế này, lắc cho bà một trận. “Tu sere diskite ave Roven. Roven sere notare la diskite di tu.” Đơn khiếu nại sẽ đi vào xem xét; việc xem xét mất sáu tuần; nồi hấp đốt hết một can mỗi bốn ngày cho danh sách buổi sáng và những ca đỡ đẻ ban đêm, và họ chỉ còn hai ngày. “Mo te fasa la kalkil, Solène. Mo fasa kalkil osi.”

“Trenta seis kanis.”

“Trenta seis kanis na seis semen, petet, si la revu dava nu rezon. Li pa ve. Tu sava li pa ve.”

“Mo sava ki la papye pava ki alokasyon di katye te livre toti.” Solène dừng bước. Một người đàn ông vác thùng cua đi vòng qua họ. “Cora. Trenta seis kanis di luil di nu te nika kek kote. La rejis pava livre. Nu pa te risiva li. La reklamasyon te e sèl papye na toti vil sa ra te pava sa. An tu te sinyal po dos kanis.” Giấy tờ nói đầu của phường đã được giao đủ, và ba mươi sáu can của Cái Đe đã đi đầu đó, và đơn khiếu nại của Cái Đe là tờ giấy duy nhất trong cả thành phố nói rằng chúng chưa bao giờ đến. Cora đã ký bỏ nó để đổi lấy hai can.

“Mo te sinyal po dos kanis jodi.”

“Tu te ferma la rekor.”

“Rekor pa bouyi zouti.” Hồ sơ không đun sôi được dụng cụ. Gương mặt Cora thoáng biến đổi, rất nhanh, theo một cách Solène không gọi được tên: một nét mím lại ở khóe miệng có thể là giận dữ hoặc có thể là điều gì đó cũ hơn và mệt mỏi hơn giận dữ. Solène đã thấy nó trước đây, một hai lần mỗi năm, mỗi khi câu chuyện chạm gần đến những người của chính Cora, những người Cora không bao giờ nhắc tên và cả nhà đã học được cách không hỏi đến. Rồi nó biến mất. “Mira. Mo regreta ki nulan te manda tu. Mo regreta sa. Tu korek, mo te sipoze senda chercha tu.” Nhưng bà sẽ làm lại như vậy, bà nói, và bà sẽ không đứng giữa phố mà giả vờ là mình sẽ không làm. “Paske swar sa Madame Theriot su Palmer gon havi bebe di li, an mo veli bouyi la sizo.”

Bà chìa tay đòi lại cái can.

Solène không đưa. Cô đứng cầm nó trong tay, nặng và ấm vì nắng, mười lít dầu đốt, con dấu của Quầy trên nắp, và cảm thấy những vết hình lưới liềm mà móng tay cô đã hằn vào lòng bàn tay kia mà cô không hề nhận ra mình đã làm. Cô muốn cái. Cô đã có sẵn ba lý lẽ và hai lý lẽ nữa phía sau. Cô có thể thấy mỗi lý lẽ sẽ diễn ra thế nào. Ở cuối mỗi lý lẽ, nỗi hấp vẫn cần dầu tối nay và giấy từ bỏ vẫn đã được ký.

“Mo gon kava li” cô nói. Cô sẽ xách nó.

Họ đi hết quãng đường còn lại về Cái Đe mà không nói gì. Ở cửa phòng khám, Cora đỡ lấy cái can từ tay cô và đi vào, còn Solène đứng trên bậc cửa nhìn bà đi dọc lối đi vào phòng khám, đến cái bàn từng là một cánh cửa, đặt hai can bên dưới nó cạnh nhau như hai đứa trẻ nhỏ màu xám, rồi ngồi xuống, mở nắp bút và bắt đầu ghi danh sách trong ngày, như thể chưa có chuyện gì xảy ra.

Solène đi lên phòng của Gai trên tầng hai, nơi bảng trong ngày treo trên tường với các tuyến đường, các giao liên và phần của nó, rồi ngồi vào bàn cạnh cửa sổ, lấy ra cây bút chì đỏ và một tờ giấy. Cô viết: *Phân bổ dầu Phường 7, quý 2, đã đáp ứng đủ theo số cái của Quầy. Cái Đe khiếu nại 36 can, chưa nhận. Nó đã đi đầu.* Cô nhìn câu hỏi ấy một lúc. Rồi cô gấp tờ giấy lại và gọi xuống cầu thang tìm một giao liên có thể mang tin đi tận Tầng Giữa mà không đọc nó, và khi Pascale lên, thở hổn hển và vui vì được nhờ, Solène đưa cho cô bé tờ giấy và một cái tên.

“Margaux Abagnale” cô nói. “Na registri. Meta li na men di li.” Phòng hộ tịch, và trao tận tay Margaux.

Theo lời thuật của Solène Lafitte; của Lena, ngắn hơn và có nhiều chuyện đùa hơn.

Lena tìm thấy Solène trên mái nhà Cái Đe lúc hơn mười giờ đêm hôm ấy một chút.

Mái nhà là phần duy nhất của ngôi nhà ở góc Palmer và Dauphine mà không ai dùng vào việc gì khác. Bếp là bếp, là phòng chờ của phòng khám và là phòng nghị sự. Phòng của Gai là phòng của Gai và là chỗ ngủ cho những giao liên lỡ giờ giới nghiêm. Điện thờ là của Yvonne. Mái nhà là những chậu ớt. Ai đó, từ nhiều năm trước khi có Solène, đã khiêng lên bốn mươi nửa thùng phuy đất, và giờ mái nhà trồng ớt chỉ thiên, ớt chuông và mướp đắng trên giàn dây, một cây và trong thùng cho sáu quả mỗi năm và được tôn thờ vì thế, và dây khoai lang bò qua tường chắn mái xuống phía Dauphine của tòa nhà, khiến từ dưới ngó nhìn lên, trong cái nóng ẩm, Cái Đe trông như một ngôi nhà có mái tóc xanh. Có một băng ghế làm bằng một cánh cửa đặt trên hai cái thùng. Solène ngồi trên đó, đã cởi giày, chân đặt trên lớp hắc ín mái nhà còn ẩm và cây bút chì đỏ gài sau tai, không viết gì.

Lena trèo lên thang qua cửa sập, không mang đèn, ngồi xuống đầu kia băng ghế, và cũng không nói gì một lúc. Tướng quân đã ở trên tường Dây Bể Chứa từ chiều để cãi nhau với một đốc công Cống về chuyện nước rỉ, và mang mùi của bức tường: bùn sông, mồ hôi, thứ cao đỉnh hương và long não mà những người tuần tường xoa lên cổ để chống muỗi. Bàn tay cầm súng của Lena đặt trên một đầu gối. Bàn tay ấy luôn là phần cuối cùng của Lena rời khỏi phiên trực. Solène đã nhìn điều đó diễn ra nhiều năm và vẫn nhìn, những ngón tay lỏng ra từng ngón một như ai đó đặt xuống một chồng đĩa.

“Mo te audi” Lena nói.

“Toti mona te audi. Pascale te pava li a la mita di katye, an la mita otra te audi li na liy.”

“Tu te kouri, Pascale pava.”

“Mo te macha vit.”

“Tu te kouri toti Toulouse, Pascale pava.” Lena tiếp tục bằng cùng giọng đều đều qua phần còn lại trong phiên bản của Pascale: cái áo dính bết vào lưng Solène, ông bán cua ở góc phố đã đánh rơi một con cua khi cô đi ngang qua, con cua trôi tuột xuống cống, và ông bán cua muốn Pikan đền tiền.

“Pascale pava bokou bagay.” Solène lấy cây bút chì từ sau tai xuống và xoay nó. “Li te sinyia li, Lena. Trenta seis kanis.” Cora đã đứng ở quầy, cô nói, và đọc toàn bộ giấy từ bỏ, cả dòng chữ nhỏ, tất cả, rồi ký nó bằng nét chữ ấy của bà. “Nulan pu pava ki li pa te veli pava li. Pa mem a sien anc.”

“Li te veli pava li.” Bà ấy đã thật lòng như vậy, Lena nói.

“Mo sava ki li te veli pava li.”

“Ko tu e fache ave pesa wani?” Vậy thì cô đang giận phần nào?

Solène không trả lời ngay. Dưới ngổ, đài của ai đó đang phát nhạc Phường 22, thứ nhạc tươi sáng không đầy mà bọn trẻ nhảy theo, và xa hơn, về phía Dây Sabine, cô nghe thấy đội đêm đang vào ca ở nhà bơm, bài hát bắt đầu ở Sabine như nó vẫn luôn bắt đầu, và bên dưới mọi thứ là nhịp bơm dội lên qua tòa nhà vào lòng bàn chân trần của cô. Lá ớt không lay động. Không có chút gió nào.

“Li te e korek” Solène nói. “Sa e la pesa.” Cô đã làm phép tính trên đường về: nồi hấp, những ca đỡ đỡ, cuộc xem xét. Cô cũng sẽ làm đúng điều Cora đã làm, chỉ muộn hơn một

tuần, sau khi thua cuộc tranh cãi, và phòng khám sẽ phải qua một tuần không có đèn. “Li te viza li avan mo. An li pa te lana mo.” Cora đã thấy điều đó trước, và đã không đợi cô.

“An li pa te manda.”

“An li pa te manda.” Solène ấn đầu bút chì vào bụng ngón tay cái cho đến khi đau. “Dies ane na deska so, an li toujou manda mo.” Ngăn kéo nào để gác. Liệu, ngay chiều hôm đó ngoài phố, Solène có để bà tự xách can của mình không. “Me la sèl fua ra sa e enpotan, li pasa devan Pascale an li sinyà.” Một lần duy nhất điều đó quan trọng, Cora lại đi thẳng qua Pascale trên bậc thềm và ký.

Lena im lặng. Rồi bàn tay cầm súng rời khỏi đầu gối, lấy cây bút chì khỏi những ngón tay Solène và bỏ vào túi áo của chính Lena, rồi cài khuy túi lại.

“Mo ve randa li a tu demen matin” Lena nói. Sáng mai nó sẽ trở về.

“Mo neda li.”

“Tu pa neda li su techò. Tu ap konta ave li. Mo pu audi ki tu ap konta.” Solène đang đếm bằng nó, Lena nói; từ đầu kia bằng ghế cũng nghe được tiếng đếm. Lena ngả lưng vào tường chắn mái. “Cora te e klèk avan nu pu leza.” Có lẽ, Lena nói, bà ấy đã không hỏi vì biết Solène sẽ nói gì, và biết Solène sẽ đứng, và biết mình vẫn sẽ làm, và không muốn làm điều đó ngay trước mặt cô. “Mona ye pa fasa sa devan la mona ra le respekta.”

“Tu e jenere.” Đó là một cách hiểu rộng lượng, Solène nói.

“Sa e nuit. Mo e jenere a nuit. Na jou, mo sere meta tet di li na barik dlo lapli.” Ban ngày, Lena nói, đầu Cora sẽ bị nhúng vào thùng nước mưa.

Solène bật cười, và tiếng cười thoát ra khỏi cô trong một hơi thở dài mang theo một phần của ngày hôm ấy, và cô nghiêng người sang cho đến khi vai chạm vai Lena và để yên ở đó. Chớp nhiệt lóe trên Hồ không một tiếng động, soi sáng mặt dưới những đám mây không mang mưa. Xa ngoài tường vòng, tới phía hồ, một dãy đèn nhỏ đang chậm chạp di chuyển trên mặt nước tối, và Lena nói đó là xuồng của Vùng Lún, ra tìm cá cháo lớn, vì có ai đó ở Bến Diệc đã thả một cái nhiệt kế xuống Hồ tuần trước và cả Vùng Lún đã chờ đợi nó từ đó, như một gia đình chờ một ca sinh nở.

Tiếng khóc vang lên ngay trước nửa đêm một chút. Nó vọng lên phố Palmer từ tầng hai phía trên cửa hàng lưới, mảnh và giận dữ, một âm thanh như bản lề gỉ không có ý định dừng lại, rồi giọng một người phụ nữ bên dưới nó, mệt mỏi và cười, rồi giọng một người phụ nữ thứ hai, trầm hơn, mà Solène nhận ra.

“Sa e la bebe di Theriot” Lena nói.

Solène ngồi rất yên. Đầu đó trong căn phòng phía trên cửa hàng lưới, chiếc kéo đã được đun sôi. Ngọn đèn cạnh giường đang cháy. Cora đang nói gì đó với người mẹ bằng giọng biên nhận đều đều của bà, cái giọng bà dùng để bảo người ta rằng điều tồi tệ nhất đã qua, và Solène không nghe được từ ngữ, chỉ nghe được hình dáng của chúng, và đứa bé cứ khóc mãi, át lên trên tất cả.

“Sa e la dos kanis di Cora” Lena nói.

“Mo sava li.”

“Mo selman ap pava.” Lena chỉ nói vậy thôi.

“Mo sava ki tu ap pava.” Cô đưa tay che mắt. Một lúc sau cô bỏ tay xuống. Đứa bé đã nín. Chớp vẫn lóe trên Hồ, im lặng, soi những ngọn đèn nhỏ của những chiếc thuyền tìm cá cháo lớn từ trên cao để trong một khoảnh khắc mỗi chiếc đều có một cái bóng. “Demen

matin mo gon pava a li ki mo pa te korek su la kalkil.” Sáng mai cô sẽ nói với Cora rằng cô đã sai về phép tính.

“Pa su la rekor.”

“No. Pa su la rekor.”

Về sau, trong căn phòng họ ở chung phía sau tầng hai, với cửa chớp mở toang đón cái nóng và nhịp bơm dội lên qua khung giường vào cả hai người, Lena cởi khuy túi và trả lại cô cây bút chì, rồi lại lấy đi và đặt nó xuống sàn, và Solène để nó đi.



Mặt cắt một chiếc đế giày

Trích sổ bàn thợ của Janelle Mouton, trang có hình vẽ mặt cắt một chiếc đế giày ở đầu trang.

Vào buổi sáng thứ mười, bên bàn thợ của mình ở Dãy Sabine, Janelle Mouton lấy đôi ủng của người đưa hàng xuống khỏi kệ.

Cô làm việc đó lúc rạng đông, trước khi cửa chớp được kéo lên, trước khi Sơ Octavia mang cà phê diệp xoăn sang, vì cô không muốn ai trong ngõ nhìn thấy cô làm rồi về sau kể lại sai chuyện. Quy định trên tấm thẻ ở quầy ghi mười ngày, và đã mười ngày kể từ khi cậu trai trên sàn đi ngang nền tiệm cô mà không gây ra một tiếng động. Chúng là của cô rồi. Cô tự nhủ như thế hai lần. Cả đời cô chưa từng cắt hồng hàng của khách, kể cả những món thuộc về bàn thợ theo quy định; cô bán chúng, hoặc thay để rồi bỏ vào thùng từ thiện ở nhà thờ St. Brigid, hoặc giữ lại lấy phụ tùng. Cô sắp cắt đôi này ra. Cô đã nghĩ về chuyện đó suốt ba ngày.

Cô đặt chiếc ủng trái lên bàn thợ dưới ngọn đèn, để ngửa lên, và nhìn nó một lúc.

Đế giày là một khối liền, hoặc trông như một khối liền: một lớp gai để màu xám sẫm với hoa văn hình chữ V nông, chỉ mòn chút ít ở gót và ở mũi bàn chân, gắn vào thân giày khít đến mức cô không nhìn ra đường nối. Cô miết ngón cái dọc mép đế. Cậu trai trên sàn đã đi bằng chiếc đế này trên những tấm lưới sắt của Dãy Sabine và những bậc sắt của cầu thang công vụ, vậy mà nó gần như không mòn. Cô nghĩ đến đôi đế nứt của Hortense nằm trong túi trên móc: hai tuần đập bàn đập mà trông chúng như bị nhai nát.

Cô cầm con dao mỏng, con dao cô dùng để lạng da, và cắt vào mép đế ở chỗ vòm, nơi ít quan trọng nhất, một đường thẳng cắt ngang bề rộng. Lưỡi dao đi qua lớp gai để chẳng tốn sức. Rồi nó chạm phải thứ gì cứng và dừng lại.

Cô dùng một cây dùi banh vết cắt ra và nhìn vào.

Dưới lớp gai để là một lớp mỏng và cứng, màu xám, nhẵn, dày chẳng hơn cái móng tay là mấy. Nó không cong khi cô ấn dùi vào. Dưới lớp ấy là một lớp chất gì đó mềm: màu nâu xám, dẻo quánh, dày hơn lớp cứng, chừng ba milimét. Khi cô ấn mũi dùi vào, nó lún xuống, và khi cô rút dùi ra, cái lỗ không khép lại ngay. Nó khép lại chậm chạp, ngay trước mắt cô, như mặt ong nguội khép lại trên một cái thìa. Dưới lớp dẻo là một lớp cứng nữa, mỏng như lớp đầu. Dưới đó là một lớp xốp chắc, rồi đến lót giày.

Bốn lớp, cô nghĩ. Cứng, mềm, cứng, rồi lớp xốp. Ai đó đã dựng chiếc đế này theo cách người thợ nề xây một bức tường có một khoảng hở bên trong.

Cô cắt một đường thứ hai song song với đường đầu, cách nhau hai ngón tay, nạy dài để ra và giờ lên ngọn đèn. Nó là một cái bánh kẹp. Cô bẻ cong nó. Hai lớp cứng cong theo nhau còn lớp mềm ở giữa thì trượt lệch, cô nhìn thấy được, tấm trên trượt đi một khoảng bằng sợi tóc so với tấm dưới, lớp dẻo giãn ra ở giữa, và khi cô buông tay nó bò trở lại, không gây một tiếng động nào. Cô ấn móng tay cái vào lớp dẻo và để lại một vết hình trăng lưỡi liềm. Vết trăng lưỡi liềm đầy lại sau một lượt đếm chậm đến mười.

Rồi cô làm điều cô đã muốn làm từ khi người đưa hàng đi ngang nền tiệm cô. Cô để phần còn lại của chiếc ủng sang một bên, rót nước từ cái bình vào một cái cốc thiếc, đặt cốc lên tấm lưới sắt trần của nền tiệm, ngay trên rãnh thoát nước, rồi ngồi xổm bên cạnh.

Nước trong cốc chưa bao giờ đứng yên. Cô đã biết điều đó. Ai ở Vùng Bùn cũng biết. Đặt một cốc thủy tinh lên bàn là mặt nước gợn lên những vòng tròn li ti, hết lượt này đến lượt khác, một sự run rẩy mà người ta thôi không còn nhận ra từ năm lên ba. Đó là nhịp bơm, hay phần nhịp bơm quá nhanh để đếm: cổ máy, sắt thép, mặt đất, tất cả dội lên vào trong nước. Cô nhìn những vòng tròn rùng mình lan từ giữa ra đến vành rồi quay về.

Cô nhắc cốc lên đặt lên dài để đã cắt, đặt dài để lên tấm lưới ở đúng chỗ cũ, rồi lại ngồi xổm xuống.

Những vòng tròn biến mất. Không phải ngay lập tức, và không phải tất cả. Nước rung lên một lúc vì tay cô, rồi lắng xuống, rồi nằm gần như phẳng lặng, một lớp màng trong mà xin với một chút rung rất nhẹ, nhẹ đến mức cô phải ghé mắt sát vành cốc mới chắc là mình thấy. Cô áp bàn tay xuống tấm lưới cạnh dài để. Nhịp bơm dội lên lòng bàn tay cô như mọi khi, cái ấn chậm rồi buông, bốn mươi lần một phút, ca ngày đang đập bàn đập của Delphine. Cô nhắc tay lên và thay vào đó đặt hai ngón tay lên vành cốc. Cái ấn chậm vẫn còn đó, mờ nhạt, cả cái cốc nhích lên một sợi tóc rồi hạ xuống theo nền. Cái rung rì rì đã không còn. Phần nhanh và li ti, phần ngấm vào răng người ta ban đêm, vào hàm và vào nước, phần cô đã cảm thấy suốt đời mà không có tên gọi, không truyền qua được dài để.

Cô dời cốc về chỗ sắt trần. Những vòng tròn quay lại. Cô dời nó sang dài để. Chúng biến mất.

Cô làm vậy sáu lần. Rồi cô ngồi lúi trên hai gót chân trên tấm lưới trong ánh sáng xám, chiếc ủng bị cắt nằm trên bàn thợ phía trên đầu, và nghĩ về cậu trai trên sàn đi ngang nền tiệm cô không một tiếng động, về những người đưa hàng của Tầng Tám ngày nào cũng xuống cầu thang công vụ trong những đôi ủng như thế này, đi trên sắt của Vùng Bùn suốt buổi sáng mà chẳng cảm thấy gì, rồi tối lại trở lên những sàn im lặng như chết của họ với hàm răng không nghiêng chặt. Người đưa hàng ấy đã đi trên một bức tường.

Nó không chặn được nhịp bơm. Cô muốn rõ ràng với chính mình về điều đó, vì cô đã cảm thấy ý nghĩ ấy đang chạy vượt lên trước mình, và cô từng thấy di mình làm hỏng da tốt chỉ vì quá hăng. Cái ấn chậm vẫn truyền qua. Thứ mà tấm ghép lớp chặn lại là phần còn lại, sự rung li ti, cái phần mà phòng khám gọi là một môi còn mẹ cô gọi là yếu thần kinh. Người ta vẫn sẽ cảm thấy phờ phạc. Chỉ là sẽ không cảm thấy nó trong răng.

Cô đứng dậy lấy cuốn sổ bàn thợ và một cây bút chì, ngồi vào bàn, và trên một trang mới cô vẽ mặt cắt của dài để, theo cách di cô từng vẽ một đường viền đế: bốn dài, những dài cứng tô chì đặc còn dài mềm gạch chéo, độ dày ghi bên cạnh theo khả năng cô đo được bằng cây thước. *Gai đế, 4 mm. Tấm cứng, dưới 1. Lớp dẻo, khoảng 3, khếp chậm, không tiếng động. Tấm cứng, dưới 1. Xốp, 5.* Bên dưới hình vẽ cô ghi lại những gì đã thấy trong cốc. Cô

vẽ cái cốc trên sắt có vòng tròn trong đó và cái cốc trên dải để thì không. Rồi cô ngồi nhìn trang giấy.

Bên kia ngõ, đèn của tủ chuyển tiếp nhấp nháy màu hổ phách trên bức tường xám. Ngược lên phía đầu dãy, những cửa chớp đầu tiên đang được kéo lên. Cửa lò của Sơ Octavia đánh rầm một tiếng. Mùi tảo hấp từ bếp nhà ai đó trôi xuống con ngõ, và dưới ghế đầu của cô tấm lưới truyền nhịp bơm lên qua chân ghế vào người cô, phần li ti và phần chậm cùng lúc, như vẫn luôn thế.

Cô nhìn dải để nằm trên bàn, rồi nhìn cái túi trên móc đựng giày đập bom của đội Delphine, nút ở mũi bàn chân phía chân đập, cả năm đôi, và cô chưa cho phép mình nghĩ đến điều tiếp theo. Cô cầm bút chì lên lần nữa và viết, ở cuối trang, điều duy nhất cô chắc chắn: *Đây là cách họ đi êm.*

* * *

Theo lời kể của Janelle Mouton; của Nessa, lời kể nói rằng mùi keo bám trên tóc Nessa suốt ba ngày và thật đáng.

Vào đêm thứ năm sau khi cô cắt chiếc ủng của người đưa hàng, gần nửa đêm, Janelle đang dán tấm ghép lớp dưới ngọn đèn bên bàn thợ ở Dây Sabine, cửa chớp kéo xuống một nửa và keo dán tiếp xúc khiến cả mái hiên bốc mùi như lớp xe cháy, thì Nessa cúi người chui qua cửa chớp với một phểu giấy đựng cua luộc và một hộp đàn vĩ cầm không phải của Nessa.

“Di Rosaire” Nessa nói, đặt hộp đàn lên chiếc ghế đầu dành cho khách. Con trai Rosaire bị sốt và anh ấy không chịu rời con, nên Nessa cầm cây đàn của anh ấy mà không có người kéo đàn cho ngày mai. “Mo gon peli li mo mem an gate repitasyon di Long Room.” Nessa nhìn cái bàn. “Wani e ode sa? Tu santi kom Basin.”

“Siman.”

“Tu ap envenena tu mem po pie di Delphine Aubry.”

“Po pie di ekip di li.” Janelle giơ lên một tấm kếp đã xong, gồm tôn chống thấm và chất dẻo xám, kếp giữa hai tấm ván với một viên gạch đề lên trên. “Pa touche sa. Li ap pran.”

Nessa ngồi xuống nền tiệm, lưng tựa vào rường đồ nghề, bóc một con cua và ngắm cô làm việc, điều Janelle chưa bao giờ quen được và sẽ nhớ da diết nếu thiếu. Bên cổ Nessa có một vết hằn của cái tì cầm của cây đàn, ở chỗ thường chẳng có cây đàn nào tì vào, và Janelle cứ nhìn nó mãi trong lúc phết keo.

“Vena demen” Nessa nói.

“Mo pa pu demen. La pad ye antra demen swar. Si le fayi, mo douva e da.” Cô không đi được: tối mai đêm sẽ được lót vào giày của đội, và nếu chúng hỏng thì cô phải có mặt ở đây.

“Si le fayi, Delphine ve frapa violet di tu. Nu ve audi li na Long Room.” Nessa liếm ngón cái. “Sa e benefis di Last Row. Chan di arbol fantom. Tu amu chan di arbol fantom.”

“Mo amu li kan tu pa rata la pawol.”

“Sa te un fua.”

“Sa te la nuit ra tu te dava mo la kle” Janelle nói, và cả hai im lặng một lúc, vì chiếc chìa khóa đang ở trên sợi dây đeo nơi cổ cô ngay lúc này, cùng chìa khóa tiệm và chìa khóa rường thiếc, gõ vào bàn mỗi khi cô cúi người, và họ chưa nói về ý nghĩa của nó kể từ khi Nessa

đặt nó xuống giữa hai đĩa cá đối ba tháng trước. Nó có nghĩa là căn phòng của Nessa ở phố Palmer, một cánh cửa Janelle có thể mở mà không cần gõ. Cô đã mở nó mười một lần và chưa nói với Nessa là cô đang đếm.

“Vena apre la pad ye” Nessa nói. “Vena tard. Vena a dos.” Nessa sẽ chơi lại bài hát cây ma lúc hai giờ chỉ riêng cho Janelle, và không sót một lời. “Ko tu pu macha ave mo a kay.”

Nessa đứng dậy, đến đứng sau lưng cô, đặt cả hai tay lên vai cô, đôi vai cứng như đá vì cúi bên bàn thợ, ấn ngón cái xuống, và Janelle nhắm mắt lại. Nhịp bơm dội lên qua tấm lưới sắt của nền, chậm, Phường 7, và ngón cái của Nessa vô tình tìm thấy nó và ấn theo nhịp. “Kita mo kola un” Nessa nói vào tóc cô. “Mo bon ave men di mo. Toti mona pava sa.”

Cô để Nessa dán một tấm. Nessa dán dở, phết keo quá dày, dính cả lên hai cổ tay, rồi bật cười vì cái mùi, và tấm đệm ra lộ lệch một chút, nên Janelle lấy phấn đánh dấu chữ N ở mặt dưới để biết phải để mắt đến tấm nào.

Bên kia ngõ có ngọn đèn đang cháy ở cửa sổ nhà kho của nhà Hurley, cửa sổ đã tối suốt một năm cho đến mấy đêm trước. Người phụ nữ thuê căn phòng ấy đến bên cửa sổ trong lúc họ làm việc, một phụ nữ trẻ từ Basin với cơn ho kéo dài lâu hơn một cơn ho nên kéo, đứng tựa tay vào khung cửa nhìn tù chuyển tiếp trong lớp vỏ gạch của nó, rồi kéo rèm lại.

“Wini sa?” Nessa nói.

“Rafineri alkila kamra deye di Hurley ye pafwa, po kekmoun sida ave la kaben.” Thỉnh thoảng nhà máy lọc dầu thuê căn phòng sau nhà Hurley cho ai đó đến ngồi canh tù chuyển tiếp. Janelle nhìn tấm rèm. “La denyte te chanta kantik toti nuit, an Vye Batraverse te skriva a mè.” Người lần trước đã hát thánh ca suốt đêm, và Lão Batraverse đã viết thư lên Thị trưởng.

Nessa lại ngồi xuống tựa vào rương đồ nghề, và vào lúc nào đó sau một giờ, trong khi Janelle đang cắt nút bàn, thì ngủ thiếp đi ở đó, một tay áp phẳng lên tấm lưới sắt của nền, cảm nhận phường. Janelle làm cho đến khi tấm đệm cuối cùng nằm dưới viên gạch của nó, rồi ngồi trên ghế đầu nhìn Nessa ngủ, hộp đàn làm gối, mùi keo trên tóc Nessa, và nhịp bơm dội lên lòng bàn tay đang mở, chậm đến mức có thể ngủ thiếp đi giữa hai nhịp.

* * *

Theo lời kể của Nox, phần anh kể trong trận băng giá, bên bàn bếp, cho Junie, người đã hỏi; phiếu hành khách của tuyến đường sông Liên Minh, thứ anh vẫn giữ.

Con thuyền Liên Minh xuôi xuống đoạn sông cuối cùng vào buổi chiều ngày thứ hai của vụ rắc rối đầu ở Phường 7, dù không ai trên thuyền biết điều đó, và Nox ngồi trên lan can đuôi thuyền, lưng tựa vào một thùng ổ trục máy bơm, nhìn đôi bờ dần phẳng ra.

Ở thượng nguồn, đất có hình dáng. Các thị trấn đoàn xe nằm trên những bờ cao xưa, trên nền đất đã cao từ trước khi nước tới và vẫn cao, với nhà kho gạch, lán chứa ngũ cốc và những con phố không cần nâng lên vì chưa từng có gì tràn vào chúng. Anh đã sống mười một năm trên vùng đất ấy. Đi xuôi xuống, người ta có thể thấy nó kết thúc ở đâu. Đôi bờ thấp dần một chút mỗi giờ, rặng liễu nhường chỗ cho lau sậy, lau sậy nhường chỗ cho đầm lầy trống trải với con đường cũ chạy xuyên qua trên một con đê nửa chìm dưới nước, và mùi thay đổi từ bụi và dầu diesel sang muối, mực rửa và mùi xanh ngọt nặng của đầm lầy vào mùa nóng ẩm. Con sông trở nên rộng, nâu và chậm. Bờ nông xuất hiện.

Anh đã quên mất lũ bồ nông. Anh nhìn một hàng bồ nông bay thấp qua, sáu con nổi nhau, không vỗ cánh, và cảm thấy một thứ gì đó trong lồng ngực mình làm một điều mà anh không có tên gọi.

Có mười bốn hành khách trên phiếu. Chín người là người của Liên Minh, về nhà vì đã xong hẩn hoặc về nhà nghỉ phép, và nhìn cách họ ngồi là biết ai thuộc loại nào. Những người nghỉ phép ngồi cùng nhau chơi bài trên một cái xô úp ngược và bàn về những món họ sẽ ăn. Những người đã xong hẩn thì ngồi riêng. Một người đàn ông ở Phường 22 chỉ còn một bàn tay, tay trái, đã thất ống tay áo phải trống rỗng thành một nút và cứ sờ mãi vào cái nút. Một người phụ nữ chừng bốn mươi tuổi, vạch quần hàm trung sĩ Liên Minh đã được tháo chỉ khỏi tay áo nên vẫn thấy mảng vải sẫm hơn ở chỗ nó từng dính, đang về với một người em gái ở Phường 40 mà chị chưa gặp lại từ khi em còn bé. Một cậu trai chưa thể quá hai mươi, giấy tờ đựng trong một cái hộp thiếc mà cậu giữ trên đầu gối suốt dọc đường, đã hỏi Nox vào buổi sáng đầu tiên rằng có thật là người ta trả lại xềng cho mình không, tất cả, tính từ ngày mình đi.

“Sa vre” Nox nói.

“Toti?”

“Depi la jou ra tu vena baka.” Ý Nox là tính từ ngày mình quay về, chứ không phải từ ngày mình đi.

Cậu trai nghỉ về điều đó rất lâu rồi không hỏi gì thêm.

Áo khoác của Nox cùng màu xám như áo của tất cả bọn họ, kiểu áo đã chiến cũ, có vá. Chỉ áo của anh là túi bị khâu kín. Anh đã làm việc đó trong một doanh trại ở thị trấn cuối cùng, bên một ô cửa sổ, với chỉ đen của quân nhu và một cây kim anh đã phải hỏi xin hai lần, tám mũi một túi, bốn túi, anh làm chậm rãi và gọn gàng rồi ngồi với chiếc áo vắt ngang đầu gối suốt một tiếng đồng hồ. Người phụ nữ có vạch quần hàm đã tháo chỉ đã nhìn những cái túi vào ngày đầu tiên rồi nhìn anh, và anh nhìn lại, và chị gạt đầu như thể anh vừa nói với chị điều gì đó, và từ đó đến giờ cả hai chưa ai nói một lời về chuyện ấy. Vào đêm thứ hai chị mời anh nửa quả cam. Anh đã nhận.

Vào cuối buổi chiều, dải gò nhô lên khỏi vùng đất phẳng ở bờ phải, mảnh đất cao duy nhất trong vòng hai mươi dặm, và trên đó là bến: một cầu tàu gỗ dài trên cọc, một lán hải

quan treo cờ Liên Minh và cờ Tập Đoàn cạnh nhau mà không hẳn chạm vào nhau, một dãy nhà kho, một nhà trọ có biển sơn. Và phía sau dải gò, về phía nam và phía đông, lấp kín cả đường chân trời từ bên này sang bên kia, là thành phố.

Anh đã biết nó sẽ ở đó. Anh không biết nó lại lớn đến thế.

Tầng Tán hiện ra trước tiên, vì nó cao nhất: các sà, tầng này chồng tầng kia, trắng và xanh lục, với những khu vườn treo rủ khỏi mép và kính chạy dọc mặt tiền đón ánh nắng chiều thấp, và những cột cao mảnh dựng lên từ đó với những ngọn đèn đỏ nhỏ. Bên dưới các sà là Tầng Giữa, xám và chia bậc. Và bên dưới nữa, trải ra dưới tất cả cho đến tận mép Hồ, phẳng, nâu và đầy nước, là những lòng chảo của Vùng Bùn, với những bức tường vòng bao quanh như vành đĩa, những nhà bơm dọc theo tường vòng với ống khói của chúng, và những cột cao. Anh cố tìm Phường 7. Từ đây anh không tìm được. Anh tìm thấy Hồ và đường thẳng dài của bức tường Dây Bể Chứa, anh nghĩ vậy, rồi đếm vào từ đó, rồi bỏ cuộc.

Họ gặp bên lúc sáu giờ. Hành khách lần lượt từng người đi xuống cầu ván, qua một thư ký Liên Minh cầm sổ và một thư ký Tập Đoàn cầm con dấu, và mỗi người được ghi vào cuốn sổ này và đóng dấu ở cuốn kia. Người thư ký cầm dấu hỏi anh đi đâu. Anh nói Phường 7. Người thư ký hỏi anh đã đăng ký chưa. Anh nói anh sẽ đăng ký vào ngày mai ở bàn hồi hương Tầng Giữa. Người thư ký bảo anh nhà trọ giá hai xèng một đêm, không nhận tiền giấy Liên Minh, và bàn hồi hương mở cửa lúc tám giờ, rồi đóng dấu cho anh và nhìn qua anh sang người kế tiếp.

Anh không có xèng. Xèng của anh sẽ được khôi phục khi anh đăng ký. Anh ngủ trên cầu tàu.

Nhiều người trong số họ ngủ trên cầu tàu. Cậu trai với cái hộp thiếc, người đàn ông một tay, và ba trong số những người chơi bài, những người đã tiêu hết tiền giấy trên thuyền. Cũng không tệ. Những tấm ván cầu tàu giữ hơi nóng của ngày, có gió thổi từ sông lên, và dải gò là đất chắc, đá nằm dưới lớp đất đắp, nên ván không xê dịch. Không có gì xê dịch. Anh nằm ngửa, khoanh tay, nhìn bầu trời mà không ngủ được, và anh không biết vì sao, rồi đổ cho cái nóng.

Hơn mười giờ một chút, người đàn ông một tay ngồi dậy bên cạnh anh và nói, “Mira sa.”

Thành phố đã lên đèn. Tầng Tán tự thấp sáng từ đầu này đến đầu kia, sà nổi sà ánh đèn trắng, những chuỗi đèn dọc mép vườn, những mặt kính dài vàng rực từ bên trong. Tầng Giữa có đèn đường. Và bên dưới, nơi những lòng chảo nằm, có một mảng tối. Không phải tối hết. Phần lớn Vùng Bùn vẫn thấp đèn, mờ và vàng, như vẫn luôn thế, rải rác suốt đến tận Hồ. Nhưng một mảng ở giữa đã tắt, rộng mấy phường, đen kịt trừ vài đốm sáng, như thể có ai đó đặt bàn tay lên che nó.

“Kouran koupe” người đàn ông một tay nói.

“No” Nox nói. Anh không biết vì sao mình nói vậy, chỉ biết rằng anh từng mười chín tuổi, trên một mái nhà ở Phường 7, nhìn chuyện này xảy ra từ phía bên kia. “Na chale, Biwo Chaj koupa sikui lanp di katye ye a dies, po ponp ye manja. Apre dies, Labou limena ave luil.” Vào mùa nóng, phòng điều tải cắt mạch đèn lúc mười giờ để dồn điện cho máy bơm, và sau mười giờ Vùng Bùn thấp đèn bằng dầu.

“Ko le pa havi luil.” Còn nếu họ không có dầu.

“Petet.”

Hai người cùng nhìn nó một lúc, mặng tối giữa thành phố rực đèn. Nox lại cố đếm vào từ bức tường Dây Bể Chứa. Anh nghĩ mặng tối nằm vào khoảng chỗ Phường 7 phải ở. Điều đó anh không biết. Anh nghĩ đến ngọn đèn phòng khám của Cái Đe, chiếc đèn đồng có bóng thủy tinh trong mà sáng nào Yvonne cũng cắt bắc dù đêm trước nó có được thắp hay không, và nghĩ không biết đêm nay nó có sáng không, và ai đang ngồi dưới nó.

“Tu havi moun anba du?” người đàn ông một tay nói.

Nox không trả lời lâu đến mức người đàn ông nằm xuống lại.

“Mo te havi” Nox nói với không ai cả, một lúc sau, rồi áp bàn tay phẳng lên áo khoác chỗ trên tim, nơi thể hệ tịch sẽ nằm vào ngày mai, rồi chớp mắt được một chút gần sáng, và thức dậy cùng tiếng mòng biển.



Dòng chăm sóc

Từ một tấm áp phích của Thương Xá Clairmont, như được dán trên chiếu nghỉ cầu thang Toulouse vào mùa nóng ẩm Năm 19; phần chữ phần bên dưới không phải của thương xá.

BÌNH YÊN LÀ MỘT TẦN SỐ.

Bạn mệt ư? Tất nhiên là bạn mệt. Bạn sống bên dưới một thứ gì đó.

Thương Xá Clairmont mời bạn nghỉ ngơi theo cách các sản phẩm nghỉ ngơi. Các quầy máy tiếng ngân của chúng tôi có đủ dòng sản phẩm Halcyon: Thánh Ca, màu đen, màu kem và màu đỏ quà tặng; Gối, để mang đi đường; và, mới trong mùa này, Nôi, dành cho đứa trẻ sơ sinh không chịu yên giấc và người mẹ đã thôi cố gắng.

Năm trăm hai mươi tám. Hãy nói thật chậm. Nhiều khách hàng nhận thấy rằng nói thật chậm sẽ giúp ích.

Vì sao các sản phẩm được? Có người bảo là do vật liệu tổng hợp. Có người bảo là do độ cao, hay các giá đỡ, hay khoảng cách với mặt đất. Chúng tôi nói: hãy lắng nghe.

TRẢ GÓP DỄ DÀNG CHO NHÂN VIÊN PHỤC VỤ. Mang một chiếc Thánh Ca về nhà ngay hôm nay, trả trước bốn xèng và mỗi tuần một xèng trong bốn mươi tuần, khấu trừ tận nguồn qua các cơ quan tham gia chương trình. Hộp bị thu hồi do nợ đọng được thu hồi một cách cẩn thận, và có thể được bán lại cho một hộ khác với giá giảm, vẫn còn ấm.

KHÁCH HÀNG CỦA CHÚNG TÔI NÓI GÌ.

“Trước kia tôi nghe thấy hàng xóm. Giờ tôi chẳng nghe thấy gì, và tôi đã thôi thắc mắc về họ.” (Một nhân viên hộ tịch, Tầng Giữa.)

“Con trai tôi đêm nào cũng khóc cho đến khi chúng tôi mua chiếc Nôi. Giờ cháu khóc theo một kiểu chúng tôi thấy dễ chịu hơn.” (Một hộ trên sàn, Esplanade.)

“Tôi không biết nó làm gì. Tôi biết mình đã trả bao nhiêu cho nó.” (Một thợ lắp máy bơm, giấu tên theo yêu cầu của anh.)

Bình yên không phải là một khẳng định y khoa. Bình yên là một cảm giác bạn có quyền mua.

Thương Xá Clairmont, thêm thứ ba, dốc Tầng Giữa. Mở cửa mọi ngày trừ những ngày nước dâng, khi thương xá đóng cửa vì sự thoải mái của nhân viên, những người sống ở bên dưới.

Dưới tấm áp phích, bằng phấn, ở tầm với của một đứa trẻ: *CHÚNG TÔI CÓ MỘT CÁI MÁY BƠM CHO VIỆC ĐÓ*. Bên dưới nữa, bằng nét chữ người lớn: *VÀ NÓ CÓ MỘT BÀI CA*.

* * *

Từ sổ làm việc của Margaux Abagnale; dòng MGoor; tờ đơn của Vessa, như được tiếp nhận tại phòng văn thư.

Pascale đặt mẫu giấy vào tay Margaux lúc tám giờ hai mươi, trên bậc thềm phòng văn thư, với dáng vẻ của một cô bé đang trao một trái tim đựng trong hộp.

Margaux đứng đọc. Bút chì đỏ của Solène, những chữ in hoa ngắn và vuông vức của Solène, bốn dòng và một câu hỏi không có dấu hỏi. *Nó đi đâu rồi*. Cô lật tờ giấy lại, không thấy gì ở mặt sau, rồi lật lần nữa. Pascale đợi ở bậc dưới cô, hai tay chắp sau lưng, mồm hơi thăm qua áo, một đứa con gái Phường 7 ở Tầng Giữa vào cái giờ các thư ký kéo nhau lên dốc trong bộ đồ lạnh màu nhạt và đi vòng qua con bé như thể con bé là một cái cột.

“Li te pava kekchoz otra?” Tiếng Kanal của Margaux cẩn thận và hơi cứng, kiểu Kanal của nhân viên văn thư, học bên bàn ăn ở Cái Đe khi cô đã lớn.

“Li te pava: meta li na men di li.” Pascale ngẫm nghĩ. “Li te fache. Pa ave tu. Ave Madame Badeaux, mo pensa. Le te diskite na lari kote tiyo Mercy. Toti mona te viza.” Solène chỉ dặn rằng mẫu giấy phải được đặt vào tay Margaux, và chị ấy đã giận, dù không phải giận Margaux: mà giận Madame Badeaux, Pascale nghĩ. Hai người đã cãi nhau ngoài phố cạnh vòi nước công cộng phố Mercy, và ai cũng thấy.

“Su lui?”

“Madame Badeaux te sinya la relis. Dos kanis po toti trimès.” Pascale nói câu đó theo cái cách cả ngõ hẻm đã nói từ chiều hôm qua, nửa hả hê nửa phẫn nộ: Madame Badeaux đã ký lệnh xuất dầu, hai can cho cả quý. “Madame Lafitte te souliye li an wouj devan administraté.” Gạch dưới bằng bút đỏ, ngay trước mặt Asante.

Margaux gấp mẫu giấy kẹp vào sổ. Cô cho Pascale một phần tư xèng để mua một cốc ở xe bán nước diệp xoắn đầu góc phố, Pascale nhận lấy một cách đường hoàng, và cô bảo con bé quay xuống trước khi trạm kiểm soát đổi ca, vì lính Thanh Tẩy ca ngày ở cầu thang Toulouse xem giấy thông hành của giao liên chậm hơn bọn ca đêm, và ác hơn. Rồi cô bước lên bậc thềm, qua cánh cửa đồng của phòng văn thư thuộc văn phòng thị trường, đi dọc căn phòng dài tới bàn mình dưới khung cửa sổ thứ ba, và sự tĩnh lặng của tòa nhà khép lại trên đầu cô như nước.

* * *

Từ sổ làm việc của Margaux Abagnale, trang đầu tiên trong ngày; tập quy trình của phòng văn thư.

Lúc tám rưỡi sáng, Tầng Giữa đã nóng. Nó nằm trên con dốc giữa dải gò và những lòng chảo, và nó được xây để chẳng là bên nào cả. Phố xá ở đây là cầu thang, đường dốc và những bậc thềm, lớp vữa trắng ngà xám, những dãy hành lang vòm có mái hiên, những quầy đối xứng với song chắn bằng đồng, những văn phòng thư ký chồng cao bốn tầng, cửa sổ quay về phía thượng thành hướng tới các sân của Tầng Tần và quay lưng lại với Vùng Bùn. Đất ở đây cũ hơn và cao hơn những lòng chảo nhưng không phải là dải gò, và chưa bao giờ được giảm chấn. Ở Tầng Giữa, nếu đứng yên trên một bậc cầu thang, bạn vẫn còn cảm thấy nhịp bơm. Người ta không đứng yên trên cầu thang. Ở thượng xá trên Thềm Esplanade, những người bán thứ bình yên đã dán áp phích, *BÌNH YÊN LÀ MỘT TẦN SỐ*, chữ trắng trên nền xanh dịu, và bên dưới khẩu hiệu là những chữ nhỏ hơn: *528: âm cổ xưa của sự hồi phục. Ngủ như Tầng Tần ngủ. Hộp từ ba xềng một tháng. Lấy cảm hứng từ lâm sàng.* Một tấm áp phích mới hơn bên cạnh vẽ một nữ lao động Vùng Bùn đeo vòng cổ, nằm ngủ trên ghế băng với nụ cười trên mặt, cùng dòng chữ *Chủ của bạn có thể đủ điều kiện hưởng giá tập thể.* Một người phụ nữ ở một sạp dưới các vòm cuốn đang biểu diễn một hộp tiếng ngân cho hai bà vợ thư ký xem, nâng cái vật nhỏ sơn mài lên sát tai từng người một trong khi họ nhắm mắt.

Phòng văn thư từng là một ngân hàng, vào một thế kỷ nào đó khi Tầng Giữa còn có ngân hàng. Nó có sàn đá cẩm thạch lát trên một tấm bê tông mà ai đó đã cách ly khỏi mặt đất bằng các giá đỡ từ hai thế hệ trước, khi văn phòng thị trưởng tiếp quản tòa nhà, và có loa phát trong các gờ trần phát tiếng ngân ở mức vừa vượt ngưỡng nghe. Margaux đã làm việc ở đây ba năm. Bàn của cô là một chiếc bàn gỗ sồi dài dưới một khung cửa sổ cao nhìn ra các giàn của Tuyến Thập Phần trên con dốc phía dưới, nơi những ống dẫn nang vươn lên khỏi Vùng Bùn trên các hàng cọc rồi đi vào mặt dưới của các sân, kêu xì xì. Trên bàn có một khay tiếp nhận, một giá phân loại bốn mươi ô, một máy sổ cái nối với đường chuyển tiếp kiểm toán của cái vỏ dân chính, và cuốn sổ làm việc của riêng cô, bìa vải xanh lá, mà cô đã bỏ tiền túi mua ở một hiệu văn phòng phẩm trong Khu Chồng Bywater vì sổ của phòng văn thư màu xám và cô không chịu nổi chúng.

Công việc của cô là công việc của phòng văn thư. Mọi thứ các phường gửi lên văn phòng thị trưởng mà không có chỗ thích đáng đều về phòng văn thư, và phòng văn thư tìm cho nó một chỗ. Đơn thỉnh nguyện, thư gửi thị trưởng, đơn kêu ca về hàng xóm, đơn xin giấy phép thuộc thẩm quyền những văn phòng khác, bản vẽ những tượng đài được đề xuất, có lần là một con cua chết, đựng trong hộp, kèm một mẫu giấy. Phòng văn thư vào sổ, đọc, tóm tắt rồi chuyển đi. Phần lớn được chuyển tới chẳng nơi nào cụ thể. Cái vỏ dân chính có một quyền mà Tập Đoàn không có, ấy là nó có thể kiểm toán. Nó không thể ra lệnh cho Quầy làm bất cứ điều gì. Nó có thể yêu cầu xem Quầy đã làm gì. Các nhân viên văn thư giữ một chứng chỉ đọc trên sổ cái phân phối của Quầy, để khi một phường viết *dầu của chúng tôi* thì phòng văn thư có thể tra rồi viết lại *đã giao đủ vào ngày mừng bốn*, và đóng hồ sơ.

Cả đời cô chưa từng đóng một hồ sơ theo cách ấy. Cô ngờ rằng đó là một trong những lý do bố cô đã thu xếp cho cô có công việc này. Ông đã tương ba năm *đã giao đủ* sẽ dạy cô điều gì đó về thành phố. Nó đã dạy cô một điều. Không phải điều ông muốn.

Cô ngồi xuống, đánh thức máy, và mở sổ cái phân phối của Quầy cho Phường 7, quý hai, đầu.

* * *

Từ sổ làm việc của Margaux Abagnale, trang đề MGo01; sổ cái phân phối của Quầy, Phường 7, quý hai, như được đọc trên máy của phòng văn thư trước khi quyền truy cập bị thu hồi.

Cái máy của phòng văn thư trên bàn Margaux Abagnale dưới khung cửa sổ thứ ba đã cũ và nhẵn nại, một khối xám với màn hình sáng xanh lục và bàn phím mà các chữ ở giữa đã mòn mất, và nó trả lời theo tốc độ của mạng chuyển tiếp, mà vào một buổi sáng nóng nực thì bằng tốc độ một người đàn ông đọc to. Margaux không phiền. Cô đã học đọc sổ cái trên giấy, bên khuỷu tay mẹ, trước khi học đọc sách, và sự chậm chạp của cái máy cho cô thời gian nhìn từng dòng theo cách mẹ đã dạy cô nhìn, như thể nó có thể đang nói dối.

Phần phân bổ của phường hiện ra trước. Phường 7, Q2: *Dầu ăn, 180 can. Dầu đốt, 400 can. Tình trạng: ĐÁ ĐÁP ỨNG ĐỦ.* Bên dưới là phần phân phối: phần chia cho từng hộ, cho phòng khám, cho hội quán các hội, hạn ngạch có giấy phép của các quán chiên, phần dự trữ tại bàn của chính Quầy. Cô tìm thấy dòng của Cái Đe. *Hộ Cái Đe (Palmer/Dauphine): ăn 12, đốt 24. Tình trạng: ĐÁ GIÀO.* Một sổ tham chiếu giao hàng, một mã kho, một ngày cách đây mười chín ngày. Theo sổ cái của Quầy, Cái Đe đã nhận đầu. Theo căn bếp của Cái Đe, thì chưa.

Cô ghi điều đó vào sổ của mình bằng bút chì. Rồi cô cộng cả phường.

Việc này mất gần một tiếng, vì cái máy mỗi lần chỉ cho cô xem mười hai dòng còn bảng phân phối dài tới ba trăm mấy dòng. Cô cộng từng màn hình ở lẽ một tờ giấy nháp của phòng văn thư rồi mang tổng sang. Dầu ăn cộng lại được một trăm tám mươi can. Dầu đốt cộng lại được ba trăm bốn mươi. Mọi dòng hộ khẩu, mọi phòng khám, hội quán và quán chiên, đều mang cùng một ngày giao và cùng một sổ tham chiếu kho, một lô duy nhất được ghi vào một buổi sáng mười chín ngày trước, nghĩa là Quầy đã ghi đầu của phường là đã giao ngay khi phân bổ, theo cách nó ghi phần lớn mọi thứ, còn bản thân những can đầu thì là bất cứ thứ gì tờ thông báo trên cửa văn phòng phường nói: chậm. Cô đã thấy Quầy làm thế cả trăm lần. Nó cầu thả và nó hợp pháp. Cột dầu đốt vẫn cộng lại được ba trăm bốn mươi so với phần phân bổ bốn trăm.

Sáu mươi can. Cô ngã người ra sau.

Trên máy có một phím *chi tiết đối soát*, phím mà các nhân viên văn thư được phép bấm nhưng hiếm khi bấm, vì phần chi tiết dài và các thư ký sổ cái của Quầy không thích bị hỏi về nó. Cô bấm. Sau một phút, màn hình đầy những điều chỉnh của quý: hàng trả lại, hàng hỏng, một can bị bục ở kho và bị xóa sổ, một khoản sửa hạn ngạch của một quán chiên. Ở dưới cùng là một mục mang một kiểu mã khác.

Chuyển ra. Dầu đốt Phường 7, 60 can, sang tài khoản CD/C-3.
Thẩm quyền: lệnh thường trực. Tình trạng: hoàn tất. Lệnh xuất kho 0-4471, đã gửi đi.

Đó là dòng duy nhất trong quý có số lệnh xuất kho. Dầu của phường đã được ghi sổ mà không được gửi đi. Sáu mươi can này thì đã rời kho.

Cô không biết tài khoản này. Các tài khoản của Quầy có mã chữ mà cô đã học trong tháng đầu tiên, bàn phường, kho, hội quán và người mua có giấy phép, và CD chẳng thuộc loại nào. Cô bấm phím xem tiêu đề tài khoản. Mạng chuyển tiếp ngấm ngấm. Rồi: *CD/C-3. Phòng Duy Trì, vật tư chăm sóc. Đơn vị thanh toán: Đội Canh. Quyền truy cập: đọc kiểm toán.*

Đọc kiểm toán. Chứng chỉ của cô bao gồm nó. Cô chưa từng biết chứng chỉ của mình bao gồm bất cứ thứ gì mang tên Đội Canh, và cô ngồi một lúc, tay để hờ trên các phím, cảm nhận tiếng ngân trong phòng, thứ áp lực ngọt và mờ nhạt ở tận đỉnh ngưỡng nghe mà người ta thôi để ý sau một tiếng đồng hồ rồi lại để ý khi sợ hãi. Cô không hẳn là sợ. Cô ý thức được rằng mình sắp xem một thứ mà lẽ ra cô không được phép nhìn thấy, rằng lý do cô nhìn thấy được nó có lẽ là sơ suất của ai đó, và rằng sơ suất thì sẽ bị sửa.

Cô mở nó.

Tài khoản liệt kê các dòng chăm sóc. Mỗi dòng là một cư dân: một số an trí, một cái tên, ngày bắt đầu an trí, và danh sách vật tư tính vào dòng ấy mỗi tuần. Màn hình hiện mười hai dòng. Một dòng tiêu đề cho biết còn nữa. Những cái tên chẳng có nghĩa gì với cô. Vật tư trên hầu hết các dòng đều như nhau, kiểu danh sách bạn sẽ chờ đợi ở một bệnh viện giữ bệnh nhân nằm lâu: đồ vải, áo choàng, băng gạc, dung dịch nuôi ăn. Vài dòng có đầu sưỡi. Cô lật qua, một màn hình mười hai dòng, rồi màn hình khác, đọc tên, ngày an trí, lùi về nhiều năm trước, cảm thấy dạ dày thắt lại như một bàn tay nắm vào. Tên một người phụ nữ với ngày an trí Năm 3. Tên một người đàn ông Năm 11. Cứ thế tiếp tục. Vài dòng không có vật tư nào cả, chỉ một dòng cuối: *Tình trạng: ĐÁ ĐÓNG. Lý do: CHUYỂN CHUƠNG TRÌNH. Nơi đến: KHÔNG TIẾT LỘ.* Dòng cũ nhất trong số đó là Năm 5. Cô không biết một chương trình chuyển một con người tới đâu, và tài khoản không nói, và cô nhận ra tay mình đã bắt động trên phím. Cô bắt nó cử động.

Ở màn hình thứ tư, dòng thứ bảy, cô dừng lại.

DE LA ROSA, Étienne. Bắt đầu an trí: Năm 8. Vật tư: dầu sưỡi buồng kín (loại dầu đốt), hằng tuần. Đồ vải, trọn bộ, hai lần mỗi tuần. Ống dẫn tuần hoàn, ngoài, bộ, hai tuần một lần. Chăn sưỡi, khi cần. Giao nhận: mã tiếp nhận RH/F. Tình trạng: HIỆN HÀNH.

Khoản tính phí cuối cùng trên dòng ấy mới cách đây bốn ngày.

Margaux đọc nó ba lần. Rồi cô cầm bút chì chép nó vào cuốn sổ cái xanh, tất cả, từng chữ một, cả dấu sắc trên chữ E mà cái máy vẫn giữ, cái mã, cái ngày cách đây bốn ngày, bằng nét chữ mẹ đã dạy cô, nhỏ, rõ ràng và thẳng đứng. Cô kẻ một khung quanh nó. Ở lề cô viết *MGoor*, vì đó là dòng đầu tiên của một điều gì đó và cô chưa biết điều đó là gì, và mẹ cô đánh số mọi hồ sơ bà từng mở bắt đầu từ một.

Cô biết cái tên. Ai từng ăn ở bàn của Cái Đe cũng biết cái tên ấy, dù không ai nói nó ra bên bàn ăn. Étienne De La Rosa từng là bạn đời của Yvonne Celestin và là bố của Marcel, một kỹ sư chuyển tiếp làm việc trên hệ thống sắt cũ cho Cổng, và mười một năm trước ông đi làm vào một buổi sáng rồi không về nhà nữa. Khi ấy Margaux mười bốn tuổi. Hồi đó cô chưa biết Cái Đe. Nhiều năm sau cô mới nghe câu chuyện, từng mảnh, từ Solène vào

một đêm tồi tệ, từ Marcel một lần khi anh say rượu múa ở một đám cưới, và chưa bao giờ từ Yvonne. Cả nhà đã tìm ông nhiều tuần liền. Sau đó đã có một nghi lễ nào đó, điều gì đó Yvonne làm ở bàn thờ, đã không diễn ra như lẽ ra phải thế, rồi Nox bỏ đi, và sau đó cả nhà thôi tìm kiếm và bắt đầu sống quanh khoảng trống nơi ông từng ở.

Ông chưa chết. Ông là một dòng trên một tài khoản chăm sóc thuộc Đội Canh, và có ai đó đang tính tiền đồ vải của ông vào Quầy hai lần mỗi tuần, và số dầu duy nhất rời kho cho Phường 7 quý này đã đi sưởi những căn phòng như phòng của ông, trong khi phòng khám của Cái Đe tối om về đêm.

Phần sau cùng ấy thì cô không biết. Trên tờ giấy nháp cô đã vẽ một mũi tên từ sáu mươi can tới tên ông, và cô tự sửa mình ở lề bên cạnh, theo cách mẹ cô hẳn sẽ sửa cô. Cô biết rằng sáu mươi can dầu đốt của Phường 7 đã đi tới CD/C-3 theo một lệnh thường trực. Cô biết rằng CD/C-3 tính dầu sưởi cho nhiều dòng, và một trong số đó là dòng của ông. Cô không biết những can ấy đã sưởi căn phòng nào, hay vì sao riêng yêu cầu của Cái Đe lại bị tranh chấp trong khi các hộ khác lặng lẽ chờ, hay liệu chuyện này có dính dáng gì tới chuyện kia. Cô viết *chưa xác lập* bên cạnh mũi tên và cảm thấy niềm thỏa mãn quen thuộc của một dòng nói sự thật.

Rồi cô bấm phím để tra mã giao nhận, RH/F, vì một mã tiếp nhận là một địa chỉ, và một địa chỉ là một cánh cửa.

Cái máy mất lâu hơn thường lệ. Màn hình trống trơn. Rồi nó in ra, bằng những chữ in hoa xanh lục đậm tĩnh như mọi thứ khác:

HẠN CHẾ. PHÒNG DUY TRÌ. TRUY VẤN ĐÃ ĐƯỢC GHI LẠI DƯỚI CHÚNG
CHỈ NHÂN VIÊN VĂN THƯ M. ABAGNALE. THẨM QUYỀN: CẤP PHÉP
7-114-ML.

Cô nhìn chăm chăm vào nó. Rồi cô lại bấm phím tiêu đề tài khoản, để quay lại, và màn hình hiện *QUYỀN TRUY CẬP ĐÃ BỊ THU HỒI*, và khi cô bấm phím mở sổ cái phân phối Phường 7, thứ cô vẫn đọc thoải mái cách đây một tiếng, nó cũng hiện y như vậy. Cô chép số cấp phép vào sổ dưới MG001 trước khi để mất nó. Cô không nhận ra nó. Cô ngồi nhìn nó một lúc bằng chính nét chữ của mình, *7-114-ML*, cố quyết định xem mấy chữ cái có nghĩa gì không, rồi quyết định rằng mình không thể liệu đoán.

Tiếng ngân vẫn tiếp diễn trong các gờ trần, ngọt và đều đều.



Trả lại Liên lạc viên Phòng, không xử lý

Theo sổ tiếp nhận của phòng văn thư, các mục trong ngày; mẫu đơn của Vessa, như khi nhận được, cả hai mặt.

Ở phòng văn thư, khay tiếp nhận trên bàn Margaux Abagnale cứ đầy dần trong lúc cô làm việc, như mọi khi, và lúc mười một giờ, người giao liên Vùng Bùn mang lên túi thư buổi sáng từ các văn phòng phường và dốc hết vào khay, và cô bắt mình làm việc của mình vì đôi tay cô chẳng còn biết làm gì khác.

Cô vào sổ một lá đơn từ Phường 14 về mái nhà một trường học. Cô vào sổ một lá thư gửi thị trưởng của một ông Batraverse ở Dãy Sabine, Phường 7, người mà cô biết tên qua hồ sơ của phòng văn thư, nơi ông có hẳn một tập hồ sơ riêng kéo dài ba mươi năm; cô mở thư ra, như phòng văn thư mở mọi thứ, và đọc một trang giấy lịch sử, giận dữ, viết rất đẹp về chuyện đầu, rồi tóm tắt nó, và đặt nó vào ô thư dành cho thư ký thư tín của thị trưởng, người sẽ gửi lời xác nhận theo mẫu. Cô vào sổ một lời phàn nàn về con dê của nhà hàng xóm.

Rồi cô lấy ra một phong bì mỏng từ văn phòng Phường 7, có dấu miễn cước và con dấu của quản lý phường, *T. Asante*, với một tờ bìa ghi *Chuyển theo yêu cầu của gia đình; xem mặt sau*, và trượt những thứ bên trong ra mặt bàn gỗ sồi.

Đó là một mẫu đơn của Phòng Duy Trì. Cô nhận ra phần tiêu đề nhờ các hồ sơ mẫu của phòng văn thư: **XÁC NHẬN YÊU CẦU THÔNG TIN CỦA GIA ĐÌNH**. Phòng văn thư thường không nhận những tờ này, vì Phòng gửi chúng cho các gia đình, và các gia đình không gửi chúng trở lại. Số an trí, đã điền. Tình trạng, **ĐANG HOẠT ĐỘNG**. Địa điểm, **KHÔNG TIẾT LỘ THEO ĐIỀU KHOẢN CHƯƠNG TRÌNH**. Dòng chữ ở cuối khép lại việc thư từ. Tên của người được an trí là **NÉRI**, và người hỏi là **VESSA, chị gái, Dãy Bể Chứa, Phường 7**.

Margaux lật nó lại, như tờ bìa đề nghị.

Ở mặt sau, bằng mực xanh, ai đó đã viết ba câu hỏi bằng một nét chữ tròn trịa, cẩn thận, kiểu chữ học trò, nét chữ của một người phụ nữ từng bị bắt chép đi chép lại các con chữ và chưa bao giờ quên cách viết. *Néri ở đâu. Nó còn sống không. Tôi có được gặp nó không.* Và bên dưới, ấn mạnh hơn vào giấy, đến mức cô có thể dùng đầu ngón tay sờ thấy các con chữ từ mặt bên kia: *Nếu nó đang hoạt động thì nó còn sống. Hãy cho tôi biết phải mang áo sơ mi của nó đến đâu.*

Cô ngồi với nó rất lâu. Quanh cô, phòng văn thư làm việc của nó, bút và giấy và tiếng đập khê của khung ô thư, tiếng các thư ký thì thầm, tiếng ngân trùm lên tất cả. Dưới dốc, các giàn của Tuyển Thập Phân rít lên. Cô nghĩ đến bà Vessa ở Dây Bể Chứa, người cô chưa từng gặp, đang mang áo sơ mi của một người em trai đến một nơi nào đó, gấp gọn, có lẽ được giặt ở tiệm giặt nơi bà làm việc, trong cùng những thùng quay với đồ vải của Tầng Tán. Cô nghĩ đến đồ vải hai lần mỗi tuần trên một dòng chăm sóc. Cô không để mình nghĩ đến điều tiếp theo, vì điều đó chưa được xác minh.

Quy trình của phòng văn thư đối với một mẫu đơn của Phòng Duy Trì bị gửi trả là một dòng duy nhất trong tập quy trình: *Trả lại Liên lạc viên Phòng, không xử lý*. Cô đã đọc nó vào ngày làm việc đầu tiên và nghĩ đó là một trong những câu xấu xí nhất trong cả tòa nhà.

Cô không trả lại nó. Cô vào sổ nó, như cô vào sổ mọi thứ, trong sổ tiếp nhận dưới ngày hôm đó, *Giấy xác nhận Duy Trì do gia đình gửi trả, chị gái của Néri, Phường 7, qua văn phòng phường*, và cho nó một số văn thư, nghĩa là ở đâu đó trong sổ sách của chính tòa nhà, một thư ký đã nhận nó, đã đọc nó và có thể bị hỏi về nó. Rồi cô chép số an trí của nó vào sổ cái xanh của mình, ở trang sau MGo01, và viết bên cạnh, *Phòng: như trên. Tài khoản: chưa rõ. Chưa xác minh*. Cô đặt tờ đơn vào ô thư dành cho các mục chờ chuyển đi, nơi nó sẽ nằm đó, được vào sổ đúng phép, cho đến khi có ai đó quyết định nó đi đâu. Cô chính là ai đó ấy. Cô sẽ quyết định thật chậm.

* * *

Theo sổ làm việc của Margaux Abagnale, một ghi chú bên lề đề cùng ngày; lời kể của Bériel, chỉ kể trên bậc thềm sau và không ở đâu khác.

Đến tiếng chuông thứ nhất, phòng văn thư nghỉ trưa, và Bériel, người có được cái bàn của mình nhờ ơn bảo trợ cũ của nhà Abagnale và nhắc đến chuyện đó như người ta nhắc đến một món nợ, đi đến đứng cạnh bàn Margaux với một gói giấy và nói “Steps” bằng cái giọng bà dùng cho mọi chuyện, và Margaux đi theo.

Bậc thềm sau của phòng văn thư dẫn xuống từ một cửa công vụ sau các giá hồ sơ vào một khoảnh sân có tường bao phía trên con dốc, nơi ngân hàng cũ từng để xe đẩy. Không ai khác dùng nó. Các thư ký ăn ở thương xá hoặc ngay tại bàn. Madame Bériel đã ăn trên bậc thềm sau suốt ba mươi mốt năm, vào mùa nóng ẩm và mùa khô, trên một chiếc nệm gấp bà để sau cánh cửa, và bà ăn của luộc mang từ nhà, bày trên một tờ giấy đặt trong lòng, đập càng bằng phần đế của một cái chặn giấy bằng đồng mà bà đã lấy của thư ký thư tín của thị trưởng vào Năm 1 và chưa bao giờ trả lại. Bà là nhân viên văn thư già nhất trong tòa nhà và đã bốn lần từ chối thăng chức, với lý do nó sẽ kéo bà ra khỏi các tập hồ sơ. Mọi thư ký trong tòa nhà đều sợ bà, trừ Margaux, người cũng từng sợ, cho đến buổi chiều Madame Bériel cho cô xem tập hồ sơ Batrville và cười chảy cả nước mắt vì một lá thư từ Năm 6 về con gà trống của nhà hàng xóm.

Bên dưới bức tường sân, các giàn của Tuyển Thập Phân leo lên dốc trong cái nóng, những chân thép trên cọc của chúng và các ống dẫn viên nang chạy lên giữa chúng vào mặt dưới có gân màu xám của sàn Esplanade. Cứ vài giây lại có một viên nang lướt qua bên trong một ống với một tiếng rít và một tiếng cộc, lên hoặc xuống. Lũ sáo đen mê các giàn ấy. Cả trăm con sống trên các thanh giằng ngang, đen bóng như đầu, kêu thét vào nhau, và

khi một viên nang cộc qua chúng cùng bay vút lên một lượt rồi đáp xuống đúng những chỗ cũ, như thể tiếng cộc là một lời lảng mạ mà chúng đã thỏa thuận lần nào cũng phải tự ái. Một con thần lằn xanh ngồi trên tường sân, xòe cái túi cổ màu hồng, phô ra cho chẳng ai xem.

Margaux ngồi thấp hơn một bậc và mở gói cá với com mà bếp của tòa nhà gửi lên. Cô không đói. Madame Bériel đập một cái càn và liếc nhìn cô.

“Sáng nay cháu đã bấm vào chi tiết đối soát,” bà nói.

“Sao bác biết ạ?”

“Cậu thư ký máy trạm lên đây lúc mười hai giờ kém hai phút với khuôn mặt cùng màu bức tường kia. Có người bên Phòng gọi xuống hỏi nhân viên văn thư ấy là ai.” Madame Bériel dùng que khều cua lấy thịt trong càn ra. “Cậu ta nói cho họ. Cậu ta là đứa ngoan và nhát. Bác thì cũng sẽ nói cho họ thôi. Bác chỉ nói chậm hơn.”

“Chứng chỉ của cháu bị rút rồi ạ.”

“Đến tối nay thì ai cũng bị rút. Cậu thư ký bảo thế. Ba mươi mốt năm nay bác chưa nhìn vào một tài khoản Đội Canh nào, và giờ thì bác sẽ bị cấm nhìn, bác thấy thế lại nhẹ người.” Một con sáo đen đáp xuống tường sân gần con thần lằn. Con thần lằn không nhúc nhích, và con sáo nghĩ lại. “Bác sẽ không hỏi cháu đã thấy gì.”

“Cháu cảm ơn bác.”

“Bác sẽ hỏi cháu đã ăn sáng chưa.”

“Cháu uống cà phê điệp xoắn rồi.”

“Đây là đồ uống.” Madame Bériel đẩy tờ giấy gói cua qua bậc thềm. “Ăn một cái càn đi. Trông cháu giống mẹ cháu cái tuần Hội Đồng viết lại lệ phí công chứng.”

Margaux khựng lại, bàn tay đang vươn tới tờ giấy dừng lại lưng chừng.

Cô biết, theo cái cách người ta biết đường nét một căn phòng trong bóng tối, rằng mẹ cô từng đến tòa nhà này. Maéline là công chứng viên trước khi lấy chồng và là công chứng viên sau đó, và là một người nhà Fauchard, và nhà Fauchard đã chứng thực giấy tờ dài gò suốt năm đời. Nhưng chưa một lần nào Margaux hình dung mẹ mình ở đây, trong khoảnh sân này, trên những bậc thềm này.

“Bà ấy đến vào các ngày thứ Năm,” Madame Bériel nói. Bà nói với các giàn thép. “Để chứng thực. Hồi ấy chỗ bác chưa có công chứng viên riêng. Văn phòng trả tiền cho một công chứng viên dài gò xuống mỗi tuần một lần để chứng thực bất cứ thứ gì đã dồn lại, và trong khoảng tám năm người đó là mẹ cháu. Bà ấy ngồi chỗ cháu đang ngồi. Bà ấy mang bữa trưa trong một cái hộp sắt. Bà ấy cho lũ sáo ăn, chuyện trái với nội quy tòa nhà, và thứ Năm nào bác cũng nhắc bà ấy suốt tám năm, và bà ấy vẫn cứ cho chúng ăn, chủ yếu là com, và chúng biết bà ấy. Chúng sà xuống từ các giàn khi bà ấy mở cửa.” Madame Bériel đập thêm một cái càn. “Chúng không làm thế với bác. Cả đời bác chưa cho con nào ăn.”

Margaux nhìn lũ sáo đen. Chúng kêu thét rồi bay lên rồi đậu xuống khi viên nang kế tiếp cộc qua.

“Mẹ cháu thế nào ạ? Ý cháu là ở đây.”

“Ở đây à?” Madame Bériel ngẫm nghĩ. “Nhanh. Thiếu kiên nhẫn với giấy tờ và kiên nhẫn với con người. Bà ấy đọc mọi thứ mình chứng thực, đọc hết, kể cả các giấy chuyển nhượng tài sản, và nếu không thích những gì mình đọc thì bà ấy vẫn chứng thực, vì đó là công việc, rồi bà ấy ngồi ngoài này kể với bác các giấy ấy sai ở đâu suốt hai mươi phút, miệng

còn đầy thức ăn.” Bà chùi ngón tay vào tờ giấy. “Bà ấy có nét chữ của cháu. Hay cháu có nét chữ của bà ấy. Nhìn trên trang giấy ở đầu bác cũng nhận ra.”

Bà không nói gì thêm về Maëline, và Margaux không nhờ bà nói. Họ ngồi trên bậc thềm trong cái nóng, và Margaux ăn một cái càng rồi thêm một cái nữa, và lúc hai giờ kém hai mươi, Madame Bériel gói vỏ cua vào tờ giấy và đứng dậy, một tay vịn khung cửa, và nói “Folders” rồi họ đi vào.

Trước khi theo vào, Margaux đặt chỗ cơm còn lại của mình lên bậc trên cùng cạnh bức tường, từng nhúm nhỏ. Trong lúc cô nhìn, không con sáo nào sà xuống. Cô vẫn để nó lại đó.

* * *

Theo lời kể của Marcel De La Rosa; lời kể của Nel, chỉnh lại lời anh về chuyện ở bánh mì; bảng đá ghi việc của các đội sửa chữa cho ngày thứ ba.

Xường là hầm than cũ của Cái Đe, nửa chìm dưới mặt phố, với một tấm lưới sắt ngang mặt vỉa hè ở phía phố Palmer để lọt vào một vệt sáng và đôi chân của mọi người qua lại, và Marcel đã làm việc ở đó từ năm mười bốn tuổi, đầu tiên là cái bóng của Kwame và sau đó là cái tên mà các đội sửa chữa gọi anh khi anh không nghe thấy, tức là *cái tai*.

Vào buổi sáng thứ ba của vụ dầu, anh có một bộ điều tốc của Cống tháo rời trên bàn thợ. Nó được gỡ ra từ một máy bơm nâng nước nhỏ trong một khoảnh sân trên ngõ Rampart cấp nước cho sáu nhà, và đó cũng là cái hộp xám giống hệt cái trên động cơ ở Dây Sabine, với cùng ngọn đèn hồ phách, và việc của nó cũng vậy: nó nghe xung nhịp của mạng chuyển tiếp truyền qua một sợi dây mảnh từ cái tủ gần nhất và chỉnh tốc độ động cơ cho khớp, để mọi máy bơm trong mạng chạy đều nhịp. Máy bơm của khoảnh sân đã lệch nhịp một tuần nay. Nó chạy giật. Tăng tốc, giảm tốc, tăng tốc, một âm thanh ồm ồm, như một người đi khắp khiêng bằng cả hai chân. Các hộ đã phải gánh nước từ vòi nước công cộng thay vào đó, trong cái nóng, và cuối cùng một nhà đã đến bảng của Gai.

Anh đã lấy cuộn cảm biến ra và đặt bảng chuyển tiếp nhỏ bên cạnh, và anh đã tìm ra lỗi trong mười phút đầu, một mối hàn nứt ở chỗ sợi dây từ cái tủ đi vào, và anh đã dùng bốn mươi phút tiếp theo để không sửa nó.

Thay vào đó, anh đang lắng nghe nó. Anh kẹp bảng mạch vào một nguồn điện bàn thợ và móc sợi dây đầu vào cái máy phát tín hiệu Kwame đã chế từ một chiếc radio bị moi ruột, và anh đang đưa vào nó một xung sạch và lắng nghe tiếng lách cách của bộ chuyển tiếp khi nó bám theo, rồi rút xung ra và lắng nghe xem nó làm gì khi không có xung. Bản vẽ của Cống nói rằng khi mất xung, bộ điều tốc sẽ giữ động cơ ở tốc độ tốt cuối cùng, và nó giữ thật. Nó giữ chính xác. Nó giữ như thể cái tủ vẫn đang nói với nó, với cùng một tiếng tách nhỏ ở mỗi nhịp đếm, giữ nhịp theo một giọng nói đã ngừng. Máy bơm của khoảnh sân chạy giật vì mối hàn nứt để xung lúc có lúc mất, nên bộ điều tốc đã mất một tuần nhảy qua nhảy lại giữa bám theo và giữ, bám theo và giữ, và động cơ khắp khiêng giữa hai thứ đó. Lỗi là thế. Điều giữ anh lại bên bàn thợ là việc giữ. Một cỗ máy sẽ tiếp tục văng theo điều cuối cùng nó được bảo, chừng nào còn điện, mà không ai bảo nó điều gì nữa.

Anh viết *giữ khi mất, chính xác, vô thời hạn* lên bảng đá ghi việc, và bên dưới viết *ai kiểm tra*, rồi nhìn những chữ ấy một lúc.

Có đôi chân dừng lại ở tấm lưới sắt. Đôi giày vải sờn, chiếc bên trái được vá ở mũi bằng chỉ đỏ. Chúng quay đi, rồi vào qua cửa hầm, xuống bốn bậc, và Nel nói, “Tu pa te manja.”

“Mo te manja un gato vapè.”

“Tu te manja la mita di un gato vapè. Junie te pava mo. Junie tena liv su tu.” Ý Nel là nửa cái bánh hấp, chứ không phải cả cái; Junie đã nói thế, mà Junie thì ghi sổ theo dõi anh. Nel đặt một túi giấy lên bàn thợ cạnh bộ điều tốc, kèm một cốc sắt đựng cà phê điệp xoắn, rồi ngồi lên cái thùng gỗ úp ngược cạnh tường với hộp đàn kalimba đặt ngang trên hai đầu gối. “Sa e pen di Sister Octavia. Li gate. Li ap vanda li a pri gate. Sa e pi bon bagay ra mo te manja depi tres jou.” Ổ bánh là của Sơ Octavia, bị hỏng, bán với giá hàng hỏng, và là thứ ngon nhất Nel được ăn trong ba ngày qua.

Đó là một ổ bánh dẹt màu nâu, cao lương và lúa mì, nướng không dầu trong một cái khuôn không dành cho nó, vỏ như đế ủng và ruột đặc, ẩm, và anh bẻ một miếng ra ăn và Nel nói đúng. Anh nói vậy. Nel nói rằng đúng về chuyện bánh mì là một trong số ít niềm vui còn lại ở Phường 7 mà Quỳ chưa ghi sổ là đã giao.

Nel đã đến căn hầm được hai năm, kể từ đêm đám cưới nhà Aubertin, khi Marcel uống quá nhiều rượu mía và kể với Nel về màu sắc của giọng nói, điều anh chưa bao giờ kể với ai, và Nel đã lắng nghe với sự tĩnh lặng rất riêng của Nel, rồi hỏi giọng của chính Nel màu gì. Anh đã nói màu nâu vàng, như gỗ thấm dầu. Nel đã bật cười, và nói đó là cây kalimba, và anh đã nói không, đó là giọng nói, còn cây kalimba cùng màu là do tình cờ, hoặc vì Nel đã chọn cây kalimba cho hợp, và Nel đã thôi cười và nhìn anh rất lâu. Hai năm sau, đôi khi Nel vẫn nhìn anh như thế, khi anh nói ra một điều anh cho là bình thường.

Hộp đàn mở ra. Nel lấy cây đàn ra, một tấm gỗ sẫm màu với mười một phím thép được một thanh chặn đè xuống, đặt nó lên một đầu gối và chạm vào phím thứ tư từ bên trái, và nó phát ra một tiếng tách đục nhỏ thay vì một nốt nhạc.

“Li fann” Nel nói. “Na la ba.”

Anh chùi tay rồi cầm lấy. Phím đàn đã nứt ở chỗ thanh chặn đè lên, một vết rạn mảnh như sợi tóc ngang qua thép, và đầu rung đã chết lặng. Anh xoay nó về phía ánh sáng từ tấm lưới sắt.

“Mo pu fasa un. Ave un reso di revey, si mo trova un reso ave bon laje.”

“Ke tu pu fasa li mem nota?”

“Mo pu fasa li mem longè. La nota e la longè an la asye.” Anh lấy móng tay cái ấn phím bên cạnh rồi thả ra và lắng nghe nó ngân, và cảm thấy nó trong các ngón tay, và trong lồng ngực nơi đặt bộ điều khiển. “Mo gon fasa li pre. Tu ve audi la diferans. Nulan otra ve audi.” Ý anh là anh có thể cắt một phím mới từ dây cốt đồng hồ cho bằng chiều dài phím cũ, vì nốt nhạc là chiều dài và chất thép, và nó sẽ gần đúng; Nel sẽ nghe ra sự khác biệt, còn không ai khác nghe ra.

“Ko fasa sa.” Nel cầm lại cây kalimba cất vào hộp, rồi nhìn bộ điều tốc trên bàn thợ, cuộn cảm biến, bảng chuyển tiếp kẹp vào nguồn điện cùng mớ dây của nó. “Li havi wani?”

“Un fant na soud. Travay di un minit.”

“An tu e anba da depi un lè.”

“Li fasa sa ra le pava li. Kan li perdi la batman, li tena la denyè.” Nó làm theo những gì được bảo, và khi mất nhịp thì nó giữ nhịp cuối cùng. Anh cố tìm lời: như một người đã

lạc mắt ban nhạc mà vẫn tiếp tục nhảy theo ô nhịp cuối cùng mình nghe được, hoàn hảo, suốt đêm, và không ai bảo họ rằng ban nhạc đã về nhà rồi.

Nel lại nhìn anh với sự tỉnh lặng ấy. Vệt sáng từ tấm lưới sắt đã dịch qua sàn hầm trong lúc họ nói chuyện và giờ nằm ngang trên đôi giày của Nel, chiếc vá chỉ đỏ và chiếc kia, và chân ai đó đi qua phía trên, rồi một chiếc xe cút kít, rồi một con chó, và nhịp bơm vọng lên qua nền hầm, chậm, với một chỗ vấp nhỏ ở đỉnh nhịp.

“Valv di Sabine” Nel nói.

“Ke tu pu audi li?”

“No. Tu ap touche pecho di tu chak fua li akroche. Tu te fasa li tres fua depi mo te sida.” Nel không nghe được chỗ vấp, chỉ thấy tay anh đưa lên ngực mỗi lần nhịp bơm vấp, ba lần kể từ khi Nel ngồi xuống. Nel đứng dậy và kẹp hộp đàn dưới một cánh tay. “Nadège pava po nika mira valv di Delphine, an po pa pava anyen ra fasa ki klèk di Drain skriva un fom.” Nadège muốn anh đi xem cái van của Delphine ở nhà bơm Dây Sabine, và đừng nói điều gì khiến một thư ký Cổng phải ngồi viết đơn.

“Klèk di Drain skriva fom kan un chen jape.”

“Ko pa jape.” Đến chân cầu thang hầm, Nel dừng lại, rồi quay lại, cúi xuống hôn lên trán anh như người ta hôn một người đang ốm, rồi, vì anh ngược lên ngạc nhiên, hôn lên môi, theo kiểu kia. “Rava ponp Rampart avan. Seis kay ap kava dlo na chale sa.”

Anh sửa máy bơm Rampart trước. Mới hàn mất một phút, đúng như anh đã nói. Anh lắp bộ điều tốc lại và cho nó chạy trên bàn thợ và nó bám theo xung sạch của Kwame không vấp một lần, và khi anh rút xung ra thì nó giữ, hoàn hảo, giữ nhịp với hư không, và anh để lại ghi chú trên bảng đá cho Kwame và không biết phải làm gì thêm với chuyện ấy, rồi mang ổ bánh theo khi đi.

* * *

Theo lời Mireille Darbonne kể.

Mireille Darbonne bán tần số bình yên ở một quầy gỗ sơn mài màu nhạt trong Thương Xá Clairmont trên dốc Tầng Giữa, giữa một người phụ nữ bán gối ướp hương và một người đàn ông bán nước lọc đóng chai thủy tinh với cái giá mà có lần Mireille đã lặng lẽ tính ra bằng một ngày công của một đội nhịp bơm. Cô đã bán hộp tiếng ngân mười sáu năm. Cô bán giỏi.

Các hộp được đưa lên bằng thang máy công vụ hai lần mỗi tuần từ một hãng trên sàn tên là Halcyon Instruments, trong những thùng mười hai chiếc, mỗi chiếc trong một vỏ bìa cứng màu xám riêng. Chúng là những món đồ đáng yêu, và cô chưa bao giờ chán việc mở một thùng hàng: những chiếc hộp sơn mài nhỏ cỡ một cuốn sách thánh ca, màu đen hoặc màu kem hoặc màu đỏ thắm cho hàng quà tặng, với một núm vặn bằng đồng ở mặt trước và một tấm lưới đồng mịn ở mặt trên, và bên trong, sau một tấm ốp niêm phong mà khách hàng được dặn không được mở, là một bộ cộng hưởng bằng thủy tinh đồ cỡ một đốt ngón tay cái, đặt trong một cái nôi bằng nỉ. Vỏ bìa ghi *BÌNH YÊN LÀ MỘT TẦN SỐ* và, bên dưới bằng chữ nhỏ hơn, *528, tiếng ngân phục hồi cơ xưa*. Cuốn sách nhỏ của Halcyon đi kèm mỗi hộp kể câu chuyện về tiếng ngân: rằng nó đã được các thầy thuốc biết đến từ một nghìn năm nay, rằng các nhà khoa học của Hội Đồng đã chứng minh tác dụng của nó

lên thần kinh, rằng nó là lý do các sản thì yên bình còn Vùng Bùn, nơi không mua nổi nó, thì không. Mireille có thể đọc thuộc lòng cuốn sách nhỏ. Cô tin nó theo cái cách người ta tin vào công việc của mình, nghĩa là cô tin nó ở chỗ làm và không xét lại nó ở nhà.

Khách hàng đến trong một mẻ. Đó là nghề của cô: những người mệt mỏi. Các thư ký từ phòng văn thư chưa ngủ được từ khi được thăng chức, các y tá tan ca đêm ở bệnh viện trên sàn, những bà mẹ có con nhỏ thức giấc vì mọi tiếng động, những ông già dài gò nói thành phố đã ồn hơn so với hồi họ còn bé. Cô lắng nghe họ. Cô để họ cầm chiếc hộp đỏ và chiếc hộp kem và bật từng chiếc lên, và quan sát gương mặt họ khi tiếng ù cao ngọt ngào trào lên từ tấm lưới và lấp đầy khoảng không gian nhỏ quanh quây, và phần lớn thời gian cô biết họ sẽ mua hộp nào trước cả khi họ biết. Cô nói với họ bằng thứ tiếng chuẩn đều đều của Tầng Tấn mà cô đã học năm mười bốn tuổi từ một người phụ nữ dạy cách ăn nói cho người hầu trên sàn, và cô chưa bao giờ nói với ai trong số họ cô lớn lên ở đâu.

Cô lớn lên ở Phường 19, trong hai căn phòng phía trên một tiệm vá lưới bên một con kênh mà cô không còn nhắc tên nữa, giữa một nhịp bơm nặng và chậm đến mức bát đĩa tự bò trên giá. Cô đã ngủ trong nó mọi đêm thời thơ ấu và thức giấc mọi đêm thời thơ ấu, ba lần, bốn lần, vào những giờ máy bơm đổi sức và cả tòa nhà xê dịch trên cọc, và mẹ cô đặt một bàn tay lên lưng cô trong bóng tối và hát bài ca nhịp bơm Phường 19 cho đến khi cô chìm vào giấc ngủ trở lại. Cô lên dốc năm mười bốn tuổi và không quay về nữa trừ lần dự đám tang mẹ, và cô đã bật một hộp tiếng ngân trong phòng riêng của mình mỗi đêm suốt mười sáu năm, và trong ngần ấy thời gian chưa một lần nào cô ngủ được một mạch đến sáng.

Cô không nghĩ đó là có gì sai với những chiếc hộp. Cô nghĩ đó là có gì sai với chính mình.

* * *

Theo tờ hướng dẫn sử dụng nhanh của Halcyon Instruments, tờ nhỏ gấp dưới lớp nilon trong mỗi hộp; Mireille Darbonne giữ một tờ dự phòng ở cuối sổ bán hàng của cô.

CẢM ƠN QUÝ KHÁCH ĐÃ CHỌN HALCYON.

Halcyon của quý khách đã sẵn sàng mang bình yên về nhà.

BẮT ĐẦU SỬ DỤNG.

1. Lấy Halcyon ra khỏi vỏ bìa. Giữ lại vỏ bìa. Những chủ sở hữu giữ lại vỏ bìa cho biết mức độ hài lòng cao hơn.
2. Đặt Halcyon ngang tầm đầu, cách giường ba bước chân, tránh xa sắt trần.
3. Vặn núm đồng đến vạch thứ nhất. Chờ. Vặn đến vạch thứ hai. Phần lớn chủ sở hữu hài lòng ở vạch thứ ba. Chủ sở hữu nào thấy mình cần đến vạch thứ tư nên cân nhắc mua thêm một Halcyon thứ hai.
4. Nằm xuống.

NẾU CÓ GÌ CÓ VỀ KHÔNG ỔN.

Tôi vẫn nghe thấy hàng xóm. Vặn núm lên.

Tôi vẫn nghe thấy máy bơm. Vặn núm lên. Halcyon không thể chịu trách nhiệm về máy bơm.

Tôi nghe thấy Halcyon của mình. Đây là điều bình thường. Tiếng ngân được thiết kế để được nghe thấy cho đến khi không còn được để ý nữa.

Halcyon của tôi đã ngừng và tôi không ngủ được. Bộ cộng hưởng của quý khách có thể cần thay thế. Bộ cộng hưởng thay thế có bán tại thương xá của quý khách.

Halcyon của tôi đã ngừng và tôi ngủ được. Vui lòng mang Halcyon trả lại thương xá của quý khách để kiểm tra.

Con tôi sợ Halcyon. Trẻ em sẽ thích nghi.

Tôi sống bên dưới Tầng Giữa. Halcyon được thiết kế cho những căn phòng cách ly khỏi mặt đất. Ở những căn phòng không được cách ly, mặt đất có thể cạnh tranh với Halcyon của quý khách. Halcyon không cạnh tranh.

VỀ TIẾNG NGÂN. Bộ cộng hưởng Halcyon được cắt theo con số mà tiếng ngân được bán dưới tên đó, năm trăm hai mươi tám. Những tuyên bố truyền thống về con số này xuất hiện trong cuốn sách nhỏ của Halcyon để quý khách tham khảo và chưa được Halcyon Instruments thẩm định. Những chủ sở hữu trải nghiệm sự phục hồi được trân trọng mời viết thư cho chúng tôi.

BẢO HÀNH. Mất hiệu lực nếu tấm ốp bộ cộng hưởng bị mở, nếu hộp được đặt trên sắt trần, nếu hộp được sử dụng bên dưới Tầng Giữa, trong lúc nước dâng, hoặc bởi nhiều hơn một người ngủ.

Bình yên là một tần số. Halcyon là ngôi nhà của nó.

Trên tờ dự phòng của mình, vào mùa khô, Mireille gạch dưới một dòng, dòng về chiếc hộp ngừng chạy và người chủ ngủ được, và đánh một dấu chấm nhỏ bên cạnh, giống như những dấu chấm cô đã bắt đầu đánh ở lề cuốn sổ của mình, trước khi cô hình dung được mình đang đếm cái gì.



10

Một chiếc vòng cổ xám đi thuê

Từ mặt sau một thẻ giới dịch vụ Laveau Tech, được phát ở cầu thang công vụ Esplanade vào mùa nóng ẩm; bản này do một người dọn dẹp trên sàn giữ lại, chỉ xin để tên mình ngoài hồ sơ, và tên chị đã được để ngoài.

VÒNG CỔ ÊM DỊU LAVEAU TECH. HÃY CHỌN SỰ BÌNH YÊN VỪA VỚI BẠN.

Mỗi sáng, hàng nghìn cư dân leo từ các phường lên làm việc phục vụ trên sàn, và họ đến nơi mang theo cả mặt đất: nhịp bơm trong đầu gối, nhịp chậm trong giọng nói, thói quen dừng lại trên chiếu nghỉ cầu thang để cảm nhận nền nhà. Khách hàng nhận ra điều đó. Vòng Cổ Êm Dịu giúp bạn đến nơi nhẹ nhõm hơn.

THIỆT YẾU. 3 xèng một tuần. Giảm truyền rung động phường xung quanh đến người đeo trong giờ làm việc. Phù hợp với các vị trí nhà bếp, giặt là và hành lang.

CHU ĐÁO. 5 xèng một tuần. Mọi tính năng của gói Thiết Yếu, thêm một lớp giảm chấn thứ hai ở hàm, dành cho các vị trí mà khách hàng có thể nói chuyện với bạn. Khuyến nghị cho bảo mẫu và điều dưỡng.

KÍNH ĐÁO. 8 xèng một tuần. Mọi tính năng của gói Chu Đáo, trong một dải đeo mảnh hơn màu xám bồ câu mà khách hàng sẽ không nhìn thấy. Dành cho những hộ gia đình không muốn bị nhắc nhở.

MỌI GÓI ĐỀU BAO GỒM:

Tiền đặt cọc 12 xèng, khấu trừ trong bốn tuần đầu tiên của bạn.

Tự động gia hạn vào mỗi ngày thứ bảy.

Thay thế với giá 84 xèng nếu vòng cổ bị hư hỏng, bị mất, bị sửa đổi, hoặc bị phát hiện đã cho người thân mượn.

ĐIỀU KHOẢN ÊM DỊU.

1. Sự êm dịu bắt đầu khi vòng cổ khép lại và kết thúc khi gói dịch vụ của bạn kết thúc.
2. Chậm thanh toán sẽ tạm ngừng sự êm dịu. Sự êm dịu được khôi phục khi thanh toán. Các khoản phí phát sinh trong thời gian tạm ngừng sự êm dịu vẫn phải thanh toán, vì vòng cổ vẫn là của bạn.
3. Tháo vòng cổ trong giờ làm việc là vi phạm. Người đeo mở khóa vòng cổ trên cầu thang công vụ để cảm thấy mặt đất trở lại sẽ bị coi là vi phạm trong suốt khoảng thời gian đó.

4. Laveau Tech ghi lại số giờ tiếp xúc vì sức khỏe của bạn. Số giờ tiếp xúc có thể được chia sẻ với công ty giới thiệu việc làm của bạn, với Quầy, và với các đối tác cùng chung cam kết vì sức khỏe của bạn.
5. Một số người đeo báo cáo bị đau đầu, khô miệng, khò vào cuối ca làm, hoặc có cảm giác, trên đường đi xuống, rằng nền nhà đã bị lấy đi rồi trả lại sai. Người đeo gặp các triệu chứng này nên tiếp tục đeo vòng cổ, vì họ đang đeo nó.
6. Không thể hủy gói dịch vụ trong thời gian làm việc theo một đợt giới thiệu. Không thể nhận đợt giới thiệu việc làm nếu không có gói dịch vụ.
7. Laveau Tech là đối tác thương mại bình yên của Quầy. Laveau Tech không liên kết với bất kỳ cá nhân nào.

Đến nơi nhẹ nhõm hơn. Ra về đúng giờ.

Ở mặt sau bản này, người đeo đã làm phép tính bằng bút chì, rồi tiếp tục đi quá cái điểm mà phép tính còn giúp được gì: *11 một ngày. 66 một tuần. Trừ 3. Trừ 12 chia bốn. Trừ cầu thang. Trừ đầu gối tôi. Trừ đứa bé đã ngủ khi tôi về.*

* * *

Theo lời kể của Margaux Abagnale; không ai ghi lại tên người phụ nữ trong buồng gác.

Margaux Abagnale về nhà lúc bảy giờ, leo cầu thang dài từ Tầng Giữa lên dải gò, qua cổng Thanh Tẩy ở Esplanade, nơi những người đàn ông mặc đồ xám đi ủng kín biết mặt cô và không hỏi giấy thông hành của cô.

Họ đang hỏi giấy của những người khác. Một người phụ nữ đeo vòng cổ xám đi thuê đứng trong buồng gác, hai bàn tay đặt phẳng trên mặt quầy thép, trong khi một lính Thanh Tẩy đọc giấy thông hành công vụ của chị dưới ngọn đèn và một người khác giữ túi của chị. Margaux biết tư thế đó từ những cầu thang Vùng Bùn: một người dọn dẹp trên sàn xuống muộn, giấy thông hành đóng dấu cho một ca làm đã kết thúc lúc sáu giờ. Người lính Thanh Tẩy đang giải thích bằng giọng dễ chịu rằng giấy thông hành ngoài giờ của nó là giấy thông hành không có giờ nào, rằng chị sẽ đợi trong buồng gác cho đến khi chủ thuê xác nhận chị qua chuyển tiếp, và rằng văn phòng chuyển tiếp đóng cửa lúc bảy giờ. Người phụ nữ nói các con chị đang ở nhà một mình. Người lính Thanh Tẩy nói anh ta hiểu, vẫn bằng giọng dễ chịu ấy.

Margaux đi chậm lại. Gương mặt cô mở được cánh cổng này, và có lẽ cũng mở được cái buồng gác. Cô cũng biết người lính Thanh Tẩy sẽ ghi gì nếu cô thử, và tên con gái nhà ai sẽ nằm trên tờ phiếu trước sáng mai, vào đúng cái ngày Phòng đã ghi lại truy vấn của cô dưới chính chứng chỉ của cô. Cô đi tiếp. Cô tự nhủ văn phòng chuyển tiếp sẽ trả lời. Ba bước lên sàn, cô đã không còn nghe thấy người phụ nữ nữa.

Sàn đón cô như mọi lần. Bạn bước từ bậc đá cuối cùng lên vật liệu tổng hợp và mặt đất ngừng lại. Không phải mặt đất, cô tự sửa, vì cô mệt và không tin vào câu chữ của mình: sự rung ngừng lại. Cầu thang dưới chân cô đã mang theo cơn rung nhẹ của con dốc, trên này thì yếu nhưng vẫn có, nhịp bơm của bốn mươi phường đi lên qua lớp đất cũ thành một áp lực dưới lòng bàn chân, rồi bàn chân cô đặt xuống lối đi có gân màu xám của sàn và chẳng

còn gì cả. Sàn được xây để cho cô chẳng gì cả. Những tấm ghép lợp, cứng rồi mềm rồi cứng, mọi mối nối đều được cách ly, mọi cây cọc đều đặt chân trên giá đỡ: cô đã đọc bản thông số kỹ thuật ở phòng hộ tịch một lần, vì tò mò, và đã ngạc nhiên vì chúng tẻ nhạt đến thế. Sự tẻ nhạt ấy đã tồn nhiều hơn cả số tiền toàn Phường 7 làm ra trong một năm.

Cô không về thẳng phòng mình. Cô đi bộ dọc lối dạo, như phần lớn các buổi tối khi cô chưa muốn đến nơi nào cả.

Lối dạo Esplanade chạy dọc mép sàn phía hồ sau một lan can thép chải mờ, một con đường dài lát những tấm ván tổng hợp màu nhạt không vang tiếng bước chân, cứ năm mươi bước lại có một bồn cây và những băng ghế dưới giàn hoa nhài. Lúc bảy giờ Tăng Tấn ra đi dạo: những cặp đôi mặc vải lanh, những bảo mẫu dắt trẻ con Tăng Tấn trong chút ánh sáng cuối ngày, các bảo mẫu đeo vòng cổ xám đi thuê còn bọn trẻ mặc đồ trắng, một ông già ngồi xe lăn bánh tốt do một điều dưỡng đẩy, cô ấy giữ mắt nhìn con đường. Không ai nói to. Trên lối dạo không ai cần phải nói to. Những loa phát lớn trên các cột dọc lan can đã bật lên lúc chạng vạng, và tiếng ngân phủ lên mọi thứ ở cái mức của một hơi thở nín lại, và giọng người ta thoát ra từ trong đó nhỏ và gần.

Bên kia lan can, những lòng chảo trải xuống vào buổi tối. Từ đây có thể thấy mười một phường mà không cần quay đầu: mạng lưới những dãy nhà, mái nhà và kênh đào đang chuyển màu tím, các nhà bơm lần lượt thấp đèn ở chân mỗi dãy khi các kíp đêm vào ca, những vườn trên mái đã tối đen, khói từ các bếp lửa, mà tối nay chỉ là hơi nước. Một đám mây giông đứng trên Hồ, sáng lên từ bên trong, trắng ở trên và tím ở dưới. Một người phụ nữ đứng cạnh Margaux bên lan can nói với chồng rằng nó đẹp, như một bức tranh, và chồng bà nói bản tin của Cổng báo nó sẽ đổ xuống những lòng chảo phía ngoài, rồi họ đi tiếp. Margaux nhìn nó lóe sáng mà không có một tiếng động. Đầu đó bên dưới nó, ở Phường 7, người ta đang ăn bánh hấp và ngược nhìn cùng đám mây ấy và hy vọng.

Đến nửa đường, trong một bồn cây, một cây sung mọc lên từ lớp đất sâu sau một bờ đá thấp. Đó là một cây thật, già hơn cái sàn xung quanh nó. Những người xây dựng đã khoét bồn cây xuống tận lớp đất dài gò khi họ trải vật liệu tổng hợp, và một tấm biển đồng trên bờ đá ghi gia đình nào đã trả tiền cho đặc quyền đó. Lá của nó to bằng bàn tay. Margaux dừng lại bên cạnh nó, như cô vẫn thường làm. Trong sự im lặng chết chóc dưới tiếng ngân, khi không khí có chút chuyển động nào, có thể nghe thấy tiếng lá. Chúng tạo ra một âm thanh khô và mềm như có ai đang lật những trang sổ cái ở phòng bên.

Mẹ cô đã dạy cô đọc sổ cái bên bàn bếp trong ngôi nhà trên dải gò, vào mùa hè Margaux sáu tuổi. Maëline đặt cái bát làm việc lên những trang sổ đang mở để giữ chúng phẳng trước luồng gió lùa từ cửa sổ, rồi lướt ngón tay xuống một cột sổ và bắt Margaux đọc to từng số, rồi nói, *Giờ con nói mẹ nghe số nào đang nói đối*. Margaux chỉ bừa. Mẹ cô cười và bảo cô nhìn lại: số nào trông cũng trung thực, đó là nghề của chúng. Margaux mất gần hết mùa hè ấy mới tự mình tìm ra dòng gian đầu tiên trong một cuốn sổ cái, một lần giao hàng được ghi hai lần dưới hai ngày khác nhau, và khi cô tìm ra, mẹ cô đặt bút xuống, hôn lên đỉnh đầu cô và cho cô rung chuông gọi ăn tối.

Cô đứng bên cây sung một lúc, cuốn sổ cái xanh trong túi, và lắng nghe tiếng lá. Rồi đám mây giông trôi qua về phía những lòng chảo phía ngoài mà không để rơi xuống thứ gì, và đèn lối dạo bật sáng, và cô về nhà.

Phòng của cô ở tầng bốn của một khối nhà ở trên sà Esplanade, ba phòng với một ban công nhìn về phía hồ, xuống những lòng chảo. Cô lớn lên cách đó hai khối nhà, trong ngôi nhà của bố, và đã dọn ra ở riêng năm hai mươi hai tuổi với đồ đạc của mẹ và rất nhiều tranh cãi. Cánh cửa khép lại sau lưng cô với một tiếng thở dài. Trong yên lặng cô nghe được máu mình chảy trong tai.

Cô không bật hộp. Mỗi căn hộ trên sà đều có một hộp tiếng ngân gắn trên tường cạnh cửa, một tấm bảng sơn mài trắng có núm vặn, và phần lớn mọi người để nó ở mức thấp suốt đêm. Cô đã tắt hộp của mình ngay tuần dọn đến và chưa bao giờ bật lại. Tiếng ngân từ những loa phát của chính tòa nhà vẫn vọng qua tường một cách mờ nhạt, và những loa phát lớn của sà Esplanade phát nó trên lối dạo sau khi trời tối, và đôi khi lúc không khí đứng yên cô có thể nghe thấy nó từ trên giường, một nốt cao, ngọt, phẳng, với một khuôn mẫu bên trong chậm đến mức không theo kịp. Bố cô ngủ với hộp bật. Ông nói nó có ích. Nó có ích thật, cô cho là vậy, theo đúng cách nó được tạo ra để có ích: nó cho tai một thứ đều đặn để tựa vào, để những tiếng động nhỏ không đánh thức bạn. Nó chỉ làm có thế. Cô cũng đã đọc bản thông số ấy.

Trên cái giá phía trên bàn là cái bát làm việc của mẹ cô, một vật nặng bằng sành xám có vành dày, mà Maëline đã giữ trên bàn làm việc suốt hai mươi năm để đựng bút chì, con dấu và những quả cân chì nhỏ bà dùng để chặn giấy khi có gió. Margaux để bút chì của chính mình trong đó. Cô lấy cuốn sổ cái xanh ra khỏi túi, đặt nó cạnh cái bát và nhìn hai thứ ấy cùng nhau, rồi đi rửa mặt.

Bữa tối của cô lên lúc bảy giờ rưỡi qua ống thả Thập Phân nhỏ của chính tòa nhà, một viên nang kêu cách một tiếng vào cửa sập nhà bếp kèm một tiếng xì của không khí: cơm trong một bát có nắp, cá sốt, một gói giấy xoắn đựng bánh rán cao lương. Con cá đã được kéo lên từ Hồ sáng hôm ấy rồi lên theo Tuyến Thập Phân từ một cổng ở Vùng Bùn. Gạo đến từ những ruộng nước ngọt của Cổng. Bánh rán vàng và giòn, rán bằng dầu tốt, và cô ngồi bên bàn của mẹ, bẻ một chiếc ra, nhìn hơi nóng bốc lên từ trong đó, nghĩ đến Pascale nói *hai can cho cả quý* trên bậc thềm phòng hộ tịch, và vẫn ăn nó, vì cô đói và nó ở đó và không ăn thì cũng chẳng nuôi được ai.

* * *

Từ số làm việc của Margaux Abagnale, các dòng dưới MG001 ghi giờ sau chín giờ; Georges Abagnale từ chối thuật lại cuộc trò chuyện.

Chín giờ tối hôm đó Georges Abagnale đến phòng của con gái ông ở tầng bốn trên sân Esplanade. Ông gõ cửa, điều mà không phải lúc nào ông cũng làm. Margaux cho ông vào. Georges Abagnale sáu mươi mốt tuổi, cao, gầy và rất chững chạc, tóc xám cắt sát, với phong thái của một người đã trải qua ba mươi năm trong những căn phòng mà ông là người có chức vụ cao nhất có mặt và đã học được cách làm cho sự thật đó dễ chịu với mọi người khác. Ông vẫn mặc áo khoác công sở. Ông nhìn cái hộp tiếng ngân cạnh cửa, tối om như mọi khi, và không nói gì về nó, một phép lịch sự mà hai bố con đã dần xếp với nhau qua ba năm. Họ nói chuyện, như họ vẫn luôn nói trong những căn phòng này, bằng tiếng chuẩn: tiếng Anh của sân, ngôn ngữ của bố cô và của mẹ cô, ngôn ngữ của các mẫu đơn và của thẻ của Quỳ. Margaux chỉ nói tiếng Kanak bên dưới cầu thang Toulouse, và bố cô chưa một lần nghe cô nói.

“Con ăn rồi,” ông nói.

“Con ăn rồi. Bố uống trà không?”

“Không. Cảm ơn con.” Ông không ngồi. Ông đứng cạnh bàn và nhìn cuốn sổ cái xanh bên cạnh cái bát của Maëline mà không chạm vào thứ nào, và cô hiểu rằng ông đến thẳng từ văn phòng và có người đã gọi cho ông trước khi ông rời đi. “Sáng nay con đã chạy một truy vấn trên một tài khoản của Phòng Duy Trì.”

“Con đối soát một định mức đầu của phường. Chi tiết đối soát có một khoản chuyển sang một tài khoản của Phòng. Chứng chỉ của con có quyền đọc kiểm toán trên tài khoản đó.”

“Đã có. Bây giờ thì không.” Ông nói mà không nóng nảy. “Liên lạc viên Phòng gọi đến văn phòng bố lúc hai giờ. Chứng chỉ của con đã được điều chỉnh. Quyền đọc kiểm toán của phòng vẫn thư trên các tài khoản Đội Canh là một lỗi trong bảng phân quyền chứng chỉ, và Phòng đã yêu cầu đóng nó đối với mọi nhân viên văn thư, không chỉ con. Bố đã đồng ý.”

“Phòng yêu cầu.”

“Phòng yêu cầu, và bố đồng ý.” Ông nhìn cô. “Margaux. Phòng Duy Trì là một chương trình của Đội Canh. Văn phòng Thị trưởng không có tư cách kiểm toán nó. Con biết điều đó.”

“Con biết Quỳ đã ghi đầu của Phường 7 là đã giao mà chưa bao giờ gửi đi,” cô nói, “và sáu mươi can duy nhất thật sự rời kho đi Phường 7 đã vào một tài khoản Đội Canh theo một lệnh thường trực mà không ai trong phường được báo, và phòng khám của Cái Đe tối om về đêm vì đơn khiếu nại của họ bị tranh chấp dựa trên một lần giao hàng chưa từng xảy ra. Đó là một câu hỏi kiểm toán. Đó là loại câu hỏi duy nhất mà họ tịch tồn tại để hỏi.”

“Và con sẽ viết điều đó thành văn bản,” bố cô nói, “và bố sẽ chuyển nó cho Quỳ, và Quỳ sẽ nói rằng lệnh thường trực là lệnh của Đội Canh và Đội Canh được ưu tiên đầu đốt cho việc chăm sóc, điều đó đúng, theo hiến chương, và dù sao thì đơn khiếu nại của Cái Đe đã được giải quyết chiều hôm qua. Bố đã thấy giấy giải quyết. Hồ sơ đã đóng.” Ông ngừng lại. “Con không chỉ đối soát định mức.”

Cô không trả lời. Ông chờ, và khi cô vẫn không trả lời, ông tự nói ra cái tên, một cách cẩn thận, như thể đó là một cái cốc người ta trao cho ông đầy tràn.

“Étienne De La Rosa.”

“Ông ấy còn sống.”

“Ông ta là một người cư trú trong một chương trình chăm sóc của Đội Canh. Ngoài điều đó ra bố không biết gì, và con cũng vậy.” Cuối cùng ông cũng cử động, ngồi xuống tay vịn chiếc ghế của mẹ cô, và trong một khoảnh khắc trông ông đúng với tuổi của mình. “Bố sẽ không giả vờ với con. Bố biết cái tên đó nằm trên tài khoản ấy. Bố đã biết từ vài năm nay. Đó không phải là điều bố được biết hay con được biết, và bố nói với con để con hiểu vì sao bố sắp hỏi con điều bố sắp hỏi.”

“Là gì.”

“Người cư trú ở dòng đó vẫn được ghi trong một sổ hộ tịch hộ gia đình ở Phường 7. Cửa Cái Đe. Phòng đã để ý điều đó chiều nay, vì truy vấn của con, và Phòng không thích một hộ gia đình lính xềng cho một thành viên đang an trí. Nó trông như lính hai lần. Quầy sẽ muốn kiểm toán hộ đó.” Ông nói *kiểm toán* theo cái cách cô đã nói một phút trước, và cô nghe thấy ông đang làm thế. “Bố có thể đóng chuyện đó lại như một sự trùng lặp do lỗi văn thư. Một bản đánh chính hộ tịch. Không kiểm toán, không kiểm đếm lại, không ai của Quầy đến gõ cửa nhà họ. Để làm được, bố cần danh sách nhận của hộ đó.”

Margaux ngồi rất yên.

“Cái Đe giữ danh sách riêng của mình,” bố cô nói. “Hộ nào cũng vậy. Ai ăn, ai lính, ai cư trú, ai đến thăm. Yvonne Celestin ghi nó trong một cuốn sổ. Bố đoán là con đã thấy nó. Bố cần một bản sao. Bố đối chiếu nó với hộ tịch, bố gạch tên ông ta là đang an trí, bố nộp bản đánh chính, và Phòng không còn quan tâm gì thêm đến Cái Đe. Chỉ có vậy.”

“Yooi” cô nói.

Ông nhìn cô.

“Con gọi nó như thế. Trong ghi chép của con. Danh sách đầu tiên từ sổ của Yvonne.” Cô chưa gọi nó là gì cả cho đến tận lúc ấy. Cô không biết vì sao mình đã nói ra. Cô nhận ra mình muốn ông biết rằng cô có một cái tên cho nó mà không phải do ông đặt cho cô. “Bố muốn mọi cái tên ở Cái Đe.”

“Bố muốn bảo vệ họ khỏi một cuộc kiểm toán.”

“Bố muốn mọi đứa trẻ Yvonne nuôi mà không có xềng. Bố muốn mọi người đã ngủ trong ngôi nhà đó vào một tháng tồi tệ vì họ chẳng còn chỗ nào khác. Bố muốn những người trở về, những người ngoài sổ và những người chị Solène đưa đi trong đêm.” Cô nghe giọng mình cao lên và hạ nó xuống. “Và bố muốn con mang nó lên cầu thang cho bố vì họ sẽ đưa nó cho con.”

“Bố muốn,” Georges nói, “con gái bố thôi đặt chứng chỉ của chính nó lên những tài khoản Đội Canh có thể chấm dứt sự nghiệp của nó ở văn phòng này, và bố muốn một gia đình mà bố chẳng có hiềm khích gì không bị kiểm toán bởi một Quầy chẳng quan tâm họ là ai. Nếu con nghĩ đó là những chuyện nhỏ, thì con đã không để ý đến những cuốn sổ cái con đọc.” Ông đứng dậy. “Bố không bảo con mang gì xuống Cái Đe. Bố bảo con dừng. Dừng xuống dưới đó với chuyện này. Dừng cho họ xem ghi chép của con. Nếu họ nghe về dòng đó từ con, trong tình trạng con đang thế này, họ sẽ làm một điều mà bố sẽ không đóng lại được, và khi đó sẽ không phải là Quầy đến gõ cửa nhà họ, mà là lính Thanh Tẩy.

Mang danh sách cho bố, hoặc đừng, và bố sẽ tìm cách khác để có nó. Nhưng đừng mang dòng đó xuống cầu thang.”

Cô nhìn ông. Cô nhìn cái bát của mẹ trên giá phía sau ông, đầy bút chì của chính cô.

“Mẹ có trên tài khoản đó không?” cô nói.

Đó không phải là điều cô định nói. Nó bật ra khỏi cô theo cái cách câu hỏi trên tờ đơn của Vessa đã bật ra khỏi cây bút ấy, ấn mạnh. Trong một khoảnh khắc gương mặt bố cô hoàn toàn không làm gì cả, và cô nghĩ, bằng một phần lạnh lùng, tỉnh táo của chính mình, rằng cô chưa bao giờ thấy ông bất động đến thế.

“Mẹ con,” Georges nói, “không phải là một dòng trong sổ cái.”

Ông đi ra cửa. Ông dừng lại bên cái hộp tiếng ngân tối om và đặt hai ngón tay lên nút vặn, và cô nghĩ ông sẽ bật nó lên, như ông vẫn làm trong phòng mình, như ông đã từng bật hộp của cô khi cô còn bé và không ngủ được. Ông rút tay lại.

“Chúc con ngủ ngon, Margaux.”

Khi ông đã đi, cô ngồi bên bàn dưới ngọn đèn. Sự yên lặng trở lại căn phòng và lấp đầy nó. Qua kính ban công những lồng chảo nằm dưới cô trong bóng tối, bảy mươi lăm phường, vài nghìn ngọn đèn, các nhà bơm hiện đèn ở chân mỗi dãy, và cô không cảm thấy được chút gì của nó. Cô có thể nghe, nếu nín thở, tiếng ngân từ lối đạo, ngọt, phẳng và đều, phủ lên thành phố như tấm vải phủ lên đồ đạc.

Cô mở cuốn sổ cái xanh đến MG001 và đọc lại. *Đồ vải, trọn bộ, hai lần mỗi tuần. Trạng thái: HIỆN HÀNH.* Có ai đó giặt ga trải giường của ông. Có ai đó gấp chúng. Có ai đó ký nhận chúng ở một cánh cửa có mã mà cô không còn được phép đọc.

Dưới mục ấy, bằng bút chì, cô ghi ngày và giờ, rồi: *Quyền truy cập bị thu hồi, 11:40. Mã quyền 7-114-ML. G.A. yêu cầu Y001. G.A. chỉ thị: không mang xuống Cái Đe.* Cô nhìn dòng cuối một lúc. Rồi cô kẻ một đường thẳng duy nhất bên dưới nó, như mẹ cô đã kẻ dưới mọi mục đã xong, và không viết gì thêm.



Hai mươi sáu nhỉnh một chút

Theo lời kể của Consuelo Mayorga; chiếc nhiệt kế buộc dây, mà chị vẫn còn giữ; ghi lại tại Bến Diệc với sự cho phép của chị.

Lúc năm giờ mười lăm sáng, ở đầu cùng cây cầu tàu dài tại Bến Diệc thuộc Phường 44, Consuelo Mayorga kéo chiếc nhiệt kế theo sợi dây lên khỏi mặt Hồ, giờ nó lên sát ngọn đèn và đọc được hai mươi sáu nhỉnh một chút.

Chị thả nó xuống lại, đếm đến một trăm rồi kéo lên lần nữa, vì bố chị đã dạy chị rằng Hồ nói dối ở lần kéo đầu. Hai mươi sáu nhỉnh một chút.

Chưa có ai khác ra tới đầu cầu tàu. Sau lưng chị, cái bến đang thức dậy trong bóng tối: một tiếng cửa, một tiếng ho, cái đài của ai đó bắt được sóng đài Phường 22 rồi lại mất, những làn khói đầu tiên bốc lên từ dãy nhà hun khói, nơi Lazare Mouledoux giữ lửa quanh năm bất kể nắng mưa vì lòng tự trọng. Phường 44 đã ngừng bơm từ thời bà cố của chị. Cổng đã bỏ mặc bức tường phía hồ, và Hồ đã tràn vào ngập đến chừng ngang thắt lưng một người đàn ông rồi ở lại luôn, và cả phường đã leo lên những hàng cọc và cột phao mà sống tiếp. Vì thế ở Bến Diệc không có nhịp bơm. Những người từ các phường bên trong ra mua cá vào tháng cá cháo lớn không ngủ được vì sự yên tĩnh và phàn nàn về nó lúc ăn sáng, giống như người Tăng Tấn phàn nàn về Vùng Bùn. Chelo, như cả cầu tàu vẫn gọi chị, thì lớn lên với tiếng nước: tiếng vỗ dưới mặt ván, tiếng những cây cọc lách tách khi nở ra, tiếng cá đối nhảy ban đêm như ai đánh rơi thìa. Chị từng lên Phường 7 một lần để dự đám cưới và nằm thao thức đến bốn giờ sáng với cái nền nhà dội lên lưng và hai hàm răng rung rần rật, rồi về nhà ngủ một mạch mười một tiếng.

Ngoài đầu cầu tàu, hàng sồi đứng trong nước. Bốn năm chục cây sồi xanh chết đuối, bị muỗi giết từ trước khi bất kỳ ai còn sống bây giờ ra đời, đứng xám tro trụi dọc theo nơi từng là một con đường, cành giơ lên và dang ra trong bóng tối như những người vừa bị bảo đứng lại. Đàn diệc ngủ trên đó. Cá cháo lớn ngược lên dọc theo hàng cây mỗi năm ẩm, theo đàn cá đối từ ngoài Hồ rộng vào, và mỗi năm ẩm những con đầu tiên đến khi nước ở đầu cầu tàu lên tới hai mươi sáu.

Chelo ngồi xuống mép cầu, thả chân trên mặt nước, và chờ trời sáng.

Ánh sáng đến, xám, rồi mang màu mặt trong vỏ hào. Hồ nằm phẳng như cái đĩa ra tận chân trời, nơi một dải mây đang ủng hồng dọc mép dưới. Một con diệc trên cây sồi gần nhất rũ mình và đuôi thẳng cổ. Một con cá đối nhảy lên rồi rơi xuống, rồi một con nữa, rồi

cả một mảng nước bên kia cây sồi thứ tư rùng lên như thể mưa đang rơi đúng một chỗ ấy và không nơi nào khác. Đó là cá mồi. Có thứ gì đó đang dồn nó lên từ bên dưới.

Rồi, giữa cây sồi thứ tư và thứ năm, một tấm lưng nhô lên khỏi mặt nước.

Nó nhô lên không vội vã, bạc như chiếc thìa mới và dài như một cánh cửa, rồi lật qua như bánh xe đang quay, cái vây lưng lớn nhô lên hạ xuống theo, và chỉ nghe thấy nó, qua sáu mươi mét nước phẳng: một tiếng ực trầm và êm, như một người đàn ông uống nước từ cái vại. Nó lặn xuống. Những vòng sóng loang ra từ chỗ nó vừa ở, chạm tới cây sồi rồi lan qua.

Chị không nhúc nhích. Bố chị hay bảo con cá đầu tiên của đợt cá không phải để bắt, và chị chưa bao giờ biết đó là một luật lệ hay chỉ là câu ông nói vì năm đầu tiên nhìn thấy cá ông đã quá chậm chân trên cầu tàu. Một tấm lưng khác lần lên xa hơn, bên kia cây sồi thứ tám, kêu ực, rồi lặn. Rồi hai con cùng lúc. Rồi một con sát ngay dưới đầu cầu tàu đến nỗi chị thấy mất nó, to, đen và dẹt như đồng xu, và những tấm nắp mang của nó, và vảy dọc sườn, mỗi chiếc rộng bằng lòng bàn tay chị, bắt lấy ánh hồng rồi hắt lại.

Sau lưng chị, có người trên cầu tàu đã xách xô ra rồi đứng sững. Rồi một người nữa. Khi chị quay lại, đã có mười một người đứng trên mặt ván trong ánh sáng lơ mơ, người mặc đồ ngủ, người mặc đồ đi làm, nhìn ra hàng sồi, và không một ai nói gì. Ông già Evariste Pitre, mắt đã lòa một nửa, đứng tì tay lên vai đứa cháu trai, mặt hướng về phía tiếng động.

Một con cá cháo lớn lần mình bên cây sồi đầu tiên và kêu ực, và cả bên nghe thấy.

“Mira” Evariste nói khẽ, chẳng với ai. “Mira, mira.”

Rồi mọi người cùng la lên một lượt, và chạy ra thuyền.

* * *

Theo lời kể của Consuelo Mayorga và của Aurelio Lachance, hai lời kể không khớp nhau về cân nặng của con cá đầu tiên và về chuyện ai cầm lái.

Lúc sáu giờ, buổi sáng đầu tiên của đợt cá, trên dãy nhà nổi phía sau Bến Diệc, Chelo Mayorga lấy lòng bàn tay đập lên vách nhà người chồng cũ cho đến khi anh mở cửa chớp.

Aurelio Lachance đã mặc quần áo xong xuôi. Tháng cá cháo lớn nào anh cũng mặc xong xuôi từ trước, đó là một trong những điều khó chịu đựng ở anh hồi họ còn là vợ chồng, bởi vào mọi tháng khác trong năm anh không tìm nổi đôi giày của mình cho tới trưa.

“Mo te audi le” anh nói.

“Toti mona te audi le. Pran gaf di tu.”

“Un sinkim.”

“Un sizim. Sa e bato di mo.” Một phần năm mẻ cá, anh đòi thế. Một phần sáu, chị nói. Thuyền của chị.

“Sa e bato di tu, an gaf di mo, an bra di mo, an tu pa pu leva un pouason di kuarenta kilo su bor tu sêl. Tu janmen te pu. Un sinkim.” Thuyền của chị, đúng, anh nói, nhưng cây móc là của anh và cánh tay là của anh, và một mình chị thì không thể kéo một con cá bốn mươi cân qua mạn thuyền, chưa bao giờ làm được. Anh nhìn chị qua khe cửa chớp. Anh có khuôn mặt to nhăn nheo như cái gối đã có người nằm, râu bắt đầu lấm tấm bạc, và cái vể y như hồi hai mươi hai tuổi khi anh hỏi cưới chị ngay trên dãy nhà này, một tay cầm xâu cua. “Chelo. Sa e prim matin. Pa fasa mo kanpa da an marchanda la prim matin.”

“Un sinkim” chị nói. “An tu pa chanta.”

“Mo ve chanta si mo veli.”

Thế là một phần năm, và chị đã bảo anh đừng có hát, còn anh thì bảo anh sẽ hát nếu anh thích.

Họ đã lấy nhau mười bốn năm và ly dị được sáu năm, và tháng cá cháo lớn nào kể từ khi ly dị chị cũng thuê anh, vì ở Bến Diệc không ai móc cá gọn bằng anh và không ai khác đứng được ở mũi thuyền *Little Heron* khi cá trời lên mà không nao núng. Những tháng còn lại trong năm anh làm thuyền viên trên thuyền tôm của Nghiệp Đoàn còn chị một mình thả lờ cua, và họ gặp nhau vào các ngày Chủ nhật khi Paloma sang ăn ở nhà anh, và thế là ổn. Hầu hết các tuần, còn hơn cả ổn. Chỉ trong đợt cá thì cuộc hôn nhân mới quay lại, trọn vẹn, cái tốt và phần còn lại, trong một tháng, rồi lại đi mất khi nước nguội.

Họ chống sào ra hàng sồi cùng năm mươi chiếc thuyền khác. Cả Bến Diệc ở trên mặt nước: xuồng nhỏ, bè nhà nổi mỗi chiếc có một người đứng, trẻ con ngồi trong chậu giặt bị quất gọi về cầu tàu, hai bà già ở đây nhà hun khói ngồi trên một chiếc ca nô vá đi và lại nhiều đến nỗi nhựa đường còn nhiều hơn gỗ. Cá cháo lớn lẫn mình khắp xung quanh họ. Cứ vài giây lại có một tấm lưng bạc khác nhỏ lên, lật mình, kêu ực rồi lặn, gần có xa có, và đàn bồ nông đã tìm ra cá mồi và đang lao xuống từ trên trời, cánh xếp lại, đập xuống mặt nước như những bao tải bị quăng, và đàn mòng biển kêu thét, và con chó của ai đó trên một chiếc bè sủa tất cả cùng một lúc.

Chelo móc một con cá đối sống xuyên qua môi vào dây câu tay rồi quăng thật xa, bên kia cây sồi thứ sáu, để nó bơi. Aurelio đứng ở mũi thuyền với cây móc.

Con cá cắn câu vào phút thứ ba. Sợi dây tuột ra qua miếng da bảo vệ lòng bàn tay chị nhanh đến bốc khói, rồi cách tám mươi mét con cá cháo lớn vọt lên khỏi mặt nước, cả thân, cao hơn Aurelio, lắc đầu khiến nắp mang kêu lách cách như một hộp đinh, bạc từ đầu đến đuôi trên nền xám của hàng sồi, và treo lơ lửng giữa không trung lâu hơn mức một thứ nặng chừng ấy có quyền được treo, rồi rơi xuống trong một đám bọt trắng.

“Bese” Aurelio nói, và chị cúi người, hạ tay về phía con cá để chùng dây khi nó nhảy, như bố chị đã dạy, để nó không thể giật tuột lưỡi câu vào sợi dây căng. Nó lại nhảy. Chị lại cúi. Đến cú nhảy thứ ba nó vọt cao đến nỗi một người đàn ông trên chiếc xuồng bên cạnh bỏ mũ ra, và chị nghe thấy chính mình cười thành tiếng trong khi sợi dây bỗng rít trong tay và con thuyền xoay dưới chân, còn Aurelio ở mũi thuyền đang hát, dở tẻ, cố ý, bài hát về người vợ ông chài lấy con cá.

Mất bốn mươi phút. Cuối cùng con cá nằm sát mạn thuyền, cái miệng lớn há ra ngậm vào và con mắt nhìn lên trời, và chị giữ dây trong khi Aurelio đặt cây móc dưới hàm, rồi cả hai cùng kéo nó qua mép mạn thuyền, và nó tràn vào qua đầu gối họ, choán hết cả lòng xuồng, quấy một cái khiến đuôi quất ngang ống chân Aurelio và anh chửi thề bằng thứ tiếng Pháp của mẹ anh. Rồi chị cầm lấy cái đuôi cui và làm điều phải làm, và mọi thứ lặng đi, và vảy con cá còn bắt ánh sáng thêm một lúc lâu sau đó.

Chị ngồi ngã ra trên tấm ván ngang, hai bàn tay giữa trên đùi. Miếng da bảo vệ lòng bàn tay đã bị cửa thùng hai chỗ. Hai tay chị run. Chị bốn mươi bốn tuổi, và chị đã làm việc này mỗi năm ẩm trong đời kể từ năm lên chín, vậy mà tay chị vẫn run, lần nào cũng thế, như thể chị vừa được cho vào một căn phòng mà lẽ ra chị không được vào.

“Sinkuenta kilo” Aurelio nói.

“Kuarenta.”

“Sinkuenta, san manti.”

“Counter ve pava kuarenta.”

“Counter e un mantè.” Năm mươi cân, không điều, anh nói; Quầy sẽ bảo là bốn mươi, chị nói; còn Quầy, anh nói, là đồ nói dối. Anh ngồi xuống ghế mũi thuyền, nhìn con cá rồi nhìn chị, và anh đang cười, và ống chân anh đang chảy máu xuống chiếc tất. “Li bon, Chelo.”

“Li bon” chị nói.

* * *

Trích bảng đếm của những người thu mua ở Bến Diệc, do Paloma Lachance chép vào một quyển vở học trò; thông báo của Hội Đồng trên cột cầu tàu, như được dán; lời kể của Emile Doucet, kể từ trên giường.

Vào buổi trưa ngày thứ tư của đợt cá, trên cầu tàu Bến Diệc, hai người thu mua ngồi cách nhau mười hai mét và không nhìn nhau, đó là cách Bến Diệc biết rằng tháng cá cháo lớn đã thực sự bắt đầu.

Hippolyte Gravois, người thu mua được Quầy cấp phép, ngồi dưới một cây dù sọc bên một chiếc bàn gấp với một cái cân treo, một con dấu, một quyển phiếu cân ba liên và một tấm bảng đếm sơn đặt trên giá vẽ, trên đó viết bằng màu xanh của Quầy: *NGƯỜI THU MUA CÓ GIẤY PHÉP. GIÁ CÔNG BẰNG, NGÀY NÀO CŨNG VẬY.* Mức giá do Quầy ấn định để bảo vệ quý vị. Mức giá được viết phần bên dưới: một phần ba xèng một cân, thịt, đã mổ ruột. Vẫn mức giá đó như năm ngoái và năm kia. Gravois là một người đàn ông tròn trịa hiền lành, hay lấy khăn tay lau cổ và lịch sự với mọi người, và ở Bến Diệc không ai ghét ông, và không ai bán cho ông khi Chantal Vo còn ở trên cầu tàu.

Chantal Vo ngồi trên một cái thùng úp ngược ở đầu phía dãy nhà hun khói, không bàn không băng, một chiếc túi da vắt ngang đầu gối. Chị trả nửa xèng một cân và không đòi xem giấy phép. Tháng này chị còn mang theo một thứ mà Gravois không có: một quyển phiếu dầu, in trên tấm bìa mỏng màu vàng có dấu của Nghiệp Đoàn ở góc, mỗi phiếu đổi được một can dầu ăn mười lít tại một cửa hàng của Nghiệp Đoàn ở Khu Chồng Bywater. Mọi gian bếp ở các phường bên trong đã phải ăn bánh hấp suốt một tuần rưỡi. Ở Bến Diệc chưa ai rán thứ gì kể từ khi đợt cá bắt đầu. Chantal sẽ đưa một phiếu cho mỗi trăm cân cá cháo lớn, thay cho năm mươi xèng. Đến ngày thứ tư người ta đã tính ra rằng một phiếu ở Phường 7 mua bán được bảy mươi.

Paloma Lachance, mười hai tuổi, ngồi trên một cột buộc thuyền giữa hai người thu mua với một quyển vở học trò và một cây bút chì, chép lại từng cân nặng và giá cả của cả hai bên, vì mẹ cô bé đã bảo rằng một bản ghi chép là đáng giữ và chẳng ai khác giữ cả. Cô bé ghi thành hai cột. Cột của Quầy thì ngắn.

Chelo bán ba con cá đầu tiên của mình cho Chantal: tổng cộng một trăm ba mươi cân, một phiếu và mười lăm xèng. Chị giữ lại vậy. Chị và Paloma đã cạo vảy từ tối hôm trước trên hiên nhà nổi, rửa bằng nước sôi rồi bày lên một tấm ván cho khô, hơn một trăm tấm bạc to bằng bàn tay trẻ con, và người mua vảy của Chantal, một cậu trai gầy từ Khu Chồng Bywater xuống với một cái giỏ, lấy chúng với giá một phần tư xèng cho mỗi mười chiếc tốt. Cậu nói chúng đi lên theo Tuyến Thập Phân tới các xưởng Tăng Tấn, rồi trở về các sản

dưới dạng chao đèn, quạt cưỡi và bình phong cho phòng thay đồ của các quý bà. Cậu đã có lần nhìn thấy một tấm bình phong như thế, trong một ngôi nhà trên sàn nơi chị gái cậu làm dọn dẹp. Cậu nói nó rất đẹp và không ai trong nhà biết nó làm bằng gì.

Chiều hôm đó Chelo trả nốt chín mươi xèng cuối cùng của món nợ chiếc *Little Heron*, tại lều của người cho vay thuyền của Nghiệp Đoàn phía sau dãy nhà hun khói, nhìn người phụ nữ ở đó gạch một đường qua tên chị trong sổ cái, rồi bước ra, lần đầu tiên trong đời làm chủ một con thuyền. Rồi chị tới chỗ người thư ký của Hội Tương Tế Bồ Hồ trên dãy nhà nổi, đóng hội phí của mình và của Paloma trước trọn một năm.

Vào đợt cá chị luôn đóng trước. Cả bến đều biết vì sao và không ai nói ra. Bố chị đã mất vào một năm tệ, một mùa đông đói không có đợt cá nào trước đó, khi cả nhà đang nợ ba quý, và Hội Tương Tế Bồ Hồ không có ngân nào cho một hội viên nợ ba quý. Thế nên ông đã xuống nước, theo lối cũ, lối của Vùng Lún, trong một tấm vải liệm có đá khâu vào gấu, ngoài cuối lạch sâu bên kia cây sồi cuối cùng, với con gái ông cầm lái và vị linh mục từ nhà nguyện nổi đọc kinh qua mạn thuyền. Tầng Tấn gọi đó là một vấn đề vệ sinh. Vùng Lún gọi đó là một đám táng. Chelo gọi đó là lý do chị đóng trước.

Trên cột cầu tàu ở đầu bến, sáng hôm ấy có một tờ thông báo được dán lên, đề lên những tờ cũ hơn, trên cùng có huy hiệu của Hội Đồng:



GIẢI ĐUA THUYỀN CÁ CHÁO LỚN CỦA HỘI CẦU CÁ TẦNG TẤN. Mép Hồ từ hàng sồi Phường 44 đến cọc mốc Phường 47 được dành riêng vào ngày 12 và 13 cho mục đích thể thao. Đề nghị cư dân tôn trọng tinh thần bảo tồn của Hội bằng cách không bắt cá trong thời gian dành riêng. Mọi con cá do Hội bắt được đều được thả lại còn sống, như một món quà cho Hồ và cho các thế hệ mai sau.

Người ta đứng đọc và nói với nó đủ điều. Đã có ai đó viết bằng than bên dưới, *CÒN THẾ HỆ CHÚNG TÔI?* Evariste Pitre bắt đứa cháu đọc cho nghe hai lần rồi cười nhiều đến nỗi người ta phải đỡ ông ngồi xuống một cái thùng.

Vào tiếng chuông thứ tư, một con cá cháo lớn nhảy vào xuồng của Emile Doucet.

Chuyện xảy ra ngoài cây sồi thứ chín, và Chelo nhìn thấy từ cách bốn mươi mét: con cá vọt khỏi mặt nước bên cạnh thuyền trong một cú nhảy, vận mình, rồi rơi xuống không phải vào nước mà ngang qua mạn thuyền, cả sáu mươi cân, và Emile ngã ngửa ra sau dưới sức nặng của nó xuống lòng thuyền. Người anh em của anh dùng mái chèo đẩy con cá ra. Họ đưa Emile vào, nằm trên mặt ván, mặt xám ngắt, hơi thở ngắn và ướt, đặt anh lên cầu tàu, và người thầy thuốc lá của bến quỳ bên cạnh, dùng hai ngón tay ấn dọc sườn anh rồi nói gãy bốn xương sườn, có thể năm, và không được chuyển anh qua nước cho tới sáng, và tháng này anh sẽ không làm việc được nữa.

Tháng này anh sẽ không làm việc được nữa. Mọi người trên cầu tàu đều nghe thấy và biết điều đó nghĩa là gì. Emile Doucet có mười một ngày tiền đợt cá, một người vợ, ba đứa con và một chiếc xuồng còn đang mắc nợ, và đợt cá có lẽ sẽ kéo dài thêm ba tuần nữa, sau đó sẽ là cua và cá đối theo giá của Quầy cho tới năm ẩm tới, nếu năm tới ẩm.

Họ khiêng anh về nhà dọc theo mặt ván, chậm chậm, trên một cánh cửa. Lúc sáu giờ Chantal Vo đi xuống cầu tàu với chiếc túi da và ngồi trên một cái thùng cạnh giường Emile

trong gian phòng ngoài nhà anh, dịu dàng với anh, và đề nghị ứng trước cho anh một khoản trừ vào đợt cá năm sau: hai trăm xềng ngay bây giờ, trả bằng cân cá năm sau, thêm một phần sáu. Chị đã chuẩn bị sẵn giấy tờ. Vợ Emile đọc cho anh nghe vì mắt anh cứ díp lại. Anh ký bằng tay trái, nằm mà ký, và Chantal cảm ơn anh, chúc anh mau lành rồi quay lên cầu tàu, và anh thuộc về Nghiệp Đoàn cho tới khi nước năm sau lên tới hai mươi sáu, và mọi người ở Bến Diệc đều nghĩ chị đã tử tế, và chị đã tử tế thật.

Paloma ghi chuyện đó vào quyển vở, không vào cột nào: *Emile D., ứng 200, thêm một phần sáu.*

* * *

Theo lời kể của Junie; Yvonne Celestin đưa vào hồ sơ một câu về buổi tối này và đề nghị đặt nó ở cuối ảnh, và nó đã được đặt như thế.

Vào buổi tối ngày thứ ba của chuyện đầu, khi những chiếc xuồng của Vùng Lún vẫn còn chờ cá cháo lớn trên Hồ, Yvonne dẫn Junie lên mái nhà hái rau cho bữa tối, vì trong bếp không có gì để mà nấu.

Mái nhà lúc chạng vạng là chỗ đẹp nhất trong nhà. Lốp nhựa đường đã thôi nóng đến bỏng mà chỉ còn ấm, những chậu ớt đứng thành hàng với ánh nắng ngả vàng trên lá, và giàn khoai lang trùm qua tường chắn mái phía Dauphine đầy những con bướm đêm trắng nhỏ. Dưới ngõ các mạch đèn đã bật, những ngọn đầu tiên, một chuỗi vàng dọc phố Palmer, và bên kia tường vòng Hồ đã mang màu mặt trong vỏ sò. Yvonne xách giỏ. Junie cầm con dao, tấm vải và câu hỏi đã chờ hai ngày nay một chỗ để được hỏi ra.

Họ hái đậu bắp trước, vì đậu bắp không chờ được; để quá một ngày là nó hóa xơ. Yvonne lại chỉ cho Junie cách vận chữ không giật, để khỏi rách cuống, và Junie làm hoàn hảo rồi cố tình làm sai để xem Yvonne có để ý không, và Yvonne để ý. Ớt chỉ thiên, một nắm, đỏ và xanh, để làm nước sốt. Mướp đắng, hai quả, trên giàn. Sáu quả và của năm nay vẫn còn cứng và xanh, và Junie đếm lại cho chắc là không ai lấy mất quả nào, và không ai lấy.

“Nu gon manja li kri” Yvonne nói. “Gonbo kri ave sel an piman. Asosi koupe fen ave sos. Poua frèt. La denyé di la mori.” Đậu bắp sống với muối tiêu, mướp đắng thái mỏng trộn nước sốt, đậu nguội, chỗ cá muối cuối cùng.

“Nulan amu gonbo kri.”

“Toti mona amu gonbo kri kan pa gen luil. Konsa tu trova.” Chẳng ai thích đậu bắp sống, Junie nói; ai cũng thích nó khi không có dầu, Yvonne nói, và đó là cách người ta biết được.

Lũ gà mái nghe tiếng giỏ thì ra khỏi chuồng, đi quanh mắt cá chân Junie mà kêu ca. Junie cho chúng ăn ngọn đậu bắp và vỏ mướp rồi hát cho chúng nghe bài Thánh Ca Nước Dâng theo điệu sai, đủ cả bốn khổ, còn Yvonne ngồi xuống chiếc ghế dài cạnh cửa, để mặc bài hát trôi qua mình và nhìn ra Hồ. Những chiếc xuồng ở ngoài đó, một hàng đèn nhỏ, thấp sát mặt nước, chờ một cái nhiệt kế lên tiếng. Sáng hôm ấy ở điểm bán nước có người đã bảo Junie rằng khi cá cháo lớn ngược lên Hồ thành đợt thì đứng trên mái nhà có thể nhìn thấy chúng, bạc, lẫn mình, cả một cánh đồng cá, và Junie đã không tin và hôm nay đã ra đứng bên tường chắn mái hai lần để kiểm tra.

Khi bài thánh ca hát xong, Junie cũng ngồi xuống ghế, ở đầu bên kia, con dao đặt ngang hai đầu gối.

“La bol blan su etajè anlè” Junie nói.

Yvonne không quay đầu lại. “Yo.”

“Li e di wini?”

Lũ gà mái đã vào chuồng lại. Dưới ngõ có ai đó đang gọi một đứa trẻ về, một tiếng gọi dài trầm dần xuống bằng tiếng Tây Ban Nha, ba âm tiết ấy lặp đi lặp lại. Junie đã sống ở Cái Đe từ khi Junie còn nhớ được bất cứ điều gì, và đã dọn bàn mỗi tối trong suốt quãng thời gian ấy, và chưa bao giờ đặt một chỗ cho cái bát trắng, vì chưa ai từng bảo đặt, mà cũng chưa ai từng bảo đừng đặt, mà ở Cái Đe thì đó cũng là một cách nói.

“Li e di Étienne” Yvonne nói.

“Sa ra e su Taken?” Cái tên trên bức tường Người Bị Đưa Đi, ý Junie là vậy.

“Yo.”

“Ke li mor?”

Yvonne im lặng lâu đến nỗi Junie bắt đầu thấy hối vì đã hỏi. Rồi bà nói, “Kan kekmoun nika an pa vena baka, an nulan pava tu wena, an pa gen korp po lava, pa gen bouat po ferma, tu pa pu pava mor. Tu pava pran.” Không phải người chết. Người Bị Đưa Đi. Người ta viết tên lên tường ở Lối Tàng với một ô vuông hở bao quanh thay vì một ô kín, và ô vuông hở nghĩa là cánh cửa chưa đóng. Bà đặt bàn tay đầy sẹo của mình úp lên mặt ghế giữa hai người. “Onse ane mo te chalke li ouvè. Kek ane mo te pensa ferma li. Mo janmen fasa li.” Mười một năm bà đã vẽ phấn để nó hở. Có những năm bà đã nghĩ đến chuyện khép nó lại. Bà chưa bao giờ làm thế.

“Poukisa?”

“Paske mo pa sava.” Bà nói điều đó giản dị, như cách bà nói về cơn sốt của một bệnh nhân. “Mo pa ferma un dora ra mo pa te viza.” Vì bà không biết; và bà sẽ không đóng một cánh cửa mà bà chưa từng thấy.

Junie nghĩ về điều đó. Ngoài Hồ, một trong những ngọn đèn xuống di chuyển, rồi dừng lại. Junie muốn hỏi về nghi lễ đã không diễn ra như lễ ra phải thế, chuyện mà lũ trẻ trong ngõ hạ giọng bàn tán như thể đó là điều chúng đã tận mắt thấy, mà chẳng đứa nào thấy cả, và là chuyện không ai ở Cái Đe từng nhắc tới. Junie nhìn khuôn mặt Yvonne trong chút ánh sáng cuối cùng và không hỏi.

“Li te konn pota pouason a kay vandredi” Yvonne nói thay vào đó, không ai hỏi. Mua ở Dây Sạp Diếp Xoắn, trên đường từ chỗ ống sắt về. “Nox ve pava tu ki sa te chak vandredi. Sa pa vre. Sa te pi fua.” Nox sẽ bảo Junie là thứ Sáu nào cũng có, nhưng không phải vậy. Có những thứ Sáu ông quên, về nhà tay không, hai tay chỉ đầy những bản vẽ chuyển tiếp, rồi đứng ở cửa bếp nhìn cái bếp lò như thể chính cái bếp lò đã quên, và bà để mặc ông đứng đó. Miệng bà khê động, rất nhẹ. “Li te netoya le mal. Ekay toupatou. Su plafon un fua. Mo janmen trova kouman.” Ông làm cá rất ẩu, vảy bắn khắp nơi, có lần lên cả trần nhà, và bà chưa bao giờ hiểu nổi bằng cách nào.

“Su plafon?”

“Su plafon. Dirèkteman anlè recho. Nox te havi katorse ane, an li te rira tan for ki li te tonba de ban.” Ngay phía trên bếp lò; Nox hỏi đó mười bốn tuổi, và đã cười nhiều đến nỗi ngã lăn khỏi ghế. Bà cầm lấy cái giỏ và đứng dậy, đầu gối kêu răng rắc, và bà đứng yên một

lúc cho chúng. “Sa sufi su Étienne po un nuit.” Thế là đủ chuyện về Étienne cho một tối rồi.

Junie cũng đứng lên. Đến cửa sập, Yvonne dừng lại và ngoảnh nhìn khắp mái nhà, những chậu ớt, cái chuồng gà, sáu quả vả xanh, mặt Hồ với hàng đèn của nó, và Junie đứng chờ sau lưng bà với con dao và tấm vải.

“Tu pu meta la bol” Yvonne nói. “Si tu veli. Mo pa ve pava tu fasa li, an mo pa ve pava tu pa fasa li.” Junie có thể đặt cái bát, nếu Junie muốn. Bà sẽ không bảo đặt, và bà sẽ không bảo đừng đặt.

Họ đi xuống. Junie không đặt nó tối hôm đó, cả tối hôm sau cũng không. Chuyện ấy đến sau, và nằm ở chỗ của nó.

Câu Yvonne đưa vào hồ sơ cho buổi tối này là: *Đứa trẻ hỏi, và tôi đã trả lời, và đó là chuyện giữa chúng tôi.*



Một chiếc giường trong suốt thời hạn thỏa thuận

Trích từ rơi tuyến quân của Liên Minh, bản mới, được trao qua mặt bàn ở Dãy Sạp Diếp Xoăn vào mùa xuân Năm 19; bản này mất phiếu xé rời.

MỘT CHIẾC GIƯỜNG TRONG SUỐT THỜI HẠN THỎA THUẬN.

Bạn đã từng ngủ trên nền nhà. Bạn đã từng ngủ ba người một tấm nệm, chân anh trai gác ngay vào mặt. Bạn đã từng ngủ vào buổi chiều, vì ban đêm thuộc về máy bơm. Liên Minh trao cho bạn một chiếc giường.

THỎA THUẬN CUNG CẤP NHỮNG GÌ? Một chiếc giường. Hai bữa ăn mỗi ngày. Đào tạo một nghề do Liên Minh chọn cho bạn. Lương trả bằng tiền giấy Liên Minh, đổi được tại các điểm chi trả của Liên Minh trong toàn khối liên minh. Một chiếc áo khoác.

THỎA THUẬN ĐÒI HỎI GÌ? Phục vụ, trong suốt thời hạn thỏa thuận.

THỎA THUẬN KÉO DÀI BAO LÂU? Thời hạn thỏa thuận do thỏa thuận quy định.

GIƯỜNG Ở ĐÂU? Giường được phân theo nơi điều động. Nơi điều động được phân theo nhu cầu. Nhu cầu do Liên Minh đánh giá.

TÔI CÓ ĐƯỢC VỀ NHÀ KHÔNG? Tân binh hoàn thành thỏa thuận được đưa về nhà bằng chi phí của Liên Minh, kèm thư xác nhận phục vụ, được công nhận ở bất cứ nơi nào Liên Minh được công nhận.

NẾU TÔI KHÔNG HOÀN THÀNH THỎA THUẬN THÌ SAO? Mọi tân binh đều hoàn thành thỏa thuận.

NHỮNG CÂU CẮC BÀ MẸ HAY HỎI.

Con tôi có được ăn không? Hai lần mỗi ngày.

Con tôi có được an toàn không? Con bạn sẽ ở giữa những người bạn mặc cùng một chiếc áo khoác.

Con tôi có viết thư về không? Thư từ được chuyển đi khi điều kiện cho phép.

Con tôi trở về có còn như cũ không? Đi đâu về cũng chẳng ai còn như cũ. Chẳng phải vì thế mà người ta ra đi sao?

Liên Minh tự hào sát cánh bên thành phố này, thành phố mà Liên Minh chưa một lần phải ra tay cứu giúp.

XÉ THEO ĐƯỜNG NÀY. Tên của bạn. Tuổi của bạn (nếu dưới mười sáu, ghi số tuổi bạn sẽ có khi đoàn xe khởi hành). Phương của bạn. Một người sẽ nhận thư xác nhận phục vụ của bạn.

Phiếu trên bản này đã bị xé ra và nộp lại, và hồ sơ không biết là ai nộp. Vào khoảng trống nó để lại, có người đã viết bằng lối chữ in hoa vuông vức mà Liên Minh dạy ngay trong tuần đầu tiên: **HỌ KHẤU KÍN TÚI ÁO CHO CHUYỂN ĐI BỘ VỀ NHÀ. KHÔNG AI NÓI CHO BẠN BIẾT VÌ SAO. BẠN TỰ HIỂU RA TRÊN ĐƯỜNG.**

* * *

Trích mục hồ tịch của Nox; danh sách tiếp nhận của Cái Đe, do Yvonne Celestin ghi chép; lời thuật của chính gia đình.

Nhân viên hồ tịch ở bàn hồi hương Tầng Giữa đã đánh máy nó lên một tấm thẻ cỡ bằng lá bài rồi ép nhựa ngay trước mắt Nox, và giờ anh mang nó ở chỗ duy nhất anh có thể mang bất cứ thứ gì, tức là trong áo sơ mi, áp vào da, vì túi áo khoác của anh đã bị khâu kín.

THÀNH VIÊN HỘ TRỞ VỀ. Tên: NOX (tên đơn, như đã đăng ký). Hộ: Cái Đe, Palmer/Dauphine, Phường 7. Quan hệ với chủ hộ đăng ký: con trai của DE LA ROSA, Étienne. Đăng ký vào hộ lần đầu: 14 tuổi. Vãng mặt: 11 năm (phục vụ Liên Minh, đã xác minh). Quyền nhận xềng được khôi phục khi đến. Nợ khởi đầu: không (người trở về).

Anh đã đứng ở bàn mà đọc nó và đã không sửa. *Con trai của*. Anh đến Cái Đe năm mười bốn tuổi với đôi môi rách, không giấy tờ, và một cái tên anh tự chọn cho mình trên một bến tàu, và tuần sau đó Étienne đã đưa anh đến văn phòng phường và ghi anh vào sổ hộ tịch của hộ, và nhân viên hỏi quan hệ, và Étienne nói *con trai* mà không nhìn Nox, theo cái cách người ta đọc địa chỉ nhà mình. Hai mươi mốt năm sau, sổ hộ tịch vẫn ghi như thế. Sổ hộ tịch không biết những gì đã xảy ra ở khoảng giữa, và Nox nhận ra, khi đọc nó, rằng anh không muốn là người kể cho nó biết.

Ở chân cầu thang công vụ Toulouse, nơi bậc thềm cuối cùng của Tầng Giữa gặp con phố nâng nền đầu tiên của Vùng Bùn, một trạm kiểm soát Thanh Tẩy nằm trong một chòi bê tông có quầy thép và một cửa xoay. Dòng người buổi sáng đều đi theo chiều ngược lại: công nhân trên sàn leo lên thành một hàng dài, đầu bẹp, người dọn dẹp và vú em với vòng cổ sắt trong túi, hai người phụ nữ giặt thuê khiêng một bọc đồ gấp giữa hai người. Nox đi xuống ngược dòng. Người lính Thanh Tẩy ở quầy còn trẻ, mặc đồng phục xám, bốt kín, giọng Phường 31. Cậu ta cầm tấm thẻ, đọc, nhìn mặt Nox rồi nhìn đến chiếc áo khoác.

Nox biết người lính Thanh Tẩy đang nhìn gì. Màu xám đồ thanh lý của Liên Minh, kiểu may đã chiến cũ, và cả hai khuỷu tay, nắp túi bị khâu dính phẳng xuống bằng chỉ đen, tám mũi mỗi túi, bốn túi. Đàn ông từ Liên Minh về nhà thì về trong chiếc áo khoác ấy, và người ở Vùng Bùn đọc nó như người ta đọc hạng trên một đồng xềng.

“Union” người lính Thanh Tẩy nói.

“Finished.” Anh nói bằng lối chuẩn phẳng lì của Tầng Tán, cái giọng trạm kiểm soát mà mọi người Vùng Bùn khoác lên ở cổng như khoác một chiếc áo sạch để ra Quầy, rút hết nhíp bơm ra khỏi nó và giữa sạch tiếng Kanal ở cuối cầu, và anh nghe chính mình làm thế sau mười một năm và ngạc nhiên vì cái giọng ấy vẫn còn đó, chờ sẵn, như chiếc áo treo trên móc.

“Ờ đâu?”

“Thượng nguồn. Các thị trấn đoàn xe.” Điều đó là thật, và đó là câu tất cả bọn họ đều trả lời, và người lính Thanh Tẩy gật đầu như thể nó có nghĩa gì đó rồi trả lại tấm thẻ.

“Chào mừng về nhà,” cậu ta nói, chẳng mấy hứng thú, rồi xoay cửa xoay.

Nox đi qua, và nhíp bơm dâng lên bàn chân anh.

Anh đã quên. Đó là chỗ ngớ ngẩn; anh đã nghĩ đến chuyện về nhà cả nghìn lần, trên những chiếc thuyền của đoàn xe, trong doanh trại, có lần trong một xà lim suốt chín ngày ở một thị trấn mà anh không chịu nói tên, và trong ngăn ấy lần nghĩ, anh đã quên đúng một thứ sẽ chạm đến anh trước tiên. Con phố nâng nền dưới đế bốt là đá cũ lát trên lớp đất đắp cũ lát trên lớp sắt cũ của các ống chính, và toàn bộ khối ấy truyền nhíp máy bơm của Phường 7, chậm và nặng, nâng và đặt. Nó dâng lên qua gót chân và đầu gối vào tận ngực anh. Anh dừng lại giữa phố, công nhân trên sàn đi vòng qua anh, và đứng đó như một người vừa đâm sầm vào tường trong bóng tối.

Mười một năm anh đã ngủ ở những nơi không chuyển động. Doanh trại Liên Minh là những tấm bê tông đổ trên đất khô. Các thị trấn đoàn xe ở thượng nguồn được dựng trên những bờ cao xưa, nơi chưa ai từng cần đến máy bơm. Ở chỗ nào anh cũng ngủ không ngon và anh đã đổ tại công việc. Giờ đây phường dâng lên vào người anh qua đôi bốt, và có thứ gì đó trên vai anh buông lỏng ra mà anh không hề biết nó vẫn đang gồng.

Một người phụ nữ xách giỏ cua nói: “Tu bon, cher?”

“Yo” Nox nói, đã quay về tiếng Kanal trước khi kịp nhận ra. “Padon.”

Anh đi tiếp.

* * *

Theo lời kể của Nox, vốn bỏ qua nhiều hơn những gì nó kể; tấm áp phích tuyển quân của Liên Minh, bản mới; thông báo của Hội Đồng trên các cọc Sàn Bắc.

Trên những con phố nâng nền bên dưới cầu thang Toulouse, quá chín giờ sáng hôm ấy một chút, áp phích đều mới. Chúng dán trên mọi bức tường từ chân cầu thang tới chợ, dán đề lên những áp phích cũ hơn, màu xanh và trắng tươi rói: một phụ nữ trẻ mặc chiếc áo khoác xám sạch sẽ, mọi túi áo đều mở, đang mỉm cười, đứng trước một chiếc giường tầng vẽ sơn có tấm chăn gấp gọn trên đó. *MỘT CHIẾC GIƯỜNG TRONG SUỐT THỜI HẠN THỎA THUẬN. CÓ LƯƠNG. CÓ ĐÀO TẠO. MỘT NƠI GIỮ LỜI.* Dòng chữ nhỏ dọc mép dưới ghi *Thời hạn thỏa thuận do thỏa thuận quy định. Giường tùy theo nơi điều động.* Những áp phích cũ, những tấm Nox đã đọc năm hai mươi bốn tuổi khi đứng trước bàn tuyển quân ở Dây Sạp Diếp Xoăn, ghi *PHỤC VỤ* và *TƯƠNG LAI* và vẽ một người đàn ông cầm súng trường. Ai đó bên phía Liên Minh đã học được Vùng Bùn muốn gì. Anh dừng lại trước một tấm gần chợ và nhìn chiếc giường tầng.

Đó đã là một chiếc giường. Chừng ấy thì là thật. Họ đã cho anh một chiếc giường, cho anh ăn mỗi ngày hai bữa, trả lương cho anh bằng tiền giấy Liên Minh mà chẳng ai ở Vùng Bùn chịu nhận, và đào tạo anh, rồi họ xếp anh vào lực lượng cưỡng chế, vì anh to con, ít nói và không cãi. Cưỡng chế nghĩa là các trạm kiểm soát trên những con đường ven sông, và các kho thóc khi một thị trấn thiếu ăn, và những cánh cửa. Nó nghĩa là bắt người ta làm theo những gì thỏa thuận quy định khi họ không muốn. Anh đã làm việc đó giỏi.

Anh có thể kể cho bạn về một cánh cửa, nếu bạn hỏi, và ở Cái Đe chưa ai từng hỏi. Một kho thóc ở một thị trấn đoàn xe vào mùa khô thứ hai, thị trấn thiếu ăn, khẩu phần của Liên Minh dán trên tường kho và một người phụ nữ bị bắt quả tang bên trong, tạp dề đầy thóc từ một bao rách. Thỏa thuận quy định thu thể một quý. Nox đã chìa tay ra đòi tấm thẻ và chị ta đã đưa cho anh, vì anh to cỡ ấy, và thẳng con chị ta, chừng sáu tuổi, đã cắn vào cổ tay anh mạnh đến mức để lại những vết anh vẫn còn sờ thấy bằng ngón cái. Anh đã không đánh thẳng bé. Anh giữ tấm thẻ cho tới khi người phụ nữ buông tay. Về sau một thư ký kể với anh rằng chị ta đã vào lò gạch Liên Minh làm trả nợ cho hết quý, mười hai tiếng mỗi ngày với một tấm thẻ nuôi được chị ta mà không nuôi được đứa trẻ, và rằng đứa trẻ đã về ở với một người dì, hoặc chẳng về với ai cả; người thư ký không biết là đằng nào. Cũng đã có chín ngày trong xà lim, ở một thị trấn khác, vì một cánh cửa khác. Một lời kể nói đó là cánh cửa anh từ chối mở. Một lời kể khác nói đó là cánh cửa anh đã mở. Nox chưa nói là cái nào.

Anh đã không thích việc mình làm giỏi việc đó. Anh đã không thích việc mình làm giỏi việc đó, và sau một thời gian anh thôi tách hai điều ấy ra trong đầu, vì tách chúng ra khiến anh mất ngủ. Anh vẫn che kín dấu thứ tư trên bắp tay, và ngày nào cũng che kể từ khi người ta đóng nó lên người anh.

Ai đó đã vẽ phần một ký hiệu nhỏ lên cột ngay dưới tấm áp phích: một bàn tay nắm lại, bên dưới có ba vạch. Anh biết ký hiệu đó. Nó từng là dấu của Feray hồi Feray hai mươi tuổi và tuần Ashe ra từ một nhà thuyền ở Khu Chồng Bywater, trước khi Bọn Im Tiếng có tên, còn Nox mười lăm tuổi, xách hàng suốt một mùa và nghĩ Feray là người đáng sợ và đáng khâm phục nhất anh từng gặp. Anh nhìn nét phần và nghĩ đến Feray dù không muốn, rồi đi tiếp, hai tay buông thõng bên người, vì anh không thể dứt chúng vào túi.

Anh mua một cốc cà phê điệp xoắn ở một chiếc xe đẩy sau chợ bằng một đồng tiền giấy Liên Minh, và người phụ nữ nhìn đồng tiền rồi nhìn chiếc áo khoác của anh rồi nhận lấy, trả lại anh tiền thừa bằng xềng lẻ của Phường 7 và một chiếc bánh hấp màu xanh mà anh không hề xin. Nó đặc và ẩm và có vị nước kênh. Anh vừa đi vừa ăn.

Anh không đi thẳng tới Dauphine. Anh đi ngược ngõ Rampart về phía các dãy nhà phía bắc, nơi áp phích nói sần mới đang được dựng, và ở đầu ngõ anh dừng lại ngược nhìn lên.

Sần mới xây được một nửa. Các cọc của nó đứng thành hàng đôi chạy dọc giữa nơi từng là xưởng thùng Phường 7, những cột thép to bằng bánh đà máy bơm đóng xuyên qua những con phố cũ xuống tận lớp sét, và trên đỉnh cọc những nhịp đầu tiên của khung dưới vườn ra trên các mái nhà thành từng đoạn xám có gần như xương của một bàn tay. Dưới những nhịp đã xong, nhà cửa nằm trong bóng râm. Nox chưa từng thấy bóng râm ở các dãy nhà phía bắc. Người ta đã mang ghế ra ngồi trong đó. Một bà cụ ngồi ở ngưỡng cửa dưới tầng trần mới, hai bàn chân đặt phẳng trên nền đá, vừa quạt vừa ngược nhìn lên. Ba đứa trẻ đã vẽ phần một ô lò cò trên đoạn ngõ duy nhất mà nắng không còn chạm tới được nữa, và đang chơi với vẻ nghiêm trang của những người biết trước mình sẽ mất nó.

Ở đầu đường xa, một máy đóng cọc đang chạy. Nó nhấc quả nặng lên rồi thả xuống, nhấc lên rồi thả xuống, và mỗi cú thả truyền qua mặt đất vào đôi bốt của anh lệch nhịp bơm một phách, đến nỗi nhịp nâng và đặt chậm rãi của phường và cú nện phẳng lì của máy đóng cọc giằng co nhau trong đầu gối anh. Một người đàn ông ngồi trên chiếc thùng úp ngược dưới nhịp sần thấy anh nhìn mặt thì bật cười.

“Dose semen di sa” người đàn ông nói. “Madanm di mo pava ki sa kom viv andedan un diskite.” Ý ông là đã mười hai tuần như thế rồi; vợ ông bảo nó giống như sống bên trong một cuộc cãi nhau.

“Konbe pilotis pi?” Nox hỏi.

“Ochenta kuarto, yodi.” Người đàn ông chỉ bằng chiếc cốc. “Potay Tithe ap antra na bout otra. Travay su dek, yodi. Lonbraj, tu pu viza tu mem. Techo di mo frèt depi sezon sek.” Ông uống một ngụm. “Planche di mo ap fann depi sezon sek osi. Tu pran lonbraj an fant ansam, cher. Nulan vanda le separa.” Còn tám mươi tư cộc nữa, theo lời người ta nói, và một cổng Tháp Phán sẽ được lắp ở đầu đường xa. Mái nhà ông mát từ hồi mùa khô, và nền nhà ông cũng nứt toác từ ngần ấy thời gian. Bóng râm và vết nứt đi cùng nhau; chẳng ai bán riêng từng thứ.

Một tấm thông báo dán trên cây cọc gần nhất, cao ngang mặt người, trên cùng là huy hiệu của Hội Đồng: *PHẦN NỐI DẢI SẴN BẮC. Mang bóng mát, dịch vụ và cơ hội đến Phường 7. Hiện tượng chuyển dịch nền đất tạm thời là điều đã được dự kiến và không phải là bằng chứng của vấn đề kết cấu. Cư dân phát hiện vết nứt không nên nộp đơn khiếu nại cho đến khi hoàn thành công trình, khi đó một đợt khảo sát duy nhất sẽ được tiến hành vì sự thuận tiện của tất cả mọi người.* Ai đó đã viết phần một ngày tháng bên dưới, và dưới ngày tháng là chữ *KHI NÀO*.

Nox từng đứng gác ở các thị trấn đoàn xe trong khi các đội thợ đóng cọc cho những kho thóc của Liên Minh, và anh biết tám mươi tư cây cọc thẳng hàng sẽ làm gì với nền đất ướt. Anh quay xuống ngõ Rampart về phía Dauphine.

* * *

Theo lời kể của Nox; và của Junie, dài bốn, tả anh là “un dora ave un jakèt” một cánh cửa có khoác áo.

Lúc mười giờ sáng hôm ấy, Cái Đe vẫn đứng ở chỗ nó luôn đứng, góc Palmer và Dauphine, bốn tầng gạch cũ đã nâng nền ba lần, cửa ra phố nằm trên đỉnh bảy bậc thềm và vòng gioăng cao su lớp xe quanh cửa đen bóng và mới. Từ khi anh đi, ai đó đã sơn những tấm ván chắn nước dăng trên giá đỡ của chúng: một chiếc búa trên nền xanh, và bên dưới, nhỏ hơn, một bông hồng đỏ trên cành. Cửa phòng khám bên hông đang mở và một hàng phụ nữ ngồi trên băng ghế bên ngoài trong bóng râm, quạt phe phẩy. Trên mái anh thấy dây khoai lang phủ qua tường chắn mái, và ngọn những cây ớt, và một dây phơi quần áo.

Anh đứng bên kia đường Dauphine rất lâu. Lâu đến mức một trong những người phụ nữ trên băng ghế phòng khám để ý đến anh và nói gì đó với người ngồi cạnh, và cả hai cùng nhìn.

Rồi một đứa trẻ từ cửa ra phố bước ra, ngồi xuống bậc trên cùng với một cái bát, bóc đậu mắt đen vào đó, và anh băng qua đường.

Đứa trẻ chừng chín hay mười tuổi, gầy và da nâu, tóc buộc hai búi xù ngắn và một vết vảy trên đầu gối, ngược lên nhìn anh bằng ánh mắt dò xét phẳng lặng của một đứa trẻ được giao trông cửa.

“Klinik e na kote.”

“Mo pa vena po klinik.”

“Kizin ferme tanka kuarto. Nu pa havi luil.”

“Mo te audi.” Anh đứng ở chân bậc thềm. “Ke Yvonne Celestin e na kay?”

“Petet” đứa trẻ nói. “Wini ap manda?”

Anh có thể đưa tấm thẻ cho đứa trẻ. Thay vào đó anh lấy nó ra khỏi áo sơ mi và cầm, mà không trao đi, và nói: “Pava li ki sa e Nox.”

Đứa trẻ nhìn anh thêm một lúc nữa. Rồi bát đậu được đặt xuống bậc thềm hết sức cẩn thận, và đứa trẻ đi vào trong, không chạy, và anh nghe tiếng bước chân nhỏ trên nền lối đi rồi một giọng nói đầu đó ở phía sau nhà, cao và trong, “Granmè, gen un nonm ave jakèt Union ra pava ki li e Nox” và rồi không còn gì nữa.

Anh chờ. Nhịp bơm dâng lên qua những bậc thềm.

Yvonne bước ra cửa, tay lau vào tạp dề.

Bà nhỏ bé hơn anh nhớ. Anh đã biết bà sẽ như vậy, vì anh to lớn hơn, nhưng còn hơn thế nữa: bà đã nhỏ lại trong chính mình, cổ tay và cổ gầy hơn, mái tóc bạc cắt sát hơn, xương mặt nổi gàn lên bề mặt hơn. Chiếc tạp dề vẫn có những cái túi ấy. Bàn tay đầy sẹo của bà đặt trên khung cửa. Bà nhìn anh từ đầu bậc thềm, và anh đứng ở chân bậc thềm để bà nhìn, vì anh không biết còn có thể mang đến điều gì khác.

“Tu mèg” bà nói.

“Mo ap manja manje Union.”

“Ko antra. Tu ve manja manje di mo.”

Chỉ có thể: anh gầy, anh đã ăn đồ ăn của Liên Minh, và giờ anh sẽ ăn đồ ăn của bà. Bà quay người đi ngược vào lối đi và để cửa mở. Đứa trẻ đã quay ra, nhặt bát đậu lên và nhìn anh với vẻ tò mò không giấu giếm, và anh bước lên bảy bậc thềm vào nhà, và mùi của ngôi nhà khép lại quanh anh, gạch cũ và hương trầm bàn thờ và thảo dược phơi khô ở lối đi và, bên dưới tất cả, mùi phenol sắc và sạch của phòng khám, và anh phải dừng lại ở lối đi, đặt một tay lên tường.

Căn bếp vẫn như cũ. Chiếc bàn dài, những băng ghế, chiếc bếp lò lớn với cửa lò ngụy ngắt, những chiếc nồi treo trên móc, ô cửa sổ nhìn ra sân sau nơi những thùng hứng nước mưa đứng đó. Vết nứt ấy trên lớp vữa phía trên cửa. Yvonne đặt trước mặt anh một bát cao lương và đậu đỏ với một miếng cá muối bên trên, nguội từ buổi sáng, và một chiếc bánh hấp bên cạnh, rót nước từ bình ra, rồi ngồi xuống đối diện anh, hai tay đan đặt trên bàn, và nhìn anh ăn.

Anh ăn. Anh không nhớ nổi lần cuối có người nhìn anh ăn và muốn anh ăn hết là khi nào.

“Junie” Yvonne nói, khi anh đã ăn được một nửa. “Nika a atelye an pava Marcel po monta. Pa pava li poukisa.” Xướng xướng, bảo Marcel lên, và đừng nói với nó vì sao.

Đứa trẻ, Junie, nãy giờ đứng ở ngưỡng cửa bếp với bát đậu, đặt nó lên bàn rồi đi.

“Li e di wini?” Nox nói.

“Li e di nu” Yvonne nói. Cửa nhà mình. Đó là một câu trả lời, và không phải câu anh có thể hỏi thêm. Bà nhìn anh ăn thêm một miếng. “Tu te desanda de un bato Union.”

“Dos jou pase. Na waf di Ridge. Mo te enskri aye.”

“Le te pava tu kouman rejistri noma tu.”

“Yo.”

“An tu te kita li konsa.”

Anh đặt thìa xuống. “Mo pa te sava ki bagay otra mo sere meta.” Anh đã đọc *con trai của* ở bàn và để nguyên như thế, vì anh không biết mình còn có thể ghi gì khác vào đó.

Yvonne nhìn anh một lúc lâu. Gương mặt bà không thay đổi mấy; nó chưa bao giờ thay đổi mấy. Rồi bà vói tay qua bàn đặt hai ngón tay lên mu bàn tay anh, thật nhẹ, ngay dưới cổ tay áo khoác, rồi lại rút về.

“Manja” bà nói. “Solène ve e na kay a seis. Li ve veli rela su tu, an li ve veli ki tu manja avan, po li pa santi li mal apre.” Solène sẽ muốn quát mắng anh một trận, và sẽ muốn anh được ăn no trước đó, để cô khỏi phải thấy áy náy về chuyện đó.



Bảy mươi ba xềng

Trích bản kê sổ dư đầu kỳ của Quầy cấp cho Nox, phát tại bàn hồi hương Tầng Giữa cùng với thẻ hộ tịch của anh và được anh gấp lại, mang sau tấm thẻ ấy bên trong áo; anh nộp nó vào hồ sơ mà không bình luận gì, điều Margaux Abagnale ghi lại như một lời bình luận.

QUẦY NEO NEW ORLEANS. BẢN KÊ SỐ DƯ ĐẦU KỲ.

Người giữ xềng: NOX (một tên, như đã đăng ký). Tình trạng: THÀNH VIÊN HỘ TRỞ VỀ. Hộ theo hồ sơ: DE LA ROSA, É. (đang an trí, duy trì), Cái Đe, góc Palmer và Dauphine, Phường 7. Quan hệ: con trai.

Chào mừng về nhà. Mọi cư dân đều bắt đầu với một số dư. Số dư của bạn được kê dưới đây.

CẤP NHÀ Ở. Thành viên trở về, về hộ theo hồ sơ: 18 xềng. (Việc cấp về một hộ mà người giữ xềng từng sống được tính theo mức dành cho người trở về.)

CẤP PHÁT DỤNG CỤ. Tiêu chuẩn: xô, thẻ khẩu phần, bao thẻ, chìa khóa vòi nước công cộng (cho mượn). 11 xềng. Người giữ xềng từ chối nhận xô. Phí xô vẫn được tính, vì xô đã được cấp phát khi đưa ra.

HỘ TỊCH. Thẻ, ép nhựa: 2 xềng. Khuyến nghị ép nhựa cho người giữ xềng không có túi.

HOÀN TRẢ LIÊN MINH. Tiền giấy Liên Minh xuất trình: 340. Tỷ giá quy đổi: không. Ghi có: 0.

KHÁM SỨC KHỎE, BẰNG MẮT. 1 xềng. Kết quả: ĐỦ SỨC KHỎE. Ghi chú: vết thương cũ, nhiều chỗ. Dấu trên bắp tay được che. Không đánh giá.

SỐ DƯ TRƯỚC. Còn nợ khi rời đi (Năm 8, 24 tuổi): 6 xềng, chuyển sang mười một năm theo mức chuẩn: 41 xềng.

TỔNG SỐ DƯ ĐẦU KỲ: 73 xềng.

Khoản hoàn trả được khấu trừ từ số xềng kiếm được trong công việc được Quầy cấp phép, theo tỷ lệ một phần tư. Người giữ xềng không làm công việc được cấp phép có thể nộp tại văn phòng phường. Người giữ xềng rời thành phố khi còn số dư sẽ thấy số dư ấy vẫn chờ mình.

Quầy: mọi thứ ở đúng chỗ.

Hồ sơ còn giữ một bản thứ hai, chép ở Cái Đe, với con số tổng được khoanh tròn bằng bút chì của Yvonne Celestin và không có chữ nào viết bên cạnh.

Theo lời thuật của Marcel De La Rosa.

Ở Cái Đe, Marcel De La Rosa đi lên cầu thang sau từ xưởng lúc mười một giờ kém mười lăm sáng hôm ấy, khói hàn vẫn còn vương trên tóc và hai tay cầm một khung máy radio, vì Junie đã nói *lên đây và đừng hỏi tại sao* bằng một giọng mà anh đã học được là có nghĩa là có chuyện gì đó đã xảy ra, và anh không muốn đặt cái khung máy xuống phòng khi chẳng có chuyện gì.

Anh nghe thấy người đàn ông trước khi nhìn thấy. Marcel nghe thấy hầu hết mọi thứ trước tiên. Cơ thể anh quay về phía âm thanh trước khi anh chọn quay nó, một thói quen Nel vẫn trên anh và Yvonne thì từ lâu đã thôi để ý, và trên cầu thang sau anh nghe thấy một giọng nói trong bếp mà anh không biết và đồng thời lại biết, trầm, đều và hơi khàn, đang nói gì đó với Yvonne về bến lên dài gò. Giọng nói ấy có một màu. Marcel chưa bao giờ giải thích được điều này với ai ngoài Nel, mà ngay cả khi ấy cũng chẳng rõ ràng: có những giọng nói đến với anh với một màu ở rìa, như một nốt nhạc, và giọng này màu xám sẫm ngả sang nâu, như gạch ứt, và lần cuối anh nghe thấy nó là khi anh tám tuổi.

Anh bước vào bếp với chiếc radio trong tay.

Nox ngồi ở bàn. Anh to lớn khủng khiếp. Marcel nhớ anh là người to lớn, nhưng anh đã nhớ Nox từ bên dưới, từ cái tuổi lên tám, và anh đã cho rằng, như người ta vẫn thế, mọi người đều nhỏ lại khi mình lớn lên. Nox không hề nhỏ lại. Anh ngồi trên ghế dài, hai vai cao hơn mặt bàn một cái đầu, hai bàn tay đặt phẳng hai bên một cái bát rỗng, im phăng phắc, trong chiếc áo khoác xám có túi bị khâu kín, và anh ngược lên nhìn Marcel và gương mặt anh làm một điều gì đó mà Marcel không có từ nào để gọi.

“Marcel” Nox nói.

“Tu vena baka.”

“Mo vena baka.”

Marcel đặt cái khung máy radio lên bàn, vì tay anh đã bắt đầu run và anh không muốn đánh rơi nó. Dưới áo, ở bên trái ngực, bộ điều khiển trái tim anh nằm trong chiếc hộp dẹt áp vào da, và anh cảm thấy nó như mọi lần mạch anh nhảy lên, một hơi ấm mờ nhạt, và biết mà không cần nhìn rằng ánh đèn hồ phách của nó đang hắt qua lớp vải bông. Anh đặt tay lên trên. Rồi anh lấy đồng xu ra khỏi túi bên kia, cái đĩa cũ mòn anh mang theo từ hồi còn bé, lật nó qua các khớp ngón tay một lần, một việc anh làm mà không cần nghĩ, rồi cất lại.

Nox nhìn anh làm thế. “Tu toujou havi sa.”

“Mo toujou havi li.”

Anh không biết nói gì khác. Suốt mười một năm, anh đã nghĩ tới rất nhiều điều anh sẽ nói với Nox nếu Nox trở về. Rằng Nox đã bỏ đi. Rằng Nox đã bỏ đi ba tuần sau chuyện ở điện thờ, khi Yvonne vẫn còn không nói năng gì và Solène mười bảy tuổi đang trông nom cả nhà và Marcel tám tuổi đêm nào cũng thức dậy lắng nghe tiếng bước chân của bố trên cầu thang. Rằng anh đã không viết thư. Rằng Marcel đã giữ chiếc giường tầng của Nox trải sẵn trong căn phòng trên cùng của ngôi nhà suốt một năm, rồi hai năm, rồi đã tháo nó ra lấy gỗ đóng một chiếc bàn thợ và đã khóc khi làm việc đó và chưa bao giờ kể với ai. Chẳng điều nào đến. Anh đứng trong bếp, tay đặt trên ngực, nhìn người đàn ông ngồi ở bàn, và

thay vào đó điều đến lại là một ký ức anh không biết mình vẫn còn giữ: Nox hai mươi tuổi, trên mái nhà, xốc nách Marcel nhắc lên để Marcel nhìn thấy lũ bồ nông ở cửa xả, và nói *nhìn kia, nhìn kia, chúng đang bắt cá*, và nhíp bơm từ dưới dâng lên qua mái nhà vào cả hai người.

“Tu te leva mo po viza la pelikan ye” anh nói.

Nox nhìn anh. “Tu te e lou.” Hồi ấy em nặng lắm.

“Mo te havi kuatro ane.”

“Tu te e lou po kuatro ane.”

Yvonne đứng dậy đi tới bếp lò và bắt đầu làm gì đó với một cái nồi, quay lưng về phía họ, và Marcel ngồi xuống ghế dài đối diện Nox, và một lúc sau, vì cả hai đều không nghĩ ra được chuyện gì khác, Nox hỏi về chiếc radio, và Marcel kể cho anh nghe.

* * *

Theo lời kể của Nox, phần anh chịu kể ra; Yvonne Celestin chỉ nói “Jedi” thứ Năm, và để nguyên như thế.

Mưa đến Phường 7 lúc ba giờ chiều hôm ấy, và Nox đang ngủ trong căn phòng trên cùng của Cái Đe khi nó tới.

Anh không định ngủ. Yvonne đã bảo anh lên tắm rửa, và anh đã rửa ráy ở chậu rồi nằm xuống sàn gỗ cạnh chiếc bàn thợ thứ hai của Marcel, trên những tấm ván nơi chiếc giường tầng của anh từng đứng, để duỗi lưng một phút, và phưỡn từ dưới dâng lên qua những tấm ván vào người anh, chậm và nặng, nâng và đặt, và điều tiếp theo anh biết là tiếng sấm.

Anh đã đứng bật dậy, lưng áp vào tường, trước khi kịp tỉnh. Rồi anh tỉnh. Căn phòng đã chuyển sang màu xanh lục sẫm; ánh sáng qua cửa sổ có màu nước ao. Sấm lại nổ, dài và gần, rồi lần đi trên những mái nhà phía hồ, và rồi mưa ập xuống một lượt với âm thanh như thể cả phố Palmer đang bị trút ra khỏi một cái bao tải.

Anh đi xuống. Cả nhà đã chuyển động. Junie chạy vụt qua anh trên cầu thang với hai cái xô. Dưới sân sau có ai đó đã hất nắp các thùng hứng nước mưa, và các ống máng đang nghẹn lại và gầm lên đổ vào đó. Ngoài ngõ, mọi cánh cửa trên phố Dauphine đều đã mở, người ta đứng trên bậc cửa, mặt ngửa lên, hai tay dang ra, trẻ con mặc đồ lót ra đường la hét, một ông già trên bậc thềm đối diện mặc áo lót, mắt nhắm, nước chảy ròng ròng xuống cằm, cười vang. Rãnh nước đầy lên. Hơi nước bốc lên khỏi những phiến đá nóng thành một lớp da trắng rồi mưa lại dập nó xuống. Mùi hương bốc lên theo, gạch nóng, bụi ướt, nấm mốc và cái mùi xanh, chín của những vườn trên mái đang uống nước, và Nox đứng ở cửa trước của Cái Đe hít nó vào và thấy mình đang cười toe như một thằng ngốc.

“Siete jou” Yvonne nói sau lưng anh. Bà đã ra tới cửa với một chiếc khăn lau bát. “Ekip di Delphine ve havi dlo na pui swar sa.” Bảy ngày, bà nói, và tối nay đội của Delphine sẽ có nước trong hồ thu.

“Wini e Delphine?”

“Chef đi nuit na ponp Sabine. Depi apre tu.” Trưởng ca đêm ở máy bơm Sabine, từ sau khi Nox đi. Bà nhìn mưa. “Le te doka ekip di li ankora semen sa. Po tan sek.” Tuần này họ lại trừ lương đội của chị ấy, vì trời khô.

Cơn bão kéo dài bốn mươi phút. Khi nó dời đi qua tường vòng về phía con kênh, con ngõ bốc hơi và nhỏ giọt và lũ trẻ vẫn tiếp tục nhảy múa dưới rãnh nước vì nguyên tắc. Yvonne quay vào bếp, và một phút sau Nox theo bà, vì anh không biết làm gì khác với bản thân, và thấy bà đang đứng trên chiếc ghế đầu bậc cạnh tủ bát, với tay lên ngăn trên cao.

“Kita mo.”

Bà bước xuống và để anh làm. Trên ngăn cao, sau một hàng lọ của phòng khám và một hộp muối loại tốt, có một cái bát men trắng vành xanh lam sứ mẽ, bọc trong một tấm vải đồ đã bạc màu, một góc có đường mạng.

Tay anh nhận ra nó trước cả anh. Anh nhắc nó xuống, cầm lấy và, trong một thoáng, không thể đưa nó cho bà.

Étienne đã ăn bằng cái bát ấy mỗi ngày trong suốt mười năm Nox sống trong ngôi nhà này. Ông thường ăn đứng, ở đầu bàn cạnh cửa sổ, vì lúc nào ông cũng đang trên đường đi đâu đó, và ăn xong ông lau bát bằng tấm vải đỏ rồi tự tay đặt nó lại lên ngăn, và ông không bao giờ để ai khác rửa nó, như một trò đùa đã sống lâu hơn trí nhớ của mọi người về chuyện nó bắt đầu thế nào. Thứ Sáu nào ông cũng đi về theo phố Palmer với một con cá gói giấy báo, thứ gì đảm bắt của Phường 7 còn dư, một con cá tráp đầu cừu hay một xâu cá đối, và đặt nó lên bàn trước mặt Yvonne như thể đó là một lời cầu hôn. Thứ Sáu nào cũng vậy, suốt mười năm. Thứ Sáu nào Yvonne cũng làm cá và thứ Sáu nào cũng nấu nó và thứ Sáu nào cũng bảo ông rằng ông đã trả quá đắt.

Ông đã tán tỉnh bà bằng tiếng Kreyòl Haiti. Nox đã nghe câu chuyện từ cả hai người và hai phiên bản không khớp nhau. Étienne lớn lên nói tiếng Kanak và thứ tiếng chuẩn đã bị san phẳng của các văn phòng Công và một chút tiếng Tây Ban Nha của bà nội, và khi quyết định muốn có Yvonne Celestin, ông đã tìm đến một bà cụ ở Mạch Tremé có gia đình đến từ Haiti bằng thuyền, và trả bà bằng cá để bà dạy ông thứ tiếng Kreyòl trang trọng mà đàn ông dùng để xin phép gia đình người phụ nữ. Ông học dở và nói ra còn dở hơn, ngay tại chiếc bàn này, trước mặt mẹ của Yvonne, và mẹ của Yvonne cười dữ đến mức phải ra ngoài. Yvonne bảo bà nhận lời cho ông thôi nói. Étienne bảo bà nhận lời trước khi ông nói xong vì bà không chịu nổi phải nghe ngôn ngữ của mình bị đối xử như thế thêm một câu nào nữa. Chừng nào Nox còn biết họ, Étienne vẫn nói với bà bằng tiếng Kreyòl mỗi khi muốn điều gì, và lần nào bà cũng sửa ngữ pháp cho ông. Nox mười lăm tuổi, ở đầu xa của chiếc bàn này với cái môi rách đang lành, đã nghĩ đó là điều ngớ ngẩn nhất và đẹp đẽ nhất anh từng thấy hai người lớn làm.

Yvonne đỡ lấy cái bát khỏi tay anh. Bà mở tấm vải, nhìn cái bát, rồi lau lòng bát bằng tấm vải, dù trong đó chẳng có hạt bụi nào. Nhìn bà, Nox hiểu rằng trong đó chưa bao giờ có bụi. Bà đã lấy nó xuống, lau nó và đặt nó lại mỗi tuần suốt mười một năm, và không ai thấy bà làm việc đó, và giờ bà để anh thấy vì đó là cách duy nhất bà sẽ nói với anh bất cứ điều gì.

“Chak vandredi” anh nói.

“Jedi” Yvonne nói. “Li te vena a kay vandredi. Mo te para li jedi.” Thứ Sáu ông về nhà; thứ Năm bà chuẩn bị sẵn. Bà bọc cái bát lại và đưa trả cho anh. “Meta li anlè. Pi anlè. Deye sel.”

Anh đặt nó lên sau hộp muối rồi bước xuống, và bà đã đứng ở bếp lò, quay lưng về phía anh, và không ai trong hai người nói ra tên Étienne.

Theo lời thuật của Marcel De La Rosa; Solène Lafitte từ chối bổ sung điều gì.

Solène Lafitte về tới Cái Đe lúc sáu giờ và quất tháo, đúng như Yvonne đã nói. Cô quất ngoài hành lang và trên cầu thang và trong bếp, và Nox ngồi ở bàn để mặc cô quất, và khi đã quất xong cô ngồi xuống cạnh anh và tựa đầu lên vai anh trong khoảng một hơi thở rồi đứng dậy đi rửa ráy. Marcel, người đã chứng kiến toàn bộ từ chỗ bếp lò, nghĩ đó là điều đúng chất Solène nhất anh từng thấy.

Lúc bảy giờ Nel từ bảng tin tối của Gai về, một tay cầm đàn kalimba, tay kia xách một túi đậu mắt đen. Zelle và Odine theo sau với hộp đàn vĩ cầm, hai người làm cho nhóm nhạc thành bộ tứ khi Marcel hát. Nel được giới thiệu, và bắt tay Nox bằng cái nắm tay cần trọng Nel vẫn dành cho người lạ và thú bị thương, rồi ngồi vào góc cạnh cửa sổ và, chẳng cần ai bảo, bắt đầu gảy một giai điệu chậm trên các phím kalimba dưới tiếng chuyện trò. Marcel nghe nó theo cách anh nghe Nel chơi đàn khi anh mệt: không cố tìm điều gì trong đó. Chỉ là Nel, và một giai điệu, và những phím đàn rung khê trên hộp gỗ, và nó làm căn bếp lại có cảm giác là căn bếp.

Cora không lên. Bà đang đỡ đở ở phố Palmer, Solène nói cộc lốc, và không nói gì thêm.

Họ ăn lúc tám giờ. Bếp không có dầu, nên bánh được hấp, và Yvonne đã nấu một nồi đậu bắp với đậu mắt đen và một chút cá hun khói, có cả cao lương, và một lọ tương ớt mà Omma Kang đã đổi lấy một chai i-ốt của phòng khám. Junie ngồi ăn trên ghế dài cạnh Nox và nhìn chằm chằm vào anh suốt bữa. Nox ăn chậm, cánh tay trái khép sát bên người, trả lời những câu hỏi của Solène bằng những câu ngắn, và không nói gì về Liên Minh mà anh không buộc phải nói. Khi Junie hỏi anh tại sao túi áo anh bị khâu kín, cả bàn im bật. Nox nhìn Junie và nói: “Po mo pa kava anyen ra mo pa te veli kava.” Để anh không mang theo thứ gì mà anh không muốn mang. Junie ngấm nghĩ điều đó, gật đầu rồi quay lại với món đậu. Marcel không nghĩ đó là toàn bộ câu trả lời. Anh không nghĩ Nox biết toàn bộ câu trả lời.

Margaux đến lúc chín giờ kém mười lăm.

*Cuốn sổ cái xanh*

Theo lời thuật của Marcel De La Rosa; sổ làm việc của Margaux Abagnale, dòng MG001, như được trình ra trên bàn ăn ở Cái Đe.

Lúc chín giờ kém mười lăm tối hôm ấy, Marcel nghe thấy tiếng bốt của Margaux Abagnale trong lối đi của Cái Đe trước bất kỳ ai khác. Bốt Tăng Tấn trên gạch cũ: chúng vang sai, quá sạch, quá đều, và đến giờ thì mọi người ở Cái Đe đều thuộc tiếng ấy, vì đã hai năm nay cô xuống cầu thang vào căn bếp này để làm việc cho Solène, thứ việc mà bố cô không biết hoặc giả vờ không biết. Cô bước vào bếp vẫn mặc bộ quần áo đi làm ở phòng văn thư, vải lanh nhạt màu đã rũ xuống vì nóng, hai tay ôm một cuốn sổ cái bìa vải xanh trước ngực, và cô nhìn về phía bàn, thấy Nox thì dừng lại.

“Sa e Nox” Solène nói. “Li vena a kay. Nox, Margaux Abagnale.”

Nox nhồm nửa người dậy. Margaux nhìn chiếc áo khoác. Marcel nhìn cô đọc nó, theo cách cô đọc mọi thứ, rồi xếp nó vào hồ sơ, rồi gác nó sang một bên vì đó không phải chuyện cô đến để nói.

“Abagnale” Nox nói.

“Fi di li” Margaux nói. “Yo.” Cô quay sang Solène. “Mo te trova la plas ra li te nika. Kek pesa.” Cô đã tìm ra nơi ông đã đi, hoặc một mảnh của nó. Cô cần cho họ xem, và cần Yvonne thấy nó, và trước hết phải nói với họ rằng tối qua bố cô đã bảo cô đừng mang nó xuống đây. “Ko mo ap dezobeyi li. Mo te veli ki vu sava sa avan vu leza.”

Solène nhìn cô một lúc. Rồi cô dẹp mấy cái bát sang bên và dọn một chỗ trống trên bàn dưới ngọn đèn.

Margaux mở cuốn sổ cái xanh, xoay nó lại cho trang giấy hướng về phía họ, rồi đặt ngón tay lên một cái khung kẻ bằng bút chì.

Marcel đọc ngược trước, vì anh ngồi gần nhất, rồi Solène xoay cuốn sổ hơi về phía Yvonne, và anh đọc lại lần nữa theo chiều xuôi. *DE LA ROSA, Étienne. Bắt đầu an trí: Năm 8. Vật tư: dầu sưởi buồng kín (loại dầu đốt), hằng tuần. Đồ vải, trọn bộ, hai lần mỗi tuần. Ống dẫn tuần hoàn, ngoài, bộ, hai tuần một lần. Chăn sưởi, khi cần. Giao nhận: mã tiếp nhận RH/F. Tình trạng: HIỆN HÃNH.* Một ngày tháng, bốn ngày trước hôm qua. Ở lẽ, bằng nét chữ nhỏ thẳng đứng của Margaux: *MG001*.

Không ai nói gì.

Tay Marcel lại đặt lên ngực. Anh không bỏ ra. Dưới lòng bàn tay anh, bộ điều khiển ẩm và trái tim nó vận hành đang đập nhanh và đều, và anh cảm thấy nhịp bơm từ băng ghế truyền lên chân, nâng và đặt, và đầu đó trong góc Nel đã thôi chơi đàn. Anh đọc dòng về đồ vải. *Hai lần mỗi tuần*. Có ai đó thay ga trải giường cho bố anh hai lần một tuần. Anh đọc *ống dẫn tuần hoàn, ngoài*, và nghĩ tới đoạn ống anh từng thấy một lần ở bệnh viện Tăng Tấn năm anh mười hai tuổi, khi Yvonne đưa anh lên đó để thay bộ điều khiển của chính anh, một đường ống trong suốt chạy từ sườn một người đàn ông vào một cổ máy thở thay cho máu ông ta, và anh cảm thấy căn bếp nghiêng đi một chút, như nền nhà bơm ở Dãy Sabine nghiêng về phía bức tường bên hồ.

Yvonne vẫn chưa nhúc nhích. Bà ngồi, hai tay đan trên bàn, nhìn trang giấy. Gương mặt bà không biểu lộ gì cả. Hồi lâu sau bà đưa tay ra chạm một đầu ngón tay vào dấu sắc trên chữ E, như người ta chạm vào vết sẹo trên người mình thương, rồi rút tay về.

“*Hiện hành*” Solène nói. Giọng cô rất đều. “*Hiện hành* sinifa wani?”

“Li sinifa ki kekoun te chaje la kont po li kuarto jou avan mo te leza li” Margaux nói. “Li vivan, oswa li te vivan kuarto jou pase, an li na un program di Watch, an kekoun ap peya po chale di li an dra di li an tiyo di li. Sa e la bagay ra la liy pava. Li pa pava anyen otra.” Cô lật một trang. “Sa e kouman mo te trova li.” Cô kể cho họ: đầu của phường được ghi là đã giao mà chưa bao giờ được gửi đi; sáu mươi can có số lệnh xuất kho chuyển vào tài khoản chăm sóc của Phòng Duy Trì; đầu sưỡi trên hàng chục dòng; dòng thứ bảy trên màn hình thứ tư. Cô kể về mã tiếp nhận và chữ *HẠN CHẾ* và quyền truy cập của cô bị thu hồi trong vòng một phút. Cô kể về bố cô trong phòng cô lúc tiếng chuông thứ chín, Phòng gọi đến văn phòng ông, chuyện lĩnh hai lần, cuộc kiểm toán. “Li veli Yoori” cô nói. “La lis di kay. Liv di Yvonne.” Nếu có nó, bố cô nói, ông có thể gạch tên Étienne khỏi sổ hộ tịch của họ với lý do đang an trí và khép chuyện đó lại như một sự trùng lặp do lỗi văn thư, và Quầy sẽ không kiểm toán ngôi nhà.

“An si nu pa dava li a li” Solène nói.

“Li pava ki li ve trova un moda otra.” Thế thì, bố cô đã nói, ông sẽ tìm cách khác.

Tay Solène đã thò vào túi tìm cây bút chì đỏ. Cô không rút nó ra. “Li veli toti nom na kay sa.” Mọi cái tên trong nhà, chứ không chỉ tên Étienne.

“Yo” Margaux nói. “Mo pensa ki li osi veli stopa la odit. Le dos vre, mo pensa, an mo pa sava kiles li veli pi, an mo pa pensa ki li sava nonpli.” Cô nghĩ ông cũng muốn chặn cuộc kiểm toán, và không biết ông muốn điều nào hơn, và cũng không nghĩ chính ông biết. Cô ngập ngừng. “Gen kekchoz otra. Petet li pa konek ave sa.” Hôm qua có một mẫu đơn được gửi đến phòng văn thư từ văn phòng của Teodor Asante, một giấy xác nhận của Phòng Duy Trì do một gia đình gửi trả: một người phụ nữ ở Dãy Bể Chứa, bà Vessa, có em trai là Néri bị Đội Canh đưa đi duy trì chín năm trước. Mẫu đơn ghi *đang hoạt động* và *địa điểm không tiết lộ*. Ở mặt sau bà đã viết, *nếu nó đang hoạt động thì nó còn sống, hãy cho tôi biết phải mang áo sơ mi của nó đến đâu*. Cô dừng lại. “Mem deska. Mo pa sava si sa e mem kont. Mo pa te pu mira.”

Mắt Yvonne di chuyển, một lần, từ trang giấy lên mặt Margaux, và dừng ở đó. Bà không nói gì.

Theo lời thuật của chính gia đình, soạn lại về sau, trong đó ba người nhớ thứ tự lời nói mỗi người một khác.

Bên bàn ăn trong bếp ở Cái Đe, lúc hơn chín giờ một chút, cuốn sổ cái xanh mở dưới ngọn đèn, Nox là người lên tiếng trước. Anh chưa nói một lời nào kể từ lúc Margaux mở cuốn sổ, và khi anh cất tiếng thì giọng anh đã trở nên phẳng lặng và khẽ theo một cách mà Marcel bỗng nhớ lại, đột ngột và trọn vẹn, từ năm Marcel lên bảy, khi một người đàn ông say rượu đến của Cái Đe la hét và Nox đã xuống bậc thềm để nói chuyện với ông ta.

“Un kod resev e un kamra” Nox nói. Một tài khoản Đội Canh có mã tiếp nhận riêng thì có phòng tiếp nhận riêng; vật tư được chuyển đến đó, được ký nhận, rồi được đưa tiếp tới nơi ông đang ở. Mã có trong sổ cái, sổ cái có trên các máy của Phòng, và văn phòng liên lạc của Phòng nằm ở Thềm Esplanade, tầng ba, phía trên quầy đổi xềng. “Mo te pasa devan li aye.” Anh nhìn Solène. “Kuatro mona an un nuit. Pikan havi kuatro mona.” Họ sẽ vào, đọc mã ngay trên máy của chính Phòng, rồi ra trước khi lính Thanh Tẩy đổi ca. “Demen matin nu sava la kamra. Swar apre, nu e na dora.”

Solène không trả lời ngay. Marcel nhìn cô cân nhắc, và thấy cô đang cân nhắc thật sự: Gai quả thật có bốn người, và hơn thế, thuộc các cầu thang Tầng Giữa, và đã từng chuyển thuốc men qua những nơi tệ hơn một văn phòng liên lạc phía trên một quầy đổi xềng. Anh thấy cô đếm người trong đầu. Anh thấy cô tính cái giá phải trả nếu chuyện hỏng.

“An apre?” Yvonne nói.

Đó là câu đầu tiên bà nói kể từ lúc trang giấy được đưa ra. Mọi người đều nhìn bà.

“An apre nu e na dora” Nox nói.

“An apre tu e na dora di un kamra Watch, ave kod di Watch na men di tu, vole su teminal di Watch a nuit” Yvonne nói. Sau cánh cửa ấy sẽ là một người đàn ông đã nằm dưới sự chăm sóc của bọn họ mười một năm, ống dẫn phải thay hai tuần một lần và hơi sưởi phải cấp mỗi tuần. “Wani tu fasa aster, Nox? Kava li desanda eskalye?” Lúc ấy Nox sẽ làm gì? Công ông xuống cầu thang chắc?

Nox không trả lời.

Marcel nhận ra mình đang nói. Anh không định thế. Lờ ra khỏi miệng theo cách màu sắc tách khỏi giọng Nox, trước khi anh kịp chọn chúng.

“Toti bagay ra antra na un kamra lasa papye na dora.” Mọi thứ đi vào một căn phòng đều để lại giấy tờ ở cửa.

Họ nhìn anh.

“Dra dos fua po semen” Marcel nói. Anh đặt ngón tay lên dòng chữ, cạnh ngón tay Margaux. “Kekmoun lava li. Un lesiv.” Có người mang nó từ tiệm giặt tới nơi nào đó là RH/F, và có người ở RH/F ký nhận, và người mang giữ một bản, vì người chuyển hàng nào trong thành phố cũng giữ một bản, vì Quầy trừ tiền nếu mình không đưa ra được. Ống dẫn hai tuần một lần: có người làm ra nó, có người bán nó cho Phòng, có người giao nó. “Luil chak semen. Aster nu sava sous di li.” Anh nhìn Margaux. “Nu pa neda teminal di le. Nu neda la mona ra kava bagay andedan kamra so. Le ve havi resi. Nu manda. Nu manda bien, ave nom di nu su li, an nu peya po la bagay ra le pava nu, an nu skriva li. Un ankèt su rekor.” Một cuộc tra cứu hồ sơ, làm công khai, đứng tên chính họ, và có trả tiền. Anh

nghe thấy chính mình và ngỡ ngàng vì nghe giống Solène đến thế, nhưng vẫn nói tiếp. “Si nu antra a nuit an pran un kod, le ve mova li.” Bọn họ sẽ biết có người đã đến, và chuyển ông đi nơi khác với một mã khác, và chứng chỉ của Margaux sẽ là thứ đầu tiên họ xem xét. “Si nu manda la lesiv ye, nulan mova anyen. Lesiv pali ave toti mona.”

“Sa ve pran pi tan” Nox nói.

“Sa ve pran pi tan” Marcel đồng ý. “Li e du depi onse ane.” Bố anh đã ở đó mười một năm.

Nox nhìn anh qua mặt bàn, một cái nhìn dài, và Marcel giữ lấy nó, và cảm thấy tim mình đập nhanh và đều dưới bàn tay, và phờ phạc truyền lên qua băng ghế.

“Lesiv Palmer Street lava dra di Canopy” Margaux chậm rãi nói. “Laplipa lopital di dek senda desanda a lesiv di Labou. Vessa travaya la tanbou na Palmer Street. Mo te leza li su fom.” Tiệm giặt phổ Palmer giặt đồ vải của Tầng Sáu; phần lớn các bệnh viện trên sàn gửi đồ giặt xuống các tiệm giặt của Vùng Bùn, và bà Vessa, người phụ nữ trong mẫu đơn, làm việc ở các thùng quay tại phố Palmer.

“Gen onse lesiv na Katye Siete sèl ra pran travay Canopy” Solène nói. Rốt cuộc cô đã rút cây bút chì đỏ ra, và xoay nó giữa các ngón tay mà không viết. “Trenta na katye anlè. Pi na Bywater. Chak un tena un liv livrezon. Chak kourye ra pasa potay Tithe tena un liv.” Cô nhìn lên trần nhà, vào khoảng không, đếm. “Pikan ja havi kourè na mita di le. Nu manda su livrezon anba nom di li. Nu pa pava poukisa.” Gai đã có giao liên ở một nửa số đó; họ sẽ hỏi về các chuyến giao hàng đứng tên ông và không bao giờ nói lý do. Cô nhìn Nox. “Nu pa antra a nuit.”

“Tu e komandan” Nox nói.

“Mo ap manda tu.”

Anh im lặng một lúc. Rồi anh gật đầu, một lần.

Solène quay sang Yvonne. Marcel biết cô đang hỏi gì. Solène chỉ huy Gai, điều hành các tuyến và giữ bảng trong ngày, nhưng đây không phải việc của Gai, và mọi người quanh bàn đều biết thế, và người đàn ông trên dòng số ấy là của Yvonne trước khi ông là bố của bất kỳ ai.

Yvonne vẫn không rời mắt khỏi trang giấy. Bà đưa tay ra gấp cuốn sổ cái xanh lại, nhẹ nhàng, với cây bút chì của Margaux vẫn kẹp bên trong để đánh dấu trang, rồi đẩy nó trượt qua mặt bàn về phía Margaux.

“Manda” bà nói. “Manda la lesiv ye.”

“An Yooi?” Margaux nói.

Yvonne nhìn cô. Gương mặt bà mệt mỏi, đẫm tĩnh và khó đọc, gương mặt mà Marcel đã nhìn qua chiếc bàn này suốt cả đời mình, và anh không biết đằng sau nó là gì. Với bà, anh chưa bao giờ biết được. Anh nghĩ tới cái đêm mười một năm trước khi bà xuống bàn thờ với cái hũ, rồi lên lại sau nửa đêm và ngồi trong căn bếp này cho tới sáng không nói một lời, và anh đã nhìn bà từ trên cầu thang.

“Liv di mo deme na kizin di mo” Yvonne nói. Sổ của bà ở lại trong bếp của bà. Bà đứng dậy, cầm cái cốc rỗng của Margaux tới chỗ cái bình và rót đầy. “Tu ve dormi da swar sa. Li tro tard po eskalye, an papa di tu ve havi kekmoun ap veye potay Esplanade.”

Margaux mở miệng định cãi, rồi lại ngậm lại.

Theo lời thuật của Marcel De La Rosa; Nel xin bỏ đi một câu, và câu ấy đã được bỏ.

Nel rời Cái Đe lúc mười một giờ đêm hôm ấy, và Marcel cũng xuống bảy bậc thềm ra ngõ, vì anh lúc nào cũng thế, và vì anh không thể ở lại trong bếp thêm một phút nào nữa với cuốn sổ cái xanh gấp lại trên bàn và mọi người nhìn nó.

Cơn mưa đã để lại cho phố Dauphine một mùi mới. Rãnh nước vẫn chảy, giờ đã êm hơn, và những phiến đá bốc hơi mờ mờ dưới ngọn đèn duy nhất ở góc phố Palmer, và mọi con ếch ở Phường 7 sống sót qua tuần khô hạn đều đang kêu inh ỏi từ các tấm lưới rãnh nước, các thùng hứng mưa và các vườn trên mái, hàng trăm con, một âm thanh như cả một căn phòng đầy người đang miết ngón cái dọc răng lược. Đầu đó phía trên phố Dauphine, một người đàn bà đang hát cho một đứa trẻ nghe, cửa sổ để mở.

Nel ngồi trên bậc dưới cùng, cây kalimba đặt trên một đầu gối, và không chơi. Marcel ngồi xuống bên cạnh. Bậc thêm ướt. Cả hai đều chẳng bận tâm.

“Tu pa te pava anyen a la fin” Nel nói.

“Mo te pava la ankèt.”

“Tu te pava la ankèt, ko tu te nika kek kote.” Ngón cái của Nel tìm một phím đàn và ấn xuống mà không gãy. “Tu te nika wena?”

Marcel nghĩ đến chuyện nói dối và không thấy được ích gì. “Lopital. Kan mo te havi dose ane.” Người đàn ông ở giường bên cạnh có một hệ tuần hoàn giống cái ghi trong dòng sổ kia, ông dẫn ngoài đi vào sườn. Cổ máy thở dài mỗi bốn giây, và Marcel đã đếm nó suốt đêm, vì ở trên đó anh không ngủ được, nó yên tĩnh quá; và buổi sáng người ta đến thay ống cho người đàn ông, và người đàn ông đã gào lên. Anh dừng lại. “Mo pa sava si sa fasa mal. Chanja li. Mo pa te manda okenn mona. Mo te havi dose ane.” Anh chưa bao giờ biết việc thay ống có đau không. Anh chưa hỏi ai. Hồi đó anh mười hai tuổi.

Nel không nói lời an ủi nào, đó là một trong những lý do Marcel yêu Nel. Thay vào đó Nel với tay sang, đặt bàn tay phẳng lên bên trái ngực Marcel, trên lớp áo, trên bộ điều khiển trong vỏ của nó, và giữ yên ở đó. Ánh hổ phách lọt qua lớp vải bông giữa các ngón tay Nel. Nel đã làm y như vậy vào đêm đầu tiên họ ngủ với nhau, một năm trước, trong căn phòng phía trên kho vật tư của Gai, cửa chớp mở và nhịp bơm dưới nền nhà: đã đặt tay lên đó và cảm thấy bộ điều khiển ấm dưới da và trái tim nó vận hành đang đập nhanh, và đã nói, hết sức nghiêm trang, rằng nó giống như cầm một ngọn đèn mà ai đó vẫn đang mang đi. Marcel đã cười dữ đến mức khoanh khắc ấy hồng mắt, rồi được cứu lại, và anh nghĩ về đêm ấy nhiều hơn anh nghĩ về phần lớn mọi thứ.

“Sa ap nika vit” Nel nói.

“Sa ap nika vit depi matin sa.”

“Depi Nox.”

“Depi Nox. An apre depi Margaux.” Anh đặt tay mình lên tay Nel. “Li vivan, Nel. Kekmoun chanja dra di li. Mo toujou ap pensa: wini. Un fanm na lesiv ave bra wouj, ap pliyè dra di papa di mo, an li janmen te audi nom di li. Li selman un liy.”

“Ko tu ve trova li an pava li nom di li” Nel nói. “Sa e la bagay ra tu te pava na mesa. Manda bien. Nom su li.”

“Mo te pava li kom Solène.”

“Tu te pava li kom tu.” Nel rút tay về, cầm cây kalimba lên, chơi ba nốt trầm rồi dừng. “Ke tu veli ki mo deme?”

Anh có muốn. Anh muốn Nel ở trên lầu trong chiếc giường hẹp trong phòng anh, mùi mưa lùa vào qua cửa sổ và đầu gối Nel áp vào đầu gối anh, và anh muốn điều đó rõ ràng đến mức thấy ngưỡng trong một đêm như đêm nay, khi bố anh là một dòng trong cuốn sổ cái và Nox đã về nhà và Yvonne đang ngồi trong bếp, hai tay đan lại. Anh nghĩ Nel biết hết những điều ấy. Nel thường biết.

“Demen” anh nói. “Solène ve veli mo a seis. An Nox e na kamra kote di mo, an li pa dormi, mo ja sava. Li ve audi toti bagay.”

“Toti bagay” Nel nói, nghiêm trang. “Terib.” Rồi Nel hôn lên môi anh, rồi lên cạnh quai hàm dưới tai, thế thì thật không công bằng, rồi đứng dậy đi dọc phố Dauphine về phía kho của Gai, cây kalimba kẹp dưới một cánh tay, bước qua những rãnh nước đang chảy, và đến góc phố thì quay lại gờ cây kalimba lên một lần, rồi khuất hẳn.

Marcel ngồi trên bậc thềm ướt cho tới khi lũ ếch quên mất là anh đang ở đó.

* * *

Theo lời thuật của Marcel De La Rosa.

Khuya hơn đêm ấy trong bếp ở Cái Đe, khi những người khác đã lên lầu và Nox đã được nhường căn phòng nhỏ trên cùng của ngôi nhà, nơi từng kê giường tầng của Nox và giờ kê chiếc bàn thợ thứ hai của Marcel, Marcel ngồi một mình bên bàn với cái khung đài và không sửa nó.

Ngôi nhà yên tĩnh. Qua cửa sổ anh nghe được Dây Sabine cách hai phố, nhà bơm ở cuối dãy, kíp đêm của Delphine Aubry trên bàn đạp đang hát khê bài ca của Phường 7. Từ đây anh không nghe được lời. Anh nghe được nhịp của nó, chậm và nặng, nâng và đặt, truyền lên qua nền nhà vào băng ghế và vào chân anh, và anh ngồi đặt tay lên ngực và cảm thấy tim mình đập bên dưới, vẫn còn hơi nhanh, và bộ điều khiển ấm, và đồng xu trong túi áp vào đùi.

Bố anh còn sống. Có ai đó thay ga trải giường cho ông.

Anh đã không khóc bên bàn ăn và giờ anh cũng không khóc. Anh ngồi lắng nghe phường. Một lúc sau, giai điệu Nel đã chơi trước khi cuốn sổ được mở trở lại trong đầu anh, và anh tìm ra chỗ Nel đã dừng, và ngân nga phần còn lại thật khẽ, theo nhịp bơm, cho tới khi nó ra đều.

* * *

Bản tóm tắt phúc lợi mẫu chuẩn bằng tuần của chương trình, cho tuần hộ gia đình đến thăm Hồ Thu Số Ba lần đầu; một bản sao của nó về sau đến được hồ sơ này theo một con đường mà Esvane đề nghị chúng tôi không mô tả. Mẫu in sẵn; dòng nhận xét do Esvane viết tay.

BẢN TÓM TẮT PHÚC LỢI MẪU CHUẨN (HẰNG TUẦN)

Người cư trú: DE LA ROSA, É. An trí: Năm 8, tiếp diễn. Địa điểm: TS-3.

Sự dễ chịu: ĐƯỢC DUY TRÌ.

Dinh dưỡng và bù nước: ĐẦY ĐỦ (có hỗ trợ tuần hoàn).

Tư thế: TUẦN THỦ (chỉ nằm nghiêng trái và nằm ngửa; nằm nghiêng phải CHỐNG CHỈ ĐỊNH).

Da: NGUYỄN VỆ. Tổn thương do tì đè trước đây (Năm 10, vùng xương cụt) ĐÃ LÀNH.

Lưu lượng tuần hoàn: tăng theo yêu cầu của người chăm sóc, được duyệt ở mức tăng thấp hơn.

Tương tác: KHÔNG ÁP DỤNG.

Liên hệ gia đình: THĂM, HAI NGƯỜI, CÓ HỘ TỔNG. Không có sự cố.

Chất lượng mẫu chuẩn: TRONG NGƯỠNG.

Nhận xét của người chăm sóc: *Mất mở khi trở mình trong lúc thăm, kéo dài bằng bài hát của E. Con trai rời phòng, quay lại. Con gái của hộ đã nói chuyện với ông. Tôi lại yêu cầu chấm dứt mẫu chuẩn và tiếp tục chăm sóc (yêu cầu lần thứ tư). Bộ thu giữ giá trị cuối cùng của nó. Không gì sẽ dừng lại.*

Phản hồi kỹ thuật: ĐÃ GHI NHẬN.

Mỗi người cư trú đều là một người đóng góp quý giá cho sự liên tục của thành phố.



Nồi gumbo cầu tàu

Theo lời kể của Tante Bernadette Hébert; và của Lazare Mouledoux, người yêu cầu đặt lời mình lên trước, mà không được.

Vào thứ Sáu đầu tiên của đợt cá, ở đầu cầu tàu Bến Diệc, nồi gumbo cầu tàu được nhóm lên lúc giữa trưa, và đến tiếng chuông thứ nhất thì cả bến đã chia phe.

Cái nồi là của bến. Đó là một cái vạc gang to bằng chậu giặt, đặt trên một bếp gạch dưới mái tôn ở đầu cầu tàu, và nó đã thuộc về bến từ trước khi thuộc về Tante Bernadette Hébert, người đã nấu trong nó mỗi tháng cá cháo lớn suốt bốn mươi mốt năm. Gia đình nào ở bến cũng góp một thứ gì đó. Những người đánh cá góp đầu cá cháo lớn và thịt cá hun khói gỡ khỏi xương, những người bắt cua góp cua xanh, những người đánh tôm góp tôm, các vườn nhà nổi góp đậu bắp, ớt, hành và một bao đậu mắt đen, và lúc nào cũng có ai đó mang tới một lọ bột filé và lúc nào cũng có người khác bảo bỏ vào bây giờ thì còn sớm quá. Đó là bữa ăn duy nhất trong năm mà cả Bến Diệc cùng ăn một lúc, và bến đối xử với nó trang trọng như một đám tang và thích thú nó hơn.

Năm nay không có đầu.

Tante Bernadette đã biết điều đó từ một tuần nay. Bà đã quyết rồi, và bà không nói với ai, vì bà bảy mươi tư tuổi và chẳng cần ai đồng ý. Đến trưa bà bắc cái chảo gang lớn lên bếp, trong chảo không có gì, rồi đổ bột mì vào, khô, nguyên cả một bao, và bắt đầu đảo bằng cây khuấy dài trên lửa. Bột chuyển từ trắng sang màu kem, sang màu túi giấy, sang màu cát ướt. Mùi bốc lên từ nó như mùi bánh mì nướng.

Lazare Mouledoux bước ra khỏi nhà hun khói của ông để xem mùi gì, rồi đứng khoanh tay nhìn bà làm, và đỏ bừng từ cổ trở lên.

“Sa pa e un rou” ông nói.

“Sa e un rou sek.”

“Sa pa egziste. Un rou e farin kuit na grès. Sa e farin kuit na anyen. Sa e planche di moulen.” Bột mì nấu với chẳng có gì, sần của một cối xay.

“Granmè di mo te fasa li na grangou di dosim miray.” Bà của bà đã nấu như thế trong nạn đói thời bức tường thứ hai.

“Granmè di tu” Lazare nói, “te e un bon fanm ra te fasa un move gonbo na grangou di dosim miray, an toti mona te tro grangou po pava li.” Một người đàn bà tốt, ông thừa nhận, đã nấu một nồi gumbo dở, và ai cũng quá đói để nói với bà như thế.

Đám đông bắt đầu tụ lại. Bến Diệc mê cuộc cãi cọ này hơn gần như bất cứ thứ gì. Lazare quay vào nhà hun khói rồi trở ra với một can dầu, một can mười lít thật sự có dấu Nghiệp Đoàn trên nắp, giơ lên cho mọi người cùng thấy, và nói ông đã trả cho nó bằng toàn bộ số phiếu của tuần đầu tiên và sẽ nấu một nồi thứ hai, một nồi cho ra nồi, ở bếp của chính ông, và cả bến thích ăn nồi nào thì ăn rồi sẽ biết sự thật. Có tiếng reo hò. Có tiếng la ó. Có người bắt đầu nhận cá cược.

Thế là năm ấy Bến Diệc có hai nồi gumbo, chuyện chưa từng xảy ra trước đó, và người ở bến đến giờ vẫn nhắc.

Đến tiếng chuông thứ tư cả hai nồi đều đã xong, và cả bến kéo nhau lên cầu tàu với bát. Người từ các dãy nhà nổi, dãy nhà hun khói, các bến cua, các đội tôm của Nghiệp Đoàn rời thuyền với mũ đẩy ngược ra sau; trẻ con mỗi đứa hai bát, mỗi bát cho một nồi, chạy qua chạy lại giữa hai bếp; ông linh mục từ nhà nguyện nổi, người đọc kinh tạ ơn trên cả hai nồi hết sức cẩn thận để không thiên vị nồi nào; hai giao liên từ Phường 7 ra mua cá cháo lớn hun khói cho bếp của họ và không tin nổi vào mắt mình, cả một cầu tàu đang ăn gumbo hải sản trong một tuần mà phường của chính họ đang hấp bánh xanh. Sévine từ Phường 46 về theo gió chiều với cánh buồm vá giương lên, ăn hai bát, mỗi nồi một bát, để lại một lọ niêm kín gửi một người ở dãy nhà hun khói để chuyển về Phường 7 theo giao liên chuyển sau, rồi không ở lại.

Gumbo của Tante Bernadette màu nâu, loãng, có vị bánh mì nướng, vị khói và vị Hồ, cá cháo lớn bỏ ra trong đó mềm và ngọt, còn cua thì tươi đến mức gần như đường. Gumbo của Lazare thì sánh, bóng và sẫm như cà phê, đúng cái về gumbo phải có, và có vị dầu của Nghiệp Đoàn, trong đó thoáng một cái gì không hẳn là thức ăn, và vị cá cháo lớn hun khói của Lazare, thứ ngon nhất Vùng Lún và ai cũng biết vậy. Người ta ăn cả hai. Người ta cãi nhau miệng đầy thức ăn. Hai anh em họ thôi không nói chuyện với nhau. Vợ một người đánh tôm, đã ăn ba bát của Lazare, tuyên bố rằng chị thích nồi của Tante Bernadette hơn vì nguyên tắc, và Lazare ném một cái vỏ cua vào chị, cái vỏ rơi xuống nước, một con diệc từ hàng sồi sà xuống đớp lấy rồi bay đi mất, và cả bến cười dữ đến nỗi một đứa trẻ nôn ra.

Chelo ăn mỗi nồi một bát chan lên cao lương, ngồi ở mép cầu tàu, chân thõng trên mặt nước, Paloma bên cạnh. Aurelio đến ngồi phía bên kia của chị, ống chân băng bó, với hai bát của riêng anh.

“Kiles?” anh nói.

“Di Bernadette.”

“Lazare te achta tu un bouason madi.”

“Mo sava. Poutet sa mo pa pava li for.”

Aurelio cười và đặt tay dọc theo tấm ván sau lưng chị, không chạm vào chị, rồi họ ngồi ăn và nhìn đàn cá cháo lớn lăn mình dọc hàng sồi trong ánh chiều muộn, những tấm lưng bạc lật qua như những trang sách.

Cuối buổi tối nồi của Tante Bernadette được vét sạch còn nồi của Lazare còn lại một phần tư. Lazare bảo điều này chứng tỏ người ta quá lịch sự nên không ăn hết nồi của ông. Tante Bernadette chẳng nói gì cả, thế còn tệ hơn.

Trích sổ đua cua của Evariste Pitre, các mục ngày Chủ nhật; và lời kể của Paloma Lachance, phần bác cuốn sổ ở một điểm.

Vào Chủ nhật thứ hai của đợt cá, trên sàn nhà nổi phía sau dãy nhà hun khói Bến Diệc, Evariste Pitre mở sổ đua cua lúc ba giờ chiều, và bốn mươi người chen lên một cái sàn đóng cho mười hai người.

Bàn đua là một tấm gỗ dán chịu nước sơn xám, có hai vòng tròn vẽ phần: một vòng nhỏ ở giữa bằng cái đĩa ăn, và một vòng lớn gần mép. Lũ cua xuất phát dưới một cái xô úp ở chính giữa. Khi Evariste nhắc xô lên, con cua đầu tiên vượt qua vòng ngoài là con thắng. Ở Bến Diệc một con cua vượt qua vòng khi đang đi giặt lùi vẫn được tính, điều không phải là luật ở Phường 51 hay Phường 60, và đã có những trận ẩu đả vì chuyện đó trong mùa Năm 11 mà người ta vẫn còn nhắc lại ở các đám cưới.

Cuốn sổ là một quyển sổ cái dày, phòng lên và loang vết nước, do chú của Evariste giữ trước ông và mẹ của người chú ấy giữ trước nữa. Mọi cuộc đua đều có trong đó: ngày, những con cua, chủ cua, tiền cược, con thắng, và một dòng nhận xét. Evariste không còn nhìn rõ để đọc được nữa, nên cháu trai ông đọc to lên mỗi khi có tranh cãi, và ghi các cuộc đua mới vào, còn Evariste phân xử các lượt về đích bằng tai, ngồi trên một cái ghế đầu ở mép bàn đua, đầu nghiêng nghiêng. Ông bảo ông nghe được tiếng cào cua cào lên vạch phấn từ bất cứ chỗ nào trên sàn. Chưa ai từng bắt được ông sai, hoặc chưa ai từng dám nói ra.

Cuộc đua đầu có chín con cua. Mai chúng được sơn bằng sơn nhà đủ màu và số, vài con còn được sơn cả tên. Con cua của Paloma màu xanh có sọc trắng và có chữ THỊ TRƯỜNG sơn dọc lưng bằng chữ in hoa cẩn thận. Nó được đặt theo tên Thị trường, Paloma nói, vì nó đi ngang bất kể người ta làm gì, chẳng bao giờ đến khi được gọi, và cái gì cũng ăn. Aurelio đã cược nguyên một xèng vào nó vì lòng trung thành. Chelo đã cược một phần tư xèng vào con cua của lũ trẻ nhà Doucet, vì Emile đang nằm ở nhà với xương sườn bó chặt, và lũ trẻ nhà Doucet đã sơn con của chúng màu đỏ và đặt tên là SUỒN.

Tiền cược tính bằng phần lẻ của xèng và bằng ân huệ. Ân huệ cũng được ghi vào sổ: *hai ngày kéo lông bẫy, một lần cắt tóc, công thức cá ớt của chị gái tôi, không phải công thức thật.* Một người đánh tôm của Nghiệp Đoàn cược cái mũ của mình. Cháu trai Evariste ghi hết lại, lưỡi kẹp giữa hai hàm răng.

Evariste nhắc xô lên.

Chín con cua đứng im giữa bàn. Đám đông hét vào chúng. Hai con lập tức lao vào nhau và bắt đầu đánh nhau. Một con cố bò ngược vào dưới xô. SUỒN khởi hành thẳng về phía vòng ngoài với nhịp bước đều đặn, như một viên thư ký trẻ giờ làm, và lũ trẻ nhà Doucet rú lên. Con THỊ TRƯỜNG đứng yên tại chỗ với hai càng giơ cao, nhìn đám đông, và Paloma ngồi xồm ở mép bàn mà nói, bằng tiếng Tây Ban Nha của mẹ cô bé, rằng cô bé sẽ làm gì nó nếu nó không chịu nhúc nhích, và cả sàn cười ồ.

SUỒN còn cách vòng ngoài một bề ngang bàn tay thì con THỊ TRƯỜNG chuyển động. Nó đi ngang, nhanh, theo cái kiểu cua đi khi đã quyết, thẳng qua bàn theo một đường chéo, rồi vào giây phút chót, khi SUỒN chỉ còn cách vạch phấn một ngón tay, nó dường như giặt mình vì một cái bóng và lùi lại, giặt lùi, qua vạch.

Evariste nghiêng đầu.

“MAYOR” ông nói.

Cả sàn bùng nổ. Lũ trẻ nhà Doucet khóc òa. Aurelio ôm lấy Paloma và nhắc cô bé khỏi mặt ván. Người đánh tôm của Nghiệp Đoàn đòi đọc sổ, và cháu trai Evariste đọc to điều luật bằng nét chữ của người chủ của Evariste từ Năm 2 (*đi giết lùì vắn tỉnh, và ai không thích thì đi mà đua ở Phường 51*), và người đánh tôm nộp cái mũ cho một người phụ nữ ở đây nhà hun khói, chị ta liền đội nó lên.

Lời kể của Paloma khác với cuốn sổ ở điểm này. Cô bé nói SUỒN qua vạch trước, hơn một cái cang, và Evariste nghe thấy con THỊ TRƯỞNG vì con THỊ TRƯỞNG ồn hơn. Cô bé nói cô bé biết điều đó ngay lúc ấy mà vẫn lấy tiền, rồi sau đó chia một nửa cho lũ trẻ nhà Doucet ở sau dãy nhà hun khói, chỗ bố cô bé không nhìn thấy, và bắt chúng hứa không được kể. Sổ ghi THỊ TRƯỞNG. Cuốn sổ chưa bao giờ bị sửa, và Evariste nói nó sẽ không bao giờ bị sửa chừng nào ông còn sống để nghe tiếng vạch phấn.

Chelo không thẳng gù. Chị không bận tâm. Chị đứng ở cuối sàn trong cái nóng với một cốc rượu mía và nhìn con gái mình được người chồng cũ nhắc bổng lên, cả hai đều đang hét, lũ cua được xúc trở lại vào xô, lũ diệc đứng trong hàng sồi so vai, nhìn đám người với vẻ khinh miệt. Ngoài kia đàn cá cháo lớn đang lẫn mình trong ánh chiều phẳng lặng, con này rồi con khác, gần và xa. Chị nghĩ: đây là năm tốt. Chị nghĩ chị nên nhớ lấy nó, vì cá sẽ đi khi nước nguội, và một mùa đông nào đó băng giá sẽ đóng quanh mép Hồ như người già vẫn kể là đã từng, và sau đó có thể nhiều năm không có đợt cá nào. Chị uống cạn rượu mía. Đã có người đang sơn một cái tên mới lên một con cua cho cuộc đua thứ hai.

* * *

Theo lời kể của Consuelo Mayorga; phần thứ hai chị yêu cầu được ghi lại đúng như chị nói, và đã được ghi như thế.

Ngày mười hai, ngày đầu tiên của cuộc đua thuyền, Chelo Mayorga và nửa Bến Diệc ngồi trên cầu tàu, thuyền buộc cả lại, và xem Tầng Tấn câu cá.

Những chiếc ca nô của Hội đi xuống con kênh từ bến lên dài gò lúc bảy giờ sáng, màu trắng, có mái che và đệm ngồi và những động cơ nhỏ êm chạy bằng pin của Tầng Tấn, không ồn hơn một cái ấm nước. Có chín chiếc. Mỗi chiếc chở một người dẫn đường từ Vùng Lún, được thuê trong hai ngày với mức giá mà Chelo cũng muốn biết, chống sào hoặc cầm lái, cùng hai ba người Tầng Tấn cả đàn ông lẫn đàn bà đội mũ rộng vành mặc đồ màu nhạt, cầm những chiếc cần câu được làm ở một đảo chế tạo nào đó, nhẹ như cây sậy và chắc như dây cáp. Họ đi vào hàng sồi thành một đoàn chậm rãi. Đàn cá cháo lớn lẫn mình quanh họ. Người Tầng Tấn chỉ trở lùì cá và gọi nhau, giọng họ nhỏ và trong vọng qua mặt nước, như thể cả đời họ chưa từng thấy thứ gì tuyệt diệu đến thế, và có lẽ đúng là chưa.

Họ câu được cá. Mà họ cũng không tệ, vài người trong số họ, và những người dẫn đường là giỏi nhất Bến Diệc và được trả tiền để bảo đảm điều đó. Một người phụ nữ đội mũ vàng móc được một con cá cháo lớn ở cây sồi thứ sáu, con cá nhảy lên năm lần và lần nào chị ta cũng cúi chào như thể chị ta sinh ra trên một chiếc xuồng, và người dẫn đường của chị ta là anh họ của Aurelio, và cả cầu tàu nhìn chị ta kéo con cá vào sát mạn sau một tiếng đồng hồ, và reo hò dù không muốn. Rồi người dẫn đường giữ hàm con cá dưới nước

trong khi ai đó trên ca nô chụp một tấm ảnh, rồi anh buông tay, con cá nằm im một lúc rồi chậm rãi bơi đi, xuống vào màu xanh lục và biến mất.

Không ai trên cầu tàu reo hò đoạn ấy.

“Poukisa le laga li?” Paloma nói.

“Conservation” Aurelio nói, bằng tiếng Anh của Tầng Tần, vì tiếng Kanak không có từ nào cho nó mà không bật cười. Anh nói nó như người ta nói tên một căn bệnh.

“Me le pa gon manja li.”

“No.”

“An nu pa pu manja li.”

“Pa jodi.”

Paloma nghĩ về điều này, cầm tỉ lên đầu gối, rất lâu. Rồi cô bé nói, “Ko sa selman po foto” và Aurelio bảo phải, rồi Paloma nói, “Sa e pi sot bagay ra mo janmen viza” với một niềm tin tuyệt đối đến nỗi những người gần đó trên cầu tàu bật cười, và một người phụ nữ cho cô bé một quả sung.

Những chiếc ca nô quay lên con kênh lúc mặt trời lặn cùng với những tấm ảnh của chúng. Đàn cá chao lớn vẫn lẫn mình dọc hàng sồi trong chạng vạng, bỏ nông vẫn từ trên trời lao xuống đàn cá mồi, và không ai ở Bến Diệc bắt một con cá nào đêm ấy, vì thông báo ghi ngày 12 và 13, và Đội Canh có một chiếc thuyền neo ở cột mốc Phường 47 để bảo đảm thông báo được tôn trọng.

Khuya đêm ấy Chelo ngồi ở đầu mút cầu tàu với Aurelio, nơi chị đã ngồi với cái nhiệt kế vào buổi sáng đầu tiên. Đèn trong các nhà nổi phía sau họ đã tắt hết, trừ nhà Emile Doucet, nơi vợ anh thức ngồi với anh vì anh không thể nằm thẳng. Hàng sồi đứng đen sẫm trên nền trời đầy sao và chớp nhiệt, và ngoài kia trong bóng tối, gần và xa, đàn cá chao lớn lẫn mình, và họ nghe được chúng: cái tiếng nuốt sâu và mềm ấy, lặp đi lặp lại, suốt dọc con đường ngập, như Hồ đang thở.

“Ane swivan mo veli un vela” Chelo nói. “Po traversa. Po nika a Katye Sesenta po denyekous, kan li desanda.”

“Tu ve neda ekip po sa.”

“Mo ve neda un gaf.”

“Un sinkim.”

“Nu ve viza.”

Anh cười. Họ ngồi. Một lúc sau anh đặt tay lên ván cạnh tay chị, không hẳn chạm vào, như anh đã làm lúc ăn gumbo, và thêm một lúc nữa chị dịch tay mình đi một bề ngang ngón tay và nó chạm vào, và không ai nói gì về chuyện ấy, vì họ đã làm thế mỗi tháng cá chao lớn suốt sáu năm và cả hai đều biết chuyện gì xảy ra khi nước nguội. Lát nữa chị sẽ về nhà anh cùng anh, như chị vẫn làm một lần mỗi đợt cá, và sáng hôm sau họ sẽ cãi nhau về phần một phần năm của anh bên ly cà phê, và mọi chuyện sẽ ổn.

Chị yêu cầu ghi thêm một điều nữa, bằng lời của chị, vì sang năm sẽ chẳng ai tin. Vào tháng cá chao lớn của Năm 19, khi cả Vùng Bùn hết dầu, một phiếu của Nghiệp Đoàn đổi một can dầu ăn mười lít có giá một trăm ký cá chao lớn ở Bến Diệc, và bán ở Phường 7 được bảy mươi xèng, và Hội Đồng đã đóng Hồ với chính những người sống trên nó trong hai ngày để Tầng Tần có thể câu cá rồi thả chúng đi.

* * *

Theo lời kể của Junie; lời kể của Nox, phản bác lời kể của Yvonne Celestin ở một điểm và yêu cầu giữ cả hai; bảng giá viết phấn của chợ cá Phường 7 cho thứ Sáu đầu tiên của tháng cá cháo lớn.

Vào thứ Sáu đầu tiên của tháng cá cháo lớn, với bảy mươi ba xèng được hoàn lại cho anh trên một thẻ của Quầy mà anh chưa tin hẳn, Nox nhờ Junie dẫn anh ra chợ cá, vì anh không còn biết giá của bất cứ thứ gì và không muốn bị lừa trước mặt cả phường vào ngày thứ năm anh về nhà.

Junie nhận việc một cách nghiêm túc. Junie mang theo tấm bảng đếm nước,ผ้า lau sạch, và một mẫu phấn, đi trước anh nửa bước dọc phố Palmer như các giao liên của Gai đi trước Solène, và kể cho anh nghe đủ thứ. Rằng nhà Hurley vẫn tối đèn. Rằng bánh mì của Sơ Octavia hồng rồi nhưng vẫn ngon. Rằng ông bán cua ở góc phố Toulouse đã để rơi một con cua xuống lỗ cống khi Solène chạy ngang qua hôm có chuyện dầu và muốn Gai đèn, và rằng sẽ chẳng ai đèn cả, và rằng ông ta vẫn kể với tất cả mọi người. Nox lắng nghe tất cả. Anh đã quên, hoặc chưa bao giờ biết, một đứa trẻ ở Vùng Bùn mang trong đầu nhiều đến thế nào: giá cả, hiềm khích, thời tiết, ai ốm ai có mang và ai nợ ai, cả một phường chứa trong một cái đầu và xếp theo tầm quan trọng, và tầm quan trọng ấy không phải là thứ một người lớn sẽ chọn.

Chợ là cái sảnh có mái che cũ phía sau phố Toulouse, cột sắt và mái kính đã bị đóng ván từ lâu, và vào thứ Sáu đầu tiên của đợt cá nó ồn ào toàn cá. Thuyền Bến Diệc đã ngược các kênh lên từ trước bình minh, và những chiếc bàn dọc phía hàng cá chất đầy cá: cá đối, bạc và béo, bán theo xâu và theo thùng; cá đù nhỏ; vài con cá tráp đầu cừu với hàm răng như răng người; và ở giữa sảnh, trên một phiến ván ướt, bày thành những khúc dày màu nhạt như một con vật bị xẻ thịt, là cá cháo lớn.

Nox dừng lại trước nó.

“Mona manja li aster” Junie nói. “Na kous. Achte Canopy pran sa ye ra antye po regat, an Heron Landing vanda la resta da. Li for. Tu tranpe li.”

“Kan mo te havi lại di tu, nulan te manja tarpon.”

“Kan tu te havi lại di mo” Junie nói, hết sức kiên nhẫn, “te gen luil.”

Bảng giá treo trên một cây cột. Junie đọc to và dịch lại: giá này là giá thật, giá này là giá cho đầu bếp Tăng Tấn xuống cầu thang với giỏ của họ, giá này là giá nếu hỏi bằng tiếng Kanal chứ không bằng tiếng Anh của Quầy, giá thấp hơn, còn giá này thì chẳng ai trả, viết lên để các giá khác trông dễ chịu. Nox lắng nghe và không cười. Ở bàn cá đối, một người phụ nữ có cẳng tay to như đùi lợn và giọng Bến Diệc cân anh bằng một cái nhìn, áo khoác, túi áo, vốc người, và báo cho anh giá của đầu bếp Tăng Tấn, và Junie nói, bằng tiếng Kanal, “Li e di nu, de Anvil, an li te na Union onse ane, an li pa sava anyen” nghĩa là anh là người nhà của Cái Đe, mười một năm xa ở Liên Minh, và chẳng biết gì, thế là người phụ nữ bật cười và báo cho anh giá thật. Khi anh trả tiền chị nói *dale*, nghĩa là đi đi, xong rồi, và cũng có nghĩa, theo cách chị nói và cái nhìn chị dành cho chiếc áo khoác, là *mừng anh về*.

Anh mua hai xâu cá đối, mười hai con, bằng thẻ, nhìn số xèng bị trừ đi trên máy đọc của thư ký chợ, và chẳng cảm thấy gì, điều khiến anh ngạc nhiên. Junie mua, ở một sạp người Việt cuối dãy, một lọ nước mắm nhỏ từ Khu Chồng Bywater, mặc cả bằng hai thứ tiếng

với một ông già rõ ràng là thích thú chuyện đó, ông nói tiếng Việt qua vai với đứa cháu gái đang mổ cá sau sạp và nói tiếng Kanak với Junie, và kết thúc mọi câu với cả hai bằng cùng một cái lên giọng nhỏ ở cuối, một sự mềm mỏng mà tiếng Kanak đã lấy từ tiếng Việt từ nhiều thế hệ trước mà không lấy một từ nào, thành ra nửa số cuộc mặc cả trong chợ nghe, Nox nghĩ, như những người đang từ từ với nhau trong lúc cãi nhau. Junie ghi lọ nước mắm lên tấm bảng đếm như một khoản chi của nhà rồi nhìn Nox xem anh có phản đối không, và anh không phản đối.

“Nu pa pu fri le” Junie nói trên đường về. “Un kanis luil manje. Yvonne ap tena li po malad ye.”

“Ko nu ve bouyi le.”

“Milèt bouyi.” Junie nhăn mặt. “Hurley ye pava ki milèt bouyi e un lanmor na fami.” Cá đối luộc, theo lời nhà Hurley, là chuyện như nhà có người chết.

“Nu ve kuita le na sann. Na lakou deye. Vlope na fey, ave sel, an nokmam di Junie apre.”

Junie liếc nhìn anh. “Wena tu te trova sa?”

“Un vil konvoy. Un kuizinye de Delta, su bato gren.” Anh không nói người đầu bếp ấy đã làm gì trên những chiếc thuyền chở ngũ cốc, hay Nox đã làm gì ở đó, hay rằng người đầu bếp đã từng bị nhốt trong trại giam của thị trấn và nấu ăn cho lính canh vì lính canh không biết nấu. “Li bon. Tu ve viza.”

Ở sân sau, vào cuối buổi chiều, anh nhóm một đống lửa bằng gỗ thùng vỡ trong nửa cái thùng sắt cũ cạnh mấy thùng nước mưa, để lửa tàn thành tro, rồi làm cá đối trên một tấm ván gác ngang hai cái xô úp.

Anh làm cá vụng. Đã nhiều năm anh không làm, con dao lấy từ bếp không phải dao làm cá, cá đối thì tươi và trơn, và vảy bong ra dưới lưỡi dao thành một làn tung tóe khắp nơi, lên tay anh, vào tóc anh, lên mấy thùng nước mưa, lên Junie, người đã ra xem và giờ đang ngồi trên bậc cửa sau nhặt một cái vảy khỏi một bên lông mày.

“Granmè pava ki Étienne te meta ekay su plafon” Junie nói. “Un fua. Dirèkteman anlè recho.” Theo lời kể của Yvonne, có lần Étienne đã làm vảy cá bám đầy trần nhà, ngay phía trên bếp lò.

Con dao của Nox dừng lại.

“Li te pava tu sa?”

“Su techo. Li te pava ki tu te havi katorse ane an tu te rira tan for ki tu te tonba de ban.”

Anh đứng đó, một tay cầm dao, tay kia cầm một con cá đối mới đánh vảy được một nửa, vảy trên cẳng tay bắt sáng như kim sa, và nhìn bức tường sau của Cái Đe, cửa sổ bếp, vết nứt trên lớp vữa phía trên cửa. Rồi anh bắt đầu, rất khẽ, bật cười.

“Sa te mo” anh nói.

“Wani?”

“La plafon. Sa te mo. Prim semen di mo.” Étienne đã dạy anh làm cá, và anh không biết làm, lại còn đang khoe mẽ, và đã xông vào con cá như thể đang đánh nhau với nó. “Ekay te monta. Toupatou su plafon.” Anh lấy mu cổ tay lau trán và để lại thêm vảy ở đó. “Yvonne te antra, an li te mira anlè, an li te mira nu dos, an Étienne te pava: *mo te fasa li*.” Cứ thế, trước khi Nox kịp nói gì. Và bà đã tin ông, hoặc bảo là tin, rồi đưa ông cái chổi, và ông đứng trên bàn quét trần nhà, còn Nox cười dữ đến nỗi ngã khỏi ghế băng. “Pesa sa vre.”

Junie ngẫm nghĩ điều đó. “Ko li pa korek.”

“Li korek. Sa e la bagay ra li te viza. Li te pava ki li te fasa li.” Nox quay lại với con cá đối, cẩn thận hơn, và vảy bong ra thành những làn nhỏ hơn. “Li pa te veli ki mo starta na kay sa kom ti nonm ra te fasa dezod. Mo te fasa dezod toupatou. Li te pran li su do di li avan li tonba su mo.”

“Ke tu gon pava li?”

Anh nghĩ về chuyện đó. Lửa trong nửa thùng sắt đã thành tro đỏ. Đâu đó trong nhà Yvonne đang nói chuyện với một bệnh nhân trong phòng khám, và anh nghe được giọng bà qua cửa sổ sau mà không nghe rõ lời, trầm và đều.

“Meta le dos na dosye” anh nói. “Di li an di mo. Kita le deme kote a kote.”

Họ gói cá đối trong lá khoai lang hái trên mái nhà, mỗi con một ít muối và một quả ớt chỉ thiên bổ đôi, rồi vùi vào tro, và đến chạng vạng thì bốc lên, cháy đen và bốc hơi nghi ngút, và cả nhà ăn ở bậc cửa sau và trong bếp với nước mắt của Junie, mười một người và con chó, và không ai nói đến chữ *luộc*.

Yvonne ăn hai con. Bà ngược nhìn lên một lần, lên trần bếp, rồi nhìn Nox, và không nói gì, và anh không thể biết, lúc ấy hay về sau, liệu Junie đã kể với bà hay chưa.



Một năm một ngày

Theo lời kể của Hollis Lavergne; số ngân của Hội Bạn Sabine; nét phấn trên Lối Tang.

Nhà Aubertin muốn cái tên mới được khắc cho khớp với những cái tên cũ, mà những cái tên cũ thì đã do mười một người thợ khác nhau khắc trong suốt ba trăm năm.

Trong đây mộ nhà Aubertin ở nghĩa trang trên dải gò, hơn bảy giờ sáng một chút, Hollis Lavergne quỳ trên một cái bao gấp đôi dưới chân lăng mộ, viên quản gia của gia đình đứng trong khoảng bóng râm duy nhất, và anh xem xét cột tên phía trên ô đá còn trống. Người Aubertin đầu tiên được khắc chữ bởi một kẻ thích đuôi chữ R thật dài. Người thứ tư bởi một kẻ ghét chân chữ. Đến đời thứ chín, gia đình thuê một thợ đá khắc sâu và vuông, và mọi thợ đá sau ông ta đều chép theo người thứ chín, đến nỗi nửa dưới của cột tên trông như đã được làm xong trong một buổi chiều. Mưa và ba thế kỷ gió muối đã làm mềm tất cả. Một nét khắc mới sắc cạnh sẽ nằm trên mặt đá cẩm thạch như một tấm nhãn giá.

“Bà ấy sẽ muốn nó trông như vốn thuộc về chỗ này,” viên quản gia nói. Ông ta là một người Tăng Tán gầy tên Lesueur, mặc áo khoác vải lanh màu nhạt, tay cầm một chiếc dù che nắng gấp lại mà không mở, vì quy tắc của gia đình là quản gia không được che nắng khi thợ đá làm việc. Hollis tôn trọng quy tắc ấy hơn cả chính ông ta tôn trọng nó.

“Nó sẽ thuộc về,” Hollis nói. “Chừng bốn mươi năm nữa.”

Anh cầm lấy cây đục bằng và cái vò nhỏ, đặt lưỡi đục vào đường kẻ phấn cho nhất đầu tiên của chữ M.

Mathilde-Lise Aubertin, đời thứ mười bốn, mất năm tám mươi mốt tuổi vì một thứ mà gia đình gọi là bệnh lâu ngày, còn đám người làm bếp, ai nấy đều từ Vùng Bùn lên, thì gọi là một cú ngã trên cầu thang sàn sau một bữa tiệc. Anh có tấm cẩm thạch, loại đá Carrara mà các cụ tổ bốn đời của gia đình đã mua với số lượng lớn hồi tàu chở đá từ mỏ còn ghé, và nó cắt như bơ lạnh nếu ta giữ lưỡi đục luôn sắc.

Anh làm việc một tiếng đồng hồ, gối tì lên cái bao, mặt trời leo dần lên dải gò. Trên này mặt đất chẳng làm gì cả. Dưới Vùng Bùn ta làm việc với nhíp bơm ở bên dưới. Nó cho ta biết giờ và biết phương. Trên dải gò, con dê tự nhiên cổ xưa giữ các điền trang trên những nền móng đã được cách ly từ nhiều thế hệ trước, và những lối đi rải vỏ sò nghiền của nghĩa trang nằm trên nền đất nện chưa từng được bơm kể từ trước khi lịch được tính lại. Sự tĩnh lặng đọng lại trong răng anh. Vào một buổi trưa trong tuần đầu tiên, anh đã nôn sau một ngôi lăng mộ, và bố anh đã giữ vai anh mà bảo rằng rồi sẽ qua, và nó đã qua, gần hết. Sau

hai mươi hai năm, anh vẫn mang trong túi một hòn đá từ Dây Sabine, một mẫu vỡ của bờ vỉa ngoài cửa nhà mẹ anh, và đặt tay lên nó khi sự yên lặng trở nên ồn ào.

Văng vẳng, từ những tầng sàn phủ trên dải gò phía sau tường nghĩa trang, tiếng ngân theo không khí trôi xuống: một âm thanh mỏng và ngọt ở tận đỉnh ngưỡng nghe. Viên quản gia không để ý đến nó. Người Tăng Tấn không bao giờ để ý, cũng như ta không để ý đến mùi của chính nhà mình.

Đến chuông trưa, Hollis ngồi trong bóng râm của một lăng mộ bên cạnh, lưng dựa vào một gia đình mà anh đã trát lại mạch vữa bốn năm trước, và mở hộp cơm. Hai cái bánh xanh, hấp, đã dai nhách vì nóng. Cả Phường 7 đã ăn bánh hấp suốt tám ngày nay. Phần đầu ăn mà Quầy cấp đã về thiếu, rồi về muộn, rồi không về nữa, và giờ mọi gian bếp trên Dây Sabine đều có mùi như những bẻ táo. Hollis ăn bánh không và nghĩ đến chảo rán của nhà Hurley, đã nguội lạnh một tuần, và lão Hurley ngồi trên một cái xô bên cạnh nó, nói với bất kỳ ai dừng lại rằng có một người ở Basin có đầu với cái giá mà không ai nên trả.

Một giao liên đi lên theo lối công vụ trong lúc anh ăn. Hollis nhận ra thằng bé nhờ cái mũ lưới trai, một trong những giao liên của Hội Bạn Sabine, và biết nó mang gì trước khi nó trao ra, vì hội không bao giờ cho giao liên lên dải gò để báo tin vui. Mảnh giấy là loại giấy xanh của hội, có dấu của Achille ấn vào góc.

Trong đó viết, bằng nét chữ tròn của thư ký, rằng một năm một ngày của *Josette Marie Lavergne*, hội viên có tư cách đầy đủ, sẽ tròn vào ngày mừng chín của tháng tới. Vào ngày mừng mười, theo tục lệ của hội và xét đến số ngân cần cho các hội viên mới qua đời, hài cốt của bà sẽ được chuyển vào gian hài cốt. Gia đình được hoan nghênh đến dự buổi dời cốt. Hội phí cho quý tới sẽ được tính theo mức điều chỉnh, in ở bên dưới, cao hơn mức cũ một phần ba.

Anh đọc hai lần, gấp nó bỏ vào túi áo sơ mi, rồi ăn nốt cái bánh.

Ba năm trước, cơn sốt đã tràn qua các phường ven hồ vào mùa nóng ẩm và kéo dài sang mùa nước dâng, và mọi hội trên Dây Sabine đều đầy ngăn trong hai tháng. Những ngăn đầy cùng lúc thì cũng trống cùng lúc: từ đó mỗi năm, các kỳ một năm một ngày đều đến hạn trong cùng vài tuần, và các hội đã dành cả mùa xuân cho những cuộc họp kéo quá nửa đêm về chuyện người chết nhà nào được dời trước. Hội Bạn Sabine có bốn mươi hai ngăn trong ngôi mộ trên khoảnh đất đắp cao phía sau nhà thờ St. Brigid. Đã có một trận đám nhau ở Phòng Dài giữa hai ông góa vợ về một ngăn mà cả Hội Bạn lẫn Hàng Cuối đều nhận là của mình. Achille đã tái đắc cử nhờ hứa hẹn trật tự. Trật tự, hóa ra, đắt hơn một phần ba.

Mẹ anh không chết vì cơn sốt. Bà mất mùa hè năm ngoái vì tim, trên chiếc ghế bên cửa sổ, trong lúc Hollis đang ở trên này bọc lại chì cho một máng xối Tăng Tấn. Đến lúc ấy các ngăn đã lại đầy, và bà được đặt vào ngăn trống cuối cùng trong mộ của Hội Bạn vì Hollis đã trả bốn tháng nợ hội phí trong một buổi chiều và Achille đã bắt tay anh mà gọi đó là bốn phạt của người con. Ngăn của bà là ngăn dưới cùng bên phải. Tấm bia trên viên gạch bịt ngăn ghi tên bà bằng sơn trắng, bằng nét chữ tròn của thư ký hội, vì hội làm như thế. Sơn thì có thể cạo đi sau một năm một ngày. Cẩm thạch là dành cho dải gò.

Trong cuốn sổ của bố, vì thói quen và vì bướng, anh giữ một danh sách những cái tên anh đã khắc vào đá Tăng Tấn: bốn trăm mười chín, tính cả người nhà Aubertin anh sẽ khắc xong chiều nay. Tên mẹ anh nằm trong lớp sơn trắng sẽ bong đi khi ngăn của bà chuyển

cho hội viên kế tiếp, và xương của bà sẽ vào gian hài cốt cùng xương của mọi người, và gian hài cốt thì không giữ tên ai cả. Đó là tục lệ, và anh tin vào nó. Người ta vào đó cùng nhau. Ở phía sau, không ai có ngăn tốt hơn ai.

Anh biết tất cả những điều đó, vậy mà anh vẫn ngồi dựa vào lăng mộ của một người xa lạ với mảnh giấy xanh trong túi và nghĩ về cây đục trong tay.

“Mason.” Viên quản gia đã đi vòng qua góc. “Con gái phu nhân muốn xem công việc tới đâu rồi.”

“Cô ấy có thể xem chữ M,” Hollis nói, rồi đứng dậy khỏi cái bao.

* * *

Thông báo của Hội Bạn Sabine về mức hội phí điều chỉnh và quy định về ngăn, trên giấy xanh, như được ghim ở mặt trong cửa Phòng Dài; Hollis Lavergne giữ bản của mình gấp làm tư trong cuốn sổ của bố.

HỘI TƯƠNG TRỢ VÀ VUI CHƠI BẠN SABINE

Chúng ta cùng nhau bước đi.

THÔNG BÁO GỬI HỘI VIÊN: MỘT MÙA CHĂM SÓC MỚI

Các Bạn thân mến,

Hội của các Bạn đã vượt qua một mùa khó khăn với các ngăn đầy đủ và tinh thần vẹn nguyên. Để giữ trọn lòng tin với mọi hội viên, người đang sống cũng như người đang yên nghỉ, Ban Quản Sự đã thông qua những điều sau, có hiệu lực từ ngày đầu tiên của quý tới.

1. Hội phí hàng quý được điều chỉnh để phản ánh đúng chi phí thực của phẩm giá. Mức cũ: sáu xèng. Mức điều chỉnh: tám xèng.
2. Hội viên nợ hội phí một quý vẫn là hội viên được trân trọng. Tư cách giữ ngăn của họ được giữ ở trạng thái CHỜ XỬ LÝ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.
3. Hội viên nợ hội phí từ ba quý trở lên được trân trọng đề nghị PHƯƠNG ÁN THỦY TẮNG: một tấm vải liệm bằng vải bạt tốt có buộc vật nặng, chuyển đi bằng thuyền ra luồng sâu, một ban nhạc hai người, và trọn vẹn lời cầu nguyện của hội, không tính thêm phí. Nhiều gia đình ở các phường ngoài chọn thủy táng. Đây là một phương án thay thế trang trọng và tiết kiệm về mọi phương diện.
4. Các ngăn được giải phóng sẽ được phân bổ theo thứ tự trong sổ ngăn, theo ngày của kỳ một năm một ngày, và theo quyết định của Hội trưởng trong các trường hợp khó khăn, do Hội trưởng xác định.
5. Gia đình được hoan nghênh đến dự buổi dời cốt. Đề nghị gia đình không mang theo dụng cụ.
6. Bia được sơn bằng nét chữ của Thư ký. Thành viên gia đình không được phép khắc, viết chữ hay đánh dấu lên bất kỳ viên gạch bít ngăn nào, dù tay nghề đến đâu.
7. Ban Quản Sự cảm ơn Hàng Cuối đã kiên nhẫn trong vấn đề các ngăn dùng chung, và nhắc nhở hội viên rằng tranh chấp giữa các hội được giải quyết tại ủy ban chứ không phải tại quầy rượu của Phòng Dài.

Trật tự là chăm sóc.

A. Achille, Hội trưởng. O. Plauché, Thư ký.

Theo lời kể của Hollis Lavergne; biên bản của Hội Bạn Sabine bằng nét chữ của Odette Plauché, ghi nhận cuộc họp diễn ra “trật tự”; và lời kể của Agnès Lavergne, thì không.

Phòng Dài phía sau dãy sạp chợ Phường 7 chứa được chừng chín mươi người cho một cuộc họp, vì đi họp thì ai cũng muốn có ghế. Đến tám giờ tối hôm ấy, ghế nào cũng có người ngồi, và Hội Bạn Sabine đứng dọc bức tường phía sau dưới bục ban nhạc, quạt phe phẩy bằng tờ thông báo xanh.

Hollis đứng cùng họ. Anh đã từ dài gò xuống với bụi cảm thạch trên lông mày. Phòng Dài có sàn ván lát đề lên tám nền cũ, một quầy rượu ở một đầu, và những chiếc quạt trần chạy chung một dây curoa, quay chậm đến mức đếm được. Tối nay nhịp bơm dọi lên dưới chín mươi chiếc ghế và làm nước trong các bình run lên. Con cái nhà ai đó đã dựng trại dưới chiếc bàn dài phía trước, nơi Ban Quản Sự ngồi, và cứ vài phút lại có một bàn tay nhỏ thò ra từ dưới khăn trải bàn và lấy một cái bánh hấp trên đĩa của Achilles.

Achille đeo dải băng chéo màu xanh. Trước mặt ông là sổ ngăn, một cuốn sổ dài đóng bìa vải xanh, mỗi trang bốn mươi hai dòng, mỗi dòng cho một ngăn trong ngôi mộ phía sau nhà thờ St. Brigid, và ông đặt lòng bàn tay lên đó trong khi Odette Plauché đọc biên bản cuộc họp lần trước với tốc độ khiến việc phản đối trở thành chuyện của môn điền kinh.

Hollis cảm thấy có người bước vào đứng cạnh mình dọc bức tường và biết, không cần nhìn, rằng đó là em gái anh, vì Agnès lúc nào cũng có mùi hắc ín tẩm lưới, ngay từ hồi còn con gái, trước khi chị lấy chồng về Phường 14 và lấy nghề vá lưới làm kế sinh nhai. Chị khoanh tay đứng, mang bộ mặt Phường 14.

“Tu te peya li” chị nói khẽ.

“Kekmoun te douva.”

“Kuatro mes di dèt na un apremidi. Mama sere noma sa granfanfan.” Bốn tháng nợ trong một buổi chiều: mẹ họ hẳn sẽ gọi đó là khoe mẽ.

“Mama sere noma li madi” Hollis nói, ý là mẹ hẳn sẽ gọi đó là chuyện thường như một ngày thứ Ba, và anh cảm thấy chị suýt bật cười, rồi cảm thấy chị quyết định thôi.

Cuộc biểu quyết về hội phí được thông qua. Những cánh tay giơ lên khắp phòng, chậm rãi, và cứ giờ đó, vì không ai muốn bị thấy là bỏ phiếu chống lại chính người chết nhà mình. Odette viết *thông qua* trước khi cánh tay cuối cùng được đếm.

Rồi cánh cửa ở phía đầu chợ mở ra và ba người đàn bà của Hàng Cuối bước vào, mặc áo mưa dù trời không mưa, loại áo dài có tấm choàng vai cắt để nước khỏi rơi vào mặt trống. Người đứng giữa là Madame Duplessis, nhỏ người và thẳng lưng, tóc bạc ghim phẳng, hai tay cầm một tờ giấy gấp. Căn phòng lặng đi đến mức nghe được tiếng quạt.

“Madanm” Achilles nói.

“Prezidan.” Bà không ngồi. “Last Row te preta Friends dos etajè na ane fièw, su promes ekri ki dos prim etajè ra vid na tonm di vu ve vena baka a nu. Un te vena baka. La dosim e la etajè anba drèt.” Ngăn dưới cùng bên phải. Bà không đưa mắt tìm Hollis dọc bức tường. Bà biết anh đứng ở đâu. “Poumon di mari di mo ap fini. Klinik pava semen. Mo pa ap manda lacharite. Mo ap manda la paye.”

Vào năm dịch sốt, Hàng Cuối đã cho Hội Bạn mượn hai ngăn, kèm lời hứa bằng văn bản rằng hai ngăn đầu tiên trống ra sẽ được trả lại. Một ngăn đã được trả. Ngăn kia là của

mẹ anh. Phổi chồng bà đang suy, phòng khám cho ông ấy vài tuần, và bà không xin bố thí. Bà đòi đúng điều tờ giấy đã ghi.

Odette cầm lấy tờ giấy, vì Achille không nhúc nhích, rồi đọc, và nét mặt bà trở nên dè dặt.

“La etajè anba drèt e Josette Lavergne tanka nueve” Hollis nói. Anh chưa hề quyết định lên tiếng. “Sa e la koutim.” Cho đến ngày mừng chín, ngân ấy vẫn là của mẹ anh; đó là tục lệ.

“An a dies” Madame Duplessis nói, và cuối cùng cũng nhìn anh, và anh thấy mắt bà đỏ hoe ở viền và rằng bà cũng đã không ngủ, “li nika deye ave toti mona, an Aurèle di mo nika su etajè di li, oswa li nika a etajè komin di Counter, ra le chaje frè anterman po noventa jou, ko le gom còt.” Bà nói chữ của Quầy bằng tiếng Anh của Quầy. “Tu sava wani gom còt sinifa, mason. Tu te e da na ane fièw.”

Anh đã ở đó. Ai trong phòng cũng đã ở đó. Cơn sốt đã lấp đầy các ngăn của các hội trong tám tuần, và sau đó Quầy đã mở các ngăn chung của mình trong kho lạnh cũ ở ngõ Rampart, với một thư ký ngồi bàn gấp thu Phí An táng Trang trọng ở cửa, và người chết đã vào đó trên cáng rồi ra lại, sau chín mươi ngày, trong bao tải, và không ai biết những bao tải ấy đi đâu. Những gia đình không trả nổi khoản phí ấy đã về với nước theo lối cũ, vào ban đêm, từ cuối bức tường Dây Bể Chứa, với bất cứ vật nặng nào họ có. Hollis đã giúp khiêng một đứa bé bốn tuổi xuống thuyền, quần trong một tấm rèm cửa, chân buộc một quả tạ khung cửa sổ, vì bố nó không sao khiến đôi tay mình cử động được. Anh nhớ sức nặng của quả tạ rõ hơn sức nặng của đứa bé.

Dưới gầm bàn, một bàn tay nhỏ vươn tới cái bánh cuối cùng rồi nghĩ lại.

“Ban Quản Sự sẽ xem xét yêu cầu của Hàng Cuối,” cuối cùng Achille nói, bằng tiếng Anh của Hội Đồng, theo cách các hội trưởng vẫn nói khi muốn một chuyện nghe như đã xong xuôi. “Cho đến khi các hội thống nhất, sẽ không có buổi dời cốt nào trong mộ. Không một buổi nào. Không ngày mừng chín, không ngày mừng mười. Trật tự.” Ông ấn con dấu của mình lên góc tờ giấy của bà, nghĩa là nó đã được tiếp nhận. “Mục tiếp theo.”

Madame Duplessis gấp tờ giấy, cất vào áo khoác rồi bước ra, hai người đàn bà theo sau, và ai đó ở quầy rượu bật cười không đúng lúc và bị suyt cho im.

Hollis và Agnès đi ra cửa hông, xuống bậc dốc hàng, nơi không khí chỉ mát hơn một chút và lũ mèo đêm của chợ đang tranh nhau mấy cái đầu cá dưới rãnh.

“Ko li deme” Agnès nói. “Mama. Po aster.”

“Po aster. Tanka le regla li na komite.”

“Le ve regla li na komite kan mari di fanm so e na un sak.” Agnès buông tay đang khoanh và ấn hai gót bàn tay vào mắt. “Mo pa te peya mita di mo paske mo pa te havi li. Mo havi tres timoun, an un met kay ra ap monta alkil paske dek nov ap vena. Mo pa gon pava padon.” Chị đã không trả phần một nửa của mình vì chị không có tiền. Chị có ba đứa con và một ông chủ nhà đang tăng tiền thuê trước khi tăng sản mới tới, và chị sẽ không nói xin lỗi.

“Mo pa te manda tu.”

“Tu janmen manda. Tu selman peya, an tu kava li kom un roch na poch di tu, an mo douva mira tu fasa li.” Chị lấy từ túi tạp dề ra một gói giấy xoắn và dúi vào tay anh. Kẹo praline, loại rẻ làm bằng xi-rô mía và không có bơ. Đúng loại của mẹ họ. “De timoun ye. Pa manja toti swar sa.”

Anh ăn hai viên trên bậc cửa sau khi chị đi, và bỏ số còn lại vào túi áo sơ mi cùng mảnh giấy xanh.

* * *

Theo lời kể của Marcel De La Rosa; lời kể của Nox, ngắn hơn chừng chín phần mười; phiếu bán phế liệu của công Thập Phần cho một tấm ván sàn, nứt, mà Marcel đã trả tiền và giữ lại.

Nox đã ngủ bốn đêm trên sàn căn phòng cũ của anh trên tầng cao nhất của ngôi nhà, trên một tấm chăn, cạnh bàn thợ thứ hai của Marcel, vốn được làm từ chiếc giường tầng cũ của Nox, và đến sáng thứ năm Marcel đánh thức anh dậy trước khi trời sáng và nói, “Leva. Nu ap nika a potay.”

Cổng Thập Phần ở mặt tiền phía bắc của tầng sàn mới bán những gì tầng sàn thải ra. Tầng sàn đang tự vươn ra phía trên các khu nhà phía bắc của Phường 7 mỗi ngày một mét, và đội đóng cọc cùng đám thợ lắp tiêu tốn gỗ, vật liệu composite và cáp như một gian bếp tiêu tốn hành, và mỗi sáng lúc sáu giờ, những mẩu thừa và đồ loại bỏ theo máng trượt đổ xuống cái bãi sau cổng, và Vùng Bùn xếp hàng chờ chúng. Một thư ký Thập Phần ngồi ở bàn gấp với một cuốn sổ phiếu và một máy đọc, tính tiền theo cân. Những mảnh tốt hết sạch trong mười phút đầu.

Họ đứng thứ tư trong hàng. Marcel đã định cho họ đứng đầu. Nox đã mất nhiều thời gian trên cầu thang, và Marcel, nhìn anh đi xuống, đã hiểu rằng anh đang lắng nghe ngôi nhà trong lúc bước xuống, hết chiều nghỉ này đến chiều nghỉ khác, như chính Marcel vẫn làm vào những đêm tồi tệ, và đã không giục anh.

Máng trượt nhả hàng lúc sáu giờ với một tiếng động như cả một xe gạch đổ. Mọi người lao tới. Marcel lao vào đóng đồ như lao vào một cỗ máy, nhanh và không cần quyết định, dùng chân lật từng mảnh và đọc thơ gỗ, và chưa đầy một phút sau anh đã đặt tay lên một tấm ván gỗ vàng nhạt dài bốn mét, dày bằng bề ngang bàn tay, loại dùng làm sàn, với một vết nứt chạy dài một phần ba từ một đầu. Một bàn tay khác cũng đang đặt lên nó. Đó là tay của một người đàn bà to lớn từ các sân trong Rampart, bà nhìn tay Marcel, rồi nhìn qua anh sang Nox, đang đứng sau lưng anh trong chiếc áo khoác xám có túi khâu, và rút tay lại.

“Tu pa douva fasa sa” Nox nói với bà, ý là bà không cần phải nhường.

“Mo sava” người đàn bà nói, rồi lấy một mảnh nhỏ hơn và đi.

Marcel không nhìn Nox. Anh nhắc đầu ván của mình lên.

Nó tốn mười một xèng ở bàn gấp, khá nhiều cho một tấm ván nứt, và Marcel trả bằng thẻ của chính mình từ tiền của các đội sửa chữa, rồi xin thư ký tờ phiếu, và gấp tờ phiếu bỏ vào túi áo sơ mi. Họ cùng khiêng tấm ván về nhà xuôi theo các lối đi phố Palmer, Marcel đi trước vì anh biết chỗ nào lối đi bị sụt, Nox đi sau, mỗi người một đầu của bốn mét gỗ vàng, xuyên qua dòng người đi chợ sớm và những bà giặt thuê và một tốp trẻ con đang tới trường ở nhà thờ St. Brigid, chúng chạy luồn dưới và vòng quanh tấm ván, và một đứa đu lên nó cho đến khi Nox nâng nó cao hơn.

“Poukisa sa?” Nox nói. “Li fann.”

“La fant e na bout. Mo gon koupa la bout. La resta e tres metro di mader a dek de anle larivyè.” Ở Vùng Bùn đã năm mươi năm nay không ai có thứ gỗ như thế trong một cái giường. Marcel đổi tay cầm. “Le bati planche di Canopy su li, anba konpozit. Bon

madera nika anba, ra nulan viza li. Tu sipoze dormi su li.” Tầng Tán lát gỗ tốt bên dưới lớp composite của nó, nơi không ai nhìn thấy. Còn tấm này là để cho Nox ngủ lên trên.

Nox không đáp lại câu đó.

Họ đóng chiếc giường ngay hôm ấy trên tầng cao nhất, cửa sổ mở, hơi nóng bốc lên qua ngôi nhà vào căn phòng, và nhíp bơm cũng lên theo. Marcel dùng cửa cắt ngang cắt bỏ đầu bị nứt rồi xẻ phần còn lại thành thanh giường và nan giường trên hai cái giá kê, và Nox giữ đầu bên kia của mọi đường cửa mà không cần ai nhờ, và khi lưới cửa kẹt trong thớt gỗ, anh nói lực mà không cần ai bảo, và Marcel để ý. Anh để ý mọi thứ về cách Nox làm việc. Cách Nox không bao giờ đứng ở chỗ cửa có thể giật ngược. Cách anh giữ yên từng mảnh như thể nó có thể tìm cách trốn đi. Cách đôi tay anh, to và đầy sẹo ngang các đốt ngón, cầm gỗ nhẹ nhàng hơn chính tay Marcel.

Buổi chiều họ dừng lại và mỗi người ăn đậu nguội với một cái bánh hấp, ngồi trên sàn nhà, lưng dựa tường, mồ hôi thấm qua áo, mùng cửa trên tóc.

“Mo te defet kabann di tu” Marcel nói. “Po ban.”

“Mo te viza.”

“Mo te havi katorse ane. Tu te pati depi seis ane. Mo pa te pensa.” Anh nhìn chiếc bàn thợ ở bên kia phòng, những cột của chiếc giường tầng cũ đã thành chân bàn, những thanh giường đã thành khung. “Yvonne pa te pava anyen. Li te kita mo fasa li. Mo pensa ki li te pensa ki sa te lè.”

“Sa te lè.” Nox xoay cái bánh hấp giữa các ngón tay. “Sa e un bon ban.”

“Sa e pi bon ban na katye.”

“Ko sa te bon bagay po fasa ave li.”

Họ ngồi đó. Dưới ngó có người đang mài dao trên một bánh mài đập chân, và âm thanh vọng lên qua cửa sổ thành những tiếng rít dài và ngọt, và bên dưới nó là nhíp bơm, và bên dưới nữa, nếu Marcel ngồi yên, là trái tim của chính anh, thứ mà anh không đếm.

“Tu te leva mo po viza la pelikan ye” Marcel nói. “Su techu. Mo te havi kuarto ane.”

“Tu sonja sa?”

“Sa e prim bagay ra mo sonja. Avan toti bagay.” Anh chưa từng kể điều đó với ai. Anh không biết tại sao bây giờ anh lại kể ra, với người đàn ông to lớn trầm lặng có mùng cửa trên tóc này, người đã ra đi khi Marcel lên tám và chưa viết lấy một lá thư. “Seis. Na liy. Tu te pava ki le ap nika a Golf po marya.” Sáu con xếp thành một hàng, và Nox đã bảo Marcel rằng chúng đang bay về Vịnh để cưới nhau.

Nox im lặng rất lâu.

“Mo te viza le de bato” cuối cùng anh nói. “Na desant. Seis na liy. Anlè marekaj.” Anh đã thấy chúng từ thuyền, trên đường xuôi xuống: sáu con một hàng, trên đầm lầy.

Marcel chờ, nhưng không có thêm gì nữa, và một lúc sau anh đứng dậy quay lại chỗ giá kê, và Nox đứng dậy cầm lấy đầu bên kia của đường cửa tiếp theo.

Họ ghép nó bằng chốt, không dùng đinh, theo cách Kwame đã dạy Marcel, khoan lỗ và đóng những chốt gỗ cứng để khung giường có thể tháo rời và khiêng xuống bốn tầng cầu thang nếu có ngày phải làm thế. Nan giường được đặt ngang trên một thanh đỡ. Lúc chạng vạng Yvonne đi lên với một tấm đệm lấy từ kho của phòng khám, nhồi rêu Tây Ban Nha và vỏ mía, quá mỏng, thứ tốt nhất mà nhà có, và đứng ở ngưỡng cửa nhìn chiếc giường,

ba mét gỗ vân sam thượng nguồn màu nhạt trong một căn phòng bằng gạch đã được nâng nền ba lần, và nhìn hai người họ, lem luốc, ở hai bên chiếc giường.

“Li tro lon” bà nói, ý là chiếc giường.

“Li tro lon” Marcel nói, ý là Nox.

Bà đặt tám đệm lên nan giường và vuốt cho phẳng, một lần, bằng bàn tay đầy sẹo của mình, rồi đi xuống.

Đêm ấy Nox ngủ trên đó. Marcel nằm thao thức trong phòng mình ở bên kia chiếu nghỉ tầng trên cùng, cả hai cửa để mở, và lắng nghe anh ngủ, điều phải rất lâu mới xảy ra; và khi nó xảy ra, hơi thở thay đổi, trở nên chậm, sâu và đều, hơi thở của một người đang nằm trên một thứ gì đó chuyển động. Nâng và đặt. Nâng và đặt. Nhịp bơm dội lên qua chân giường vào gỗ vân sam, và gỗ vân sam mang lấy nó, và Nox ngủ trên đó cho đến khi Junie lên lúc bảy giờ với cà phê diếp xoắn để xem tại sao không ai xuống nhà.



Phần không chịu ở lại

Trích thông báo của Hội Đồng về các bề mặt công cộng, dán ở đầu Bãi Chung của Lối Tang tại Mạch Tremé vào mùa nóng ẩm; những người trông coi Lối Tang để mặc nó, như họ để mặc mưa.

HỘI ĐỒNG NEO NEW ORLEANS. BỀ MẶT CÔNG CỘNG. THÔNG BÁO GỬI NGƯỜI SỬ DỤNG LỐI TANG.

Hội Đồng công nhận Lối Tang là một tập tục đáng quý và là một phần di sản của thành phố. Để giữ cho Lối Tang sạch sẽ, trang nghiêm và thân thiện với du khách thuộc mọi tầng, các quy định sau được áp dụng.

1. Viết phần trên bề mặt công cộng được cho phép như một hình thức tưởng niệm, tùy thuộc công tác bảo trì.
2. Các đội bảo trì sẽ rửa Lối Tang vào các ngày thứ Ba. Những tên bị rửa trôi có thể được viết phần lại vào thứ Tư.
3. Tên của người đã chết cần khớp với một mục trong Sổ Hộ Tịch Người Quá Cố. Những tên không có mục tương ứng có thể bị rửa vào bất kỳ ngày nào.
4. Bức tường được gọi là Người Bị Đưa Đi là mặt bên của một nhà kho tư nhân và không do Hội Đồng bảo trì. Những tên viết trên đó không cấu thành một báo cáo người mất tích, một khiếu nại hay một yêu cầu. Người muốn báo cáo người mất tích xin nộp đơn tại văn phòng phường, nơi sẽ chuyển đơn đi.
5. Cư dân đang an trí duy trì không phải là người mất tích. Gia đình họ có thể hỏi tại Phòng Duy Trì, nơi sẽ trả lời.
6. Phần nên là màu trắng. Phần màu được dành cho các lễ hội.
7. Du khách từ các sàn được đề nghị không giẫm lên tên. Cư dân được đề nghị viết phần ở chỗ du khách không giẫm.

Một thành phố sạch sẽ thì nhớ tốt hơn.

Đội thứ Ba đến lúc rạng đông với một thùng phuy trên xe đẩy tay và hai cây chổi cán dài, rửa cửa các điện thờ, các góc phố và mặt tiền nhà, rồi đẩy thùng phuy qua Người Bị

Đưa Đi mà không dừng lại, vì bức tường ấy không phải của họ. Đó là bức tường duy nhất trên Lối Tang nơi một cái tên sống sót qua một ngày thứ Ba. Người ta đã để ý. Năm nào Người Bị Đưa Đi cũng đông hơn.

* * *

Theo lời kể của Hollis Lavergne; của Tobie Salvant, vốn cũng thế nhưng ít lời hơn.

Khoảnh đất đắp sau St. Brigid's nhô cao hơn mặt ngõ bằng chiều cao một người, một ô vuông vổ sò và đất sét nện được giữ bởi những bức tường gạch cũ, với mộ của Hội Bạn Sabine ở một đầu và mộ của Hàng Cuối ở đầu kia và hai hầm mộ gia đình cũ hơn ở giữa, tên đã mất. Lúc mười một giờ đêm hôm có cuộc họp ở Phòng Dài, cổng bị khóa và Hollis trôi qua, như anh từng trôi năm mười lăm tuổi, và thấy Tobie Salvant đã ngồi sẵn trên bậc mộ với một ngọn đèn vặn nhỏ và một hũ cà phê diệp xoăn nguội.

“Mo te pensa tu ve vena” Tobie nói, rồi nhích sang.

Ngôi mộ xây bằng gạch quét vôi trắng, cao ba ngăn và dài mười bốn ngăn, bốn mươi hai viên gạch bịt xếp thành lưới, mỗi viên mang một cái tên bằng sơn trắng hoặc để trống. Hơi ẩm thổi ra từ những lỗ thông trên cùng, vì mặt trời đã chiếu lên gạch cả ngày và gạch trả lại suốt đêm. Mục đích của nó là thế. Một năm một ngày nóng ẩm trong một ngăn gạch kín và chẳng còn lại gì của một con người ngoài xương và những gì họ mặc lúc được chôn. Tobie đã giải thích điều này cho Hollis khi anh còn là một cậu bé, không làm nhẹ đi chút nào, và từ đó đến giờ Hollis vẫn biết ơn ông.

Anh ngồi xuống. Nhịp bơm dâng lên qua khoảnh đất và qua lớp gạch cũ của ngôi mộ, đến nỗi khi anh tựa lưng vào bức tường cạnh ngăn của mẹ, anh cảm thấy máy bơm của Phường 7 trong xương sống mình qua gạch của bà, nâng và đặt, chậm và nặng, cái nhịp bà đã theo mà là quần áo suốt bốn mươi năm, cái nhịp bà đã theo mà ru anh.

Đôi bay ra từ tháp chuông St. Brigid's thành một sợi dài cứ tổ dần ra và bay qua khoảnh đất về phía con kênh. Rồi đom đóm bắt đầu, đầu tiên là một con trong đám cỏ cao dọc bức tường rồi vài con, rồi cả đầu tối của khoảnh đất cạnh mộ Hàng Cuối đầy những con đom đóm, những đốm sáng xanh lục chậm rãi bay lên rồi tắt rồi lại bay lên, nhiều hơn anh từng thấy ở một chỗ. Mùa nóng ẩm nào chúng cũng đến chừng một tuần, Tobie nói, từ lớp đất mềm dưới chân các ngôi mộ trôi lên. Ông nghĩ đó là do hơi ẩm tỏa ra từ gạch.

Nét sơn trắng của *Josette Marie Lavergne* hiện lên mờ mờ trong ánh đèn, và xa hơn nữa đom đóm bay lên qua mái mộ Hàng Cuối từng trăm con, lặng lẽ.

“Achille te jele li” Hollis nói.

“Mo te audi.”

“Li ve deme apre nueve” Hollis nói, ý là bà sẽ nằm trên ngăn của mình qua ngày mừng chín, qua một năm một ngày của bà, vì giờ đây sẽ chẳng ai được dời đi nữa.

“Li ve deme tanka asosyasyon ye stopa goumen.” Tobie uống cà phê diệp xoăn. “Petet un semen. Petet toti sezon sek. Tu veli ki li deme?” Cho đến khi các hội thời tranh chấp, ý ông là vậy, một tuần hay cả mùa khô, và ông hỏi Hollis có muốn bà ở lại không.

Hollis nghĩ về điều đó một cách thành thật. “Mo veli koupa nom di li” anh nói. “Kek kote. Un fua. Mo te koupa kuatrosien diesinueve nom di le.” Anh muốn khắc tên bà, ở đâu

đó, một lần. Anh đã khắc bốn trăm mười chín cái tên cho Tầng Tán, và chưa khắc một cái nào cho bà.

Tobie không nói với anh về mục sáu của tờ thông báo xanh lá. Ông đã dời người chết của Hội Bạn suốt ba mươi năm và biết tờ thông báo nói gì và nó để làm gì. Ông chỉ đặt cái hũ vào tay Hollis, và họ ngồi trên bậc với ngôi mộ ẩm sau lưng và máy bơm dâng lên qua nó, ngấm đom đóm cho đến khi đèn cạn dầu.

* * *

Theo lời thuật của Yvonne Celestin, vốn ngắn; của Nox, còn ngắn hơn; phần trên Lối Tang như nó còn lại tới hôm ấy.

Phần không chịu ở lại. Yvonne đã biết điều đó suốt bốn mươi năm và chưa một lần nào điều đó ngăn được bà.

Bà xuống Lối Tang ở Mạch Tremé vào cuối ngày thứ tám của nạn thiếu dầu, trong giờ sau một cơn mưa rào chiều lưa thưa chỉ kéo dài mười phút và chẳng làm đầy thùng của ai. Mirette đã ở đó trước bà, như hầu hết các buổi tối, với một can nước mưa cho những chậu cây Mirette vẫn chăm ở các điện thờ, và Odren ngồi trên bức tường Bối Chung với tấm lưới vắt ngang đầu gối, đang vá, và hai người gọi tên bà, bà gọi tên họ, và đó là toàn bộ cuộc trò chuyện của họ. Những phiến đá vẫn còn sẫm màu và bốc hơi, và các rãnh nước dọc lộ trình chảy hơi nâu. Hơi nóng bốc ngược lên từ mặt đường ngay khi mưa tạnh. Chiếc váy dính vào lưng bà giữa hai bắp vai. Bà có một hộp phấn bằng thiếc trong túi tạp dề, loại thoải tốt, to và mập mà người bán văn phòng phẩm ở Bối Chung cắt từ đá vôi thật, một miếng giẻ, và một chai nước nhỏ mà bà không định dùng để lau rửa.

Lối Tang chạy từ Bối Chung xuôi qua Mạch Tremé theo lộ trình cũ, qua những điện thờ gắn vào tường, vào khung cửa và chân cột đèn: một hốc tường có tượng thánh, một tấm bảng sơn, một cái giá đóng dưới cửa sổ với những lọ hoa nhựa và một tấm ảnh đã ngả xanh vì nắng. Các gia đình viết phần tên người chết của mình lên những phiến đá bên cạnh điện thờ, và mưa cuốn tên đi hầu hết các buổi chiều mùa nóng ẩm, và các gia đình lại quay lại viết phần lần nữa.

Yvonne dừng lại trước tiên ở góc phố cạnh hiệu may, nơi tên mẹ bà được viết. Mưa đã để lại một bóng ma của nó, một vết nhạt của chữ C. Bà quỳ xuống, và đầu gối lên tiếng ngay, rồi viết *Aimée Celestin* bằng nét chữ đứng bà đã học ở trường giáo xứ. Một người phụ nữ đi ngang qua với một giỏ đậu bắp và gật đầu chào bà.

Nox đã đi cùng bà. Bà không nhờ anh và cũng không bảo anh dừng. Anh đi sau bà hai bước ở phía ngoài vỉa hè theo cách một người lính đi, và khi bà quỳ xuống anh đứng quay lưng vào tường, hai tay thả lỏng, nhìn ra phố, và bà biết ơn điều đó và sẽ không nói với anh như thế. Anh chưa hề cởi chiếc áo khoác xám từ khi bước vào qua cửa phụ năm ngày trước. Các túi áo bị khâu kín bằng những mũi chỉ đen nhỏ và chặt, và bà cũng chưa hỏi về chúng.

“Tu pu kava la bouat” bà nói, và chìa nó ra, và anh cầm lấy không nói một lời và đi tiếp bên cạnh bà thay vì phía sau.

Họ đi xuôi theo lộ trình. Bà viết phần những cái tên thuộc phần mình viết. Người đã dạy bà, vị manbo giữ bàn thờ ở Cái Đe trước bà, người mà Yvonne viết tên thật nhỏ và không đọc thành tiếng. Đứa con của một người hàng xóm từ năm dịch sốt, vì tay người

hàng xóm giờ run quá không cầm nổi phần. Lần nào Nox cũng chìa hộp ra, và lần nào bà đưa lại mẫu phần mòn anh cũng bỏ nó vào nắp hộp thay vì vứt đi. Bà để ý điều đó.

Họ quay ngược lên về phía Bãi Chung, và ở đầu ấy lộ trình rẽ dọc theo một bức tường dài trơn trụi từng là mặt bên của một nhà kho. Người ta gọi quãng ấy là Người Bị Đưa Đi, dù chẳng tấm bảng nào ghi thế. Không ai đặt điện thờ ở đó. Những cái tên trên bức tường ấy được viết không kèm ngày tháng, vì các gia đình không biết ngày thứ hai, và nhiều tên được viết kèm một dấu phía sau có nghĩa là *đang hỏi*, một hình vuông nhỏ để hỏi. Bức tường có trước các chương trình Duy Trì của Đội Canh. Đã từng có những cách khác để bị đưa đi.

Bà dừng lại ở quãng giữa bức tường, nơi nét chữ học trò tròn trịa cẩn thận của một người phụ nữ đã viết *Néri* kèm một hình vuông để hỏi phía sau, mới viết từ sau cơn mưa. Phần vẫn còn tươi. Người viết đã ra đây khi đá còn ướt.

“Néri” Nox nói. Đó là câu đầu tiên anh nói từ khi họ lên đường.

“Cistern Row. Se di li ap manda na kontwa di Teodor depi bokou ane.” Yvonne nhìn hình vuông. “Li skriva li chak jou. Tu pu viza la vye ye anba li kan soley desanda.” Người phụ nữ ở Dây Bể Chứa đã đến hỏi ở quầy của Teodor tại văn phòng phường nhiều năm nay, bà kể với anh, và ngày nào cũng viết cái tên ấy, và khi mặt trời lặn con có thể thấy những lần viết cũ dưới lần mới.

Anh nhìn, và bà thấy anh nhận ra: một lớp dày trong đá, nơi phần đã ngấm vào các lỗ nhỏ ngày này qua ngày khác và mưa chưa bao giờ rửa hết được.

Bà lấy một thỏi phần mới từ hộp. Tay bà vững. Bà biết rằng nó vững và rằng đó là điều bà đã sắp đặt trong mình trên đường đi xuống, và rằng việc sắp đặt ấy đã chiếm gần hết quãng đường.

Mười một năm trước, trong những tuần sau khi Étienne không về nhà, bà đã viết phần tên ông một lần. Bà viết nó ở chỗ riêng của Cái Đe trên lộ trình, ô cửa có tượng thánh xanh lam nơi người chết của nhà được viết, vì phường nói ông đã chết còn Đội Canh không nói gì và một gia đình phải đặt một cái tên ở đâu đó. Marcel khi ấy lên tám. Đứa bé đã nín váy bà và nhìn bà viết. Nhiều tuần sau là cái đêm ở bàn thờ mà cả nhà không bàn đến, và sáng hôm sau bà đã một mình đi xuống đây trước khi trời sáng, quỳ trước vị thánh xanh lam và xóa cái tên khỏi đá bằng chính tay áo mình, và không bao giờ viết lại nữa. Cả phường đã nghĩ bà hóa điên vì đau buồn. Bà để mặc họ. Như vậy dễ hơn lời giải thích kia, vốn là của bà và bà chưa trao cho ai.

Giờ đây có một dòng trong một cuốn sổ cái của Tầng Tán, và tên ông trên đó, và dầu, vải lanh và ống dẫn được tính vào ông mỗi tuần. Margaux đã đặt trang giấy lên bàn bếp của Cái Đe năm đêm trước và Yvonne đã đứng mà đọc, tay đặt trên lưng ghế của Solène. Ông còn sống vì có ai đó đang trả tiền ga trải giường cho ông. Đó là câu gián dị nhất bà nghe được trong mười một năm và sau đó bà đã không ăn nổi.

Bà viết *Étienne De La Rosa* lên bức tường Người Bị Đưa Đi, cách Néri một bề ngang bàn tay. Sau tên ấy bà vẽ hình vuông để hỏi.

Rồi bà ở lại. Nox đứng cạnh bà cầm hộp phần. Hai cô gái khoác tay nhau đi ngang với bánh rán cao lương gói giấy, đang cãi nhau về một chàng trai, và một cô thấy những gì Yvonne đã viết và im bật mất một bước. Xa hơn dọc bức tường, một ông già ngồi trên chiếc ghế xếp, hai bàn chân đặt phẳng trên đá theo kiểu buổi tối, cảm nhận phường, mắt

nhằm. Nhịp bơm dâng lên qua mặt đường chậm và nặng, nhịp Phường 7, cái nhịp mẹ bà đã mang bà trong bụng. Bà cảm thấy nó trong đầu gối trên phiên đá ướt. Bà không xin nó điều gì.

Những gì bà làm ở đó thuộc về bà. Bà đã giữ một bàn thờ suốt ba mươi năm và bà biết sự khác biệt giữa điều bà làm và điều bất kỳ ai khác có thể thấy bà làm, và phường cứ việc lấy điều thứ hai. Một lúc sau đầu gối bà đau đến mức bà phải đặt một tay lên tường và Nox đặt một tay dưới khuỷu tay bà, và nhờ cả hai mà bà đứng dậy được.

“Demen li ve fini” Nox nói. Anh đang nhìn vết phần.

“Ko mo gon vena baka.”

Anh cân nhắc điều đó. “La otra. Se di Néri. Ke tu pensa ki li sava su la rejis? Ki le tena liy?” Ý anh là người phụ nữ đã viết Néri, và liệu người ấy có biết rằng có thể có một dòng cho Néri trong một cuốn sổ cái như của Margaux không.

“Mo pensa ki li havi un fom” Yvonne nói. “Teodor te pava mo. Le te senda li un fom.” Teodor đã nói với bà: người ta đã gửi cho người phụ nữ ấy một tờ đơn. Không ai cho người ấy xem sổ cái nào.

Bà lấy lại hộp phần từ tay anh và bỏ vào tạp dề. Những mẫu phần lách cách trong nắp hộp. Trên đường về anh đi bên cạnh bà và không ai nói gì, và đến góc Dãy Sabine anh mua hai cốc cà phê điệp xoắn ở sạp bằng xèng lấy từ đầu đó, bà không hỏi từ đâu, và họ đứng uống trong khi buổi tối buông xuống ẩm ướt và vàng cam trên những cái bụng xám của Tầng Tám, và đó là cà phê điệp xoắn ngon, đắng và ngọt quá, và bà nói với anh như vậy.

* * *

Theo lời thuật của Yvonne Celestin, kể trong trận băng giá. Lời thuật liên quan đến một đêm khoảng hai mươi năm trước, và bà kể với điều kiện không có gì trong đó được gọi bằng bất kỳ tên nào ngoài những tên bà đã dùng đêm ấy.

Vào mùa khô, khoảng hai mươi năm trước, Étienne từ một tù chuyển tiếp ở Phường 9 về nhà sau nửa đêm với bụi sắt trên cổ tay áo và ngồi xuống bàn bếp của Cái Đe mà không cởi áo khoác, rồi nhờ bà nhìn một cốc nước.

Bà vẫn còn thức. Sáng hôm sau bà có một ca đỡ đẻ và đang cuộn băng. Ông rót đầy một cốc từ cái vại và đặt nó trên mặt gỗ trơn giữa hai người và bảo bà nhìn mặt nước. Bà nhìn. Nhịp bơm dâng lên qua mặt bàn như mọi khi, và nước trong cốc rung theo thành những vòng mảnh, nhịp của Phường 7, chậm và nặng. Ông bảo bà cứ nhìn tiếp. Ông nói rằng nếu nhìn đủ lâu, giữa những vòng của máy bơm có một loạt vòng khác, mảnh hơn, đều hơn, không đến từ bất kỳ máy bơm nào trong thành phố. Ông nói những người thợ sửa trên phần sắt lâu đời nhất đã ghi chép nó nhiều năm nay. Ông nói nó đều hơn bất kỳ chiếc đồng hồ nào Cổng có, và rằng không ai bật nó lên, và rằng không ai tắt được nó, và rằng một trong những người thợ sửa già đã đặt cho nó một cái tên tạm để có thể ghi vào sổ nhật ký.

Ông nói cho bà cái tên.

Bà đặt cuộn băng xuống. Đó không phải là một từ dành cho sổ nhật ký. Đó là một cái tên bà không nói ra một cách nhẹ nhàng, một cái tên thuộc về nước và về đẳng sánh đôi cùng con rắn, và một người thợ sửa đường chuyển tiếp đã viết nó vào một cuốn sổ của Cổng bằng bút chì để có thể tìm lại chỗ mình trên trang giấy. Bà nói với Étienne điều đó

bằng thứ tiếng Kreyòl của đám cưới và người chết, rất chính xác, với mỗi động từ ở đúng thức của nó.

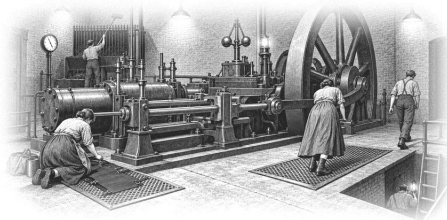
“Anh biết,” ông nói, bằng tiếng Creole của mẹ mình. “Anh không đặt tên cho nó. Anh đang nói với em nó được gọi là gì trong sổ.” Ông xoay cái cốc một chút trên mặt gỗ. “Em sẽ biết. Vì thế anh mới về nhà. Có phải là bà ấy không?”

Bà nhớ rằng mình đã rất giận, và rằng cơn giận ấy làm bà sợ, vì nó đến từ một nơi nào đó lâu đời hơn những cuộc cãi vã của họ. Bà nói với ông rằng bà không phải là cái máy đo. Bà nói với ông rằng ông không được mang một cốc nước đến bàn của bà vào nửa đêm và bảo bà đọc nó cho ông như đọc một cái đồng hồ trên tường trạm bơm. Bà nói với ông rằng những gì bà biết trong việc hành lễ của mình là của bà, và của Iwa, và rằng nó không đi vào một cuốn sổ nhật ký của Cổng hay một bản báo cáo chuyển tiếp hay vào đầu một người đàn ông muốn có câu trả lời để có thể ngủ. Bà nói với ông rằng một số người bà từng theo học thậm chí không chịu bàn đến câu hỏi ấy, và rằng bà đang bắt đầu hiểu vì sao.

Ông ngồi rất lâu. Rồi ông nói rằng ông xin lỗi, và rằng ông đã muốn bà nói với ông đó chẳng là gì cả, và rằng ông cũng đã muốn bà nói với ông đó là một điều gì đó, và rằng giờ ông thấy mình đã muốn cả hai điều từ bà và không có quyền đòi điều nào.

Đêm đó ông ngủ trên bậc cửa sau với chiếc áo khoác đắp lên người, và buổi sáng ông đã đi trước khi bà dậy, và dưới cái bát trắng trên giá cao có một mảnh giấy bằng nét chữ viết thư của ông, bằng một thứ tiếng Kreyòl đã khá hơn mà vẫn chưa tốt: *Em nói đúng. Anh không nên bắt em làm cái máy đo. Anh sẽ đi hỏi sất. É.*

Bà chưa bao giờ nói với ông liệu bà có thấy gì trong cốc nước không. Bà cũng chưa nói với người trong nhà, và hồ sơ không hỏi.



18

Đêm bàn đạp

Trích sổ bàn thợ của Janelle Mouton, trang về người đưa hàng và trang kế tiếp; lời kể của Dru Mouton; của Babette Mouton, phần lớn là về bài thánh ca.

Janelle Mouton đã để chiếc ủng của người đưa hàng trên bàn thợ sang ngày thứ sáu liền, toác từ gót tới mũi như một con cá bị mổ, và cô vẫn còn tìm ra những điều mới trong đó.

Từ chỗ bàn thợ dưới mái hiên xanh, cô nhìn thấy con ngõ, cái nồi chiên nguội của nhà Hurley, quầy bánh nơi Sơ Octavia đang giả vờ không nhìn ra phố, và bên kia ngõ là tủ chuyển tiếp trong vò gạch với hình in khuôn của Cổng trên cánh cửa thép. Sổ bàn thợ của dì cô nằm mở bên tay trái. Trang về chiếc ủng của người đưa hàng đã kín, và cô đã bắt đầu trang thứ hai.

Chiếc ủng là một món đồ làm khéo và đẹp, và cô bực vì điều đó. Dưới lớp đế, chỗ mà một chiếc ủng Vùng Bùn sẽ có lớp đế giữa làm bằng bất cứ thứ gì kiếm được, chiếc này có tám ghép lớp của nó: một tấm cứng mỏng hơn móng tay, một lớp gồm xám như mật ong đã đông, rồi một tấm cứng nữa. Cô đã vẽ mặt cắt của chõng lớp ấy vào buổi sáng cô rạch nó ra, và từ đó đã ghi nhãn từng dải theo việc nó làm. *Cứng. Gồm sáu. Cứng.* Bên cạnh, cô đã viết một câu hỏi cô không trả lời được: *Sao lại hai tấm cứng?* Dru đã trả lời nó trong lần ghé thứ hai, đứng bên bàn thợ ăn một chiếc bánh hấp với gương mặt cam chịu mà ai trên đây cũng mang trong tuần ấy.

“La mou travaya kan li prese ant dos rèd”, anh trai cô nói. “Moun panel noma li *lớp ràng buộc*.” Anh nói câu ấy bằng thứ tiếng Anh của dân làm tấm ốp. Cơn rung tìm cách uốn cong chõng lớp, hai lớp vỏ cứng trượt qua nhau, và lớp mềm ở giữa nín lại và biến nó thành nhiệt, một chút nhiệt rất nhỏ. “Sèl, la mou selman tranble.” Anh liếm ngón cái. “Sa e toti la dek, Jannie. Panel konsa, luen luen.”

Không ai gọi cô là Jannie ngoài Dru, và chỉ khi anh đang làm anh trai của cô. Anh cung cấp ốc vít và phôi đã xén cho các xưởng lắp sàn, nghĩa là hầu như ngày nào anh cũng leo cầu thang công vụ với một chiếc ba lô và một tấm thẻ thông hành đeo trên dây. Hôm ấy anh mang cho cô những mẫu vụn trong một bao bột mì: những dải xám nham nhở của lớp xen giữa đàn nhót, xén ra từ mép tấm ốp ở một xưởng vật liệu ghép trên sàn mới phía trên các khối nhà phía bắc, vốn đã định cho vào một viên nang phế liệu cho tới khi anh xin tay đốc công.

“Li te veli sava po wani”, Dru nói.

“Tu te pava li wani?”

“Ki se di mo fasa semel andedan po vye fanm.” Anh đặt cái bao lên bàn thợ. “Li te pava ki mama di li neda kek.” Tay đốc công đã hỏi mấy mẫu vụn để làm gì, Dru bảo anh ta là để làm lót giày cho một bà cụ, và tay đốc công nói mẹ anh ta cũng cần một đôi.

Janelle bật cười rồi nhận ra anh nói thật, và viết *mẹ ông đốc công, cỡ mấy?* vào lề sổ bàn thợ, vì đã hứa là phải giữ lời.

Những dải xám không đều nhau, rộng từ một ngón tay đến một bàn tay, và hơi nóng trong phòng làm chúng rủ xuống mép bàn như những cái lưới. Cô đã thử một dải vào buổi sáng và lần nữa vào giờ nóng nhất, và vào giờ nóng nó mềm hơn và làm được ít hơn. Cô ghi lại: *Mềm gấp nóng lại mềm thêm. Mát thì tốt nhất.* Cô bỏ phần còn lại của bao vào một cái vò và thả cái vò bằng dây thừng xuống bể nước mưa dưới bậc cửa sau, nơi nước là thứ mát nhất trên Dãy Sabine.

Mọi thứ khác là cô tự gom lấy: cao su lốp xe từ một bãi đồ vớt ở Khu Chồng Bywater, lớp lót bàn từ một sàn nhà Tầng Tấn đã xuống theo Tuyến Thập Phân như phế liệu, và tôn chắn mái mỏng của ông Faustin già cách hai nhà, mỗi ô vuông một xeng. Hai lớp vỏ cứng của chiếc ủng người đưa hàng là vật liệu ghép. Cô thì có tôn chắn mái.

Tấm đệm đầu tiên của cô chỉ dán lớp mềm vào một lớp vỏ, như một thứ lắc lư trên que. Tấm sau cô làm cho đúng, cứng rồi mềm rồi cứng kẹp lại, dán kín từ mép này sang mép kia bằng thứ keo dán tiếp xúc làm cô chảy nước mắt, bàn lót dưới, cao su lốp làm đế, và khi đứa cháu trai của Sơ Octavia lấy vò nện vào thanh gác chân bằng sắt của bàn thợ ngay dưới bàn chân cô, cô thấy một cú đẩy âm ỉ và không còn chút tiếng vang nào. Cô băng qua ngõ mua một chiếc bánh khoai lang mà cô không đủ tiền mua và ăn nửa cái trên bậc cửa.

Babette tìm thấy cô ở bàn thợ vào ngày thứ sáu, đang cắt những tấm đệm bàn đạp cuối cùng. Babette vào không gõ cửa vì Babette chưa bao giờ gõ bất cứ cánh cửa nào thuộc về một người nhà Mouton, rồi ngồi lên chiếc ghế đầu dành cho khách với một túi giấy hình nón đựng lạc luộc, và nhìn cô xén bàn một phút rồi mới mở lời.

“Pava mo ki vu pa ap chanta sa dimanch.”

“Nu ap chanta li dimanch.”

“Li desanda an desanda an li janmen monta. Mo te sida pandan li dos fua mèkredi, an mo toujou tris.”

“Sa e un kantik Karèm”, Janelle nói. “Li sipoze desanda.”

“Li sipoze desanda, ko kekchoz sipoze pasa. Sa e po sa kantik egziste.” Babette đã đến nhà thờ của Janelle nhiều Chủ nhật hơn số lần Janelle đến nhà Babette, và cô biết các bài thánh ca để làm gì. Babette tách một hạt lạc. “Chef kor di tu te chouazi li paske li pa havi pesa anlè, an li pa pu audi sopran ye.”

Điều đó đúng, và cả bè alto đều biết. Janelle cắt bàn. “Li havi un bon liy bas.”

“Theo kava li. Theo sere pu kava un avi rasyon.”

“Tu te vena a repetisyon po audi Theo.”

“Mo te vena po audi tu. Tu te fo su tresim kouplè.”

“Tresim kouplè desanda. Li te desanda li un mach po tenor ye pu riva.” Janelle đặt con dao xuống. “Mo pa gon kanpa da an kita tu kritike kor di mo paske tu pa amu un ton.”

“Tu pa amu la ton.”

“Sa e kor di mo”, Janelle nói, và Babette cười cô, và cô cười lại, và họ dành một khắc đồng hồ cho khiếu thẩm mỹ của người chỉ huy buổi tập, ngược về ba mùa Giáng sinh. Không ai trong hai người nhắc tới những gì diễn ra ở nhà Babette vào những đêm Babette làm lễ, hay Janelle nghĩ gì về chuyện đó, hay Babette nghĩ gì về các vị thánh của nhà thờ St. Brigid. Từ lâu cả hai đã quyết định, không cần bàn với nhau, rằng những cuộc chuyện trò ấy thuộc về một kiểu ngày khác. Hôm nay là một ngày lạc lước.

“Sa ye e wani?” Babette cuối cùng cũng hỏi, hất đầu về phía bàn thợ. Bốn tấm đệm nằm đó, cắt theo cỡ hai mặt lưới bàn đạp ở nhà bơm Dây Sabine, có khe luôn quay ở các góc. Bên cạnh là một chồng lót giày mỏng, hai lớp, bàn và gôm.

“Po ekip di Delphine.”

“Delphine te manda tu?”

“Le doka ekip di Delphine tres nuit su sinko”, Janelle nói. “Biwo pava *hụt tải*. Le pa pu dormi.” Bên sở đã trừ lương kíp của Delphine ba đêm trong năm đêm vì nhịp bơm hụt tải, và không ai trong họ ngủ được. Họ tan ca rồi nằm trên chiếu và cảm thấy cái máy bơm trong răng mình cho tới ca sau, và cứ hai tuần cô lại thay đế đôi giày đạp bơm cho họ một lần vì chúng toác ra, và lần nào cũng phải nghe than cả tiếng đồng hồ. Cô cầm một tấm đệm lên. “Delphine pa te manda. Mo ap ofra.”

Babette cầm tấm đệm và ấn ngón cái vào mép chỗ lộ ra lớp xám, rồi nhìn chiếc ủng bị mó toang nằm cạnh kính lúp một lúc lâu.

“Sa te e di un kourye Canopy.”

“Dies jou san peya, la ban tena li. Li ekri su kat kontwa. Sa e loua di Sabine Row depi avan nu dos.” Hàng để mười ngày không trả tiền thì thuộc về bàn thợ; tấm thẻ trên quầy ghi thế, và đó là luật của Dây Sabine từ trước khi cả hai người ra đời.

“Le pa ve viza li konsa.”

“Li pu vena peya po li”, Janelle nói. “Nueve tokèn, li ekri su tikè.”

Babette đưa trả tấm đệm rồi đứng dậy, phúi vó lụa lạc trên lòng vào lòng bàn tay, rồi hất ra rãnh nước, nơi nhịp bơm làm làn nước nâu run lên thành những vòng nhỏ.

“Pota kek po kor”, Babette nói. “Po Theo. Pie di li move.”

* * *

Trích số bàn tay của Janelle Mouton, trang nhà Sabine, đêm đầu tiên; lời kể của Delphine Aubry; của Yusuf Landry, có thêm chuyện cái nệm.

Nhà bơm Dây Sabine đứng ở đầu dây phía hồ, xây gạch, mái tôn mái và một ô thông gió lá sách thở ra hơi nóng và mùi dầu mỡ nóng. Người ta cảm thấy nó trong lồng ngực trước cả khi tới cửa.

Janelle đến lúc đổi ca, mười giờ đêm, với những tấm đệm bàn đạp trong một chiếc túi vải bạt đeo trên một vai, những miếng lót giày trong một bao bột mì, và tay kia xách một xô nước bể có cặp đệm dự phòng chìm bên trong dưới một hòn đá phẳng. Bên trong, các kíp đang bàn giao dưới tiếng ồn của cổ máy, bằng tay, thứ ngôn ngữ ra dấu mà dân nhà bơm đã tạo ra rồi truyền khắp Vùng Bùn. Janelle biết đủ để theo kịp. *Đồng hồ áp lại thấp. Song chân sạch lúc chín giờ. Ở trực ấm, coi chừng.* Trường ca tới ra dấu câu cuối ấy hai lần với Fabien Mercier, ông gật đầu rồi xuống thang vào hố ổ trục với cây đèn của mình.

Cổ máy chiếm giữa nền nhà: hai xi lanh, tay quay, con trượt lướt trong rãnh dẫn, bánh đà quay vòng lên cao hơn một người đàn ông. Bên cạnh động cơ là bộ điều tốc của Cổng với ngọn đèn hồ phách nhấp nháy theo giờ mạng lưới. Mỗi bên cơ cấu van là một bàn đạp, một tấm lưới sắt có gân hình thoi nổi, mồn sáng ở chỗ bốn mươi lần đạp mỗi phút đã đánh bóng suốt hai trăm năm. Delphine đứng bên trái. Hortense Picou đứng bên phải.

Delphine thấy cô và ra dấu *gì thế?* qua hố, rồi bước xuống để Yusuf thế chỗ bàn đạp trái ở nhịp xuống, gọn gàng, và đi vòng sang, vừa đi vừa lau tay. Chị kẹp dưới một bên nách cái giỏ của Lisette từ đêm hôm trước, trống không, để mang về nhà lúc rạng sáng.

Janelle lấy ra một tấm đệm và giơ lên. Ba lớp, tôn và gôm và tôn, dán kín từ mép này sang mép kia trên một lớp đế bằng lớp xe kéo, cắt theo cỡ mặt lưới bàn đạp, có khe luôn quai ở các góc. Delphine cầm lấy và làm đúng như Babette đã làm, ấn vào mép, rồi gõ nó vào khung sắt. Khung kêu vang dưới đốt ngón tay chị. Tấm đệm thì không.

Delphine nói gì đó mà Janelle không nghe ra giữa tiếng máy. Janelle ghé lại gần.

“Mo te pava, sa e po wani”, Delphine nói vào tai cô, bằng tiếng Kanak, các chữ nói chậm lại cho vọng tới.

“Li pa pran la prese. Tu ve toujou konta li. Li pran la zonzon, pesa fen, pesa ra antra na dan di tu.” Janelle xoay tấm đệm để Delphine nhìn thấy mép. “Sa e bagay ra kourye dek ye porta, ap macha su grij. Konsa ti nonm so te traversa planche di mo, an mo janmen santi li.”

“La zonzon pava mo kan valv gon frapa. Mo santi li ap vena un kou avan. Tu meta sa anba mo, mo perdi un kou.” Tiếng rè là cách Delphine biết một cái van sắp gõ; chị cảm thấy nó trước một nhịp, và một tấm đệm dưới chân sẽ lấy mất nhịp đó của chị.

“Fabien leza woulman ave do men di li. Hortense audi un valv de eskalye. An tu havi la chan.” Janelle ngập ngừng. “Mo te lasa un riban toutouni na talon. Tu pu balanse deye su li kan tu veli li. Oswa no, an tu kroua la chan.” Cô đã để trần phần gót, để Delphine có thể ngã người về sau mà cảm nhận cổ máy khi chị muốn, hoặc đứng dòn về trước mà tin vào bài hát.

Delphine nhìn tấm đệm, rồi nhìn sang kíp của chị, lúc này đang dõi theo: Hortense trên bàn đạp phải, dòn trọng lượng về gót đúng như đôi đế giày của chị cho biết chị vẫn đứng, Yusuf ở bàn đạp trái, Gil ở song chắn với cây cào giờ lơ lửng. Ngọn đèn của Fabien nhô

lên khỏi hố, ông nhìn hai người đàn bà và ra dấu *gì thế?* như Delphine đã làm, và Delphine không trả lời ông.

Bánh đà quay vòng. Nhịp bơm từ nền bê tông dội lên ống chân Janelle, nặng và chậm, và cô nghĩ đến cái đêm Nessa đặt một bàn tay phẳng lên bàn thợ và nói *phường em chậm quá, mình ngủ thiếp được giữa hai nhịp*, và Janelle đã nói *Nessa ngủ thật mà*, và Nessa bật cười mà không nhấc tay ra. Chiếc chìa khóa đồng của Nessa treo trên sợi dây ở cổ Janelle, cạnh chìa của chính cô.

“Si biwo doka nu ankora, sa e token di ekip di mo”, Delphine nói. “Pa di tu.” Nếu bên sở lại trừ lương họ, thì trừ vào xềng của kíp chị, không phải của Janelle.

“Mo sava.”

“Si le doka nu pi mal paske nu pi lan su zoreye.”

“Ko randa le, an mo gon koupa le po gaskèt dora. Le e bon gaskèt.” Janelle chìa cái bao bột mì ra. “La semel andedan e po jou. Po dormi. Dos kouch. Tu pa douva porta le da.” Cô nhấc cái xô lên. “An la gonm vin mou na chale. Mo pa sava konbe tan un pad dire su pedal na kay sa. Ko gen un par frèt ladan. Chanja le a mita. Meta sa ye ra cho na dlo.”

Delphine nhìn cái xô, rồi nhìn cô. Rồi chị bật cười, một tiếng ngắn dưới tiếng máy, đặt cái giỏ lên giá của khung máy, và ra dấu cho kíp, to và chậm để chỗ song chắn cũng thấy: *Thứ đi. Mỗi lần một bên. Giữ cho máy chạy.*

Hai bàn đạp không được cùng dừng. Hortense dồn toàn bộ trọng lượng lên bàn đạp phải ở nhịp xuống trong khi Yusuf bước khỏi bàn đạp trái, và suốt bốn nhịp chị gánh cơ cấu một mình, mặt căng ra, còn Janelle quỳ trên tấm lưới nóng với nhịp bơm nện vào xương bánh chè, buộc tấm đệm lên bàn đạp trái, khóa quai siết chặt trên mặt gân hình thoi, rồi lồm cồm lùi lại. Yusuf bước lên và đạp. Mặt cậu biến đổi một cách phức tạp. Cậu đạp lần nữa, rồi ra dấu bằng một tay, *Mềm. Lạ*. Rồi, một nhịp sau, *Như cái nệm*. Cậu bật cười và lỡ nhịp mất nửa phách, và Delphine ra dấu *NGHE* với cậu bằng cả hai tay, và cậu bắt lại được.

Rồi đến bên phải. Hortense đứng trên tấm đệm mới lâu nhất rồi mới ra một dấu nào. Chị đạp, rồi ngã về sau lên dải gót để trần, rồi về trước lên tấm đệm, rồi về sau, rồi về trước, và dưới ánh đèn làm việc màu vàng gương mặt chị trông như một người đàn bà đang từ từ hạ mình xuống bồn nước tắm.

Đến đầu giờ, Delphine nhận lại bàn đạp trái từ Yusuf. Chị đứng trên tấm đệm, khoanh tay, đạp ba nhịp mà không hát. Đến nhịp thứ tư chị bắt đầu, khe khẽ, bài hát Phường 7, Sabine với Bế Chứa với Palmer với Toulouse, cú nâng dài ở nhịp lên và cú đặt ở nhịp xuống. Janelle không nghe được lời giữa tiếng máy. Cô nhìn thấy miệng Delphine, và cô nhìn thấy kíp nghe ra chị, đầu Hortense ngẩng lên rồi đến đầu Yusuf ở chỗ song chắn, cây cào của Gil bắt vào nhịp, khi họ lấy nhịp từ giọng chị thay vì từ đế chân, cho đến khi những cú đạp trên cả hai bàn đạp cùng hạ xuống một lúc và hai người đàn bà chuyển động như những người đang chèo thuyền.

Đồng hồ áp trên tường chỉ đúng như nó vẫn luôn chỉ, dưới vạch một sợi tóc. Ngọn đèn hồ phách của bộ điều tốc nháy sáng.

Janelle ở lại thêm nửa tiếng. Cô ngồi trên một cái thùng úp ngược cạnh tủ dụng cụ, số bàn thợ đặt trên đầu gối, vẽ những tấm đệm như khi đã lắp, ghi giờ, viết *nóng* và gạch dưới, rồi viết *Hortense ngã về dải gót khi chị ấy muốn nghe*. Hết nửa tiếng cô lại quỳ xuống, thay

cặp đệm ấm bằng cặp đệm mát lấy từ trong xô, lấy ngón cái sờ lớp gôm ấm, và nó đã mềm như bơ để ngoài, và cô cũng ghi điều đó lại. Sau đó Delphine đi tới và nhìn trang sổ ngược chiều.

“Tu skriva toti bagay”, Delphine nói.

“Grosè. Izaj. Wini te fann wani, wena. Si mo pa te skriva li, mo sere resemela vu toti su move kote.” Janelle gấp sổ lại. “Pava mo demen matin. Pava mo si le e labouyi.”

“Mo ve pava tu”, Delphine nói, rồi quay về bàn đạp trái, đứng lên tấm đệm, đạp, và hát.

Janelle về nhà, ngược lên con dốc tới với nhịp bơm trong đôi chân và cái xô rỗng đập vào đầu gối. Nồi chiên nhà Hurley vẫn nguội. Đèn nhà Sơ Octavia đã tắt. Bên kia ngõ đối diện mái hiên của cô, tủ chuyển tiếp đứng trong vò gạch với cánh cửa thép và hình in khuôn, ù ù như nó vẫn luôn ù ù. Cô lại thả cái vò xuống bể bằng sợi dây và cảm thấy nó chạm đáy, rồi đi ngủ mà không ăn gì, ngủ chập chờn, và không bận lòng.

* * *

Theo lời kể của Junie; lời kể của Lena, dài hai câu; cuốn vở bài tập màu xanh giấu dưới bao thức ăn cho gà, trang đề TƯỜNG, mà Junie đã giao cho hồ sơ sau trận băng giá.

Vào cái đêm kíp của Delphine lần đầu đứng trên những tấm đệm của Janelle Mouton, Junie chạy tuyến tường.

Junie đã định làm thế suốt mười một ngày, mà chưa làm, vì tuyến tường là tuyến dài nhất trên bảng của Gai và là tuyến duy nhất kết thúc ở một nơi trẻ con không được phép tới, và vì chạy nó nghĩa là ở ngoài sau khi các mạch đèn bật sáng, nghĩa là sẽ bị nhận ra vắng mặt. Tối nay cả nhà đều bận. Nox đã đưa Yvonne đi viếng một đám tang ở ngõ Rampart, vì đầu gối của Yvonne không ưa tấm ván Rampart lúc trời tối; Solène ở trong phòng của Gai với các trưởng ban và cửa đóng kín; Marcel ở dưới hầm với Nel và một cái lò xo đồng hồ. Colette lẽ ra phải trông Junie nhưng đang ngủ trên băng ghế trong bếp với một cuốn sách úp trên mặt. Sẽ không ai đếm Junie cho tới giờ rửa bát, và rửa bát là việc của Junie.

Junie đi ra lối sân sau, trèo qua mấy thùng nước mưa và bức tường sang sân của xưởng lưới, vốn là lối các giao liên đi khi không muốn bị nhìn thấy từ cửa sổ phòng của Gai, và bắt đầu đếm ở góc phố Palmer.

Bốn mươi nhịp nâng mỗi phút, nếu nhịp bơm đúng. Nó không hẳn đúng, và Junie đã học cách trừ hao cho điều đó: Phường 7 chạy hơi chậm khi trời nóng và chậm hơn nữa khi van Sabine hỏng, nên số đếm trong cuốn vở là nhịp nâng chứ không phải phút, vì nhịp nâng là thứ bàn chân cảm thấy còn phút chỉ là thứ cái đồng hồ nói. Palmer tới Mercy, theo lối đi trên cao, một trăm mười. Mercy tới hiệu giặt, qua tấm ván Rampart, chín mươi. Lối hậu của hiệu giặt, tối om, bốc hơi và nồng mùi xút, nơi các thùng giặt đã đóng cho đêm và đồ vải phơi treo thành hàng như những hồn ma trong một vở kịch, sáu mươi. Junie chạy qua đó, một tay giơ ra chạm vào những tấm vải, và ra ở đầu kia lên Dây Bể Chứa.

Dây Bể Chứa thì khác. Nhà ở đây phần lớn là nhà nổi, những hộp gỗ thấp đặt trên phao, giữ giữa các cọc dẫn, và lúc chạng vạng cả dây kéo kẹt và lách tách như một con thuyền neo bến, còn lối đi giữa các nhà là những tấm ván trên phao lún xuống dưới chân. Nhịp bơm dội lên ở đây theo cách khác. Nó dội lên qua nước, qua phao, mềm hơn và rộng hơn, để người ta cảm thấy nó trong bụng thay vì ở gót chân. Junie phải dừng lại đếm lại. Nhà Pip

sống trên dây này, gần đầu kia, trong một căn nhà mái quét hắc ín, và trong đó có đèn sáng, và có ai đang hát bên trong, và Junie không dừng lại.

Ở cuối Dây Bể Chứa, bức tường đứng sừng sững lên khỏi mặt nước như mạn một con tàu.

Đó là tường vòng, phía Hồ của lòng chảo, thứ giữ cho Hồ không tràn vào Vùng Bùn, và ở đoạn này nó là gạch cũ ốp đá còn cũ hơn và vá bằng bê tông, cao mười hai mét, với lối đi trên tường dọc theo đỉnh và các thang sắt trên mặt trong cứ năm mươi mét một cái. Khuỷu Bả Góa là chỗ nó gấp lại. Junie đã nhìn thấy nó từ mái nhà Cái Đe cả nghìn lần: chỗ gấp khúc trên đường tường dài, và những ngọn đèn trên đó vào ban đêm. Lại gần thì nó khổng lồ, và nó ướt. Mặt trong rịn nước. Những mảng ẩm sẫm màu nổi lên trên gạch, và có chỗ nước chảy xuống thành những đường mảnh, lấp lánh trong ánh đèn, và dưới chân tường có một rãnh đầy nước, chảy đi về phía các máy bơm.

Junie áp một bàn tay lên gạch. Nó lạnh. Giữa mùa nóng ẩm, khi mọi thứ chạm vào đều ẩm, bức tường lại lạnh, vì Hồ ở phía bên kia.

“Onse sien kuarenta”, Junie nói thành tiếng, rồi ghi vào cuốn vở dưới ánh đèn ở chân thang. *Tường, theo lối ngố, 1140. Theo lối hiệu giặt, 940.* Rồi, vì cuốn vở là một cuốn vở trung thực, *Nhíp bơm chậm. Đã trừ hao.*

“Kalkile po wani?” một người ở trên cao nói.

Lena đang ngồi trên lối đi trên tường ở đầu thang, hai chân buông thõng qua mép, một ngọn đèn đặt bên cạnh và cuộn dây đo thấm nằm trong lòng, đang nhìn xuống.

Junie không chạy. Junie đã nghĩ trước sẽ làm gì nếu bị bắt gặp, và đã quyết rằng chạy là điều tệ nhất, vì giao liên thì không chạy trốn Tướng quân, nên Junie đứng ở chân thang với cuốn vở và cây bút chì và ngẩng lên nhìn.

“Po la kou”, Junie nói. “Li lan swar sa. Ko la kont wo. Mo skriva li an leve.” Đã trừ hao cho nhíp bơm, vốn chậm, nên số đếm lên cao; cuốn vở ghi bằng nhíp nặng.

Lena nhìn Junie một lúc lâu. Rồi Lena vẩy tay ra hiệu, và Junie trèo lên thang, trợn mười hai mét, những bậc sắt trơn vì mồ hôi của bức tường, và không nhìn xuống, và ra tới lối đi trên tường giữa gió.

Gió mới là điều đáng nói. Dưới Vùng Bùn không có không khí; trên này gió thổi thẳng từ Hồ vào, ẩm và ẩm, mang mùi rong, mùi cá và mùi nước khơi, và nó xô vào áo và tóc của Junie, và cả mặt Hồ trải ra ở phía bên kia bức tường, tối và bao la và chuyển động, xa mãi tới nơi nó gặp bầu trời. Những chiếc xuồng của Vùng Lún đang ra ngoài với những đốm đèn nhỏ. Đằng xa, một con cá chấu lớn trời lên, một vệt bạc lóe và một tiếng như cánh cửa đóng lại.

Prosper Maraist đứng cách đó hai mươi mét dọc lối đi, bàn tay áp lên đá của bờ tường chắn, lắng nghe bức tường. Cặp sinh đôi nhà Savoie ở xa hơn ông. Không ai trong họ quay lại nhìn.

“Solène sava?” Lena nói, hỏi xem Solène có biết không.

“No.”

“Li ve sava kan mo pava li.”

“Ke tu gon pava li?”

Junie đang hỏi xem Lena có kể ra không. Lena ngẫm nghĩ. “Dava mo la liv.”

Junie đưa cuốn vở ra. Lena giở nó lên đèn và lật từng trang, chậm rãi: TƯỜNG, và trước đó MERCY, DIỆP XOÃN, TOULOUSE, BASIN, SABINE, những tuyến đường bằng nét chữ của Junie, những nhịp nâng, những khoản trừ hao, những ghi chú. *Lối hậu hiệu giặt đống các ngày Chủ nhật. Tắm ván qua rãnh thoát nước Palmer lỏng bên trái, bước bên phải. Chó ở lò bánh Rampart cần. Nhịp bơm chậm khi van Sabine hỏng (Marcel).* Lena đọc hết, rồi đọc lại trang TƯỜNG, và gấp cuốn vở lại.

“Konbe ane tu havi?”

“Onse a la fin di sezon sek.”

“Li te pava dose.”

“Mo sava la bagay ra li te pava.”

Lena đưa trả cuốn vở. “Ko men sa mo gon fasa. Mo pa gon pava li swar sa. Mo gon pava li la jou ra tu havi dose ane.” Không phải tối nay; vào ngày Junie tròn mười hai tuổi, Lena sẽ nói với Solène rằng có một giao liên đã thuộc tuyến tường và ghi vở bằng nhịp nâng, và rằng Lena muốn giao liên ấy ở tuyến tường. Lena nhặt cuộn dây đo thắm lên. “Tanka lè sa, tu pa monta nechèl. Tu vena a pie nechèl, tu konta, an tu nika a kay. Si miray ap swe a dosim ranje, tu mira, an tu pava Solène a dejene ki tu te audi li de Pip. Tu konpran?”

“Mo konpran.”

“Pava li ankora.”

“Pie nechèl. Konta. Kay. Dosim ranje, pava Solène, pava Pip.” Chân thang, đếm, về nhà, và không trèo lên cho tới năm mười hai tuổi. Nếu tường rịn nước ở hàng gạch thứ hai thì nhìn kỹ, rồi báo Solène lúc ăn sáng, và nói rằng tin ấy là từ Pip.

“Bon.” Lena nhìn ra Hồ. “Desanda. Nika a kay via lari, pa via lesiv. Li nuar ladan.”

Junie đi xuống. Leo xuống thì các bậc thang còn tệ hơn. Đến dưới cùng, Junie đứng áp cả hai tay lên lớp gạch lạnh và cảm nhận bức tường, và dưới bức tường là nhịp bơm, và tim thì đập rất nhanh.

Đi về theo lối ngõ, Junie ngang qua nhà bơm Dây Sabine lúc hơn mười giờ một chút, ô thông gió lá sách đang thổi ra hơi nóng và mùi dầu mỡ, cửa mở, và bên trong, dưới ánh đèn, kíp của Delphine Aubry đang đứng máy trên nền nhà, các bàn đạp lên xuống, và họ đang cười. Junie dừng lại ở cửa. Trên các bàn đạp, dưới chân họ, là những tấm đệm đen mới, dày, cắt từ thứ gì đó giống cao su lớp xe có một lớp màu nhạt ở giữa, và Hortense Picou đang đứng trên bàn đạp phải dồn toàn bộ trọng lượng lên cái gót đau của chị, và cười về chuyện đó.

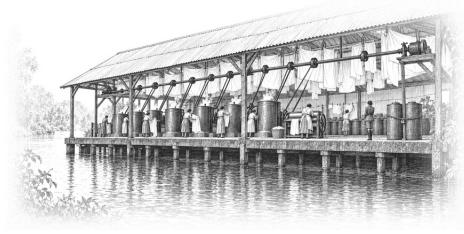
“Timoun di Anvil”, Delphine nói khi thấy Junie. “Nika a kay. Li tard.”

“Sa ye e wani?”

“Di Janelle”, Hortense nói. “Nu ap macha su un nuaj.”

Junie ghi vào cuốn vở trên đường về, dưới ngọn đèn ở góc Palmer: *Sabine, đêm mới, của Janelle, cả kíp cười, 22:10.* Và dưới đó, sau một lúc, vì cuốn vở là một cuốn vở trung thực: *Nhịp bơm vẫn thấy như cũ.*

Bát đĩa đang chờ. Colette vẫn chưa tỉnh. Không ai đếm cả.



Đồ vải đứng tên ông

Trích biên nhận giao hàng của Orvelle và khoản đòi của bà.

Vào buổi sáng thứ ba của cuộc tìm kiếm, lúc gần mười giờ, Margaux đã ngồi thấy xưởng giặt trên con kênh Phường 9 từ khi còn cách hai con ngõ, trước khi nhìn thấy nó: mùi nước kiềm, mùi vải bông ướt, mùi đường cháy của những chiếc bàn là, và bên dưới tất cả là hơi thở xanh của con kênh. Đôi ủng của cô không hợp với những con ngõ. Cô đã biết điều đó nhiều năm nay mà chưa bao giờ sửa. Đó là ủng Tăng Tấn, da bê đen, gót cứng, và trên những tấm lưới sắt của Vùng Bùn chúng kêu vang như cái thìa gỗ vào nồi, đến nỗi người ta quay lại xem ai đang đến trước khi cô tới nơi.

Cô đã tìm ra Orvelle theo cách cô tìm ra mọi thứ, trên giấy. Dòng chăm sóc tính phí dưới tên Étienne De La Rosa ghi đồ vải thành một dòng riêng, dòng ấy mang một mã nhà cung cấp, và sổ đăng ký nhà cung cấp của Quầy biển mã ấy thành một hợp đồng giặt trên con kênh Phường 9, đứng tên một hợp tác xã gồm mười một người phụ nữ. Mười trong mười một cái tên có một dấu ghi phía sau cho phần nước và thời gian dùng thùng giặt. Một cái tên có thêm dấu thứ hai, cho việc giao hàng. Bên cạnh nó, bằng nét chữ chặt chẽ của nhân viên giữ sổ: *O. Ferrand, mang vác*.

Xưởng giặt nằm ở nơi ba lòng chảo gặp nhau. Cô đã mất hai ngày mới biết rằng ở Phường 9 không ai gọi bà là Ferrand, và rằng nếu hỏi Orvelle ở bậc kênh thì những người phụ nữ bên thùng giặt sẽ nhìn đôi ủng của mình rồi bảo bà đã đi chợ, mà bà thì không đi.

Xưởng giặt là một cái lán dài để trống, dựng trên cọc trên mặt nước, mái tôn, phía giáp kênh không có vách. Tám thùng giặt đứng thành hàng trên một nền bê tông, mỗi thùng cao bằng một người phụ nữ, quay nhờ một dây curoa từ một cái trục chạy suốt chiều dài lán, nối với một động cơ điện nhỏ ở đầu xa. Thùng hứng nước mưa xếp dọc phía sau, một tá, được cấp nước từ máng xối trên mái qua một tấm lọc làm bằng lưới rây cũ. Hai thùng chứa cao màu xanh đựng nước mua đặt riêng khỏi đám thùng nước mưa, có một sợi xích khóa móc quán quanh cả hai. Những người phụ nữ làm việc theo ca, mặc áo ngắn tay, tóc buộc cao, căng tay đồ đến khuỷu, nấp ga trải giường vào thùng, kéo chúng ra còn bốc hơi, cho qua một máy vắt quay tay, rồi kẹp chúng lên những sợi dây kéo lên tận xà nhà bằng ròng rọc, khiến cả trần lán thành một thứ thời tiết trắng chậm rãi của đồ vải Tăng Tấn.

Margaux đến mép nền bê tông và đứng chờ. Đó là lúc nóng nhất của buổi sáng. Mồ hôi chảy dọc lưng cô dưới chiếc áo khoác do một thợ may ở sàn thứ tư cắt, người chưa từng xuống dưới Tầng Giữa lần nào trong đời.

Một người phụ nữ bên máy vắt ngừng lên. Bà đã ngoài năm mươi, vai to bè, có một chiếc răng vàng, một vết sẹo cắt ngang một bên lông mày và một chiếc tạp dề vải bạt của đàn ông thắt hai vòng quanh bụng. Bà cho nốt tấm ga đang cho dở vào máy, quay tay quay đến khi nó ra phía bên kia phẳng phiu, rồi đưa cho một cô gái kẹp lên. Rồi bà chùi tay vào tạp dề.

“Tu e la mona ra ap manda po mo” bà nói.

“Mo e Margaux Abagnale.”

“Mo sava wini tu e. Toti mona su kanal sava wini tu e. Tu ap macha monta desanda ave bot so depi dos jou.” Orvelle nhìn cô từ đầu đến chân, không hề ác ý, theo cách người ta nhìn một tấm ga để xem nó bẩn ở chỗ nào. “Abagnale. Kom la biwo.”

“Kom la biwo” Margaux nói. “Li e papa di mo.”

Hai người phụ nữ bên thùng giặt dừng tay. Abagnale là cái tên trên văn phòng Thị trưởng, và Margaux đã không giả vờ khác đi: Thị trưởng là bố cô. Động cơ vẫn tiếp tục quay cái trục. Gương mặt Orvelle không động đậy.

“Mais” bà nói. “Almeno tu pava li.”

Bà dẫn Margaux ra phía sau lán, sau dãy thùng nước mưa, nơi có một cái bàn đặt dưới cửa sổ nhìn ra khu vườn trên mái nhà của ai đó: đậu bắp đã già quả, một cây vả trong nửa cái thùng gỗ, một hàng ớt trồng trong lon. Trên bàn có một hộp đựng tiền bằng thiếc, một cái xiên cắm biên nhận, một ấm trà và một cái quạt nhỏ quay mặt qua quay lại khắp phòng mà chẳng làm được gì. Orvelle ngồi xuống. Margaux ngồi xuống. Một cô gái mang ra hai cốc trà mà không cần ai bảo, trà lạnh, ngọt, có vỏ chanh bên trong, và Margaux hiểu rằng người ta đã chờ cô ít nhất một ngày.

“Tu veli sava su dra De La Rosa ye” Orvelle nói.

“Mo veli sava wena le nika.”

“Mo sava wena le nika. Le nika a Fold House. Mo kava le mo mem, chak sizim jou, monta la pant su do di mo, paske la kooperativ pa kroua okenn mona otra ave un kontra ra peya a lè.” Orvelle uống trà. “Peya a lè. Li te konn.”

“Ke tu pu mosa mo?”

Orvelle với xuống gầm bàn và lấy lên một cuốn sổ bìa vải, gáy nứt. Bà mở nó ở chỗ có dải ruy băng. Bên trong là một chồng biên nhận giấy than, mỗi tờ dán lên một trang riêng theo thứ tự ngày tháng, tờ nào cũng trên cùng một mẫu in có dấu hiệu của Nhà Nếp Gấp trên đầu: một tấm ga gấp lại nằm trong một vòng tròn. Dòng giao hàng, dòng số lượng, dòng người nhận, chữ ký, ngày. Margaux lật các trang. Cách nhau sáu ngày, kéo lùi về nhiều năm. Cô tiếp tục lật. Cuốn sổ không lùi xa hơn nữa; nó bắt đầu bằng một trang mà Orvelle đã viết lên, bằng nét chữ vuông to: *Số Bốn*.

“La otra ye e na kay” Orvelle nói. “Mo tena le toti.”

Tờ biên nhận hiện hành là loại có hạn định, từ mà Quầy dùng cho một tờ biên nhận tự quy định giới hạn của chính nó. Nó ghi tên một người nhận, *DE LA ROSA, É. / DUY TRÍ*, và một số lượng: mười hai ga phẳng, sáu ga lót ngang, tám áo gối, sáu bao ống dẫn, bốn áo choàng, hai mươi khăn tắm. Nó ghi một thời hạn mười hai tuần. Nó ghi một điểm

giao hàng, *NHÀ NẾP GẤP, TIẾP NHẬN ĐỒ VẢI*, và nó ghi một mức giá cho mỗi lần giao, cao hơn bất kỳ hợp đồng giặt nào Margaux từng thấy ở Vùng Bùn, mà cô đã thấy hàng trăm hợp đồng. Ở cuối, bên cạnh dòng người nhận, cùng một chữ viết tắt xuất hiện trong mọi mục suốt hai năm qua: *D.*, với một nét móc nhỏ bên dưới.

“*Bao ống dẫn*,” Margaux nói, đọc to phần tiếng Anh trên tờ biên nhận.

“*Ti manch koton. Lon. Le nika su tiyo po li pa kouche su pel.*” Những ống tay bằng vải bông dài, lồng ra ngoài các ống dẫn để chúng không nằm áp vào da ông. Orvelle chạm ngón tay to bè vào dòng chữ. “*Mo pa te sava po wani le te e prim ane. Mo te manda Dorel. Dorel te pava mo.*”

“*Wini e Dorel?*”

“*Dorel pran la dra. Sinya po li. Triye li. Senda li kote li nika.*” Orvelle gấp cuốn sổ lại trên bàn tay mình để giữ chỗ. “*Aster. Mo gon pava tu kekchoz, ko tu gon fasa kekchoz po mo, ko mo gon pava tu la resta.*”

Margaux chờ.

“*Kuatro livrezon pase, Fold House te starta doka mo. Un sinkim su chak livrezon.*” Họ gửi xuống, cùng với khoản tiền, một mẫu giấy ghi *bản, trả lại để giặt lại, đã áp dụng khấu trừ*. “*Mo ap lava po kay Canopy depi mo te havi dose ane. Mo sava kouman dra di mo e kan le kita da.*” Bà lại mở cuốn sổ và lật ra phía sau, nơi có một xấp giấy riêng được kẹp lại: bốn phiếu thanh toán, mỗi phiếu có khoản khấu trừ được khoanh tròn bằng nét chữ vuông của bà, và bốn mẫu giấy trên loại giấy mỏng của Nhà Nếp Gấp. “*Sa pa tach. Sa e la tep.*” Loại băng dính họ dùng để giữ ống dẫn để lại trên vải bông một lớp keo xám không ra cả trong nước kiềm lẫn trong xà phòng tốt, và bà đã nói với họ như vậy. “*Le doka mo kanmem. Un sinkim. Kuatro fua.*”

Margaux đọc mẫu giấy trên cùng. Đó là một mẫu in với các chỗ trống được điền bằng tay.

NHÀ NẾP GẤP. KHUNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐỒ VẢI. Nhà cung cấp: O. Ferrand (htx). Kết quả: **BẢN, TRẢ LẠI ĐỂ GIẶT LẠI**. Khấu trừ áp dụng: một phần năm. Nhà Nếp Gấp trân trọng các nhà cung cấp của mình và cam kết đem lại tiêu chuẩn chăm sóc cao nhất cho mọi cư dân. Khiếu nại có thể gửi bằng văn bản tới Văn phòng Quan hệ Nhà cung cấp. Văn phòng Quan hệ Nhà cung cấp không tiếp khách.

“*Mo te skriva*” Orvelle nói. “*Kuatro let. Ti fi na lekol kanal te skriva le po mo na bon men.*” Bằng tiếng chuẩn, bằng nét chữ đẹp, thứ chữ mà các văn phòng đọc. “*Le te vena baka ave un tanpon ra pava đã nhận.*”

“*Tu veli ki mo fasa wani?*”

“*Tu ap fasa un dosye. Toti kanal sava ki tu ap fasa un dosye. Anvil ap manda wena la vye nonm te nika.*” Orvelle đặt lòng bàn tay phẳng lên bốn tờ phiếu. “*Tu meta reklamasyon di mo ladan. Reklamasyon di mo an peman di mo, la bagay ra le douva mo, kote nom di li. Pa na un tirak. Na dosye. Kote okenn mona ra leza su li leza su mo.*”

Ý bà là khoản đòi của bà, bên cạnh tên ông già: những gì Nhà Nếp Gấp nợ bà được ghi vào hồ sơ của Cái Đe, chứ không bị bỏ quên trong một ngăn kéo nào đó, để ai đọc về ông cũng sẽ đọc về bà.

Margaux nhìn bốn tờ phiếu. Cô cộng chúng lại mà không định thế; đó là một thói quen cô chưa bao giờ bỏ được. Các khoản khấu trừ cộng lại còn ít hơn giá chiếc áo khoác của cô. Cô biết điều đó và biết rằng Orvelle biết điều đó, và cô cũng biết, bằng cái phần trong mình đã lớn lên bên bàn ăn của bố, điều mình sắp bị cảm dỗ làm.

“Mo pu peya sa” cô nói. “Jodi. De kont di mo.”

“No.”

Orvelle nói câu đó không chút nóng nảy.

“Mo pa veli lajan di fi Abagnale” bà nói. “Mo veli lajan di Fold House, ra le douva. Mo veli ki li ekri ki le douva li. Si tu peya li, sa e un kado, an le toujou te doka mo, an nulan sava.” Bà ngả người ra sau. “An un bagay pi. Si mo dava tu liv sa an le manda mo apre wini te pran resi De La Rosa ye de kanal, mo veli pu pava un nom ra pa e di mo.”

Bà muốn tiền của Nhà Nếp Gấp, không phải tiền của cô gái nhà Abagnale, và bà muốn có văn bản ghi rằng Nhà Nếp Gấp nợ bà khoản ấy; trả từ tài khoản riêng của Margaux thì nó chỉ là một món quà, và Nhà Nếp Gấp vẫn cứ trừ tiền bà mà chẳng ai hay biết. Và nếu có ai đến hỏi ai đã mang những biên nhận De La Rosa rời khỏi con kênh, bà muốn có một cái tên để đưa cho họ mà không phải tên mình.

“Di mo” Margaux nói.

“Di tu. Na men di tu. Su souch. Ave fi ye ap mira.” Orvelle hất đầu về phía các thùng giặt, nơi động cơ vẫn quay và những người phụ nữ đều đã tìm ra cơ để làm việc ở đầu gần của nền bê tông. “Toti nom di tu. Pa un let. Pa un mak. Mona kom tu toujou tre atansyon po sinya ave un ti mak.”

Cả đời làm việc, Margaux vẫn ký bằng một dấu nhỏ. Đó là điều đầu tiên bố cô dạy cô về giấy tờ, năm cô chín tuổi, bên bàn làm việc của ông, bàn tay ông đặt lên tay cô: *một dấu thì có thể là của bất kỳ ai, còn tên đầy đủ là một cánh cửa con không đóng lại được*. Năm chín tuổi cô cho là ông khôn ngoan. Năm mười lăm tuổi cô hiểu ra rằng ông muốn nói đó là một cách sống. Cô đã tập quên nó suốt mười năm và chưa bao giờ xong.

Nếu Đội Canh đến con kênh, mà họ có thể đến, một tờ biên nhận có tên *Margaux Abagnale* sẽ nằm trên bàn bố cô trong vòng một ngày. Tuần trước ông đã khóa không cho cô vào sổ cái và bảo cô, bằng cái giọng ông dùng với nhân viên, rằng cô không được theo đuổi việc này thêm nữa. Cô đã cãi lời ông một lần khi mang dòng ấy đến Cái Đe. Lần ấy là chuyện riêng. Lần này thì không.

Orvelle đẩy một cây bút chì qua bàn.

Đó là một cây bút chì rẻ tiền của Quầy có một mặt phẳng để khỏi lăn, được gọt bằng dao. Margaux cầm nó lên. Orvelle xé một cuộn phiếu trắng ở cuối cuốn sổ và viết lên đó bằng nét chữ vuông của bà: *Nhận cho cuộc điều tra của Cái Đe, kèm khoản đòi của O. Ferrand về bốn lần khấu trừ chưa trả, Nhà Nếp Gấp, để ghi vào cùng dòng De La Rosa*, rồi ghi ngày, rồi xoay tờ giấy lại.

Margaux ký. Cô viết tên đầy đủ của mình bằng nét chữ tròn Tăng Tấn mà trường trên sàn đã dạy cô, rồi, vì cô thấy nó cần thế, cô viết thêm bên dưới *người đã hỏi*. Tay cô vững hơn cô cảm thấy.

Orvelle cầm cuộn phiếu, giơ lên cho những người phụ nữ bên thùng giặt nhìn thấy, rồi bỏ vào hộp đựng tiền. Rồi bà lấy Sổ Bốn, bốn tờ phiếu và bốn mẫu giấy, gói chúng trong một chiếc áo gối sạch lấy từ cái giỏ cạnh bàn, buộc bằng dây, và đặt vào tay Margaux.

“Dorel” Orvelle nói. “Dora deye di Fold House, la trap dra, su kote anba di pant. Dorel e du depi kloch kuatro. Pava ki mo te senda tu. Pava ki sa e su tep.” Bà đứng dậy. “An pava Dorel ki mo toujou ap lava. Chak sizim jou. Nenpot bagay ra vu fasa.” Ô cửa đồ vải ở phía sau Nhà Nếp Gấp, ở phía dưới con dốc, nơi có thể tìm thấy Dorel từ tiếng chuông thứ tư: Margaux phải nói rằng Orvelle đã gửi cô đến và rằng đó là chuyện bằng dính, và nói với Dorel rằng Orvelle vẫn đang giặt, cứ sáu ngày một lần, mặc kệ họ làm gì ở trên ấy.

Trên đường ra, người trẻ nhất trong số những người phụ nữ bên thùng giặt, Marisela Ocampo, người đeo một chiếc khuyên ở mũi, nói gì đó với những người khác bằng tiếng Kanak mà Margaux không nghe kịp, và họ cười. Margaux chỉ bắt được từ cuối cùng, là *úng*. Cô cũng cười. Cô phải đi hết chiều dài nền bê tông mới tới các bậc kềm, đôi ủng vang lên ở mỗi bước, và đến cuối thì nửa lán đã cười cùng cô.

* * *

Theo lời kể của Orvelle Ferrand, kể tại lán thùng giặt khi động cơ vẫn chạy; lá thư của Noémie Chauvin, mà bà cho Margaux chép lại.

Cứ sáu ngày một lần vào tiếng chuông thứ tư Orvelle Ferrand lại đặt bọc đồ De La Rosa lên lưng, và sáu ngày trước khi cô gái nhà Abagnale đến con kênh, bà làm việc đó như mọi lần: đồ vải gấp vào một tấm vải bạt tấm dầu vuông vức, buộc bằng dây chéo, một dây đai da vắt ngang trán và sức nặng dồn lên xương sống ở đúng chỗ mẹ bà đã dạy bà mang. Mười chín cân, nếu khăn tắm đã khô. Có lần bà đã cân nó trên cái cân của người mua cá cho biết và chẳng thích biết điều đó.

Bà đi lên từ con kênh theo bậc thềm Phường 9 trong bóng tối. Vào giờ ấy những bậc thềm thuộc về phụ nữ: những người mang vác đồ giặt với những bọc đồ, một nữ y tá đi lên một phòng khám trên sàn với chiếc vòng cổ trong túi lưới, hai cô gái đội trên đầu những khay bánh nướng khoai lang, và Madame Lirette già, người đã mang vác cho con kênh từ trước khi Orvelle ra đời, giờ chẳng mang gì nữa mà sáng nào vẫn leo lên các bậc thềm vì đôi chân bà không biết dừng lại thế nào. Họ chào buổi sáng bằng tiếng Kanak mà không nhìn nhau. Trên bậc thềm người ta không nhìn nhau. Người ta nhìn bậc thềm.

Đến cổng Phường 12 thì trời bắt đầu sáng. Ông dẫn Thập Phần thở trên đầu bà, một hơi kéo dài rồi một tiếng thịch, và một viên nang vọt lên với âm thanh như nút bần bật khỏi chai. Đội gác cổng đang bốc bánh hấp bằng tay mà ăn và cần nhần. Bà đi qua vòng mặt đường lún quanh cổng, những bờ vỉa đều nghiêng về phía ông dẫn như người ta nghiêng vào để nghe một bí mật, rồi đi lên những con ngõ chữ chi của con dốc với dây đai cửa vào trần và mồ hôi bắt đầu túa ra.

Trước cửa Nhà Nếp Gấp đã có hàng người xếp khi bà lên đến đỉnh. Lúc nào cũng thế. Những gia đình Tầng Giữa trong bộ quần áo tươm tất và những gia đình Vùng Bùn trong bộ đẹp nhất của mình, đứng dọc hàng rào sắt theo thứ tự đến, người cầm cặp hồ sơ, người chẳng cầm gì, người mang theo đồ ăn mà họ sẽ không được phép gửi lại. Cứ sáu ngày một lần Orvelle đi ngang qua họ trên đường vòng ra ô cửa đồ vải ở phía khu trung tâm, và qua nhiều năm bà đã quen biết một số người theo cách người ta quen biết những người trong một hàng chờ lính khẩu phần, qua chiếc áo, dáng đứng và việc họ đã bỏ cuộc hay chưa.

Noémie Chauvin chưa bỏ cuộc. Bà đứng thứ tư tính từ cổng trong một chiếc váy nâu đã được nói ra và bóp vào nhiều lần đến nỗi các đường may hiện lên như sẹo, hai tay ôm một cặp hồ sơ bằng bìa các tông trước ngực, và khi nhìn thấy Orvelle bà hất cằm lên, đó là việc bà làm thay cho vẫy tay.

“Anyen?” Noémie nói.

“Mo kava selman sa” Orvelle nói, như lần nào bà cũng nói. “Di la vye nonm. Mo te pava tu.”

“Tu pu manda kamra dra. Si gen un etikèt.”

“Mo te manda. Dorel pava ki la otra ye vena ave numero. Selman di li vena ave un nom.” Orvelle chỉnh lại dây đai trên trán. “Mo pa sava poukisa di li.”

Mọi bọc đồ khác lên phòng đồ vải đều mang một con số, Dorel nói vậy; chỉ bọc của ông già là mang một cái tên. Noémie gật đầu như thể đó là tin mới, dù Orvelle đã kể với bà đúng điều ấy suốt ba năm. Rồi, vì trời còn sớm, hàng chưa nhúc nhích và cổ Orvelle đau nhúc, Orvelle dừng lại, điều bà thường không làm, đặt bọc đồ xuống bệ đá của hàng rào, và Noémie mở cặp hồ sơ ra cho bà xem lá thư lần nữa.

Orvelle không đọc được nó. Bà biết nó viết gì vì Noémie đã đọc cho bà nghe hơn một lần, bằng cùng một giọng đều đều, như một người đàn bà đọc giá cả.

XEM XÉT QUYỀN LỢI HỘ GIA ĐÌNH. Sau việc an trí tự nguyện của CHAUVIN, Arsène vào chương trình Duy Trì (Năm 12), quyền lợi hộ gia đình của quý vị đã được điều chỉnh để phản ánh việc thành viên gia đình quý vị nay đã được chu cấp đầy đủ. Hộ gia đình lĩnh phần cho một thành viên đang an trí tạo thành việc lĩnh hai lần. Điều chỉnh: trừ một suất, có hiệu lực ngay. Khoản nợ phát sinh từ thời gian trước khi điều chỉnh sẽ được thu hồi từ các đợt cấp sau. Quỳ cảm ơn sự thông cảm của quý vị.

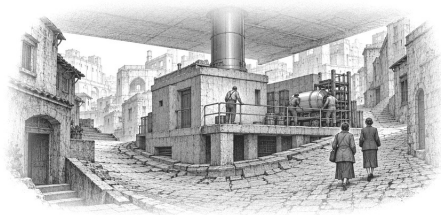
“Được chu cấp đầy đủ” Noémie nói, bằng thứ tiếng Anh của tờ giấy. “Siete ane. Mo ap peya rasyon di li de avan le te pran li. Dos ane pi, an mo ve fini peya toti.” Bà gấp cặp hồ sơ lại. “Le te pran li de hanga rasyon ra li te chaje. Li te havi diesinueve ane.” Nó bị một cơn ho mà họ bảo chương trình có thể chữa. “Le te dava mo un papye ave *tự nguyện* su li an mak di li anba, an la mak pa te korek.” Nó viết chữ A có một gạch ngang, giống bố nó. Dấu trên tờ giấy không có gạch ngang.

Bà đã kể với Orvelle về chữ A từ trước rồi. Orvelle để bà kể. Bà thấy rằng điều tối thiểu một người có thể làm, với bọc đồ dưới đất và hàng người không nhúc nhích, là đứng đó trong khi ai đó nói chuyện về chữ A.

“Fre di li te havi poumon kanni” Noémie nói. “Li te mouri na ane fièw. Nu te trova li un etajè, Canal Friends, da na Katye Nueve. Sa, mo pu vizite li.” Người anh em trai của Arsène, người bị phổi mốc và chết vào năm dịch sốt, có một ngăn ở Hội Bạn Kênh tại Phường 9, và ngăn ấy thì bà có thể đến thăm. Bà kẹp cặp hồ sơ trở lại trước ngực. “Tu sere pensa ki un mona sere kontan sava wena un di le e.”

Cổng mở. Một nhân viên mặc đồ xanh lá bước ra đọc bốn cái tên trong danh sách, không cái nào là Chauvin, và hàng người nhích lên bốn chỗ. Noémie nhích lên theo mà không ngoái lại. Orvelle đưa dây đai lên trán lần nữa, khụy gối rồi đứng dậy, với những tấm ga của ông già trên lưng và lớp keo băng dính xám trên những chiếc bao ống dẫn không

chịu ra trong nước kiềm, rồi vòng ra ô cửa ở phía khu trung tâm, nơi Dorel sẽ ký *D.* với nét móc, và từ đó, một tuần sau, khoản tiền của bà sẽ xuống dốc thiếu một phần năm, kèm một mẫu giấy ghi *bản*.



Bốn can một tuần

Theo lời thuật của Solène Lafitte; thông báo về dầu của Quầy, như được đọc to ở các sạp Phường 9, đối lấy một ngum từ mỗi cốc.

Solène đã không ngủ, và cô đã thôi đếm những đêm không ngủ khi con số lên đến bốn.

Cô gặp Margaux ở Dây Sạp Diếp Xoăn Phường 9 vào giờ xám trước cơn nóng ban ngày, buổi sáng sau hôm ở tiệm giặt, bên chiếc quầy dài dưới tấm bạt nơi các giao liên Phường 9 hay uống. Margaux kẹp bọc vỏ gối dưới cánh tay và mang một gương mặt Solène chưa từng thấy ở cô, một kiểu nhẹ bẫng bàng hoàng, như người vừa ngã khỏi một bức tường và thấy mình không hề hấn gì. Solène mua hai cốc mà không hỏi Margaux muốn gì và đẩy một cốc sang.

“Li te fasa tu sinyà” Solène nói, ý là Orvelle đã bắt Margaux ký nhận bọc đồ.

“Kouman tu sava?”

“Paske sa e Orvelle. Mita di kourè Pikan havi mama ra te lava ave li.” Solène uống. Cà phê diếp xoăn nóng bỏng và ngon, pha quá nhiều xi rô mía theo cách các sạp Phường 9 vẫn làm. “Li te fasa mama di mo sinyà po un nap maryaj un fua. Toti nom. Mama di mo te pali su sa pandan un ane.”

Đó là lần đầu tiên Solène nói *mẹ chị* trước mặt Margaux, ý là Yvonne, và cô nghe câu ấy rơi xuống mà không sửa lại. Margaux không nói gì về chuyện đó. Solène quý Margaux vì thế, một chút, sáng nay.

Họ đứng bên quầy đọc cuốn sổ, Solène lật trang bằng một ngón cái, cây bút chì đỏ gài sau tai. Những khoảng sáu ngày, những tập đóng mười hai tuần, cùng những số lượng trong cùng những cột. Cô đã mất mười năm đọc sổ sách cung ứng và biết một dòng vật tư tiêu hao đều đặn trông thế nào khi chỉ một người dùng, khác với một phường hay một phòng khám. Nó trông như thế này. Nó trông như một chiếc giường, thay mỗi ngày hoặc cách ngày, kèm khăn tắm thêm. Cô đọc dòng bao ống dẫn ba lần.

Quanh họ, Dây Sạp đang thức dậy. Mấy cậu bán cà phê đang khuôn nước. Ở đầu đường xa, một người đàn ông đang đọc to thông báo về dầu của Quầy cho những người không biết chữ, đối lấy một ngum từ mỗi cốc của họ. Ông đọc bằng chính giọng của Quầy, việc ông làm rất khéo, dễ nghe và chậm rãi:

THÔNG BÁO GỬI CÁC HỘ GIA ĐÌNH, PHƯỜNG 3 ĐẾN 12. Quầy cảm ơn cư dân đã kiên nhẫn trong giai đoạn điều chỉnh nguồn cung. Phân bổ dầu ăn cho quý hiện tại đã được đáp ứng đầy đủ trên số cái các phường. Việc giao hàng thực tế được hoãn lại trong khi chờ rà soát nguồn cung. Cư dân được nhắc nhở rằng hấp là phương pháp truyền thống và có lợi cho sức khỏe, giữ trọn chất bổ của bánh tảo. Tích trữ, bán lại và trao đổi dầu không chính thức làm tổn hại sự công bằng cho tất cả mọi người.

Khi ông đọc đến *hoãn lại trong khi chờ và soát nguồn cung*, người phụ nữ bên cạnh ông nói một câu tục tĩu đến mức cả quầy reo hò, và khi ông đọc đến *có lợi cho sức khỏe*, một người đàn ông ở cuối quầy ném một cái bánh hấp vào bảng thông báo và nó dính lại. Sập chiền sau tám bát nguội lạnh, như mọi sập chiền ở các phường phía hồ. Chủ sập đã treo một tấm thẻ viết tay: *CHỈ HẤP CHO TỚI KHI CÓ DẦU. ĐỪNG HỒI*. Người ta vẫn hỏi. Đó là chuyện chính ở mọi quầy trong Dây Sập Diếp Xoăn, đã thế chín ngày nay, và sẽ còn thế cho tới khi dầu về.

Solène có hai can dầu ở Cái Đe. Hai can, được nhả ra tại một quầy bởi một người thư ký đã ký bỏ phần còn lại trong quyền nhận của cả hộ để dứt một cuộc cãi vã, và Solène đã đến muộn bốn phút nên không ngăn được bà, và sau đó đã nói với Cora ngoài phố những điều cô không rút lại và không nhắc lại. Cô nghĩ về hai can dầu mỗi lần đi ngang một sập chiền nguội. Đó là rất nhiều lần.

“La rut” cô nói.

Margaux trải lên quầy một tấm bản đồ vẽ tay, xé từ sổ tay của cô. Tiệm giặt bên con kênh Phường 9. Con dốc lên Tầng Giữa, vốn không phải một con dốc duy nhất mà là một cầu thang gồm những con phố, đường dốc và ngõ bậc thang leo từ những lòng chảo phía hồ về phía dải gò. Nhà Nếp Gấp gần đỉnh, ở phía trung tâm, ngay dưới chỗ các cửa hàng có giấy phép của Tầng Giữa bắt đầu. Giữa hai nơi là cổng Thập Phân Phường 12.

“Orvelle kava dra ye monta ave men” Margaux nói. “Li pasa devan potay. Li pava ki trafik kapsil nika na direson otra.”

“Monta Line a dek ye.”

“Monta an desanda. Kay kura risiva provizyon di le de dek. Klinik dek senda la bagay ra Labou pa pu fasa.” Margaux nhìn Solène. “Mo veli viza la bagay ra antra na Fold House. Pa selman la bagay ra soti na lesiv.” Tuyến chạy cả hai chiều, và hàng tiếp tế theo nó đi xuống tới các nhà chăm sóc; Margaux muốn xem những gì đi vào Nhà Nếp Gấp, chứ không chỉ những gì đi ra từ tiệm giặt.

Solène uống hết cà phê diếp xoăn, đặt xuống một xèng cho cả hai cốc và một xèng nữa cho người giao liên ở cuối quầy, một cô bé chừng mười bốn tuổi đeo dải ruy băng của Gai ở cổ tay, nãy giờ vẫn lắng nghe mà không ra vẻ đang nghe. “Pava Anvil ki nu e su pant” Solène nói với cô bé. “Pava Lena midi. Si nu pa vena baka, Fold House.” Cô bé gật đầu và đi, nhanh, xuôi con ngõ về phía Phường 7, lời nhắn đã sẵn trong miệng: con dốc, Lena lúc giữa trưa, và Nhà Nếp Gấp nếu họ không quay về.

* * *

Theo lời thuật của Solène Lafitte; lời kể của Bao-Nguyen Clement, kể bên lan can nền bốc hàng.

Cổng Thập Phân Phường 12, khi họ đến nơi lúc hơn bảy giờ một chút, là một ngôi nhà bê tông thấp lùn xây quanh chân một ống trục. Ống trục đi lên từ mái nhà vào bụng tám sàn gần nhất, một ống thép rộng bằng một khung cửa, bọc composite màu xám, và có thể nghe thấy nó thở: một hơi kéo dài, một tiếng thịch, một hơi kéo dài, khi các máy bơm đẩy không khí và các viên nang đi lên rồi đi xuống. Mặt đất quanh cổng đã lún. Có thể nhìn thấy điều đó: các bờ vỉa nghiêng về phía ống trục, mặt lát của con ngõ sứt thành bậc và nứt thành một vòng tròn, một khung cửa bên kia đường đã được nâng lên ba lần mà vẫn thấp hơn mặt ngõ.

Bao-Nguyen Clement đứng trên nền bốc hàng trong chiếc áo ba lỗ, đeo dây thề của Quầy quanh cổ và chiếc đai đỡ lưng của người bốc vác cài ngang bụng. Ông biết Solène. Ai ở các cổng Thập Phân cũng biết Solène, vì Gai chuyển thuốc qua ba trong số các cổng ấy và trả công người bốc vác bằng những ân tình đáng giá hơn xềng. Ông bước ra lan can và tựa vào đó.

“Komandan” ông nói, một câu đùa, vì chẳng ai ở các cổng dùng chức danh. “Tu neda wani?”

“Fold House. La bagay ra desanda po le.”

Ông liếc nhìn Margaux, đôi ủng của cô, chiếc áo khoác của cô, rồi quay lại Solène, và đưa ra một quyết định. Solène nhìn ông quyết định và biết ơn vì ông đã quyết định theo cách ấy.

“Provizyon kura” ông nói. “Chak jou. Gaz, gan, tiyo lon an woulo, tochon. Chofè. Katouch chofaj.” Ông ngừng lại. “An luil. Ti kanis ble, luil chofaj. Kwarto kanis po semen, markari Continuance Desk, po Fold House chercha, ne.” Ông kết câu bằng tiếng đệm của chợ, cái nhắc giọng nhỏ mà tiếng Việt của bà ông đã để lại trong tiếng Kanal của gia đình. Bốn can một tuần.

Solène cảm thấy Margaux lặng người bên cạnh mình.

“Semen sa” Solène nói.

“Semen sa. Semen pase. Chak semen ra mo te travaya potay sa.” Bao-Nguyen nhún vai. “Toti katye ap manja gato vapè. Continuance Desk risiva kwatro kanis po semen via Line kom si sa e anyen. Mo te remake, ne.” Ông nhìn ống trục, nhìn giá viên nang, nơi một tốp thợ đang dỡ một viên nang trả về chứa đồ rỗng. “Mo remake bokou bagay. Le manja pi pouason mes sa laro. Meno sorgo. Kekmoun su dek lès te jeta kuarenta kapsil bon dra markari po jeta mes pase, blan kom dan.” Lần đầu tiên ông mỉm cười. “Fi di mo ap marya na sezon sek. Tu sipoze viza rob di li, ne.” Con gái ông sẽ lấy chồng vào mùa khô, và Solène nên xem chiếc váy.

“Konpliman” Solène nói, và cô nói thật lòng, và ông nghe ra cô nói thật lòng.

“Luil chofaj” Margaux nói, khi họ đã trở lại con ngõ. Cô nói khẽ. “Po lanklo. Li su la liy. Mo te leza li. Mo te leza li kom un liy.” Tài khoản chăm sóc đã ghi *dầu sưỡi buồng kín* ở dòng của Étienne, và Margaux đã đọc nó ở đó như thêm một dòng nữa.

“Sa e un liy” Solène nói.

Cô giận, và cô chưa biết giận ai. Giận Quầy, nơi đã bảo Phường 7 rằng dầu được hoán lại trong khi chờ rà soát nguồn cung. Giận Phòng Duy Trì, nơi nhận bốn can một tuần.

Giận Cora, người đã ký nhận hai can. Giận chính mình, vì dưới cơn giận là một ý nghĩ cô không thể ngừng nghĩ: rằng đầu trong những can xanh lam đang giữ ấm cho ông, và rằng cô mừng. Cô bước lên dốc và để hai điều ấy nằm cạnh nhau trong mình, và không điều nào nhường điều nào.

* * *

Theo bản tường thuật của Dorel, được ghi lại hai lần, một lần bởi Solène Lafitte bằng bút chì đỏ và một lần bởi Margaux Abagnale, rồi được đọc đối chiếu với nhau.

Nhà Nếp Gấp, gần đỉnh dốc ở phía trung tâm, là một tòa nhà bốn tầng bằng gạch nhạ màu với cửa chớp xanh lục, lùi khỏi con ngõ sau một hàng rào sắt có biểu tượng tấm vải gấp được rên vào cánh cổng. Nhìn từ phía trước, nó trông như một phòng khám. Nó có bậc thềm trước, tấm biển đồng, một hàng các gia đình Tầng Giữa ăn mặc tươm tất đang chờ gặp ai đó về một người thân. Margaux bắt đầu bước về phía cổng. Solène nắm khuỷu tay cô và xoay cô rẽ xuống con ngõ bên, về phía trung tâm, nơi hàng rào nhường chỗ cho một bức tường gạch và bức tường có một bến bốc hàng và bến bốc hàng có một ô cửa.

Ô cửa là một cánh cửa gỗ chia đôi với nửa trên để mở. Một cái chuông treo bên cạnh trên một giá đỡ. Phía sau là một căn phòng dài và thấp, xếp kín kệ, và trên kệ là những tấm ga, gấp và chồng lên nhau, thành từng bọc buộc dây, mỗi bọc có một nhãn giấy. Căn phòng có mùi vải bông sạch và nước xút, và thoang thoang một mùi khác mà Solène biết từ phòng khám của Cái Đe và thoát đầu không gọi được tên, rồi gọi được: mùi cao su ngòn ngọt của ống y tế.

Solène rung chuông.

Người ra ô cửa thấp và mảnh, tóc xám cắt sát, đeo kính gọng thép có một bản lề được buộc lại bằng chỉ, và mặc một chiếc tạp dề vải lanh dài bên ngoài áo blu của Nhà Nếp Gấp. Dorel gài một cây bút chì sau một bên tai, có những vết chai của người xâu nhãn trên cả hai ngón cái, và nhìn Solène, rồi nhìn Margaux, rồi nhìn bọc vỏ gối dưới cánh tay Margaux, có nút buộc của Orvelle trên đó.

“Li te senda tu” Dorel nói.

“Su tep” Margaux nói.

Dorel nhìn cả hai thêm một lúc rồi mở nửa dưới ô cửa và lùi lại. “Andedan. Pa da.”

Phòng đồ vải chạy suốt chiều sâu tòa nhà. Ở đầu đằng xa có một chiếc bàn đặt dưới cửa sổ mái, và trên bàn trải phẳng một tấm ga, và một ngọn đèn, và một kính lúp trên giá, và một cái chậu, và một khay bàn chải nhỏ và một chai dung môi. Dorel đi tới bàn và xoay đèn cho nó rọi sáng tấm ga.

“Mira” Dorel nói.

Solène nhìn. Đó là một tấm ga phẳng, sạch, đã là, một trong những tấm của Orvelle. Đọc một cạnh dài, cách mép một bàn tay, chạy một đường xám mờ, một vết bẩn, một lớp keo, như thể ai đó đã dán một dải băng dính lên vải bông rồi bóc ra. Bên cạnh, mờ hơn, một đường thứ hai. Dưới kính lúp, màu xám nằm trong sợi dệt như bụi trong vết thương.

“Adezif” Dorel nói. “De pansman sikui. Tiyo soti de anch drèt. Le tepe li kote li traversa korp, an tep la tonba su dra kan le vira la nonm.” Ông dẫn đi ra từ hông phải của người đàn ông, và băng gạc dán giữ nó ở chỗ nó vắt ngang qua người ông, và khi ông được trở mình

thì bằng dính bong ra dính lên tấm ga. Keo không bao giờ ra. Dorel đã thử mọi cách, đã báo với văn phòng, và văn phòng ghi *ó bần* rồi trừ tiền tiệm giặt, “paske biwo havi un bidjè, an lesiv e sèl liy ladan ra pa pu diskite.” Văn phòng có ngân sách, ý Dorel là vậy, và tiệm giặt là dòng duy nhất trong đó không thể cãi lại. Dorel đặt kính lúp xuống. “Mo kontan ki li te senda tu. Mo pa kontan su okenn bagay otra.”

“Tu te pava *la nonm*” Solène nói.

“Etikèt ye pava *De La Rosa*. La rob ye koupe lon. Sak zoreye vena baka ave cheve gri su le. Kout. Kek blan.” Nhân ghi *De La Rosa*; áo choàng được cắt dài; vỏ gối gửi về có tóc xám dính trên đó, ngắn, vài sợi bạc trắng. Dorel tháo kính ra và xoa sống mũi. “Mo janmen viza li. Mo veli ki tu sava sa avan tu manda. Mo janmen viza li, an mo janmen desanda anba planche sa.” Dorel chưa bao giờ thấy ông, và chưa bao giờ xuống dưới tầng này, và muốn họ biết điều đó trước khi họ hỏi.

Bàn tay Solène đã nắm lại. Cô mở nó ra. Những vết lười liềm vẫn ở đó trong lòng bàn tay, chỗ móng tay cô đã bấm, bốn vết, màu hồng, và cô đặt bàn tay phẳng lên mép bàn.

“Pava mo la bagay ra tu sava” cô nói. “Toti bagay ra tu te viza. Mo gon skriva li.”

Dorel kể cho cô, và cô ghi lại, bằng nét chữ sổ sách nhỏ và cứng của mình với cây bút chì đỏ, lên mặt sau ba trang giấy của Orvelle, và Margaux ghi lại lần nữa vào sổ tay của chính cô, và sau đó cả ba đọc đối chiếu hai bản với nhau, và chúng khớp.

Đồ vải đi xuống cứ sáu ngày một lần. Dorel phân loại, gắn nhãn, rồi đặt lên một thang tải đồ ở cuối phòng, một chiếc hộp thép treo trên dây cáp trong một ống trục, và gửi xuống bằng một lần giật dây chuông. Thứ đi lên trở lại, một hai ngày sau, là đồ vải đã dùng, đóng bao, nhãn vẫn còn nguyên. Dorel mở bao, đếm, phân loại để giặt. Số lượng chưa hề thay đổi trong sáu năm Dorel làm ở phòng này. Một chiếc giường, thay hằng ngày, ga lót thay hai lần. Khăn tắm. Áo choàng. Những bao ống dẫn, gửi về với keo băng dính trên đó và đôi khi một vết nâu nhỏ của máu cũ ở một đầu, không bao giờ nhiều. Những tấm ga trở về có mùi ẩm, khô, khô vì hơi sưởi, như mùi ga trải giường trong một căn phòng kín được giữ ẩm cho một người không thể tự giữ ẩm cho mình.

“An la model” Dorel nói. “Kouman le dormi ladan.” Đó là điều Dorel đã nghĩ tới, suốt một thời gian dài, trước khi biết bất cứ điều gì khác: ai đó nằm trên một chiếc giường mỗi đêm sẽ làm mòn tấm ga theo một cách nhất định, một bên vai chỗ này, một bên hông chỗ kia, và sau một thời gian người ta thấy điều đó trong sợi dệt, chỗ vải mỏng đi. “Di mo, na kay, mo dormi su goch. Dra di mo ize su goch.” Dorel xòe một bàn tay trên tấm ga phẳng trên bàn. “Di li ize su un kote selman. Goch, an do. Janmen drèt. Seis ane. Kekmoun vira li. Le janmen vira li su drèt.” Sáu năm mòn ở bên trái và ngang lưng, và chưa bao giờ bên phải: có người trở mình cho ông, và không bao giờ cho ông nằm nghiêng bên phải.

“La anch” Margaux nói.

“Tiyo a e na anch drèt. Tu pa pu kouche su li.” Bàn tay Dorel di trên vải bông. “Sa e toti sa mo sava. Mo sava ki li cho. Mo sava ki li prop. Mo sava ki kekoun vira li, dos fua po jou almeno. Mo sava ki li senyen un ti kras kote liy la antra. Mo pa sava si li reveye. Mo pa sava si li rekonet okenn mona. Mo pa sava si li pali. Mo pa sava wena asansè nika. Li desanda. Pui a pi vye pase batiman sa.” Ấm, sạch, được trở mình ít nhất hai lần một ngày, chảy máu một chút chỗ đường ống đi vào: chừng ấy Dorel biết. Ông có tỉnh không, có nhận ra ai không, có nói không, Dorel không biết, cũng không biết thang tải đồ đi đâu, ngoài việc nó

đi xuống, trong một ống trục cũ hơn cả tòa nhà. Dorel đã hỏi một lần, và văn phòng bảo đó là ống trục công vụ và đó là tất cả những gì Dorel cần biết. “An le te korek. Sa e toti sa mo neda. Mo e dra.” Dorel đeo kính lại. “Mo e dra, an mo ap pliye dra di li depi seis ane, an nulan janmen vena a trap sa an pava nom di li for, tanka tu.” Sáu năm gấp ga cho ông, và chưa ai đến ô cửa và nói to tên ông trước họ.

Một lúc không ai nói gì. Ngọn đèn kêu rì rì. Qua cửa sổ mái vòm vào tiếng Tầng Giữa bắt đầu một ngày, một chiếc xe đẩy, một cửa chớp hiệu buồn kéo lên, ai đó tập gam trên một cây kèn trumpet, sai, cùng năm nốt ấy, lặp đi lặp lại.

“Mo douva manda tu” Solène nói. “Continuance Desk. Ke li e da?”

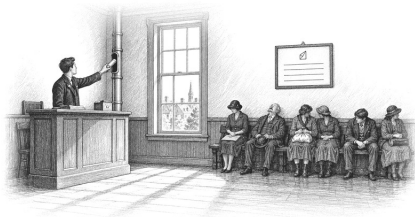
“Devan kay. Dosim eta. Le pran demann.” Miệng Dorel tạo thành một hình dạng chưa hẳn là nụ cười. “Fami ye vena chak jou. Le manda. Le risiva fom.”

“Mo te leza fom ye” Solène nói. “Un fanm su Cistern Row havi un etajè plen.” Vessa: Solène đã thấy bà ở quầy của Teodor mỗi tuần suốt một năm, ở cùng một chỗ trong hàng, với cùng một tập hồ sơ. “Un fami douva e wani po risiva kekchoz ra pa e un fom?”

Dorel nhìn cô một lúc lâu. “Enskri” Dorel nói. “Fami pre na rejistri katye, na liv, ave un kay.” Đã đăng ký, ý Dorel là vậy: thân nhân gần được ghi vào sổ hộ tịch phường, trong sổ, có một hộ. Đó là thứ mà các gia đình ở phía trước không có. Họ đến từ khắp nơi, và một nửa trong sổ họ đã bị Đội Canh đăng ký là độc thân, không hộ, trước khi bắt họ đi. “Espre, mo pensa.” Cố ý, Dorel nghĩ. Một quãng lặng. “Ke li na un kay?”

Solène nghĩ đến trang hộ tịch của Cái Đe, trang cô đã đọc nhiều lần đến mức nhắm mắt vẫn thấy. *De La Rosa, Étienne: vắng mặt, tình trạng không rõ*. Bên dưới, *De La Rosa, Marcel: con trai*. Và dưới nữa, từ tuần trước, bằng nét chữ thư ký cẩn thận của Teodor Asante: *Nox: con trai; thành viên hộ trở về*.

“Li havi dos fis na liv” cô nói.



Một người con trai được thăm

Theo phiếu thăm của Phòng Duy Trì, làm hai liên; sổ tay của Margaux Abagnale; lời thuật của Solène Lafitte.

Phòng Duy Trì chiếm một gian phía trước trên tầng hai, có một cửa sổ cao, một cái quầy, một băng ghế cho các gia đình, và một ống khói nện ở góc phòng chạy xuyên lên trần. Người thư ký sau quầy là một thanh niên Tăng Tấn, giọng nhỏ nhẹ, trên ve áo cài một chiếc ghim hình tấm ga gấp. Tấm biển tên của anh ghi *A. Vautrin*. Anh nhận đơn của Solène mà không nhìn vào mặt cô, trên một tấm phiếu in sẵn, làm hai liên, và bảo cô viết tên những người thân được đăng ký, và cô viết, *Marcel De La Rosa* và *Nox*, và bên dưới, với tư cách chủ hộ, *Yvonne Celestin*, và bên dưới nữa, vì tấm phiếu đòi một thành viên trong hộ đi kèm, tên của chính cô.

“Một người con trai được thăm,” Vautrin vừa đọc vừa nói. “Cùng một thành viên trong hộ. Phòng sẽ quyết định người nào.” Anh cuộn tấm phiếu lại, bỏ vào một viên nang, rồi bỏ viên nang vào ống dẫn. Nó vọt lên với một tiếng như tiếng ho. “Nếu Phòng đồng ý, bà sẽ nhận được lịch hẹn. Nếu không, bà sẽ nhận được một tờ mẫu đơn.” Anh đan hai tay vào nhau. “Phần lớn mọi người nhận được mẫu đơn.”

“Bao lâu?”

“Còn tùy.”

Trên tường phía trên băng ghế treo một tấm thẻ đóng khung màu xanh lá nhạt của Phòng, trên cùng in hình một tấm ga gấp:



LỜI CAM KẾT CỦA CHÚNG TÔI VỚI CÁC GIA ĐÌNH. Phòng Duy Trì cam kết công khai trong mọi vấn đề không thuộc diện hạn chế. Phúc lợi của người thân quý vị là mối quan tâm chung của chúng ta. Mọi yêu cầu đều được đọc. Mọi yêu cầu đều được hồi đáp. Địa điểm an trí không được tiết lộ, vì sự thoải mái và tính liên tục của người được an trí.

Họ ngồi xuống băng ghế bên dưới tấm thẻ. Các gia đình trên băng ghế nhích ra nhường chỗ mà không nhìn họ. Một người phụ nữ mặc chiếc váy xanh lam tươi tắn cầm một tập hồ sơ trên đầu gối bằng cả hai tay. Một ông già đã ngủ gật, miệng há ra. Margaux ngồi với cái bọc vỏ gối trên đùi, hai chiếc ủng đặt phẳng trên sàn, và không cựa quậy, điều mà Solène

chưa từng thấy cô làm được bao giờ. Có một lần, Margaux thò tay vào túi lấy ra một viên kẹo gói giấy, mời Solène một nửa, và Solène cầm lấy. Đó là kẹo Tăng Tấn, vị sung và một thứ gì đó đắng. Cô ăn chậm rãi.

Chỉ hơn một tiếng đồng hồ. Cái ống ho lên. Vautrin lấy viên nang ra, mở tấm phiếu và đọc, hai lần, rồi ngẩng lên nhìn Solène với một vẻ mặt mà cô nghĩ là ngạc nhiên thật sự.

“Booked” anh nói. Anh viết lên một mảnh phiếu, đóng dấu, rồi đưa qua quầy.

CHẤP THUẬN CHO THĂM. Hai người: De La Rosa, Marcel (con trai); Lafitte, Solène (thành viên trong hộ). Có người áp giải. Có mặt tại Nhà Nếp Gấp, sân dưới, tiếng chuông thứ sáu, ngày kia. Không mang dụng cụ. Không mang thức ăn. Đồ đạc được giữ tại bàn. Thời lượng do nhân viên chăm sóc quyết định. Địa điểm không được tiết lộ.

Solène đọc ba lần. Ở dưới cùng có một dấu mà cô không nhận ra, một con dấu có một con số và ba chữ cái, và bên dưới nó, viết bằng bút chì, chữ ký tắt của người nào đó đã duyệt trên lầu.

“Địa điểm không được tiết lộ,” Margaux đọc qua vai cô.

“Họ sẽ đưa bà đi,” Vautrin nói. “Từ sân. Việc vẫn làm như thế.”

Solène gấp mảnh phiếu một lần rồi cất vào túi trong áo sơ mi, ngay trên tim, một chỗ ngó ngàng để cất nó và chính là chỗ cô muốn. Cô đứng dậy. Chân cô đã thấy lạ đi vì ngồi băng ghế.

Xuống dưới nhà, đến ô cửa đồ vải trên đường ra, cô dừng lại. Dorel đang ở bên chiếc bàn dưới ô cửa trời với một tấm ga khác trải ra, một cây bàn chải, và dung môi, đang xử lý một vết xám mãi không chịu bay.

“Chúng tôi có lịch hẹn rồi,” Solène nói qua ô cửa.

Dorel đặt bàn chải xuống, đi đến bên cánh cửa lửng và nhìn cô. “Ko tu ve viza li avan mo” Dorel nói. “Pava li ki dra ye e de Orvelle. Li sere veli ki li sava.” Ý Dorel là Solène sẽ được gặp ông trước khi Dorel kịp gặp; cô nên nói với ông rằng những tấm ga ấy là từ Orvelle, vì ông sẽ muốn biết.

“Mo pa sava si li ve sava anyen.”

“No” Dorel nói. “Mo nonpli. Pava li kanmem.”

Trên con dốc đi xuống, cái nóng đã bốc lên và các ngõ đông nghịt người. Họ đi qua cổng Thập Phần, đang thở, rồi qua Dây Sạp, nơi người đàn ông kia vẫn đọc tờ thông báo về dầu cho bất cứ ai chịu mua cho ông ta một ngụm, và đến chân bậc thang Phường 9, Solène nhận ra Margaux đã dừng bước và đang đứng ôm cái bọc trước ngực, mắt nhắm lại.

“Tu te sinya nom di tu” Solène nói.

“Yo.”

“Li ve viza li.” Marcel sẽ được gặp bố anh.

“Mo sava.” Margaux mở mắt. “Mo te veli. Mo pa te sava ki mo te veli tanka mo te fasa li.” Cô bật cười, run run. “Fanm lesiv ye te rira su bot di mo.”

“Toti mona rira su bot di tu.”

“Mo sava sa osi” Margaux nói, và họ đi đường vòng về nhà dọc theo con kênh, nơi thứ thời tiết trắng của tiệm giặt treo trên xà nhà phía trên mặt nước và một trong những người phụ nữ bên thùng giặt thấy họ đi ngang qua và giơ một cánh tay đỏ lên, và Margaux giơ tay đáp lại.

* * *

Theo lời thuật của Solène Lafitte; của Lena, được kể với điều kiện chữ ấy được giữ lại còn nghĩa của nó thì để ra ngoài.

Đêm ấy trên mái Cái Đe, quá mười một giờ một chút, Solène ngồi trên chiếc ghế dài đóng từ một cánh cửa, mảnh phiếu hẹn đặt trên đầu gối mà không đọc, vì cô đã thuộc lòng, còn Lena nằm dài trên phần còn lại của chiếc ghế, gối đầu lên đùi cô, khẩu súng ngắn đặt trên mái gối trong tầm tay, chỗ nó vẫn luôn nằm.

Khu vườn trên mái thờ quanh họ trong bóng tối. Bốn mươi nửa thùng gỗ trồng ớt và mướp đắng, cây sung với sáu quả của nó, mà Junie đếm mỗi sáng và báo cáo trong bữa sáng như thể chúng là bệnh nhân. Cái nóng chưa dịu. Vào mùa nóng ẩm nó không bao giờ dịu; nó chỉ nằm xuống. Xa ngoài những cái bụng xám của Tầng Tấn, Hồ là một màu tối sẫm hơn với vài ngọn đèn xuống trên mặt nước, và đầu đó bên phố Palmer đứa con của nhà Theriot đang khóc, mỏng và giận dữ, tiếng khóc của một đứa trẻ mười ngày tuổi chưa ai kịp bảo cho biết thế giới vận hành ra sao.

“Hai người,” Lena đọc, bằng thứ tiếng Anh của mảnh phiếu. “Có người áp giải. Không mang dụng cụ. Không mang thức ăn.”

“Tu te leza li.”

“Tu te lasa li su mesa ave kreyon wouj anlè. Konsa tu lasa bagay ra tu veli ki mo leza.” Lena ngược lên nhìn cô. “Mo gon macha ave tu tanka eskalye Katye Nueve.”

“La papye pa pava anyen su eskalye.”

“Poutet sa mo gon macha ave tu tanka le.”

Solène đặt tay lên tóc Lena. Cô đã biết Lena nhiều năm và đã yêu Lena trong phần lớn những năm ấy mà vẫn thế, có những đêm, cô thấy lạ rằng mình được phép làm điều này, đặt tay lên đầu một người khác trong bóng tối và để yên nó ở đó. Ở Gai, Lena là người đứng ở các ô cửa. Bên bảng trong ngày, Lena cãi với cô trước mặt các trưởng ban, thua cũng nhiều như thắng, và chưa một lần để giao liên nào thấy rằng họ về nhà cùng nhau. Trên này không điều gì trong số đó còn giữ được. Trên này Lena nằm gối đầu lên đùi cô và để cô là người canh gác.

“Mo pa sava ki bagay mo gon pava li” Solène nói.

“Ke li audi?”

“Dorel pa sava. Nulan sava. Dra di li ize su goch.” Cô nghe giọng mình lạ đi ở chữ *trái*. “Le vira li chak dos lè. Kekmoun ap vira li chak dos lè depi onse ane, Lena, an mo te na tablo jou ap mova farin.”

“Tu pa te sava.”

“Kekmoun te sava. La nonm ra te elve mo e un liy na un rejis kura, an luil kizin di katye desanda Tithe Line po chofo kamra di li, an mo te kanpa na potay so matin sa, an mo te kontan.” Cô dừng lại. “Mo te kontan su luil. Kuatro kanis po semen, an toti katye ap manja vapè, an mo te kontan.” Mừng vì ông được ốm.

Lena im lặng một lúc. Dưới ngó có ai đó đang đi về muộn, hát theo nhịp bơm, dở tệ. Một con cú muỗi bay qua, thấp, để lộ những vạch trắng trên cánh, rồi thêm một con nữa, sẵn muỗi phía trên các mái nhà. Solène nhìn chúng bay đi.

“Cora te sinyà po dos kanis” cuối cùng Lena nói, “po la sterilizatè brila semen sa. Deska risiva kuatro po semen po un nonm pu deme cho. Tu fache ave un po fasa li, an tu rekonesan ave la otra.” Lena với tay lên kéo bàn tay Solène xuống đặt lên tim Lena. “Tu pu e le dos. Tu pa pu tena rankin ave Cora touletan an kita Deska lib.” Cora đã ký nhận hai can để máy tiết trùng của phòng khám có thể đốt được trong tuần ấy; Phòng nhận bốn can mỗi tuần để giữ ấm cho một người đàn ông. Ý Lena là Solène giận người này và biết ơn người kia, và cô có thể vừa giận vừa biết ơn, nhưng cô không thể ôm mỗi hận với Cora mãi mãi trong khi để Phòng nhờn như vô can.

“Mo pa te kita Deska lib.”

“Tu apèn pali ave Cora depi kontwa.”

Solène không đáp lại câu ấy. Cô cảm thấy tim Lena dưới lòng bàn tay mình, chậm và đều, tim của người đang ngủ, và cô nghĩ đến bàn tay Marcel đưa lên ngực cả trăm lần mỗi ngày, và đến một cổ máy trên chiếc xe đẩy bên hông phải của một người đàn ông cô chưa gặp lại từ năm mười bảy tuổi, đang làm công việc của một trái tim thay ông. Cô nghĩ đến mảnh phiếu trên đùi. *Thời lượng do nhân viên chăm sóc quyết định.*

“Pava li kanmem” Lena nói. “Nenpot bagay ra tu pava li. Pava li si li audi oswa no. Ko li pava. Tu pu meta li na rejis di tu: *Đã nói.*” Nói với ông bất cứ điều gì cũng được, dù ông có nghe hay không; thế là điều ấy đã được nói ra, và cô có thể ghi nó vào sổ của mình.

“Sa e un bagay terib po meta na un rejis.”

“Sa e sèl kalite bagay ra vo la papye.” Lena ngồi dậy, chậm rãi, xoay người trên chiếc ghế cánh cửa cho vai hai người chạm nhau, và nhìn ra những ngọn đèn xuống. “Vena dormi.”

“Apre un ti tan.”

“Midi” Lena nói.

“Midi” Solène nói, và họ ở lại trên mái cho đến khi đứa con nhà Theriot nín khóc, rồi cho đến khi nó lại khóc, rồi họ đi xuống.

* * *

Theo lời thuật của Solène; ghi chép chăm sóc của Esvane; điều Marcel nghe được từ tú chuyện tiếp.

Yvonne gói cái bát trước khi trời sáng vào buổi sáng ngày thăm. Solène xuống bếp Cái Đe và thấy bà ngồi bên bàn với nó: một cái bát men trắng viền xanh lam sứt mẻ, cái bát Étienne đã ăn mỗi sáng trong những năm ông sống ở Cái Đe, đã nằm trên chiếc kệ cao sau lọ muối suốt mười một năm vì không ai chịu dùng và không ai chịu cất đi, và Yvonne lau nó mỗi thứ Năm. Bà đã lấy nó xuống, rửa và lau khô, và đang gấp tấm khăn bát của ông quanh nó, một mảnh vải bông đỏ đã phai có một góc mạng lại, dùng bàn tay đầy sẹo giặt các mép vải xuống dưới.

“Le te pava pa manje” Solène nói.

“Li vid.” Yvonne buộc tấm khăn bằng một dải cùng màu đỏ. “Dava li a Marcel. Li sipoze kava li.”

“Le ve pran li na deska. *Đồ đạc được giữ.*”

“Ko li ve lana li anlê” Yvonne nói, “an li ve te e du.” Thì nó cũng đã ở đó.

Solène không cãi. Cô đặt lòng bàn tay lên nút buộc một lúc, điều cô vốn không làm, và Yvonne để yên, điều Yvonne cũng vốn không làm. Rồi Marcel xuống trong chiếc áo sơ mi sạch, tóc ướt, tay đã đặt lên ngực, như mỗi khi anh cố không cự quậy, và Yvonne đưa anh cái bát, và anh cầm nó bằng cả hai tay như cầm một thứ có thể sánh ra ngoài.

Họ đi lên dốc trong bóng tối, Lena đi phía sau đến tận bậc thang Phường 9, nơi Lena dừng lại, vì lịch hẹn ghi hai người và Lena không định cho bất kỳ ai ở Nhà Nếp Gấp một cái cốc. Lena hôn nhanh lên một bên đầu Solène, và nói “Midi” và Solène nói “Midi” và cả hai đều biết điều đó chẳng có nghĩa gì về giờ giấc.

* * *

Theo lời thuật của Marcel De La Rosa; của Nel, vốn sửa lại lời thuật ấy ở chuyện ai đã thắt cái nút.

Đêm trước ngày thăm, quá mười giờ một chút, Marcel ngồi ở mép chiếc giường hẹp trong căn phòng trên cùng của Cái Đe, đồng xu trong lòng bàn tay và mảnh phiếu hẹn trên gối bên cạnh, và đọc lại mảnh phiếu dưới ánh đèn, và Nel, ngồi xếp bằng dưới sàn với hộp đàn kalimba mở sẵn, nói, “Si tu leza li un fua pi, li ve muta.”

“*Đồ đạc được giữ tại bàn,*” Marcel nói.

“Tu te pava sa kuatro fua.”

“Li na poch di mo. Li toujou na poch di mo. Si li na poch di mo, li e un *đồ đạc.*” Anh lật đồng xu. Màu đồng thau, mòn nhẵn cả hai mặt, không lớn hơn móng tay cái của anh. Anh đã mang nó theo từ hồi xa nhất anh còn nhớ được, như người khác mang một chiếc chìa khóa: để rời, trong cái túi nào ở bên trái, nơi tay anh tìm đến mà không cần hỏi. Anh không nhớ mình đã được trao nó lúc nào. Yvonne nói anh lúc nào cũng có nó. Solène nói cô không biết. Anh đã thôi hỏi từ nhiều năm trước, vì câu chuyện bao giờ cũng kết thúc bằng việc có người giảng cho anh về nam châm. “Si le pran li an meta li na un plato ave kouto di Solène, mo pa sava ki bagay mo gon fasa.”

“Anyen” Nel nói. “Tu ve kanpa du, jantiy, an men di tu ve nika a pecho di tu, an pa ve gen anyen anba li.” Nel nhắc một cuộn dây sáp ra khỏi hộp, sợi dây dự phòng Nel vẫn dùng để buộc các phím đàn kalimba lại khi mang đi, màu đỏ sẫm, chắc như dây thép. “Po li pa nika na poch di tu.”

Marcel nhìn sợi dây.

“Bagay ra mona porta, Purifier ye lasa” Nel nói. Thử người ta đeo trên người thì lính Thanh Tẩy để lại. “Sen. Bag. Granmè di mo te pasa potay chak dimanch pandan beinte ane ave kle di un kay ra le te kraze po potay Tithe, su un fisèl anlè pecho di li. Nulan janmen te pran li.” Nel chìa một tay ra. “Dava li da.”

Anh đưa nó. Nel ngồi dưới sàn làm bên ngọn đèn, đầu lưới thò ra, điều Nel không hề biết và Marcel chưa bao giờ nhắc đến vì anh không muốn nó mất đi. Đồng xu không có lỗ. Thay vào đó Nel tết một cái nôi nhỏ bằng dây, một tấm lưới bốn nút giữ cho đồng xu nằm phẳng và để lộ hai mặt, rồi thử bằng ngón cái, và buộc hai đầu lại.

“Tu te mare la denye nudo” Nel nói. “Si okenn mona manda. Tu te ensiste.” Anh đã thắt cái nút cuối cùng, nếu có ai hỏi; anh đã nhất quyết đòi thế.

“Mo pa te fasa li.”

“Tu gon ensiste, kan tu rakonta li. Mo ap sova tu la pèn.” Nel đứng dậy khỏi sàn, đứng giữa hai đầu gối anh và tròng sợi dây qua đầu anh, và đồng xu trượt vào trong áo sơ mi, nằm yên trên xương ức anh, ngay trên vết sẹo, cách chỗ hơi ẩm của bộ điều khiển xuyên qua da một bàn tay. Nó thấy nặng hơn bất cứ lúc nào nó nằm trong túi anh. Nó thấy như đang lắng nghe, một ý nghĩ ngớ ngẩn, và anh vẫn nghĩ thế.

Nhịp bơm dội lên qua sàn phòng, chậm và nặng. Bên kia vách, chiếc giường xếp của Nox kéo kẹt một lần, rồi im.

Nel đặt một bàn tay áp lên đồng xu, qua lớp áo, như Nel đã đặt tay lên bộ điều khiển trên bậc thềm mấy đêm trước. Dưới lòng bàn tay Nel, đồng xu khẽ rung một cái, mảnh và nhanh, như nó vẫn rung gần những đường ống chính cũ và vài cổ máy nào đó và, có một lần, trên mái xương vào mùa khô, gần Nel.

“Li fasa sa” Marcel nói.

“Mo sava. Mo te santi li avan. Su techo.” Nel không rút tay về. “Ke li sinifa kekchoz?”

“Mo pa sava. Mo janmen te sava.” Anh đặt tay lên tay Nel. “Deme.” Ở lại.

Nel nhìn bức vách, bên kia là Nox đang không ngủ, rồi nhìn lại anh, và thổi tắt ngọn đèn.



Nỗi hơi không đổ chuông

Theo lời thuật của Solène Lafitte; số cái của Gai, trang tiếp liệu, một dòng mực đỏ; lời kể của Désiré Lacour, kể vào trận băng giá trên bến Basin, đứng mà kể, trong khoảng thời gian uống hết một cốc cà phê ướp xoăn.

Sáng thứ sáu kể từ khi có dầu, khi một phần ba can dầu đốt của Cora đã cháy qua nồi hấp tiết trùng, Yvonne nút chặt chỗ còn lại, đặt lên kệ phòng khám để dành cho những ca sinh, và nói bà sẽ không đốt nó nữa cho đến khi biết can tiếp theo sẽ từ đâu tới, thế là Solène đến Basin để mua của Laveau.

Cô đi một mình, điều mà Cyprien bảo là ngu ngốc, Nadège bảo là sĩ diện, còn Kwame thì chẳng nói gì, chỉ đi cùng cô đến cây cầu thứ hai rồi đứng đó khoanh tay trong khi cô đi tiếp. Basin là vùng nước của Nghiệp Đoàn: một bến cảng vuông rộng ở cuối kênh nhà máy lọc, ba mặt là tường nhà kho, mặt thứ tư là bức tường vòng cũ, nơi những chiếc sà lan từ sông ngược lên chở dầu, đường và muối rồi xuôi về chở bất cứ thứ gì nhà máy lọc làm ra. Nơi ấy có mùi hắc ín và đường cháy. Người của Laveau làm việc ở đó theo ca, và họ là dân Vùng Bùn, không trừ một ai, từ Phường 9, Phường 12 và Khu Chồng Bywater; họ từng học trường St. Brigid cùng một nửa số giao liên của Gai, và mẹ họ từng giặt giũ cùng Orvelle. Đó là điều về Nghiệp Đoàn mà Tầng Tán không bao giờ hiểu còn Vùng Bùn không bao giờ quên. Nó không phải một đội quân ngoại bang. Nó là người anh em họ của bạn, tay cầm cuốn sổ cái.

Tầm bặt Kwame đã thấy vẫn còn trên bến. Bên dưới, bốn mươi can đã thành hai mươi sáu. Trên một cái thùng gỗ bên cạnh có một người đàn ông chừng ba mươi tuổi đang ngồi ăn cam, áo sơ mi trắng sạch sẽ xắn tay, và anh đứng dậy khi thấy cô, đặt quả cam xuống thùng một cách khá trịnh trọng, như thể đó là một cái mũ.

“Madanm Lafitte.”

“Mo pa madanm okenn mona.”

“Toti mona e madanm di kekoun su Basin.” Anh lau tay vào khăn mùi soa rồi chìa ra.
“Désiré Lacour. Mo vanda luil brile. Tù ve veli luil brile.”

“Mo veli kuarto kanis.”

“Toti mona veli kuarto kanis.” Anh mỉm cười. Anh có nụ cười đẹp, nụ cười của người bán hàng, và bên dưới là một gương mặt mệt mỏi, của một người đã ở trên bến từ bốn giờ.
“Laveau pa vanda kanis mes sa. Laveau vanda la sezon.”

Anh rút một tấm thẻ từ túi áo sơ mi đưa cho cô, và cô đứng đọc nó trên bến giữa mùi hắc ín, Kwame dõi theo từ trên cầu.

Đó là một tấm thẻ tốt. Giấy dày màu kem, viền mạ vàng, không có dấu gì cả ngoài một chữ *L* nhỏ đóng bằng con dấu cao su ở góc, mực tím, hơi lệch. Bọn làm vòng cổ, Laveau Tech, in thẻ của họ với một hình veve chẳng phải veve, và Yvonne có lần đã gọi nó, không hề cao giọng, là một sự xúc phạm có gắn giá tiền. Tấm thẻ này không cần veve. Ai ở Basin cũng biết chữ *L* ấy là của ai. *HƠI ẤM THEO MÙA. Dầu đốt cho hộ nhà quý vị, giao tận cửa mỗi tuần trong mùa khô và mùa băng giá, với một giá cố định, trả trước. Không bao giờ phải chờ Quầy nữa. Không bao giờ phải chịu tối. Laveau giữ cho đèn luôn sáng.* Bên dưới, chữ nhỏ hơn: *Điều khoản theo mùa: 40 xèng cho mỗi đơn vị tương đương một can, trả trước theo quý. Hủy trước hạn sẽ mất số tiền còn lại. Việc giao hàng tùy thuộc tình trạng đường sá.*

“Kuarenta” Solène nói.

“Po la sezon.”

“Pri di Counter e nueve.” Giá ở Quầy là chín.

“Pri di Counter e nueve” Désiré đồng tình, “an luil di Counter e su un avi su dora di Teodor Asante. Luil di mo e anba bach sa.” Anh không nhìn tấm bạt. Anh nhìn cô, với một vẻ thân thiện nào đó, như thể họ là hai người cùng nghề đang bàn về một khách hàng khó tính. “An sesenta kanis di Counter te soti de depo Mercy Street anba un relis Watch, pa po Katye Siete. Basin audi la bagay ra depo chaje. Katye Siete ve audi li avan sezon sek. Laveau pa te pran luil di vu, Madanm Lafitte. Laveau selman te remake wena li te nika, an te pota pi.” Laveau đã không lấy dầu của họ; Laveau chỉ để ý xem dầu đi đâu, rồi mang thêm tới.

Cô đã biết Basin sẽ nghe phong thanh điều gì đó. Cô không biết điều đó sẽ được nói với cô như thế, trên bến, bởi một người đàn ông cầm quả cam, trong khi Margaux vẫn còn đang lặn dò cả dãy. Margaux ghi nó trên một trang sổ cái xanh, với chữ *chưa xác minh* viết cạnh mỗi mũi tên. Désiré Lacour thì biến nó thành lời chào hàng.

“Mo pa veli la sezon” cô nói. “Mo veli kuatro kanis jodi, an mo gon peya po kuatro kanis.”

“Ko sa e pri jou.”

“Ki pri?”

“Beinte dos.” Anh dang hai tay. “Mo pa fikse li. La rut fikse li. La rut regreta sa anpil.”

Hai mươi hai xèng một can. Tám mươi tám cho bốn can. Rương tiếp liệu của Gai tuần này có một trăm bốn mươi xèng, và chín mươi trong số đó là cho bao cát của Lena, bốn mươi bao, đặt mua ở bãi Rampart để phòng mùa nước dâng, mùa ấy sẽ đến dù dầu của Quầy có đến hay không. Solène đứng trên bến và làm phép tính. Bốn can là mười sáu ngày nổi hấp. Mười sáu ngày của những ca sinh, những vết thương bắn và dụng cụ luộc sôi. Đứa bé nhà Theriot đã ra đời nhờ can dầu của Cora. Tuần sau sẽ có một đứa bé khác, rồi một đứa nữa, rồi một cây đinh xuyên qua bàn tay ai đó, rồi cơn sốt của thằng bé nhà Kerrigan, và đợt xét duyệt của Quầy sẽ mất sáu tuần.

“Beinte dos” cô nói, “an tu ve kava le tanka dosim pon.” Hai mươi hai, và anh sẽ khuôn chúng đến tận cây cầu thứ hai.

“Dosim pon e deyo la rut.”

“Kwame e su dosim pon. Li ve kava le de du.” Kwame đang ở trên cây cầu thứ hai, và Kwame sẽ nhận lấy từ đó.

Désiré nhìn qua vai cô, về phía cây cầu, về phía Kwame đang đứng trên đó khoanh tay, vết sẹo bỏng chạy dọc cẳng tay, rồi nhìn lại cô, và cô thấy anh quyết định rằng chuyện này không đáng để cãi nhau vào một buổi sáng nóng nực.

“Dosim pon” anh nói. “Paske sa e tu.”

Anh tự tay đếm bốn can từ chồng can ra và viết biên nhận trên một tập giấy lấy từ túi áo bên kia, nét chữ tròn trịa rõ ràng, *4 dầu đốt, giá ngày, 88, đã trả, Gai Hồng, S. Lafitte*, rồi xé ra đưa cho cô, và cô đọc nó theo cách Cora hẳn sẽ đọc, từng chữ một. Rồi anh đưa cô thêm một thứ khác. Đó là tấm thẻ thứ hai, thẻ theo mùa, cũng giấy kem viền vàng như thế.

“Po sezon sek” anh nói. “Kan Long Pipe vin sale, an Counter afiche dlo di vu livre osi. Laveau ve toujou e da.” Ý anh là cho mùa khô: khi Ống Dài chảy ra nước mặn và Quỳ cũng niêm yết là nước của họ đã được giao, Laveau vẫn sẽ ở đây.

Cô bỏ nó vào túi. Cô không biết vì sao. Cô tự nhủ là để cho Margaux xem, và đúng là thế, một phần.

Kwame khuôn những can dầu từ cây cầu, mỗi tay hai can, và không hỏi giá cho đến khi họ đã đi qua khu chợ, rồi anh hỏi, cô nói cho anh biết, và anh đi một lúc không nói gì, rồi bảo, “Sa e sak sab ye.” Đó là tiền bao cát.

“Sa e mita di sak sab ye.”

“Lena ve veli sava kiles mita.”

“Lena ve veli sava poukisa mo pa te pran le de waf a nuit” Solène nói. “An mo ve pava poukisa, an Lena ve sava ki mo korek, an li ve fache kanmem, an li ve korek po fache.” Lena sẽ muốn biết vì sao cô không lấy chúng khỏi bến vào ban đêm; cô sẽ nói vì sao, và Lena sẽ biết cô đúng, và vẫn giận, và giận là đúng. Cô xoay tờ biên nhận giữa các ngón tay. “Mu mova, Kwame. Mu pa pran. Ko mu peya. Sa e la mita otra di pawol la. Nulan meta li su miray.” Chúng ta vận chuyển. Chúng ta không lấy. Nên chúng ta trả tiền. Việc trả tiền là nửa kia của câu nói ấy, cái nửa không ai sơn lên tường.

Ở Cái Đe cô đưa những can dầu cho Yvonne, bà đổ đầy nôi hấp tiệt trùng và châm lửa không nói một lời, và cái hộp thép bắt đầu tích tắc và xì xì trong phòng sau, còn Cora, ngồi ở bàn, nhìn bốn can dầu trên nền phòng khám rồi nhìn Solène, và Solène cũng không nói giá cho bà biết.

Đêm ấy, trong sổ cái của Gai, ở trang tiếp liệu, dưới dòng của tuần, Solène viết bằng mực đỏ: *4 dầu đốt, Basin, Laveau, giá ngày, 88. Trả bằng tiền bao cát. Còn nợ lại bức tường. S.L.* Đó là dòng mực đỏ duy nhất trên trang ấy. Cô cho Lena xem trên mái nhà trước khi cho bất cứ ai khác xem, và Lena đọc nó dưới ánh sáng hắt lên từ cửa sập, trả lại cuốn sổ, không nói gì một lúc lâu, rồi nói, “Sinkuenta dos e la resta. Mo gon achta beinte sak an ranpli la resta ave labou Lak mo mem” rồi leo xuống thang. Năm mươi hai xeng là số còn lại; Lena sẽ mua hai mươi bao với số đó và đổ đầy chỗ còn lại bằng bùn hồ, bằng tay.

* * *

Theo lời kể của Anselm Ryu, kể ở quán Ông Thánh vào mùa khô với một ly rượu trước mặt mà anh không uống; sổ nhật ký máy bơm của Dieudonné Pierre-Louis, viết bút chì, loang vết nước.

Lúc mười giờ kém hai mươi buổi sáng, ở độ sâu chín mét dưới hồ lặn Thánh Nicholas thuộc Phường 58, vào cuối mùa nóng ẩm Năm 19, Anselm Ryu đưa bàn tay phải ra trong bóng tối màu nâu và chạm vào một thứ không phải đá.

Anh đã ở dưới bốn mươi phút. Anh biết vậy vì Dieudonné, trên chiếc bè phía trên, cứ mười phút lại giật dây một cái và anh giật đáp lại một cái, và anh đã đáp bốn lần. Anh quỳ trong lớp phù sa mịn đến mức chỉ một cử động nhỏ nhất cũng khiến nó bốc lên quanh anh như khói, chân đi đôi ủng đế chì, lưng đeo thắt lưng chì, trên vai là chiếc mũ lặn nửa đầu cũ bằng đồng và kính được cấp khí từ trên xuống qua một ống mềm, nên mỗi hơi thở xuống tới anh đều ẩm và có vị cao su, vị cái máy bơm của Dieudonné, thứ Dieudonné tra bằng dầu cá vì nó rẻ hơn. Ngọn đèn trên ngực anh soi sáng một khoảng nước rộng bằng bàn tay trước tấm kính mặt, một vầng sáng nâu đầy những hạt lơ lửng trôi, và bên ngoài đó không có gì. Dưới ba mét trong Vùng Lún thì người ta không nhìn. Người ta cảm. Bố anh đã nói với anh điều đó trong lần lặn đầu tiên, năm mười ba tuổi, một bàn tay đặt sau mũ lặn của anh, và đó là điều duy nhất trong nghề mà chưa ai từng cần phải nhắc lại.

Anh đang làm ở đồng đồ nát của ngọn tháp. Nhà thờ này từng lớn, so với vùng Ninth cũ, và khi Hồ tràn vào nó đã đứng rất lâu với nước ngập tới bậc cửa rồi tới cửa sổ, và vào một lúc nào đó trong một trận bão mà không ai còn sống nhớ được, ngọn tháp đã đổ ngang qua gian giữa và kéo theo cả mái. Giờ nó nằm nghiêng trong bóng tối như một cái cây bị đốn, gạch, đá và những đai sắt từng giữ nó, mọi bề mặt phủ đầy hào và thứ rong dài mềm mọc trong các hồ lặn, và bên dưới nó, quanh nó, thợ chìm của ba thế hệ đã lấy đi mọi thứ gỡ ra được: đồng của tấm diềm mái, chì của cửa sổ, sắt của các thanh giằng, đá của những bậc lên bàn thờ, thứ đã được đưa lên Tầng Tán làm vườn. Hồ lặn Thánh Nicholas đã bị nhật nhạn từ trước thời bố anh. Không ai trông đợi gì ở nó. Anh đến vì nó gần và vì nó an toàn, nghĩa là đã hai mùa hè không ai chết ở đó, kể từ khi Ti-Paul bị đứt chân.

Bàn tay anh nằm trên một đường cong. Nó nhấn dưới một lớp vỏ mỏng. Nó lạnh, lạnh hơn cả nước, và nó cứ tiếp tục dưới lòng bàn tay khi anh di tay, một đường cong dài và thoải thoải như mạn thuyền, và khi anh gõ vào nó bằng một đốt ngón tay qua lớp găng, anh cảm thấy một điều anh chưa từng cảm thấy qua găng tay trong mười sáu năm lặn hồ: tiếng gõ đi vào trong vật ấy và không dừng lại.

Anh rút tay về. Anh quỳ đó trong đám mây phù sa, hơi thở gầm vang trong mũ lặn, và chờ tim mình lắng xuống. Rồi anh rút con dao khỏi thắt lưng, xoay ngược lại, và bằng cán gỗ, thật nhẹ nhàng, gõ.

Âm thanh đi qua nước vào cơ thể anh. Nó đi vào qua hai đầu gối trên lớp phù sa, qua bàn tay trên cán dao, và qua lớp đồng của mũ lặn vào hộp sọ, trầm và dài, một âm thanh không có cạnh, và nó cứ kéo dài, kéo dài mãi, tắt dần chậm đến mức anh không biết nó dừng lúc nào, và một lúc sau khi hẳn nó đã dừng anh vẫn tưởng mình còn cảm thấy nó trong răng. Phía trên, sợi dây giật hai cái, mạnh. *Thả thêm dây? Có chuyện gì?* Anh giật đáp lại một cái. *Ồn.* Anh không chắc điều đó là thật.

Anh lần khắp nó bằng tay trong nửa giờ sau đó. Nó nằm nghiêng dưới một mảng tháp chuông đổ sập, miệng hướng về phía anh và hơi chếch lên, bị vùi một nửa. Anh có thể thò

tay vào trong miệng nó đến tận vai. Nó cao hơn ngực anh, nếu đứng đứng, và vành miệng rộng hơn cả sải tay anh dang ra. Quả lắc bằng sắt treo bên trong, gỉ thành một cục to bằng đầu người và dính liền vào giá treo. Mặt ngoài thì sạch. Mọi thứ khác trong hồ lặn đều phủ đầy hàu và rong, còn quả chuông thì sạch dưới một lớp da xanh mỏng, vì không sinh vật nào muốn sống trên đồng. Cá đầu cừu sống dưới vành chuông. Anh cảm thấy chúng lướt qua cổ tay, những thân dẹt, những chiếc răng nhỏ giống răng người, và chúng quay lại ngay khi anh rút tay ra.

Quanh vai quả chuông, dưới lớp da xanh, chạy một hàng chữ nổi. Anh có thể cảm thấy chúng bằng đầu ngón tay qua lớp găng mỏng. Anh đọc chúng như người ta đọc một tấm bia mộ trong bóng tối, từng chữ một, lạc mất dòng rồi tìm lại được. Khi ấy anh không biết phần lớn chúng nói gì. Giờ thì anh biết. Dòng chữ quanh vai chuông ghi tên giáo xứ, *ST. NICHOLAS*, bên dưới là tên khu phường cũ, *NINTH*, và một năm theo lối đếm cũ, bốn chữ số, chẳng có nghĩa gì với anh ngoài chuyện là xưa. Dưới nữa là một cái tên, mà sau này anh biết là tên riêng của quả chuông, vì thời ấy chuông có tên, được đặt trong một kiểu lễ rửa tội: *ANNE-MARIE*. Quanh vành chạy một dòng tiếng Latin nhà thờ cổ, mà vị linh mục ở nhà thờ St. Andrew Kim đã dịch sang tiếng Anh cho anh vào mùa khô mà không hỏi anh đã thấy nó ở đâu: *Ta gọi người sống. Ta khóc người chết. Ta bề gãy sấm sét.*

Lúc mười giờ mười lăm, đang lần dọc đồng hồ nát của tháp chuông tìm cách xem quả chuông bị vùi sâu đến đâu, bàn tay anh nắm phải vải bạt.

Anh biết ngay đó là gì. Thợ chìm nào cũng biết. Đó là vải bạt dày, quét hắc ín, khâu kín, nằm trong đồng hồ nát dưới chân quả chuông, nơi dòng nước chảy qua gian giữa đã mang nó tới rồi bỏ lại, và ở một đầu các ngón tay anh tìm thấy sợi dây thừng và vật nặng, một quả dối trọng cửa sổ, bằng sắt, và hình dạng bên trong tấm bạt là hình dạng một con người, nhỏ hơn anh nhiều. Phương án thủy táng. Hội của ai đó, hay gia đình của ai đó, đã đưa thuyền ra lạch sâu vào một đêm nào đó của một năm nào đó và thả một tấm vải buộc vật nặng qua mạn, và dòng lạch đã mang nó tới đây, vào một nhà thờ chết đuối, rồi đặt nó nằm xuống cạnh quả chuông.

Thợ chìm có một tục lệ cho chuyện này. Không mở nó ra. Không xê dịch nó. Nói những gì mình nói được. Anselm quỳ trong phù sa, tay đặt trên tấm bạt, và đọc, bằng tiếng Hàn, trong mũ lặn, bài kinh ngắn cho người chết mà mẹ anh đã dạy anh, bài kinh tiếng Hàn duy nhất anh thuộc trọn từ đầu đến cuối, và thấy mình ngổ ngẩn, và thấy đó là việc đúng đắn duy nhất anh đã làm suốt buổi sáng. Rồi anh rút tay về.

Sợi dây giật ba cái. *Lên đi.* Số nhật ký máy bơm của Dieudonné, mà Anselm đã được xem từ đó đến nay, ghi lúc 10:20 *có cái gì lại vang lên, cảm thấy trên bề, dây giật, nó đáp, 10:31 kéo nó lên, nó ở dưới lâu quá.*

Anh lên. Trên bề, mũ lặn đã tháo, mặt trời như một bàn tay áp ngang mặt, những cây ma đứng xám quanh hồ lặn, Dieudonné nhìn anh và hỏi, “Sa te wani?” Cái gì thế.

“Un chodyè” Anselm nói. “Vye. De presbitè.” Một cái nồi hơi, cũ, từ nhà xứ ra.

Dieudonné nhìn anh một lúc lâu. Rồi Dieudonné nói, “Chodyè pa sonnen” nồi hơi không đổ chuông, rồi quay lại cuộn ống dẫn khí, và không hỏi lại nữa.

* * *

Theo lời kể của Anselm Ryu; tấm thẻ Corvin Delahaye đưa cho anh, mà anh còn giữ, giấy màu kem, viền mạ vàng.

Vào buổi tối của ngày anh tìm thấy quả chuông, hơn bảy giờ một chút, Anselm đi lên.

Anh đi vì tấm thẻ. Nó đã được ghim sau quầy rượu ở quán Ông Thánh suốt hai năm giữa những tấm thẻ khác, của thợ đóng thuyền, thợ vá lưới và người đàn bà viết thư tình thuê cho thợ chìm, và anh đã đọc nó cả trăm lần mà không có ý: *DELAHAYE PROVENANCE. Cầu lấy ký ức của thành phố. Thu mua kín đáo đồ trực vật kiến trúc và đồ thờ tự. Xin liên hệ qua giao liên tới Esplanade.* Anh chưa bao giờ gửi giao liên. Chiều hôm đó anh gửi một người. Lúc sáu giờ một cậu bé quay xuống quán Ông Thánh mang theo giấy thông hành qua trạm kiểm soát Toulouse và một mảnh giấy viết nét chữ uốn lượn: *Tối nay, nếu cậu vui lòng. Tôi đã chờ một lời gọi như của cậu từ lâu lắm rồi.*

Tên lính Thanh Tẩy ở chốt gác nhìn tờ giấy thông hành rồi nhìn đôi tay Anselm, đôi tay của thợ chìm, sẹo chằng ngang các khớp ngón và xám đen dưới móng, rồi nhìn đôi tai anh, đôi tai của thợ chìm, dày cộm ở mép, và cho anh qua với vẻ mặt của một người vừa ngửi thấy mùi gì đó. Rồi Anselm leo lên. Lên qua những tầng bậc của Tầng Giữa, qua những dãy hành lang vòm với hộp tiếng ngân bày trong cửa sổ và những tấm thẻ màu xanh da trời, lên cầu thang công vụ của sân Esplanade, và ở mỗi chiều nghỉ nhịp bơm lại lùi xa hơn dưới chân anh cho đến khi, lên tới đỉnh, nó mất hẳn.

Anh đã lên sân hai lần trước đây, vì công việc. Lần thứ ba cũng chẳng khác hơn. Nền nhà không làm gì cả. Không khí không làm gì cả. Đâu đó tít trên cao, ở rìa của thánh giá, tiếng ngân vẫn tiếp diễn, ngọt và mãnh, và dạ dày anh lộn lên rồi cứ thế lộn mãi, và anh đứng trong hành lang ngoài cửa nhà Delahaye, một bàn tay áp phẳng lên bức tường giảm chấn suốt một phút rồi mới gõ cửa.

Corvin Delahaye chừng năm mươi tuổi mà trông như bốn mươi, mặc chiếc áo sơ mi vải lanh rộng màu sữa, đi chân trần trên một nền gỗ màu nhạt không phát ra chút âm thanh nào dưới chân ông. Ông nắm tay Anselm bằng cả hai tay và nói, “Cậu Ryu, rất hoan nghênh cậu, vào đi, vào đi, đừng để ý cái nền, nó chết hẳn rồi,” và cười, như thể đó là một câu đùa mà hai người có thể cùng chia sẻ.

Căn hộ đầy những thứ chết đuối. Có những món chính tay Anselm đã kéo lên, hoặc những người anh vẫn uống rượu cùng đã kéo lên. Một ô cửa kính màu dựng sát bức tường phía xa trong một khung gỗ sồi mới, được chiếu sáng từ phía sau để những sắc xanh và đỏ của nó hắt màu khắp căn phòng; một người đàn bà trên thuyền, gờ cao một ngọn đèn, trên mặt nước đầy cá. Anselm biết ô cửa ấy. Nó được đưa ra khỏi nhà nguyện nhỏ ở Phường 63 bốn mùa hè trước, thành mười một mảnh trên một chiếc bè, và người thợ chìm kéo nó lên đã uống hết tiền trong một tháng. Một bồn nước rửa tội bằng đá xám đặt cạnh cửa ban công, có một cây dương xỉ mọc trong đó. Trên một bệ đỡ dưới chụp kính là một bộ điều tốc máy bơm của Cổng, bình thường, màu xám, loại vẫn nằm trên mọi máy bơm ở Vùng Bùn, ngọn đèn hồ phách đã tắt, và một tấm biển đồng nhỏ trên bệ ghi *Bộ điều tốc, Phường 22, đã ngừng hoạt động. Một hiện vật của thành phố cũ.*

“Cậu đang nhìn bộ điều tốc của tôi,” Delahaye nói. “Ai cũng thế. Người trên sân chưa bao giờ thấy một cái. Đó là thứ được bàn tán nhiều nhất trong phòng này.” Ông rút hai ly

một thứ gì đó màu nhạt. “Nào. Giao liên của cậu nói *đồng thiếc* và *St. Nicholas* trong cùng một câu, và đêm qua tôi không ngủ được. Kể tôi nghe đi.”

Anselm kể cho ông nghe. Không phải tất cả. Kích thước, độ sâu, hàng chữ quanh vai chuông. Anh không kể với ông về tấm bạt dưới chân nó, hay âm thanh trong răng mình, hay gương mặt của Dieudonné.

Delahaye nhắm mắt lắng nghe. Khi Anselm kể xong ông mở mắt ra, và mắt ông ướt.

“Một quả chuông có tên,” ông nói. “Từ Ninth. Cậu có biết còn lại ít đến thế nào không? Tầng Tán đã lấy hết những quả chuông nó muốn từ một thế kỷ trước, và chẳng ai bận tâm tới những quả đã nằm dưới nước. Tất cả những quả tôi từng nghe nói đều đã bị bán làm phế liệu.” Ông nghiêng người tới. “Tôi sẽ trục nó lên bằng tiền túi. Một sà lan nâng, phao túi, một đội cần cẩu. Cậu sẽ lặn để buộc dây chằng và được trả công theo ngày. Còn cho bản thân phát hiện này, vì đã đến với tôi mà không đến với ai khác, tôi sẽ trả mười tám nghìn xèng. Đối được ở Quầy. Tối nay, nếu cậu muốn, một phần ba.”

Anselm làm phép tính dù không muốn. Bố anh từng là một trong những thợ chìm giỏi nhất cùng lứa, và trong một năm khá thì mang về nhà một nghìn năm trăm xèng. Mười tám nghìn là bố anh trong mười hai năm. Đó là mái nhà của mẹ anh được nâng cao, làm thêm lối dốc, và tiền thuê nhà của bà được trả cho đến khi bà mất. Đó là một chiếc bè của riêng anh, một cái máy bơm, và tiền công người giữ dây cho Dieudonné. Đó là rất nhiều thứ khác mà anh không thể nghĩ ra hết một lúc.

“Nó sẽ được đặt ở đâu?” anh hỏi.

“Ở đây.” Delahaye đứng dậy, đi ra giữa phòng, nơi trần nhà vươn cao hai tầng lên tới một ô cửa sổ mái, và giơ hai tay lên khoảng trống. “Giống trời. Treo từ cây xà đằng kia, bằng một sợi xích. Chiều sáng từ bên dưới. Nó sẽ là thứ đẹp nhất trên Esplanade.” Ông quay lại. “Dĩ nhiên là chúng ta sẽ tháo quả lắc ra.”

“Sao vậy?”

“Quy chế của sà. Âm thanh va đập. Có một giới hạn, và một quả chuông đồng thiếc cỡ ấy sẽ vượt quá nó, ôi, tôi chẳng biết bao nhiêu. Rất nhiều. Ban cư dân sẽ bắt hạ nó xuống trong một tuần.” Ông mỉm cười hết sức ngọt ngào. “Nó không cần phải vang lên nữa, cậu Ryu. Nó đã vang đủ rồi. Giờ nó cần được ngắm nhìn. Bởi những người hiểu nó là gì. An toàn, khô ráo và yên lặng, lần đầu tiên sau, bao lâu nhỉ, ba trăm năm?”

Anselm ngược nhìn khoảng trống dưới ô cửa sổ mái, và cố hình dung nó ở đó, treo trên sợi xích trong bầu không khí chết, miêng trống rỗng, ánh sáng hắt lên vào trong lòng nó, và người của Esplanade đứng bên dưới, ly cầm trên tay, không nghe thấy gì. Anh hình dung ra được một cách hoàn hảo. Đó mới là điều rắc rối.

“Tôi sẽ suy nghĩ,” anh nói.

“Dĩ nhiên rồi.” Delahaye lại ấn tấm thẻ vào tay anh, như thể anh có thể đã đánh mất tấm đầu tiên. “Cứ nghĩ bao lâu tùy cậu. Chỉ đừng nghĩ thành lời ở quán Ông Thánh. Đám người ấy hay nói lảm.” Ông cười. “Thứ lỗi cho tôi. Cậu là một trong đám người ấy. Tôi nói với ý tốt thôi.”

Trên đường xuống, ở chiếu nghỉ đầu tiên nơi nhíp bơm trở lại trong cầu thang, Anselm dừng lại, đứng áp cả hai bàn chân xuống và để nó dâng lên vào người, rồi nòn qua lan can vào một chậu dương xỉ của Tầng Tán, và thấy dễ chịu hơn.

* * *

Thông báo về Sổ Đăng Ký Di Sản Trục Vốt của Quầy, như được Plaisance ghim bên trong cửa quán Ông Thánh mỗi quý và mỗi quý lại bị những người không rõ danh tính gỡ xuống.

SỔ ĐĂNG KÝ DI SẢN TRỤC VỐT: THÔNGIỆP TỪ QUẦY

Các phường bị nhấn chìm là di sản chung của chúng ta. Để bảo vệ ký ức của thành phố cho mọi cư dân, mọi hiện vật được trục vốt từ một địa điểm đăng ký với Quầy đều được ghi vào Sổ Đăng Ký Di Sản Trục Vốt tại thời điểm bán.

Mọi phường từ 41 đến 75 đều là địa điểm đăng ký với Quầy.

Người mua có giấy phép trả theo mức giá niêm yết tính theo trọng lượng, trừ đi khoản phí thu hồi sáu mươi trên mỗi trăm, dùng để chi cho việc quản lý di sản của thành phố.

Hiện vật có giá trị di sản đặc biệt phải được khai báo. Quầy sẽ sắp xếp an trí chúng với những người trông giữ thích hợp.

Việc bán vật liệu trục vốt cho người mua không có giấy phép là tước đoạt di sản của mọi cư dân và có thể bị tịch thu.

Hãy nhớ: những gì nằm bên dưới thuộc về tất cả chúng ta.

*Hố Thu Số Ba*

Theo lời kể của Solène Lafitte; số ghi của sân dưới Nhà Nếp Gấp, ghi nhận hai người đến thăm và một người áp giải.

Sân dưới của Nhà Nếp Gấp là một khoảng bê tông ướt hình vuông phía sau bến giặt, ba mặt có tường, mặt thứ tư có một cánh cửa thép lắp vào chân một ngọn tháp gạch cổ hơn mọi thứ xung quanh. Đến tiếng chuông thứ sáu, có hai người đứng chờ cạnh cửa. Một là lính Thanh Tẩy mặc đồ xám, đi ủng kín, đeo súng ngắn bên hông, khuôn mặt như một cửa tiệm đã đóng cửa. Người kia là một phụ nữ chừng năm mươi tuổi mặc áo choàng chương trình màu xanh lục nhạt, đeo phù hiệu có kẹp, tóc giấu trong mũ, tay cầm một tấm bảng đá.

“Lafitte. De La Rosa.” Người phụ nữ xem tấm bảng. “Tôi là Ivry, kỹ sư trực. Hai người sẽ đi cùng tôi suốt buổi thăm. Hai người sẽ làm theo lời những người chăm sóc. Hai người sẽ không chạm vào thứ gì không phải là ông ấy.” Bà nói thứ tiếng chuẩn của Tầng Tấn, lối nói của nhân viên, và có vẻ không biết rằng còn có một thứ tiếng khác. Iden, người làm những ca không lương ở xe đẩy đồ vải của Nhà Nếp Gấp và đã dẫn cả nhà xuống cầu thang phục vụ sáng hôm ấy, đứng cạnh cửa với chiếc xe đẩy. Rethin, người trông coi các máy sưởi và máy bơm của buồng kín, đang đứng trên thang ở bức tường phía xa và không xuống. Ivry nhìn cái bát trong tay Marcel. “Cái đó để lại.”

“Nó rỗng mà,” Marcel nói.

“Để lại.” Ivry gật đầu với người lính Thanh Tẩy, anh ta cầm lấy cái bát từ tay Marcel như cầm một bưu kiện để gửi đi và đặt nó lên một cái kệ bên trong cửa tháp, cạnh một cái khay đựng túi đồ của họ. Solène nộp cây bút chì, cuốn sổ, con dao, mẫu giấy ghi lịch hẹn, mẫu giấy mà người lính Thanh Tẩy đọc rồi đưa cho Ivry. Người lính Thanh Tẩy khám người Marcel. Tay anh ta dừng lại ở xương ức của Marcel.

“Coin” Marcel nói. Anh kéo nó ra từ dưới áo, treo trên sợi dây: một cái đĩa tròn, màu đồng thau, nhẵn cả hai mặt, không lớn hơn một cái móng tay cái, ấm hơi da anh. Cả đời anh vẫn để nó lỏng trong túi, và chỉ mới chuyển nó sang sợi dây vào đêm hôm trước, vì tờ giấy ghi *đồ đặc tạm giữ* và một thứ đeo ở cổ thì khó gọi là đồ đặc hơn. Người lính Thanh Tẩy lật nó bằng một ngón tay, nhún vai, rồi để anh thả nó trở lại. Solène nhìn bàn tay Marcel áp phẳng lên nó qua lớp áo và giữ nguyên ở đó.

Trong tháp có một thang máy lồng, cũ, bằng sắt, với cánh cửa xếp mà Ivry kéo ngang qua đánh xoảng một tiếng. Nó đi xuống. Nó đi xuống rất lâu, qua gạch rồi bê tông rồi lại gạch, gạch cũ hơn, đen vì ẩm, qua một gờ đá nơi một đường ống to bằng thân người chạy ngang giếng thang và nhỏ giọt. Không khí đổi khác khi họ chìm xuống. Nó ẩm hơn, điều Solène không ngờ tới, và nặng hơn, và có mùi gỉ sắt, nước tù và dầu máy. Và nhíp bơm dội lên.

Cả đời cô đã sống trong nhíp bơm. Cô đến Phường 7 từ khi còn ẵm ngửa và đã ngủ trong nó, ốm trong nó, làm tình trong nó, và cô không để ý đến nó hơn để ý đến mạch đập của chính mình. Ở dưới này cô để ý. Nó dội lên qua sàn lồng thang vào gót chân cô, vào đầu gối, vào răng hàm. Đó là nhíp của Phường 7, chậm và nặng, và còn một thứ khác nữa, một nhíp thứ hai nằm bên dưới mà cô không gọi được tên, như thể hai cái máy bơm đang nói chuyện với nhau và một cái ở rất xa. Marcel bên cạnh cô đã đứng cứng người, đầu nghiêng đi, như cách anh vẫn đứng ở Cái Đe khi một cái máy trong xưởng đổi tiếng.

“Rồi hai người sẽ quen,” Ivry nói. “Nhân viên đều quen. Ở đây chúng ta nằm sát ngay đường ống chính cũ. Mọi thứ ở khu này của thành phố đều đi qua chỗ sắt này.”

Thang máy dừng. Ivry mở cửa ra một hành lang, một lối đi dài bằng gạch có mái vòm, thấp sáng bằng những ngọn đèn có lồng chắn đặt cách quãng. Dọc một bên tường là một đường ống, khổng lồ, đen, tán đinh, cũ hơn cả lịch và cũ hơn cả thứ mà lịch đã thay thế. Nó đang rịn nước. Ở chỗ đèn chiếu vào có thể thấy những giọt nước đọng trên sắt, rung lên theo nhíp. Dọc bên tường kia là các máng cáp và một đường ống mới hơn, sơn xanh lá, và cứ hai mươi bước lại có một cánh cửa thép đánh số.

Hồ Thu Số Ba là cái thứ ba trong ba khoang mà ai đó từ rất lâu rồi đã đào để chứa nước khi máy bơm không theo kịp. Ivry kể cho họ điều này trong lúc đi, bằng giọng của một người phụ nữ đã kể nó cho mọi vị khách và đã thôi không còn nghe thấy nó nữa. Hai khoang đầu đã bị lấp đầy gạch vụn. Khoang thứ ba được tháo cạn, bịt kín và trang bị. Chương trình đã ở đây từ trước khi Ivry đến làm cho nó.

Ở cuối hành lang là một cánh cửa không đánh số, và bên cạnh cửa, lắp vào một hốc trong tường gạch, là một cái tủ thép màu xám cao bằng một người đàn ông, có chữ in khuôn của Cổng, có con dấu chương trình, và mặt tủ có một ô kính dày, phía sau là những đèn nhỏ di chuyển. Một sợi cáp bọc chống nhiễu nặng nề chui ra từ bức tường cạnh cửa và đi vào sườn tủ. Một sợi khác, nặng hơn, chui ra từ nóc tủ và đi lên một ống luôn chạy dọc trần hành lang rồi khuất vào bóng tối về phía họ chưa đi tới.

Marcel dừng lại trước cái tủ. Ivry nói, “Không phải lúc này,” mà không quay lại, rồi mở cửa.

* * *

Theo lời kể của Solène Lafitte; ghi chép chăm sóc của Esvane, trang của buổi sáng hôm đó, được cho cô xem bên giường bệnh.

Ở Hồ Thu Số Ba, vào buổi sáng của chuyến thăm, căn phòng ấm như một gian bếp. Đó là điều đầu tiên. Điều thứ hai là ánh sáng, dịu và vàng, đến từ những ngọn đèn trên tường chứ không phải trên trần, như cách người ta thắp đèn trong căn phòng có người đang ngủ. Điều thứ ba là mùi: vải bông sạch, mùi ngọt như cao su của ống dẫn, dầu đèn, da người, và thoang thoang, dưới tất cả những thứ ấy, mùi của phòng khám ở Cái Đe trong một đêm dài, mùi của một cơ thể đang được giữ lại.

Bốn cái máy sưởi dầu đứng dọc tường, lùn và đen, mỗi cái có một can màu xanh lam kẹp vào bên hông. Solène đếm chúng mà không định đếm. Bốn máy sưởi. Bốn can. Cô nghĩ đến cổng Phường 12 và Bao-Nguyen tựa người vào lan can.

Ở giữa phòng là buồng kín. Đó là một chiếc giường nằm trong một cái khung, và cái khung giữ những tấm vật liệu tổng hợp trong suốt ở ba mặt và một tấm mái cùng loại phía trên, để chiếc giường nằm trong một căn phòng không khí nhỏ của riêng nó, ấm hơn căn phòng ấm xung quanh. Những ống mềm chạy từ một máy tạo ẩm tới một góc. Một tấm của bức vách trong suốt ở phía gần đang để mở. Cạnh buồng kín, trên một xe đẩy bằng thép, là một cỗ máy to bằng cái rương, vỏ trong suốt, qua đó Solène thấy một cái bơm đang quay, và những cuộn dây, và một khoang có thứ gì sẫm màu chuyển động, và từ đó hai đường ống dẫn chạy trong những ống bọc vải bông, ống bọc của Orvelle, băng qua xe đẩy, vắt qua mép giường và luồn vào dưới tấm ga ở ngang hông phải.

Và dưới khung của buồng kín, bắt bu lông vào chân khung nơi sức nặng của chiếc giường dồn xuống, là một tấm kim loại phẳng màu xám có một sợi cáp đi ra, và sợi cáp chạy ngang sàn trong một rãnh có nắp đậy tới bức tường, về phía cái tủ ngoài hành lang.

Một người chăm sóc đứng ở đầu giường. Trung niên, bàn tay to bản, mặc cùng loại áo choàng xanh lục nhạt như Ivry, tay áo xắn lên, một chiếc đồng hồ ghim ngược trên ngực và một cuốn sổ trong túi áo choàng với cây bút chì xỏ qua gáy lò xo. Người chăm sóc nhìn Solène và Marcel với một vẻ mặt Solène không ngờ tới: chào đón, và lo lắng, và một cái gì đó giống như xin lỗi.

“Tôi là Esvane,” người chăm sóc nói. “Tôi làm ca ngày. Elvaren vào ca lúc tiếng chuông thứ mười hai. Nếu ở lâu thì cô sẽ gặp Elvaren.” Esvane nhìn Ivry. “Tôi muốn họ rửa tay.”

Họ rửa tay ở một cái chậu cạnh cửa, bằng nước chảy ra từ vòi, nước nóng, một thứ xa xỉ mà Solène để ý thấy rồi không chịu nghĩ đến nữa. Esvane đưa cho mỗi người một chiếc áo choàng vải bông để mặc ra ngoài quần áo. Rồi Esvane lùi khỏi đầu giường và nói, “Lại đây.”

Solène lại gần.

Ông nằm nghiêng bên trái, hơi ngả về phía lưng, được chèn bằng những chiếc gối hình nêm phía sau và một chiếc gối dài giữa hai đầu gối. Tấm ga kéo lên tới ngực. Hai cánh tay ông đặt trên ga, một tay co, một tay duỗi. Ông gầy. Cô đã biết ông sẽ gầy mà vẫn thấy như hút một bậc thang. Tóc ông cắt ngắn, bạc, có chỗ trắng ở hai bên thái dương, và ai đó đã cạo râu cho ông sáng hôm ấy, và có một vết đứt nhỏ trên quai hàm nơi lưỡi dao vướng phải. Mắt ông nhắm. Miệng ông hơi hé. Ông tự thở, chậm, sâu, với một chút nghẹn nhỏ ở đỉnh mỗi hơi thở.

Lần cuối cô gặp ông, cô mười bảy tuổi. Ông đứng ở cửa xưởng của Cái Đe, áo khoác đã mặc, nói rằng ông sẽ về trước bữa tối và có ai muốn gì ở Basin không, và Marcel đã xin một cái lò xo cho chiếc thuyền đồ chơi, còn cô không xin gì cả vì ở tuổi mười bảy cô không muốn bị thấy là đang muốn thứ gì. Đó là điều cuối cùng. Cô đã lật đi lật lại nó nhiều lần đến thế trong mười một năm, đến mức nó đã mòn nhẵn và chẳng còn nghĩa gì.

Bàn tay phải của ông đặt úp trên tấm ga. Cô nhìn ngón cái. Nó đầy ròi: vòng xoáy của vết sẹo bông cũ trên đầu ngón, bóng loáng, nơi một cây mỡ hàn trượt tay khi ông hai mươi tuổi và ông đã không chịu đi gặp ai vì nó, và nó lành lại thành một dấu như một dấu vân tay thứ hai. Khi cô còn nhỏ, ông hay ấn nó vào lớp bột mì trên bàn bếp và bảo cô đó là chữ ký của ông.

“Cô có thể chạm vào ông ấy,” Esvane nói. “Tay ông ấy không sao. Đừng lật tấm ga bên phải. Đừng di chuyển chân ông ấy.”

Cô đặt các ngón tay lên bàn tay ông. Nó ấm. Da khô, mỏng và lỏng trên xương, và cô cảm thấy mạch ở cổ tay mà không cần tìm, và nó chậm.

“Étienne” cô nói, bằng tiếng Kanal, và nghe lối nói nhân viên rơi khỏi mình như một chiếc áo khoác. “Sa e Solène.”

Không có gì. Hơi thở vẫn tiếp tục. Phía sau cô, Marcel vẫn chưa rời khỏi chân giường.

“Thỉnh thoảng ông ấy mở mắt,” Esvane nói khẽ. “Thường là vào lúc đổi ca. Khi tôi rửa mặt cho ông ấy. Khi thang máy chạy. Tôi ghi lại.” Esvane lấy cuốn sổ ra khỏi áo choàng, mở ra và xoay về phía cô, và cô thấy những cột chữ viết tay nhỏ, gọn gàng: giờ, lượt trở mình, da, lưu lượng vòng tuần hoàn, nhiệt độ, lượng vào, lượng ra, và một cột ở mép phải đề *Mất / khác*, với những dòng ghi ngắn. *Mở 40 giây. Nhìn theo đèn? Mở. Không nhìn theo. Tay nắm lấy vải. Mở khi nghe giọng Elvaren, 2 phút.* “Tôi không biết điều đó nghĩa là gì,” Esvane nói. “Tôi làm việc này chín năm rồi. Tôi không biết ông ấy có nghe thấy chúng tôi không. Dù sao tôi vẫn nói chuyện với ông ấy. Elvaren thì hát cho ông ấy nghe.”

“Chín năm,” Solène nói.

“Người trước tôi làm hai năm. Bà ấy nghỉ hưu rồi.” Esvane gấp cuốn sổ lại. “Tôi xin lỗi. Chắc cô muốn hỏi nhiều điều.”

Cô muốn hỏi mọi điều. Cô đứng đó, các ngón tay đặt trên bàn tay ông, và nhận ra những câu hỏi đã xếp hàng trong mình như hàng hóa xếp trên một bàn kê, theo thứ tự trọng lượng, và cô không nhắc nổi câu đầu tiên.

“Vòng tuần hoàn,” cô nói. Giọng cô bật ra vững vàng, và cô biết ơn giọng nói của chính mình vì điều đó. “Nó để làm gì?”

“Nó lấy máu ông ấy ra rồi đưa trở lại. Nó đỡ cho tim ông ấy. Nó làm ấm máu, thêm vào những gì ông ấy cần, lọc bớt những gì ông ấy không cần.” Esvane chạm hai ngón tay vào vỏ máy, khẽ khàng, như chạm vào một con vật đang ngủ. “Các đường ống đi vào ở hông phải, vào những mạch máu lớn. Vì thế ông ấy không thể nằm nghiêng bên đó. Nếu ông ấy gập hông đó quá nhiều, hoặc lăn dề lên nó, ống sẽ bị gập hoặc bị kéo, và thế là chúng tôi có một giờ khổ sở. Nên chúng tôi trở ông ấy sang trái rồi nằm ngửa, sang trái rồi nằm ngửa, cứ hai giờ một lần, cả ngày lẫn đêm. Mười hai lượt một ngày.” Một nụ cười nhỏ, mệt mỏi. “Tôi bị đau vai vì cái phía bên trái ấy.”

Solène nghĩ đến bàn tay Dorel xòe trên tấm ga phẳng. *Chỗ mòn của ông ấy chỉ ở một bên.*

“Ông ấy có thể sống như thế này được bao lâu?”

“Ông ấy đã sống như thế này mười một năm rồi,” Esvane nói. “Tim ông ấy yếu. Nó đã yếu khi ông ấy đến đây, và giờ yếu hơn. Vòng tuần hoàn gánh bớt một phần công việc. Mỗi năm tôi lại phải xin họ thêm một chút lưu lượng.” Esvane nhìn Ivry, người đang đứng cạnh cửa với tấm bảng đá. “Tôi cũng đã xin họ những thứ khác nữa.”

“Chăm sóc không phải là vấn đề,” Ivry nói.

Solène quay lại. Cô vẫn để tay trên tay Étienne.

“Vậy thì bà nói cho tôi biết vấn đề là gì.”

Ivry nhìn cô một lúc lâu rồi, khiến Solène ngạc nhiên, trả lời thẳng. “Phòng Duy Trì trả tiền chăm sóc ông ấy. Tức là đồ vải, dầu, vòng tuần hoàn, những người chăm sóc. Phòng không phản đối việc ông ấy về nhà, và tôi nói thẳng với bà rằng chi phí chăm sóc ông ấy còn tốn hơn bất kỳ ba gia đình nào trong phường của bà. Nhưng việc ông ấy rời đi không do Phòng quyết định. An ninh của Tập Đoàn quyết định ai được rời khỏi diện duy trì, và an ninh nghe theo ý kiến của bộ phận kỹ thuật, và bộ phận kỹ thuật nói rằng vẫn cần đến ông ấy.”

“Cần để làm gì?”

“Ông ấy là mẫu chuẩn sống của hệ thống che âm.” Ivry nói điều đó theo cách bà đã nói về lịch sử các hồ thu, như một điều bà đã nói từ trước. “Tắm kim loại dưới giường là một đầu thu. Nó đọc ông ấy. Kết quả đọc được đi tới cái tủ hai người thấy ở ngoài, rồi từ đó tới bộ thu chuẩn ở Khu Số Bốn, nơi giữ nhịp thời gian cho cả mạng lưới. Tôi sẽ không giải thích mạng lưới cho bà. Tôi không được phép và bà cũng chẳng cảm ơn tôi đâu. Điều tôi có thể nói với bà là chưa có mẫu chuẩn thay thế nào được chấp nhận, và chừng nào chưa có, bộ phận kỹ thuật sẽ không thả ông ấy, và an ninh sẽ không gạt bỏ ý kiến của bộ phận kỹ thuật.”

“Vậy thì thôi đọc ông ấy đi,” Solène nói. “Gỡ tắm kim loại ra. Giữ lại việc chăm sóc. Ông ấy có thể ở lại đây, nếu ông ấy buộc phải ở lại, và các người có thể thôi dùng ông ấy.”

“Tôi đã gửi yêu cầu đó lên,” Esvane nói, trước khi Ivry kịp trả lời. “Ba lần. Tôi viết theo đúng cách các kỹ sư nói với nhau: nếu mẫu chuẩn mất tín hiệu, bộ thu sẽ giữ thiết lập cuối cùng của nó. Không có gì dừng lại. Máy bơm vẫn chạy.”

“Và tôi đã chuyển nó đi,” Ivry nói. “Nó bị trả về với lời từ chối. Nếu bà chuyển nó đi, nó cũng sẽ bị trả về với lời từ chối. Ông ấy nằm trong mẫu chuẩn, bà Lafitte. Người ta không rút mẫu chuẩn ra chỉ để tỏ lòng tốt. Đó là câu trả lời tôi có, và tôi rất tiếc đó là câu trả lời duy nhất.”

Solène hiểu rằng người phụ nữ ấy nói thật lòng, và rằng điều đó chẳng thay đổi được gì, và rằng cô sẽ phải mang cả hai điều ấy ra khỏi căn phòng này.

“Chúng tôi có thể đưa ông ấy về nhà không,” cô vẫn nói, vì phải có ai đó nói điều đó thành lời, và đã mười một năm rồi.

“No” Ivry nói. “Bà có thể đến thăm. Phòng sẽ đặt lịch cho bà lần nữa nếu bà yêu cầu. Bà không thể đưa ông ấy đi.”

Solène quay lại phía giường. Cô cúi xuống cho đến khi miệng cô ở sát tai ông. Tóc ông có mùi xà phòng của những người chăm sóc, một thứ gì đó giản dị.

“Ga giường của Étienne là từ Orvelle,” cô nói. “Ở kênh Phường 9. Bà ấy giặt chúng cứ sáu ngày một lần. Bà ấy muốn Étienne biết.” Rồi, khẽ hơn, bằng tiếng Kanal, vì cô đã

không định nói gì thêm và nó vẫn cứ đến: “Yvonne te lava bol di tu. Marcel te kava li. Li anlè.” Yvonne đã rửa cái bát của ông; Marcel đã mang nó đến; nó đang ở trên kia.

Không có gì xảy ra. Hơi thở của ông nghẹn lại ở đỉnh rồi buông ra. Cô đã không mong điều gì xảy ra và cô nhận ra mình vẫn đang khóc, không thành tiếng, nước mắt chảy từ mũi xuống tấm ga, và rằng Esvane đã lặng lẽ đưa cho cô một chiếc khăn gấp sẵn, một chiếc của Orvelle, và rằng cô đang dùng nó.



Những gì anh cảm nhận, những gì anh suy ra

Theo những gì Marcel De La Rosa nghe được từ cái tủ, như anh kể lại sau đó thành ba phần: những gì anh cảm nhận, những gì anh suy ra, những gì anh đọc được.

Marcel không thể ở lại bên chiếc giường trong Hồ Thu Số Ba. Anh đã cố.

Anh đứng ở chân giường, hai bàn tay sạch buồng thông hai bên, nhìn đôi bàn chân bó dưới tấm ga, hình dáng của chúng, nhìn chiếc gối dài giữa hai đầu gối, nhìn những đường ống trong ống bọc vải bông luồn vào ở ngang hông, và căn phòng ép lên anh từ mọi phía. Cái bơm trong cỗ máy tuần hoàn quay theo một nhịp ướn và êm mà anh nhìn thấy, như cách anh vẫn nhìn thấy một số âm thanh, thành một nhịp đập xám chậm rãi ở rìa tầm mắt. Những cái máy sưởi kêu tích tắc. Máy tạo ẩm rít lên, một lần ánh nhật lung linh. Bên dưới tất cả là nhịp bơm dội lên qua sàn, và bên dưới nhịp bơm là thứ thứ hai, nhịp xa, và tấm kim loại dưới giường thu hết tất cả vào rồi gửi đi xuyên qua bức tường.

Solène đang nói gì đó với Étienne. Marcel nghe thấy tên mình trong đó và không thể bước lại gần hơn. Bàn tay anh đặt trên ngực. Dưới lòng bàn tay, dưới lớp áo, dưới vết sẹo, trái tim anh vẫn đập như nó vẫn luôn đập, và ánh hổ phách lơ mờ hiện qua lớp áo choàng vải bông ở chỗ các ngón tay anh xò ra, và anh ấn mạnh hơn để che nó, điều chưa bao giờ có tác dụng.

Hồi đó anh tám tuổi. Anh nhớ một chiếc áo khoác, một khung cửa, và việc xin một cái lò xo cho chiếc thuyền, và anh nhớ chiếc thuyền, màu xanh lam, có mái chèo chạy bằng dây chun, và cái lò xo anh không bao giờ có được, và anh không nhớ mặt bố đủ rõ, và đó là điều anh sợ nhất suốt mười một năm, và giờ khuôn mặt ấy ở đây, gầy, cạo nhẵn, có vết đứt trên quai hàm, và nó chẳng giúp được gì. Nó không khớp. Không có gì khớp.

“Mo neda un minit” anh nói với không ai cả, rồi đi ra qua cửa vào hành lang.

Người lính Thanh Tẩy đang đứng dựa vào bức tường đối diện. Anh ta nhìn Marcel và không nhúc nhích. Ivory ra đến khung cửa phía sau anh.

“Deme kote mo pu viza tu” bà nói, ý bảo anh phải ở chỗ bà nhìn thấy được.

“Mo ve deme.” Anh tựa lưng vào bức tường gạch cạnh cái tủ rồi trượt xuống cho đến khi ngồi trên sàn hành lang, hai đầu gối co lên. Người lính Thanh Tẩy thả lỏng đôi chút. Ivory nhìn anh thêm một lúc, rồi quay vào phòng, để cửa mở.

Cái tủ cách vai phải anh một sai tay.

Anh không chạm vào nó. Anh ngồi đó và để nó tự đến với mình, như cách âm thanh đến với anh trong xưởng khi Nel chơi đàn kalimba ở phòng bên và anh nghe ra mà không cần cố là phím nào đã lệch. Cái tù ù ù. Đó là cái biến áp bên trong, nốt điện lưới bình thường, một vạch vàng mảnh. Trên tiếng ù, nhỏ và nhanh, là tiếng lách cách của rơ le, không đều, mà anh thấy như những đốm trắng. Và bên dưới cả hai, từ trong phòng xuyên qua bức tường, là một nhịp đập.

Anh ngồi yên phẳng phắc.

Anh biết nhịp đập ấy. Anh đã nhìn nó suốt hai mươi phút, không định nhìn, trên màn hình nhỏ sáng đèn ở phía Esvane của cỗ máy tuần hoàn: một đường vạch xanh lục chậm rãi, một đỉnh rồi một lần hạ, hơn năm mươi nhịp một phút một chút. Trái tim bố anh. Nó lại ở đây, trong cái tù, một cú đẩy chậm và êm bên dưới tiếng ù, cùng khoảng cách, cùng cái khựng nhẹ trước mỗi nhịp mà anh đã thấy trên đường vạch và không hiểu. Anh áp phẳng lòng bàn tay lên tường gạch cạnh chỗ sợi cáp chui ra khỏi tường. Sợi cáp ẩm. Viên gạch rung khẽ. Anh cảm thấy cú đẩy trong lòng bàn tay, và đếm, và nó khớp với số anh đã đếm trong phòng.

Đó là cảm nhận. Anh buộc mình gọi tên nó. Phần tiếp theo là suy luận, và anh cũng gọi tên nó: tấm kim loại dưới giường đọc bố anh, nhịp tim, hơi thở và những chuyển động nhỏ của một cơ thể trên giường, và kết quả đọc đi qua sợi cáp này vào cái hộp này. Ivry cũng đã nói vậy. Thứ anh nghe được là kết quả đọc, hay cái bóng cơ học của nó, rơ le lách cách theo nhịp của những gì người ta nạp vào nó. Anh không thể nghe thấy bố mình. Anh đang nghe một cỗ máy nghe bố mình. Anh bám chặt lấy sự khác biệt ấy.

Rồi anh đứng lên. Sợi cáp nặng hơn chui ra từ nóc tù và đi vào ống luồn trên trần. Trên ống luồn, ngay chỗ nó rời khỏi cái tù, từ lâu lắm rồi có ai đó đã in khuôn bằng màu vàng của Cổng, giờ đã bong tróc một nửa: *S4 REF*. Và bên dưới, nhỏ hơn, một ngày tháng theo cách tính cũ và mấy chữ cái viết tắt tên.

Anh đứng dậy thật chậm để người lính Thanh Tẩy không giật mình, rồi bước ra trước mặt tù và đọc tấm biển cạnh ô kính, việc anh làm được mà không cần chạm vào thứ gì. Một số sê-ri của chương trình. Một thẻ bảo trì của Cổng ghi ngày bảo dưỡng gần nhất. Một dòng chữ in nhỏ: *ĐẦU RA: BỘ THU CHUẨN KHU SỐ BỐN. KHI MẤT TÍN HIỆU VÀO, BỘ THU GIỮ GIẢ TRỊ ĐƯỢC CHẤP NHẬN CUỐI CÙNG*. Phía sau ô kính là một hàng đèn: một đèn xanh lục sáng đều, một đèn xanh lục nhấp nháy theo nhịp chậm năm mươi mảy, và một đèn thứ ba, màu hổ phách, không nhấp nháy chút nào.

Vậy ra đó là đường đi: tấm kim loại, sợi cáp, cái hộp, ống luồn, xa dần lên hành lang vào bóng tối về phía Khu Số Bốn, dù Khu Số Bốn ở đâu đi nữa, và ở đầu kia là một bộ thu giữ nhịp thời gian cho máy bơm, cửa cổng và Tuyến Thập Phân khắp thành phố, còn ở đầu này là bố anh nằm nghiêng bên trái, cứ hai giờ lại được trở mình bởi một người chăm sóc bị đau vai.

Anh đã đọc nó ra từ kim loại, như người ta đọc tấm biển trên một cái máy bơm, và đó là điều đầu tiên anh hiểu được kể từ lúc xuống thang máy.

Đồng xu cựa trên ngực anh.

Anh cảm thấy nó áp vào xương ức, trên vết sẹo: một cơn rung nhỏ, một tiếng rung, như một âm thoa chạm vào gỗ. Thỉnh thoảng nó vẫn thế. Cả đời nó vẫn thế, gần một số cỗ máy nhất định, gần những ống chính cũ, có một lần gần Nel khi hai người nằm bên nhau trên

mái xương vào mùa khô, và anh chưa bao giờ biết vì sao, và từ lâu đã thôi hỏi ai vì câu trả lời lúc nào cũng là chuyện nam châm. Anh áp phẳng bàn tay lên nó qua lớp áo choàng. Nó ấm, ấm hơn da anh. Dưới lòng bàn tay, nó run theo một nhịp không phải nhịp bơm cũng không phải nhịp đập trên ngọn đèn xanh của cái tủ, nhanh hơn cả hai, rất mạnh.

Anh đứng trước cái tủ, bàn tay áp phẳng trên ngực, và trong một khoảnh khắc anh cùng lúc nhận biết ba thứ trong cơ thể mình: trái tim dưới vết sẹo, thứ đến từ một nơi chưa ai trong nhà từng giải thích cho anh và là của anh, và đồng xu bên trên nó, mảnh và nhanh, và cú đẩy chậm rãi của trái tim bố anh xuyên qua bức tường gạch phía sau. Và bên dưới cả ba, sâu hơn nữa, vững hơn bất cứ thứ gì anh từng nghe, là thứ kia, nhịp xa, cái nhịp anh đã cảm thấy trong thang máy. Nó không đập. Nó giữ. Cái tủ đang lắng nghe bố anh, nhưng anh nghĩ, mà không nói được vì sao, rằng nó đang bám giữ lấy nhịp xa. Anh không có từ nào cho điều đó. Anh không cố tìm một từ. Anh chỉ nhận ra rằng anh muốn áp tai vào đường ống chính cũ màu đen dọc tường hành lang, như Pip vẫn làm sau chợ, và rằng anh sợ.

“Xin cậu tránh ra khỏi chỗ đó,” Ivry nói.

Bà đứng ở khung cửa. Anh không biết bà đã đứng đó bao lâu.

“Tôi không chạm vào nó.”

“Tôi biết. Tránh ra.” Bà chờ cho đến khi anh làm theo. “Cậu là kỹ sư của gia đình. Bận đời của Nel. Người đọc được máy bơm.” Khi anh nhìn bà, bà nhún vai. “Phòng gửi hồ sơ sang trước mỗi lần thăm. Mông thôi, đừng lo.”

“Trên đó ghi *giữ giá trị được chấp nhận cuối cùng*.” Anh hát đầu về phía tấm biển. “Nếu bà tháo ông ấy khỏi đầu thu, bộ thu vẫn giữ. Không có gì ở hạ nguồn thay đổi. Máy bơm không dừng. Ngày mai bà có thể rút ông ấy ra.”

Ivry im lặng một lúc. Người lính Thanh Tẩy nhìn từ người này sang người kia.

“Có thể làm thế,” bà nói. “Và bộ thu sẽ giữ. Nó sẽ giữ giá trị cuối cùng vào ngày mai, rồi tuần sau, rồi tháng sau. Nó sẽ giữ một cách hoàn hảo.” Bà nhìn cái tủ, không nhìn anh. “Và mọi thứ khác trên đời sẽ tiếp tục chuyển động, và một năm sau cái thứ nó đang giữ sẽ lạc hậu một năm, và không ai biết lệch bao nhiêu. Một mẫu chuẩn không cập nhật thì không còn là mẫu chuẩn. Nó là một tấm ảnh chụp.” Bà quay lại phía anh. “Đó là lý lẽ của bộ phận kỹ thuật. Tôi đã nói với cậu nhiều hơn mức tôi nên nói. Họ không sai về bộ thu. Còn họ có đúng về phần còn lại hay không thì vượt quá tầm tôi.”

“Phản còn lại,” Marcel nói.

“Vào lại đi,” Ivry nói. “Hai mươi phút nữa là đến ca Elvaren. Chị cậu sẽ muốn cậu ở đó khi ông ấy mở mắt. Nếu ông ấy mở.”

* * *

Theo lời kể của Solène Lafitte; ghi chép chăm sóc của Esvane, mục tiếng chuông thứ mười hai: “Trở mình. Mở mắt. Bài hát của Elvaren, trọn bài.”

Marcel quay vào, khuôn mặt như vừa được rửa sạch khỏi một điều gì đó, và đứng cạnh Solène ở đầu giường. Một lúc sau anh đặt bàn tay cạnh tay cô trên tấm ga, gần bàn tay bố anh, không chạm vào. Solène dịch ngón út sang cho nó nằm áp vào ngón tay anh. Họ đứng như thế.

Vào tiếng chuông thứ mười hai, thang máy đánh xoảng ngoài hành lang và một người chăm sóc thứ hai bước vào, trẻ hơn, gầy, tóc dài bọc trong lưới, một cái túi vải đeo trên một bên vai: Elvaren, người gật đầu chào cả hai như thể tuần nào họ cũng đến, rồi rửa tay ở chậu, rồi đến bên Esvane, và hai người đứng xem bảng theo dõi cùng nhau vài phút, nói khẽ. Rồi Esvane nói, “Giờ chúng tôi trở mình cho ông ấy,” và Solène và Marcel lùi về sát tường, nhìn Esvane và Elvaren luồn tay xuống dưới tấm ga và những chiếc gối rồi lăn ông, cùng nhau, nhịp nhàng, từ tư thế nằm nghiêng bên trái sang nằm ngửa, Esvane ở phía vai, Elvaren ở phía hông, bàn tay còn rảnh của Elvaren đặt trên các đường ống tuần hoàn ở chỗ chúng luồn vào, giữ chúng, giữ cho chúng thẳng.

Khi ông đã nằm ngửa, Étienne mở mắt.

Đôi mắt màu nâu. Chúng mở. Chúng nhìn lên tấm mái của buồng kín, nhìn ánh đèn vàng trên đó, và không động đậy. Elvaren cúi xuống bên ông và khẽ giọng nói bằng tiếng Kanal, “Tu e da. Bonswa.” Bác đây rồi. Chào buổi chiều. Elvaren bắt đầu hát, rất khẽ, một điều gì đó không lời, và mắt ông vẫn mở, nhìn ánh đèn, suốt bài hát, một bài không dài. Không ai trong phòng dám thở mạnh. Esvane ghi vào cuốn sổ. Rồi mắt ông nhắm lại.

“Thế là bình thường,” Elvaren nói, quay lại. “Lần này tốt đấy. Ông ấy thích lúc được trở mình.” Elvaren nhìn cả hai với một vẻ thẳng thắn mà về sau Solène sẽ còn nghĩ đến. “Tôi không biết ông ấy có nhận ra tôi không. Tôi đã hát cho ông ấy nghe bốn năm nay. Hai người có thể quay lại hát cho ông ấy nghe nếu muốn. Tôi sẽ dạy hai người giai điệu.”

“Time” Ivry đứng ở cửa nói.

Ở trên, trong tòa tháp, người lính Thanh Tẩy trả lại họ túi đồ, con dao, bút chì và cuốn sổ của Solène, rồi lấy cái bát trên giá xuống đưa cho Marcel. Marcel cầm nó bằng cả hai tay. Anh cúi nhìn nó, nhìn tấm vải đỏ, cái góc đã mạng, cái nút Yvonne đã thắt, và không cời ra.

Ở sân dưới, cái nóng áp vào họ như một bức tường. Lúc ấy là đầu giờ chiều. Đâu đó trên dốc có ai đang rần thứ gì đó, bằng dầu, và cái mùi ấy là thứ tàn nhẫn nhất Solène từng ngửi thấy.

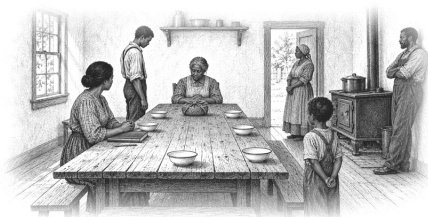
“Li vivan” Marcel nói. “Li du. Nu te trova li.” Bố họ còn sống. Ông ở đó. Họ đã tìm thấy ông.

“Nu te trova li” Solène nói.

“An le pa ve kita li vena a kay.” Và người ta sẽ không để ông về nhà.

“No.”

Anh đứng đó, ôm cái bát. Bàn tay anh không đặt trên ngực; cả hai bàn tay anh đều ở trên cái bát. Solène nhìn anh và thấy bàn tay trái của anh, dưới tấm vải đỏ, đã tìm đến vành bát và đang siết chặt đến trắng cả khớp ngón, và cô không nói gì về điều đó, và cô không khoác tay anh, vì cô nghĩ anh sẽ vỡ ra nếu cô làm thế. Họ cùng nhau đi xuống dốc, về phía Phường 7, về Cái Đe và tất cả mọi người đang đợi bên bàn bếp, mang theo cái bát rỗng.



Cái bát thừa

Theo lời kể của chính người trong nhà; của Junie, lời kể duy nhất có nhắc đến đậu bắp.

Vào giữa buổi chiều hôm đi thăm, trong bếp của Cái Đe, mọi người sống trong nhà đều có mặt bên bàn mà không ai ăn, còn Junie, người được bảo đi bày bát, đã bày bát cho mọi người và thêm một cái nữa, rồi đứng nhìn cái bát thừa, hai tay chấp sau lưng, chờ bị mắng.

Không ai mắng Junie. Yvonne ngồi ở đầu bàn, hai tay đan vào nhau. Nox đứng cạnh bếp lò, lưng tựa tường, đứng cái dáng anh vẫn đứng mỗi tối kể từ khi về nhà, như thể căn bếp có thể cần ai đó giữ cửa. Lena từ ngoài sân vào và không ngồi xuống. Margaux có mặt, vì suốt tuần qua Margaux hầu như lúc nào cũng có mặt, cuốn sổ cái xanh gấp lại trước mặt cô với một cây bút chì nằm ngang trên đó. Nồi đậu bắp nấu cao lương trên bếp đã từ sôi liu riu chuyển thành nguội lặng mà không ai để ý.

Marcel vào trước, mang theo cái bát. Anh đặt nó lên bàn trước mặt Yvonne, vẫn trong tấm vải đỏ, vẫn buộc bằng nút của bà, rồi lùi lại.

Yvonne nhìn nó một lúc. Rồi bà gỡ nút. Bà gỡ chậm, vì bàn tay có sẹo của bà không ưa những nút nhỏ, và không ai đề nghị giúp bà. Bà lật tấm vải đỏ ra từng góc một. Cái bát nằm trong đó, màu trắng, viền xanh lam sứt mẻ, trống không, đúng như lúc nó được mang đi.

“Li te deme anlè” Marcel nói. “Su un etajè kote dora. Le pa te kita li desanda.” Nó đã ở lại trên kia, trên một cái kệ cạnh cửa. Họ không cho nó xuống dưới.

“Mo sava” Yvonne nói. “Mo te pava ki li ve deme.” Bà đã nói là sẽ như vậy. Bà đặt ngón cái lên chỗ sứt trên viền, nơi lớp men đã bong ra thành một vết hình lưới liềm màu đen giống hình móng tay, từ năm Solène đánh rơi nó lúc sáu tuổi, và xoa một lần. “Ke li te cho?” Ông có ám không?

“Yo” Solène nói. Cuối cùng cô cũng đã ngồi xuống, ở chỗ của mình, hai bàn tay úp phẳng trên mặt bàn. “Cho an prop. Le raze li. Kekmoun te koupa li un ti kras su machwè matin sa.” Ấm và sạch sẽ. Người ta cạo râu cho ông; sáng hôm đó ai đó đã làm xước quai hàm ông. Cô ngừng lại. “Dra di li e de Orvelle. Mo te pava li.” Ga giường của ông là của Orvelle, và cô đã nói với ông như vậy.

“Ke li te audi tu?” Ông có nghe thấy cô không?

“Mo pa sava.”

Yvonne gật đầu như thể đó là một câu trả lời bà đã đoán trước và có thể dùng được. “An la mona kura otra. La mona ra chanta.” Ý bà là người chăm sóc kia. Người hay hát.

“Elvaren.” Solène nhìn cái bát, không nhìn Yvonne. “Li te ouvra je di li kan le te vira li. Pandan toti di la chan.” Suốt bài hát. “Elvaren pava ki sa nomal. Elvaren pava ki nu pu vena baka an apren la melodi.” Elvaren đã nói điều đó là bình thường, và rằng họ có thể quay lại để học giai điệu.

Nox phát ra một âm thanh cạnh bếp lò, không thành lời. Khi mọi người nhìn sang, anh đã quay mặt về phía cửa sổ.

“Le pa ve kita li vena a kay” Marcel nói. Anh nói với cái bàn, với tất cả bọn họ, bằng cái giọng đều đều anh vẫn dùng khi đọc chữ trên một tấm biển, vì đó là giọng duy nhất anh có mà còn giữ nổi điều này. “Li e la referans. Gen un plat anba liti di li, an un kab, an un bouat na miray ave un plat ra pava sa ra pasa si le retire li, an sa ra pasa e anyen. La resev tena. Enjenye a te pava sa. An le toujou pa ve.” Họ không chịu cho ông về nhà. Ông là mẫu chuẩn. Có một tấm kim loại dưới giường ông, và một sợi cáp, và một cái tủ trong tường có một tấm biển ghi điều gì sẽ xảy ra nếu họ tháo ông ra, và điều sẽ xảy ra là không có gì cả. Bộ thu sẽ giữ nguyên. Người kỹ sư đã nói vậy. Vậy mà họ vẫn không chịu.

Không ai nói gì. Dưới sàn nhà, nhíp bơm vẫn tiếp tục. Ngoài phố Dauphine một chiếc xe kéo đi qua với một bánh xe lỏng, lạch cạch.

Yvonne nhắc cái bát ra khỏi tấm vải đỏ. Bà không đứng dậy đặt nó trở lại cái kệ cao sau lọ muối. Bà đặt nó lên bàn, ở chỗ trống mà Junie đã bày, chỗ ở cuối bàn gần cửa gian thờ nhất, nơi mười một năm nay không ai ngồi, rồi gấp tấm vải đỏ thành một hình vuông và đặt cạnh cái bát, rồi bà đứng dậy đi tới bếp, khuấy nồi đậu bắp, giờ đã cháy dính dưới đáy, rồi châm lại lửa dưới nồi bằng một que đóm mới từ ngọn đèn, và nói, với cái nồi, “Sida, vu toti. Junie te meta la mesa.” Tất cả phải ngồi xuống. Junie đã bày bàn rồi.

Họ ngồi xuống. Junie, hết sức cẩn thận, mức đầy bát cho mọi người, trừ cái bát trắng.

* * *

Theo lời kể của Elvaren, kể vào mùa khô tại một quán trà ở Phường 5, với điều kiện không nêu tên phố nơi Elvaren ở.

Lúc mười một giờ đêm hôm ấy ở Hồ Thu Số Ba, một giờ trước khi hết ca, Elvaren một mình trở ông sang nằm nghiêng bên trái, việc người ta không được phép làm và người chăm sóc nào cũng làm khi đêm yên tĩnh, một tay đặt lên các đường ống ở hông, tay kia luồn dưới vai ông, một đầu gối tì vào khung giường, rồi chèn cái gối nệm sau lưng ông, đặt cái gối dài vào giữa hai đầu gối ông và lùi lại.

Ông không mở mắt. Hôm nay ông đã mở mắt một lần, vào lượt trở mình lúc có khách trong phòng, suốt bài hát. Elvaren đã ghi điều đó lại, rồi Esvane đã ở lại quá giờ hết ca ngày để viết yêu cầu thứ tư vào mẫu đơn hằng tuần, bằng nét chữ cẩn thận Esvane vẫn dùng cho chương trình, và đã đọc to cho Elvaren nghe trước khi gửi lên theo ống khí nén, và cả hai đều biết nó sẽ quay về với chữ *đã ghi nhận*.

“Solène te vena” Elvaren nói với ông, bằng tiếng Kanal, thứ tiếng Elvaren không bao giờ nói ở trên kia, rồi ngồi xuống chiếc ghế đầu cạnh giường. “Marcel te vena. Le te pota bol di tu. Li anlè kote dora.” Họ đã mang bát của ông đến; nó ở trên kia, cạnh cửa. Elvaren cân nhắc điều này. “Li te desanda la pant ave le. Ko li te anlè, an aster li na kay.” Không: nó đã theo họ xuống dốc. Nó đã ở trên kia, và giờ thì nó đã về nhà.

Hơi thở đi vào, nghẹn lại ở đỉnh rồi buông ra. Cái bơm trên xe đẩy quay với tiếng ưt khe khe của nó. Mấy cái lò sưởi kêu tích tắc. Elvaren nhìn khuôn mặt ông dưới ánh đèn vàng một lúc và không thấy thay đổi nào mà Elvaren có thể thề là có, rồi viết vào cuốn sổ, ở cột *Mất / khác, Đã nói tên. Nhắm. Không có thay đổi nào tôi dám thề là có.*

Rồi, vì đã khuya và không có ai nghe, Elvaren lại hát cho ông nghe giai điệu ấy. Nó không có lời. Bà của Elvaren đã hát nó khi nhào bột bánh mì trong một căn bếp ở Phường 5, cửa sổ mở ra ngõ, và chưa bao giờ nói nó từ đâu mà có, và bốn năm trước, vào đêm đầu tiên trong căn phòng này, Elvaren đã thấy nó trong chính miệng mình, không hề định trước, vì căn phòng quá tĩnh lặng dưới nhịp bơm và người đàn ông trên giường quá cô độc trong đó. Nó đi lên ba bậc và đi xuống một bậc. Đó không phải một giai điệu buồn. Đó là chỗ người ta hay hiểu sai khi nghe nó. Đó là một giai điệu cho giữa buổi làm việc.

Lúc nửa đêm kém mười lăm, người chăm sóc ca đêm xuống bằng thang lồng và họ giao ca bên tấm biểu đồ, nói khẽ, rồi Elvaren cởi chiếc áo choàng xanh, treo lên móc của nó và đi ra hành lang.

Đường ống chính cũ dọc tường đang rịn nước, như mọi khi. Elvaren dừng lại dưới ngọn đèn thứ ba, chỗ Elvaren luôn dừng lại, và nhìn nó. Những giọt nước đọng trên lớp sắt đen hàng nghìn giọt, giọt nào cũng bắt ánh đèn, và giọt nào cũng run lên, rất khẽ, theo nhịp bơm, khiến cả sườn dài của đường ống rung rinh những đốm sáng nhỏ như một cánh đồng trong gió. Vào những đêm yên tĩnh, người ta có thể đứng đó rất lâu. Dưới chân tường, nơi miệng rãnh thoát nước của hành lang, con cóc đang ngồi ở chỗ nó vẫn luôn ngồi, màu gạch, to bằng nắm tay một đứa trẻ, cổ họng phập phồng. Không ai biết nó xuống được đây bằng cách nào. Elvaren đã đặt tên nó theo một vị giám mục và chưa bao giờ nói với Esvane là vị nào.

Qua khỏi ngọn đèn, cái tủ đứng trong hốc tường với ba ngọn đèn của nó, xanh đứng yên, xanh nhấp nháy, và màu hổ phách không nhấp nháy. Elvaren không nhìn nó lâu. Người chăm sóc không nhìn. Đó là việc của bên kỹ thuật.

Thang máy đi lên rất lâu. Lên đến nơi, cửa tháp mở ra sân dưới, và không khí ban đêm tràn vào, nóng, ẩm và đầy mùi các sạp bánh rán của Tầng Giữa đang dọn hàng, còn cái kệ bên trong cửa, nơi cái bát đã chờ, thì trống trơn. Elvaren trình giấy thông hành ở cổng sân cho một lính Thanh Tẩy đang đứng mà ngủ gật, rồi đi bộ xuống qua Tầng Giữa, ngang qua thương xá bán thứ bình yên đã kéo cửa chớp, với ô kính bày những hộp tiếng ngân phát sáng mờ mờ trong bóng tối, *BÌNH YÊN LÀ MỘT TẦN SỐ* chữ trắng trên một tấm bìa xanh da trời, rồi xuống cầu thang công cộng bằng giấy thông hành chương trình vẫn mở được nó sau nửa đêm, vào Phường 5, vào nhịp bơm.

Nó dội lên chân Elvaren ở bậc cuối cùng, chậm và nặng, nâng và đặt, và Elvaren đứng đó một lúc, như mọi lần, để mặc nó. Rồi Elvaren về nhà, về một căn phòng có cửa sổ nhìn ra ngõ, một người chị em gái đang ngủ ở chiếc giường kia và một nồi cao lương nguội trên bậu cửa sổ, đứng ăn, rồi nằm xuống và ngủ, trong khi cách đó hai cây số lên dốc và bốn mươi mét xuống sâu, một người đàn ông nằm nghiêng bên trái trong hơi ẩm, và được trở mình lúc hai giờ, lúc bốn giờ, và lúc sáu giờ, bởi một người khác.

* * *

Một dòng trong sổ tổn thất của xưởng chế tạo trên dải gò cho Năm o, sau này được chép vào hồ sơ này. Margaux Abagnale có được nó sau những sự việc trong lời kể này và chưa nói bằng cách nào.

SỔ TỔN THẤT, NĂM o. DÒNG 214.

Hạng mục: bộ tim sơ sinh, hộp đồng Tăng Tấn (tài khoản khách hàng được giữ kín).

Chế tạo trong mười bốn tháng.

Tình trạng: CHẾ TẠO THẤT BẠI Ở KHÂU THỬ MÀNG.

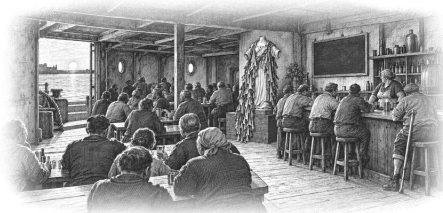
Xử lý: LOẠI BỎ. ĐÃ THU HỒI KIM LOẠI.

Chi phí: chuyển toàn bộ từ tài khoản khách hàng sang mục tổn thất của xưởng.

Đã báo khách hàng: bộ thay thế do xưởng chịu chi phí, dự kiến tám tháng. Phản hồi của khách hàng: CHẤP NHẬN.

Người ghi: A.

Người kiểm tra: (để trống)



Dưới nước hôm nay, không ai

Theo lời kể của Yesenia Quintero; của Ti-Paul Bergeron, ồn ào hơn; tám bảng phần sau quầy rượu, đêm ấy ghi: DƯỚI NƯỚC HÔM NAY, KHÔNG AI. LÊN HÔM NAY, TẤT CẢ.

Quán Ông Thánh nằm trên một chiếc sà lan thép mắc cạn tựa vào bức tường vòng cũ ở Phường 49, và mỗi năm nó lại lún thêm một chút, nên giờ từ lối đi trên tường xuống tới cửa phải bước hai bậc, trong khi bố của Yesenia Quintero ngày trước chỉ bước một. Lúc chạng vạng ngày hôm sau hôm Anselm tìm thấy cái chuông, quán chật kín.

Lúc chạng vạng quán lúc nào cũng chật kín. Thợ chìm lên vào buổi trưa, vì những cơn bão buổi chiều làm nước đen kịt, rồi ngủ hai tiếng trong cái nóng, rồi tới quán Ông Thánh khi nắng rời khỏi mái sắt của sà lan và bên trong đã mát đủ để thở. Đến bảy giờ đã có ba mươi người trên các ghế băng và bên quầy rượu bằng ván, đàn ông lẫn đàn bà, tai dày, đốt ngón tay đầy sẹo và đôi vai mang cái vẻ tĩnh lặng riêng có sau nhiều năm cử động chậm dưới nước, uống rượu mía và cà phê điệp xoắn pha rượu mía và cãi nhau về các hồ lặn.

Sau quầy rượu là Ông Thánh.

Đó là một bức tượng thạch cao nhỏ hơn người thật một chút, đặt trên một cái hòm gỗ sơn xanh, và nó không có đầu, không có tay. Ai đó đã lòi nó ra khỏi một nhà thờ chìm từ lâu đến mức không ai ở quán Ông Thánh nói được là nhà thờ nào, thợ chìm nào, hay thế kỷ nào. Nó mặc một chiếc áo choàng dài mà các nếp gấp đã mềm như bánh mì sau bao năm ngâm nước và bao năm nữa chịu tay người. Quanh cổ, trên vai và rủ xuống phía trước là những dải giẻ: những mảnh vải, hàng trăm mảnh, đỏ, xanh và bạc tới không còn màu gì, buộc thêm rồi lại buộc thêm cho tới khi Ông Thánh trông như một cái cây trong gió. Mọi thợ chìm ở quán Ông Thánh đều buộc một dải lên trước khi lặn và quay vào sau đó để cởi ra. Những dải còn ở lại là những dải không ai quay về cởi. Yesenia không bao giờ gỡ chúng xuống. Ở gần phía dưới có rất nhiều.

Không ai biết đó là vị thánh nào, và ở quán Ông Thánh đây là đề tài của một cuộc chiến vui vẻ không bao giờ dứt. Ti-Paul Bergeron, ở cuối quầy rượu với cái nặng dựng vào ghế đầu và ống quần phải ghim lên dưới đầu gối, quả quyết đó là một người đàn bà, vì cái cách chiếc áo choàng rủ xuống ở ngực. Lão Numa Guillory, đã hai mươi năm không lặn mà đêm nào vẫn tới, quả quyết đó là một giám mục, vì một mẫu gì đó nhô ra ở bên trái có lẽ từng là cây gậy. Một cô thợ chìm trẻ ở Phường 52 quả quyết đó là một ngư dân, vì cái mà cô bảo

là họa tiết lưới ở gấu áo, và ai cũng bảo cô đó là do nước làm hỏng, và cô bảo Ông Thánh đã từng ở dưới nước, thì nó phải thế chứ.

“Sa e patron di mona neye ye” Yesenia nói, đó là điều bà luôn nói, để chấm dứt chuyện. Bà bảy mươi tuổi, thấp và đậm người, điếc tai trái vì một màng nhĩ vỡ ở độ sâu mười bốn mét vào năm bức tường thứ hai, và bà điều hành quán Ông Thánh theo cách bà từng điều hành một chuyến lặn, tức là để mắt tới tất cả mọi người cùng một lúc. “Nenpot sa li te e avan. Li e di nu aster.”

Anselm ngồi giữa quầy rượu với một cái cốc anh không uống và không nói gì, và lắng nghe cả căn phòng dần dò ra.

Căn phòng dò ra theo cách quán Ông Thánh vẫn dò ra mọi chuyện, vòng vèo, lộn xộn, sai bét. Người giữ dây của ai đó nghe người giữ dây của ai đó kể rằng Dieudonné Pierre-Louis đã cảm thấy có thứ gì vang lên xuyên qua chiếc bè của anh ở hồ lặn Thánh Nicholas. Đến sáu giờ nó thành một cái nồi hơi. Đến sáu rưỡi nó thành một cái két sắt, cái két của ông linh mục ngày xưa, đầy bạc. Lúc bảy giờ Ti-Paul nói, rất to, rằng đó chính là ông linh mục, trong bộ lễ phục, ngồi thẳng dậy giữa đồng gạch vụn nơi ngọn tháp đổ lên người ông, và tiếng vang kia là cái sọ ông va vào đá, và ba người bảo anh cảm miệng, và một trong số họ cười dữ quá tới nỗi phải đặt cốc xuống.

“Sa e un kloch” cô gái ở Phường 52 nói. “St. Nicholas te havi un tou kloch. Toti mona sava sa. Sa e un kloch.”

“Chak kloch na Nueve te nika po feray sien ane pase” Lão Numa Guillory nói. Ý ông là mọi cái chuông ở Nueve đã bị đem bán sắt vụn từ một trăm năm trước.

“Pa sa ye ra anba dlo.”

“Ko kekmoun sere te trova li.”

“Kekmoun te trova li” cô gái nói, ý là đã có người tìm thấy, rồi nhìn thẳng dọc quầy rượu về phía Anselm, và cả quán Ông Thánh nhìn theo cô.

Anselm xoay cái cốc trên mặt ván.

“Chodyè” anh nói. Một cái nồi hơi.

Căn phòng ngấm ngấm chuyện đó, và ngấm ngấm về anh. Rồi Ti-Paul cười, một tràng cười to và ướt át, và vỗ lòng bàn tay xuống quầy làm mấy cái cốc nảy lên.

“Un chodyè” Ti-Paul nói. “Kouta li. Li havi figi papa di li te havi la ane ra la vye nonm te trova kuiv Katye 61 an te pava toti mona ki sa te tiyo.” Cậu ta mang khuôn mặt của bố cậu ta, Ti-Paul nói, cái khuôn mặt ông già mang vào năm ông tìm thấy đồng ở Phường 61 và bảo với mọi người đó là ống nước, rồi sau đó cả tháng không hé một lời. “Ko li te achta madanm di li un bag.” Anh ta nhe răng cười với Anselm, nhưng đôi mắt anh ta làm một việc khác. “An mes apre, li te desanda ankora po pran la resta.” Tháng sau đó, bố của Anselm đã lặn xuống lần nữa để lấy phần còn lại.

Không ai nói gì trong một lúc. Ở chiếc bàn trong góc, nơi người thu mua của Nghiệp Đoàn ngồi mỗi tối với một cốc rượu mía bà không uống, Madame Aucoin quay đầu nhìn Anselm với một sự quan tâm lịch sự và trọn vẹn. Cạnh cửa, dưới cái đỉnh trống nơi tờ thông báo của Quầy đã được ghim sáng hôm ấy và giờ không còn ghim ở đó nữa, buổi tối tràn vào, màu cam, từ mặt nước.

“Kita li” Yesenia nói.

Bà đi dọc quầy rượu với chai rượu và rót thêm vào cái cốc anh chưa đựng tới, một việc bà vẫn làm cho con trai con gái của những người đã chết, và anh biết điều đó, và bà biết anh biết. Sau lưng bà, thấp trên áo choàng của Ông Thánh gần cái hòm xanh, giữa những dải giẻ bạc màu không ai quay về cời, có một dải vải flannel đỏ cắt từ một chiếc áo đi làm, giờ đã ngả nâu ở mép. Cửa bố anh. Anselm đã tự tay buộc nó lên đó, năm mười bốn tuổi, vào buổi sáng hôm sau, vì không ai khác chịu buộc, và vì mẹ anh đã nói nếu anh mà bước vào quán Ông Thánh thì bà sẽ không bao giờ nói chuyện với anh nữa, và anh vẫn cứ vào để buộc nó, và rồi bà vẫn cứ nói chuyện với anh, sau một thời gian.

Vào đêm đầu tiên của mùa khô, năm nào cũng vậy, Yesenia đứng lên quầy rượu và đọc tên những thợ chìm đã không trở lên, tất cả, từ cái tên cũ nhất bà được trao lại cho tới cái tên mới nhất, và cả quán Ông Thánh đứng nghe, cốc cầm trên tay. Mất gần trọn một tiếng. Tên Ryu Byung-hoon nằm ở khoảng hai phần ba danh sách. Anselm đã đứng nghe như thế mười bảy lần.

“Mama di tu te na dora matin sa” Yesenia nói, khẽ, ở phía tai lạnh của bà, nơi cả phòng không nghe được.

“Mo sava. Mo te manja soup di li.”

“Li pa te veli desanda eskalye. Li te manda si tu ap plonje demen.” Marthe đã không xuống mấy bậc thang, chỉ hỏi xem ngày mai anh có lặn không. Yesenia đặt chai rượu lên cái kệ bên dưới Ông Thánh. “Mo te pava ki mo pa dava la tablo a mama ye. Li te pava ki li sava sa.” Bà không báo cho các bà mẹ những gì ghi trên bảng, và Marthe đã nói bà biết thế. Yesenia nhìn anh. “Li sava kekchoz, Anselm. Mama di plonje toujou sava kekchoz. Le pa sava wani.”

* * *

Theo lời kể của Anselm Ryu; của Marthe Ryu, mà bà đưa ra với điều kiện nó sẽ được ghi chép lại cho dòng họ mà bà không theo kiểu quán Ông Thánh kể chuyện.

Vào ngày hôm sau hôm anh tìm thấy cái chuông, vào giờ nóng nhất buổi chiều, khi mẹ anh hẳn đã từ các bè về nhà, anh tới nhà mẹ.

Bà sống ở nơi bà vẫn luôn sống, trên tầng hai một tòa nhà ở con phố phía sau nhà thờ St. Andrew Kim ở Phường 12, hai phòng và một mái nhà có bốn cái vại trên đó, và khi anh lên cầu thang thì bà đang ở cái bàn cạnh cửa sổ ép bánh tảo bằng cái máy ép tay bà mang từ hợp tác xã về mỗi tối để làm khoán. Cái máy ép là một khối gỗ, một cần gạt và một cái khuôn thép. Người ta nhồi đầy khuôn lớp thảm tảo xanh ướt lấy từ các bè, kéo cần gạt, và một cái bánh ra, dẹt, tròn, màu nước ao, rồi được đặt lên khay. Một tối được việc bà làm năm trăm cái. Tay bà nứt nẻ tới tận cổ tay vì nước xút người ta dùng để giặt thảm, và đêm đến bà xoa mỡ lợn, mà chẳng ăn thua gì.

“Sida” bà nói. “Manja.”

Có canh. Lúc nào cũng có canh: xương cá, củ cải, tỏi và một thìa tương ớt của bà, chan lên cao lương, với bánh hấp để bên cạnh vì dầu cũng chưa về tới Phường 12 và ai ở các bè cũng than rằng họ đang ép bánh cho một thành phố chỉ có thể đem hấp. Anh ăn. Bà ép. Nhịp bơm dội lên qua sàn, nhịp của Phường 12, nhanh hơn và nhẹ hơn sự trống không

của Vùng Lún, và sau mười sáu năm làm việc trong sự im lặng của các phường chìm, anh vẫn ngủ ở đây, trên sàn phòng ngoài của bà, ngon hơn bất cứ đâu.

Qua cửa sổ anh nhìn thấy sân nhà thờ St. Andrew Kim. Giữa sân, giữa cửa nhà thờ và nhà linh mục, có một cái khung gồm hai cột và một xà ngang, và treo trên xà bằng một sợi xích là cái trống phanh tháo từ một chiếc xe tải, đồ gỗ, với một cái búa buộc dây bên cạnh. Chủ nhật nào cũng vậy, lúc chín giờ, cậu giúp lễ gõ vào nó mười một lần. Nó phát ra âm thanh như một cái nồi bị đánh rơi xuống cầu thang, và cả con phố đều biết nó có nghĩa là gì.

Giáo xứ từng có một cái chuông. Anh còn nhớ nó, vừa đủ nhớ: một cái chuông đồng nhỏ trong ngọn tháp thấp phía trên cửa, rung lên cho thánh lễ và cho người chết, và đã ra đi trong một cái thùng gỗ trên một chiếc thuyền năm anh chín tuổi vì Cổng lại nâng cao đường phố của phường thêm lần nữa và ngưỡng cửa nhà thờ giờ thấp hơn mặt ngõ và mỗi đợt nước dâng lại đưa nước vào gian giữa. Việc nâng đường tốn nhiều hơn số tiền giáo xứ có. Một người mua ở Tầng Tán đã trả cho cái chuông đúng bằng chi phí nâng đường. Mẹ anh đã đứng trong sân nhìn cái thùng ra đi và khóc, và cha xứ nói Chúa sẽ hiểu, và bà nói Chúa có thể hiểu nhưng bà thì không.

“Tu pa ap manja” bà nói.

“Mo ap manja.”

“Tu ap mira la tanbou.” Bà kéo cần gạt. Một cái bánh ra. “Tu toujou mira la tanbou kan tu veli pava mo kekchoz. Depi tu te ti nonm.” Anh luôn nhìn cái trống mỗi khi muốn nói với bà điều gì. Từ hồi còn bé đã thế. Đứa con thứ hai của Hyacinthe Lemaire được rửa tội hôm Chủ nhật. “Le te sonnen la tanbou onse fua, an la bebe te rela toti tan.”

“Bon po la bebe.”

“Li te marya un gadyen potay” mẹ anh nói, không phải lần đầu. “Li vena a kay chak nuit.”

“Mo vena a kay chak nuit.”

“Tu vena a kay de anba, an tu monta.” Bà ép. “Sa pa mem bagay.” Anh về nhà là trời lên, từ dưới nước. Chuyện đó không giống nhau.

Anh để câu đó trôi qua. Đó là điều cũ nhất giữa hai mẹ con, cũ hơn cái chết của bố anh, cũ hơn cái nghề: rằng bà đã lấy một thợ chìm khi biết những gì ai cũng biết về thợ chìm, và đã hạnh phúc, và đã đúng khi sợ. Rằng bà đã đứng trên bức tường Phường 61 mười bảy năm trước trong khi chú của Dieudonné quay cái bơm và người giữ dây của chồng bà giữ dây và sợi dây trở lên mà không có ông. Rằng giáo xứ đã làm một thánh lễ bên một cái hòm rỗng vì chẳng có gì để đặt vào và hố lặn thì quá sâu và quá đổ nát để xuống lần nữa. Rằng bà đã bảo con trai bà sẽ không vào nghề và con trai bà đã vào nghề năm mười lăm tuổi, một năm sau đó, cùng với bạn bè của bố, vì nghề ấy ra tiền, vì tiền nhà đã tới hạn, và vì ở dưới kia trong bóng tối với một bàn tay đặt trên đá là nơi duy nhất anh từng có thể thôi nghĩ về cái hòm rỗng.

“Mo te nika a Saint’s matin sa” bà nói. “Mo te kanpa na dora. Mo pa te desanda. Mo janmen ve desanda.” Bà lau tay. “Toti rado ap pali su kekchoz na St. Nicholas. Se di Ti-Paul Bergeron pres kote mo. Li pava ki sa e la pret na veteman di li.”

“Ti-Paul pava bokou.”

“Ti-Paul pava nenpot bagay ra fasa janm di li fasa meno mal.” Bà nhìn anh qua cái máy ép. “Ke sa e la pret?”

“No.”

“Ke sa e un chodyè?”

Anh không trả lời.

Mẹ anh đặt cần gạt xuống. Bà ngả lưng ra ghế và nhìn anh rất lâu, đôi bàn tay xanh nứt nẻ đan vào nhau trên mép bàn, và anh thấy bà quyết định không hỏi điều tiếp theo, và thấy bà phải trả giá thế nào cho việc ấy.

“Kan papa di tu te trova kuiv Katye 6i” bà nói, “li te pava mo ki sa te tiyo. Pandan un mes. Mo te sava ki sa pa te tiyo.” Một người đàn ông không về nhà rồi ngồi trên mái suốt một tháng với đôi tay run rẩy chỉ vì mấy cái ống nước. Bà nhìn ra cửa sổ về phía cái trống trên xà. “Ko li te vanda li a Sindika, an li te achta mo un bag, an li te desanda ankora po la resta. Mo te pava tu sa. Mo ap pava tu ankora.”

“Mo sava, Omma.”

“La bag pa enpotan. Mo te vanda li po mès di li.” Bà bók một nắm thảm ướt và bắt đầu nhồi khuôn lại, và giọng bà không thay đổi. “Nenpot bagay ra monta de un legliz e di Bondye. Pa di Counter, pa di Sindika, pa di kek nonm su dek ra veli kekchoz bèl su miray di li. Li e di Bondye, an li vena baka a un legliz. Nenpot legliz. Mem Brigid’s, ave kor so.” Ý bà là bất cứ thứ gì được vớt lên từ một nhà thờ đều là của Chúa, và phải trở về một nhà thờ, bất cứ nhà thờ nào, kể cả nhà thờ St. Brigid với đội hợp xướng của nó. Bà kéo cần gạt. “Sa e toti. Mo pa ap manda tu anyen. Tu e un gran nonm. Mo ap pava tu la bagay ra mo pensa, ko mo gon pres gato di mo.”

Anh ngồi bên bàn của bà, bát canh nguội dần, và nhìn cái trống phanh trên xà ngoài sân, đồ gổ trong buổi chiều trắng, và nghĩ tới cái chuông nằm nghiêng trong bóng tối với con cá đầu cừu dưới vành và tấm vải bạt dưới chân nó, và tới tiền sảnh trên Esplanade với giếng trời và sợi xích trống trơn, và mười tám nghìn xèng, tức là mái nhà của bà được nâng lên và làm lối dốc và đôi tay bà thoát khỏi nước xút cho tới hết đời. Anh mở miệng định nói với bà.

Cái trống ngày Chủ nhật im lặng trên xà. Một đứa trẻ ở sân bên dưới ném một hòn sỏi vào nó, và nó kêu lên một tiếng, bẹt và xấu xí, và đứa trẻ bỏ chạy.

“Soup la bon” anh nói.

“Li toujou bon” mẹ anh nói, rồi ép thêm một cái bánh, và không nhìn anh lần nào nữa cho tới khi anh đi.

* * *

Theo lời kể của Anselm Ryu; sổ nhật ký máy bơm của Dieudonné Pierre-Louis, mà về buổi sáng hôm đó chỉ có một dòng: “Cậu ấy xuống để xem.”

Trước khi trời sáng vào ngày thứ ba, anh lại xuống.

Ở quán Ông Thánh, lúc bốn rưỡi, sà lan tối om và đèn của Yesenia đã tắt, vì sáng nào Yesenia cũng mở cửa cho thợ chìm trước khi trời sáng và tối nào cũng đóng cửa sau người cuối cùng trong số họ, và ngủ, theo những gì người ta biết, chẳng lúc nào cả. Bà đưa anh cà phê ướp xoăn mà không nói một lời. Anh đi vào sau quầy rượu, nơi không ai ngoài một thợ chìm sắp xuống nước được phép vào, lấy một dải giẻ xanh từ cái hộp và buộc nó lên Ông Thánh, ở vai, trên cao nơi những dải mới được buộc. Tay anh thuộc cái nút. Anh đứng đó một lúc trong ánh đèn với cái hình hài mặc áo choàng không đầu trước mặt và những dải giẻ dưới cùng quệt vào ống chân, trong đó có dải của bố anh, và không cầu xin nó điều gì, vì anh không biết nó là gì, và không ai biết, và với anh đó dường như là điều kiện đúng đắn cho một vị thánh.

Đến sáu giờ chiếc bè đã ở trên hồ lặn Thánh Nicholas. Những cây ma đứng nhô lên khỏi mặt nước phẳng lặng khắp xung quanh, xám và trơ trụi, chìa cành ra trên chính bóng của mình, và ánh sáng lên hồng phía sau chúng, và một con diệc đã đứng trên đầu hồi gậy của nhà thờ từ trước khi chiếc bè tới cất cánh và bay đi thấp trên mặt nước, chậm rãi, chân thõng phía sau. Không có nhịp bơm. Phường 58 đã không bơm suốt một trăm năm. Âm thanh duy nhất là tiếng nước dưới bè và tiếng cọt két của cái bơm khi Dieudonné thử tay quay, và hơi thở dài chậm rãi của Hồ.

Dieudonné giúp anh đeo thắt lưng và đi ủng, đặt cái mũ lặn nửa lên vai anh, siết cổ áo và gõ hai lần lên lớp đồng, đó là tiếng gõ của người giữ dây, và nói, qua tấm kính, “Ap mira?”

“Ap mira” Anselm nói.

“Selman mira.”

“Selman mira.”

Dieudonné đặt bàn tay phẳng lên phía sau mũ lặn, như bố Anselm đã làm trong lần lặn đầu tiên của anh, giữ nguyên ở đó một lúc, rồi rút tay về.

Anh xuống thang vào làn nước nâu và ánh sáng biến mất và bùn lắng bốc lên và anh quỳ trong bóng tối với hơi thở gầm vang. Anh tìm thấy đồng gạch vụn của tháp chuông bằng cách sờ, rồi đường cong, và đặt cả hai tay lên đó. Nó lạnh, lạnh hơn nước. Con cá đầu cừu lướt qua cổ tay anh. Anh dùng đầu ngón tay tìm những con chữ, quanh vai chuông, *ST. NICHOLAS, NINTH*, năm, cái tên, rồi lướt tay xuống vành, và không thấy tấm vải bạt dưới chân chuông, và sờ dọc đồng gạch vụn, và thấy nó ở xa hơn trước một chút, bị dòng nước đem qua đấy đi, và đặt tay lên nó, rồi rút tay về.

Anh không gõ vào chuông. Cả đêm anh đã nghĩ về việc gõ vào nó, về nốt nhạc lan đi qua làn nước của phường chìm và cả Vùng Lún nghe thấy nó qua bè, qua cột nhà nổi và cọc móng của họ, như Dieudonné đã nghe, như Ti-Paul nói cả quán Ông Thánh đã cảm thấy nó trong cốc rượu. Anh đã nghĩ về tiền sảnh của Delahaye, nơi nó sẽ không bao giờ vang lên nữa. Anh đã nghĩ về cái trống phanh.

Anh quỳ với hai lòng bàn tay áp phẳng lên lớp đồng trong bóng tối và sự im lặng của Phường 58 vây quanh, và cảm thấy cái chuông giữ trong nó cái lạnh của nước sâu, và hơi thở chậm của Hồ lướt qua nó, và không gì khác. Không nhịp bơm. Không tiếng ngân. Chỉ

có sức nặng của nó, và những cái tên quanh vai nó, và đàn cá ra vào miệng nó lo việc riêng của chúng.

Hết mười phút, sợi dây giật một lần, và anh giật lại một lần.

Hết bốn mươi phút anh vẫn ở đó. Từ đó tới nay anh đã nói rằng anh không biết mình đang quyết định điều gì. Anh đã nói rằng anh không quyết định gì cả. Anh đã nói rằng anh chỉ nhìn thôi, như anh đã bảo Dieudonné, và anh ở lại lâu như vậy vì đó là buổi sáng cuối cùng trong đời anh mà không ai khác biết chính xác nó nằm ở đâu.

Lúc bảy giờ sợi dây giật ba lần. Anh áp má vào lớp đồng của mũ lặn ở phía trong, chỗ nó ẩm lên vì hơi thở của chính anh, rồi đặt bàn tay đeo găng lên cái chuông thêm một lần, rồi đứng dậy giữa đám mây bùn và tìm sợi dây và leo lên theo nó, tay nọ nối tay kia, về phía ánh sáng nâu, và trời lên giữa buổi sáng với những cây ma quanh mình và nước chảy ròng ròng khỏi tấm kính, và gương mặt Dieudonné ở phía trên, không hỏi gì.

* * *

Theo lời kể của Nox; của Yvonne Celestin, mà bà đưa ra với điều kiện nó đứng bên cạnh lời kể của anh chứ không nằm bên trong.

Một giờ sáng sau chuyến thăm, Nox xuống bếp lấy nước và thấy Yvonne ở chậu rửa đang rửa cái bát trắng.

Bà đã lấy nó xuống lau mỗi thứ Năm suốt mười một năm. Anh chỉ biết điều đó vào cái buổi chiều mưa, không lâu sau khi anh về nhà, khi anh nhắc nó khỏi cái kệ cao cho bà; trước đó anh chỉ biết nó là cái bát của Étienne, cái bát Étienne tự lau rồi tự đặt lại và không để ai khác rửa. Giờ anh đứng ở khung cửa với cây đèn lấy từ cầu thang trong tay và hiểu rằng bà đã tiếp tục làm việc đó mỗi tuần suốt thời gian anh ở thượng nguồn, không ai thấy, và rằng đêm nay, lần đầu tiên, cái bát được nhắc lên từ mặt bàn chứ không phải từ trên kệ.

“Sida” bà nói, không quay lại. “Tu ap bouche la van.”

Anh ngồi xuống ghế băng. Anh đặt cây đèn lên bàn cạnh tấm khăn đỏ đã gấp, nằm ở chỗ bà đặt nó tại chỗ ngồi trống, một hình vuông ngay ngắn. Căn bếp ẩm và lờ mờ và có mùi đậu bắp bị cháy dính đáy nồi. Qua những phiến đá lát nền, nhịp bơm vẫn tiếp tục, chậm rãi.

Bà rửa cái bát bằng một cái khăn và nước từ vò nước uống, không phải từ thùng, rồi lau khô bằng một cái khăn thứ hai, và giờ nó lên trước ngọn đèn xoay xoay, nhìn chỗ mẻ ở vành, và rồi bà không đặt nó lên kệ cao. Bà đặt nó lại lên bàn ở chỗ ngồi trống và phủ tấm khăn đỏ lên, hồ hững, như khăn phủ lên bánh mì.

Rồi bà ngồi xuống đối diện anh và đan hai tay vào nhau, như bà đã làm vào buổi sáng anh về nhà.

“Tu te veli nika” bà nói.

“La kat te pava un fis.”

“La kat te pava un fis pu vizite. Li pa te pava kiles fis. Deska te deside.” Bà nhìn anh. “Tu te veli nika.”

Anh chưa nói điều đó với ai. Vào buổi sáng của chuyến thăm anh đã đứng trong lối đi trong khi Marcel và Solène đi ra với cái bát trong tấm khăn đỏ, và anh đã giữ cửa ra phố cho họ như anh đã giữ mọi cánh cửa trong nhà từ khi anh trở về, và anh đã nhìn họ đi lên

Dauphine về phía cầu thang trong ánh sáng xám, Marcel bưng cái bát bằng cả hai tay như bưng nước, rồi anh đóng cửa và lên mái cho gà của Junie ăn để Junie được ngủ, và anh đã không nói gì, và anh đã nghĩ không ai để ý.

“Rejistri pava fis” anh nói. “Mo te kita li konsa. Sa pa fasa li vre na un kamra ave li ladan.”

“Wini deside sa ra vre na un kamra ave li ladan?”

“Pa mo.”

“No. Pa tu.” Bà mở hai tay ra và đặt bàn tay có sẹo phẳng lên bàn, gần tấm khăn đỏ, không chạm vào nó. “Li te pava fis na biwo katye. Mo te e du.” Bà đã đứng sau Étienne ở văn phòng phường vào cái ngày ông ghi tên Nox vào hộ tịch, tay dắt Solène, bảy tuổi, chán chường và cứ giật giật tay áo bà. “Li pa te mira tu kan li te pava li. Tu te pensa ki sa te sinifa kekchoz. Sa te sinifa ki li te ja deside avan nu te antra, an li pa te veli ki klèk viza figi di li.”

Nox nhìn xuống mặt bàn.

“Tu te pati” Yvonne nói, “apre la rit.”

Anh không trả lời. Trong mười một năm anh chưa từng một lần cho phép mình nghĩ tới chữ *nghe lẽ* trong cùng một câu với việc ra đi của chính mình, và bà nói nó qua bàn bếp lúc một giờ sáng như thể đang gọi tên một con phố.

“Mo pa gon pava tu su la rit” bà nói. “Li e di mo. La bagay ra te pasa ladan e di mo. Me mo gon pava tu la bagay ra mo te viza apre, paske li e di tu.” Bà đã thấy anh bước ra khỏi phòng thờ với gương mặt như một bức tường rồi lên cầu thang rồi xuống lại với cái túi, và đứng ở khung cửa ấy rất lâu, nơi anh đã đứng đêm nay, và nhìn cái kệ cao. “An mo pa te pava anyen, paske mo pa te pu. Mo pa te havi anyen andedan mo po pava. An tu te pati.” Bà im lặng một lúc. “Depi onse ane mo pensa ki si mo te pava un bagay, tu sere te deme. Mo pa sava ki bagay. Mo toujou pa sava.”

“Pa te gen okenn bagay.”

“Toujou gen un bagay.”

“Pa te gen.” Giọng anh bật ra khàn đặc. “Mo pa te pati poutet okenn bagay ra tu te pava oswa pa te pava. Mo te pati paske mo te havi beinte kuarto ane, an mo te pensa ki si mo deme na kay sa, mo ve douva e sa ra nika chercha, an mo te pè la bagay ra mo ve trova, an mo te pi pè pa trova anyen.” Vậy nên anh đã đi tới nơi có một cái giường suốt thời hạn thỏa thuận và có người khác quyết định anh làm gì. “Sa e toti. Sa e pesa ra e di mo.”

Nhịp bơm vẫn tiếp tục bên dưới họ. Trên lầu, ai đó trở mình trên giường, một tấm ván kéo kẹt, rồi lặng im.

“Elvaren chanta” Yvonne nói sau một lúc. “Solène te pava. Li ouvra je di li pandan toti di la chan.”

“Mo te audi.”

“Elvaren pava ki nu pu vena baka an apren la melodi.” Bà nhìn cái bát dưới tấm khăn đỏ. “Deska deside wini vizite. Deska pa deside wini apren un melodi.” Ý bà là Phòng quyết định ai được thăm. Nó không quyết định ai học một giai điệu. “Solène pu montre li. Oswa Marcel. An tu pu apren li da, na mesa sa, an chanta li da, an li ve e mem melodi.”

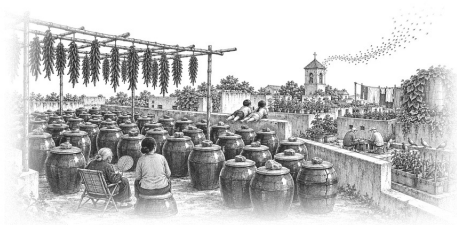
Anh không tin vào giọng mình. Anh gật đầu.

Bà đứng dậy. Đầu gối bà kêu răng rắc và bà đứng yên một lúc chờ chúng, một tay chống lên bàn, và anh nhìn bà làm vậy và nghĩ bà đã trở nên nhỏ bé biết bao, và không có gì nơi bà trở nên nhỏ bé cả.

“Boua dlo di tu” bà nói. “Ko nika dormi. Marcel te bati tu pi bon kabann na katye. Li sere grosye pa kouche ladan.”

Bà đi lên. Anh ngồi rất lâu trong bếp với cây đèn, và cái bát dưới tấm khăn, và không uống nước, và tới một lúc nào đó, không hề quyết định, anh với tay qua bàn và kéo lại tấm khăn đỏ chỗ nó bị tuột, để nó che chỗ mẻ ở vành bát.

Lời kể của Yvonne về đêm này ngắn hơn. Nó nói: *Nó xuống lấy nước. Tôi đang rửa cái bát. Chúng tôi nói về chuyện ai quyết định điều gì là thật trong một căn phòng. Nó nói nó đi vì nó sợ. Tôi đã nghĩ là vì tôi. Cả hai chúng tôi đều sai về một điều gì đó và không ai nói là điều gì.*



Bốn mươi bao và một con dê

Theo bản khai H004 của Hana Cho; số đếm bằng phần của Ara.

Chiếc thuyền chở hàng xuôi theo lạch nước đến bến lên bãi gò vào con nước buổi sáng, mang theo bốn mươi bao cao lương, một thùng ổ bi máy bơm, sáu hành khách và một con dê, và Ara đếm những cây cọc từ lúc bến hiện ra trong tầm mắt.

“Sixty-one” Ara nói, khi người lái thuyền quăng dây. Hai mẹ con nói với nhau bằng tiếng Anh thượng nguồn, như họ đã nói suốt mười một năm; tiếng Kanak của Ara chỉ có bốn mươi từ, các con số, và một bài hát. “Sáu mươi một và một cây gậy. Cây gậy có tính không mẹ?”

“Gậy cũng tính,” Hana nói. “Nó vẫn còn đứng.”

“Nó nghiêng mà.”

“Thế thì ghi là nghiêng.”

Ara lấy hộp phấn ra khỏi một túi áo khoác, một chiếc hộp thiếc dẹt từng đựng kẹo ngậm ho và giờ đựng sáu mẫu phấn cùng một miếng giẻ ướt, rồi đánh dấu lên nắp rương của Hana: sáu nhóm năm gạch, thêm một gạch nữa, và một nét xiên nhỏ bên cạnh. Rồi Ara ngược nhìn thành phố.

Hana cũng nhìn. Chị đã không về suốt mười một năm, và chị đã dành ba ngày vừa qua trên thuyền để tự nhủ rằng mình còn nhớ nó, và giờ chị nhận ra mình đã nhớ hình dáng mà quên mất sức nặng. Tầng Tán đứng dọc bãi gò trong buổi sáng trắng, những sàn của nó chồng lên trên các dinh thự cũ như những chiếc kệ phía trên tủ búp phê, và bên dưới là Tầng Giữa chạy xuống thành từng bậc, và bên dưới nữa là những lòng chảo trải ra trong cái nóng, gạch và tôn và vườn trên mái, với những bức tường vòng giữ chúng lại và các nhà bơm thở ra qua những lỗ thông hơi xám mảnh. Không khí có mùi muối, dầu máy và cá rán, nghĩa là ai đó ở khúc lạch này có dầu. Và dưới chân chị, ngay khi chị bước khỏi tấm ván cầu xuống sàn sắt cũ của bến, nhíp bơm dội lên.

Chị đã quên điều đó. Chị đã thiết kế cỗ máy tinh xảo nhất mình từng làm ra bên trong chính rung động này, mười chín năm trước, và chị đã quên cảm giác đứng trong nó. Chị dừng lại trên bến, tay đặt lên rương, và để nó dội lên qua đôi ủng, cái ấn chậm, cái nhả ra. Ara đứng cạnh chị và thử ấn một chân xuống, rồi chân kia.

“Nó chậm hơn thuyền,” Ara nói.

“Nó là máy bơm. Máy bơm của phường. Phường nào cũng có một cái.”

“Bao nhiêu phường hả mẹ?”

“Seventy-five.”

Ara cân nhắc điều này với vẻ mặt của người định tự mình kiểm chứng.

* * *

Theo lời thuật của Hana Cho; của Madame Kang, vốn cãi lại về số vại.

Madame Kang đã viết thư trả lời trong vòng một tuần, chỉ một trang giấy với nét chữ Hana thấy lần cuối trên những tấm thiệp sinh nhật, nói rằng căn phòng phía sau đã bỏ trống từ khi người anh em của chồng bà lấy vợ, rằng nó có cửa sổ và một ổ khóa tốt, rằng không có tiền thuê gì cả vì mẹ Hana đã hát bè alto bên cạnh bà suốt bốn mươi năm ở nhà nguyên Phường 12, và rằng Hana phải thôi cãi về chuyện đó. Hana vẫn cãi, bằng thư hồi âm. Madame Kang không trả lời, và Hana hiểu thế là hết bàn.

Tòa nhà của nhà Kang cao ba tầng, trên một con phố rẽ ra từ nhà nguyên, với ngưỡng cửa được nâng cao hơn mặt ngõ cả một tầng cầu thang và một mái nhà chặt kín vại lên men. Cả gia đình ra đón họ trên bậc thềm: bà cụ ngồi trên ghế xếp, con trai bà và vợ anh ta, một đám cháu và anh chị em họ nhìn Ara chăm chăm với vẻ tò mò không giấu giếm. Một cô bé chừng mười bốn tuổi tên Minnie được giao dẫn Ara lên mái. Ara vừa leo cầu thang vừa đếm to từng bậc, và một giờ sau quay xuống với tương ớt dính trên một bên tay áo cùng thông tin rằng có bốn mươi cái vại và một cái thứ bốn mươi mốt, bị nút và được buộc lại bằng dây thép.

“Kuarenta” Madame Kang nói từ chiếc ghế của bà. “Sa ra ave fil pa konte. Li e un kanari aster.” Ara hiểu được các con số, dù không hiểu phần còn lại: cái buộc dây không tính, vì giờ nó chỉ là một cái nôi.

Ara ghi lại là bốn mươi và một cái nôi.

Trưa hôm đó họ ăn ở bàn nhà Kang: cơm, thứ Hana không ngờ tới và hiểu ngay là một lời tuyên bố, và một món hầm gồm tương đậu đồng, rau và cá, và rau muối từ một chiếc vại còn già hơn Hana, và bánh xanh hấp vì cả phường đã hết dầu. Madame Kang phàn nàn về bánh, về Quây, và về cái sàn mới đang dựng lên trên Phường 7 mà theo bà thì cộc của nó đóng xuống, bên này kênh vẫn cảm thấy, và chẳng hỏi gì về lý do Hana trở về. Hana biết ơn điều đó hơn cả bát cơm.

Sau bữa ăn chị mở ống đựng bản vẽ và trải các tờ ra trên giường trong căn phòng phía sau, cửa đóng, còn Ara ngủ trong cái nóng trên một tấm chiếu cạnh cửa sổ.

Có mười một tờ. Chị đã vẽ chúng trong hai năm, vào ban đêm, ở xưởng chế tạo trên thượng nguồn sau khi xong phần việc theo hợp đồng, trên giấy chị tự bỏ tiền mua để không ai có thể nhận các bản vẽ là tài sản của xưởng. Tờ đầu tiên là toàn bộ thiết bị theo mặt cắt, tỉ lệ gấp đôi: hai buồng, một lớp màng giữa chúng, các ống ghép đầu vào và đầu ra, đường truyền động, vỏ bộ điều khiển. Những tờ còn lại là chi tiết. Để van. Cấu trúc xếp lớp của màng, bảy lớp, lớp nào cũng có tên. Bảng mạch điều khiển. Khớp nối với bộ dẫn động bên ngoài. Những ghi chú của chị chạy dọc lề bằng chữ Hangul, như cách chị vẫn viết ghi chú kỹ thuật từ hồi còn là sinh viên, một phần vì các thư ký của xưởng không đọc được, một phần vì chị nghĩ bằng thứ chữ ấy những khi chị nghĩ căng nhất.

Nó là chị em của trái tim trong ngực Marcel. Trẻ hơn mười chín năm về thiết kế, tốt hơn mười chín năm về vật liệu, được tính kích cỡ cho một người đàn ông trưởng thành có trái tim yếu và một cơ thể đã nằm nghiêng bên trái suốt mười một năm. Chị thuộc từng đường nét. Chị có thể vẽ lại nó theo trí nhớ trong bóng tối. Chị mang các bản vẽ theo vì cả nhà sẽ muốn thấy một thứ gì đó trên giấy, và vì Margaux Abagnale, qua bộ thu, bằng một giọng như giọng thư ký, đã đề nghị chị mang theo *bất cứ thứ gì cô sẵn lòng cho đưa vào hồ sơ*.

Chị xem lại các tờ thêm một lượt. Trên tờ cuối cùng, ở lề cạnh phần ghi chú quy trình, một dòng chữ Hangul nói rõ việc nối ghép sẽ đòi hỏi gì: rằng trái tim đang suy của chính anh sẽ bị cho ngừng trên mạch trong lúc trái tim mới được lắp vào, rồi được khởi động lại với trái tim mới gánh lấy nó, và rằng việc khởi động lại có thể thất bại. Chị đã viết *có thể thất bại* và gạch chân hai lần, hai năm trước, một mình trong xưởng.

Chị cuộn các tờ giấy trở lại vào trong ống. Tờ cuối cùng chị cuộn riêng ra và đặt xuống dưới đáy rương.

* * *

Theo lời thuật của Hana Cho; của Madame Kang, kể vào dịp kimjang theo một dị bản có nhiều vai hơn; thông báo của phòng làm mát Phường 12, mà Madame Kang giữ trong cuốn sách thánh ca nhà nguyện của bà.

Lúc chạng vạng ngày chị trở về, trước khi đi bộ đến Cái Đe, Hana leo lên mái nhà Kang vì Madame Kang đã sai Minnie xuống nói rằng trên mái mát hơn và Hana phải lên, không được cái.

Trên đó không mát hơn. Nó cao hơn, mà ở Phường 12 vào cuối một ngày nóng ẩm thì thế cũng đã là một ân huệ. Các vai đứng thành hàng trên lớp hắc ín dưới một giàn sào tre giăng đầy ớt phơi, bốn mươi cái, nâu và trắng men và bụng phình, cái cao đến đầu gối Hana, cái cao đến hông chị, nắp được chặn bằng đá sông, và một cái ở cuối có vết nứt dọc thân được buộc chặt bằng ba vòng dây thép. Không khí có mùi muối, tỏi và đất nung ẩm. Quanh mái nhà Kang là những mái nhà khác ở những độ cao khác, mái nào cũng trông cây: đậu bắp, ớt, một dây khoai lang mọc hoang trùm lên bể nước, quần áo phơi của nhà ai đó, chim bồ câu của nhà ai đó. Trên mái bên cạnh, hai ông già đang chơi đồ-mi-nô trên một cái thùng úp ngược và đập quân xuống mạnh đến mức nghe thấy được. Xa hơn họ, ngọn tháp vuông nhỏ của nhà nguyện đứng in lên nền trời đã ngả màu trà loãng, và lũ chim yến đang bay ra từ đó thành một sợi dây dài xoắn vặn, hàng trăm con, tuôn lên rồi tỏa ra khắp phường rồi quay lại, kêu thét, như thể ngọn tháp đang thở ra chim.

Madame Kang ngồi trên ghế xếp giữa các vai với một chiếc quạt. Ara ở đầu đằng kia cùng Minnie, cả hai nằm sấp, cầm tù lên tường chắn mái, đếm chim yến, rồi đếm lạc, rồi đếm lại, rồi cái nhau.

“Sida” Madame Kang nói, và Hana ngồi xuống một chiếc nắp vai úp ngược, việc chị biết là không được phép và Madame Kang thì cho phép.

Một lúc lâu cả hai không ai nói gì. Lũ chim yến lượn vòng. Hana cảm thấy nhịp bơm qua lớp hắc ín và nắp vai, nhịp của Phường 12, nhanh hơn của Phường 7 một chút và nhẹ hơn, cái nhịp mà mẹ chị đã hát theo trong nhà nguyện suốt bốn mươi năm. Chị đã không cảm thấy nó suốt mười một năm, và chị đã không lên mái nhà này từ khi còn là một cô bé.

“Mama di tu te sida du” Madame Kang nói, hất đầu về phía nắp vại. “Su pat piman. Chak kimjang. Mo te pava li chak ane ki li ve fann li, an chak ane li te sida.” Đó từng là chỗ ngồi của mẹ Hana trong mọi mùa kimjang, ngồi trên vại tương ớt, và năm nào Madame Kang cũng bảo rằng mẹ chị sẽ làm nứt nó, và năm nào mẹ chị cũng vẫn ngồi đó.

“Mo sava.”

“Tu pa sava. Tu te anlè larivyè.” Madame Kang tự quật. Bà rất nhỏ người và rất già, với gương mặt như quả óc chó và đôi mắt không bỏ sót điều gì, và bà nói câu ấy không chút độc ác nào, như cách người ta nói cho ai đó biết giá bắp cải. “Tu te senda lajan. Chak sezon. Li te mosa mo papye ye. Li te fier.”

Hana nhìn những chiếc vại. Mùa nào chị cũng gửi tiền từ thượng nguồn về, và mẹ chị, hóa ra, đã đưa những tờ biên nhận cho Madame Kang xem và lấy làm tự hào về chúng.

“Sa pa e un reproch” Madame Kang nói. “Mo ap pava tu la bagay ra te pasa. Lajan te vena, an li te fier, an na Ane 13 semen cho te vena na sezon sek, sa ra nulan te atann, an Kay Frèt te ouvè su Chapel Street, an li te desanda, an le te mira kat di li.” Madame Kang thò tay vào trong áo và lấy ra một cuốn sách thánh ca nhỏ bìa đen đã nứt, rồi từ cuốn sách lấy ra một tờ giấy gấp, mở nó ra, và cầm cho Hana đọc trong chút ánh sáng cuối ngày.

PHÒNG LÀM MÁT PHƯỜNG 12. TIẾP NHẬN THEO DIỆN ĐỦ ĐIỀU KIỆN. Quầy hân hạnh hỗ trợ cư dân có nhu cầu cấp thiết nhất tránh nắng nóng khắc nghiệt. Diện được tiếp nhận gồm các hộ thuộc Bậc E và F, hoặc các hộ có thu nhập được ghi nhận dưới ngưỡng trợ giúp. Thu nhập được ghi nhận bao gồm mọi khoản tiền gửi về, quà tặng và chuyển khoản từ ngoài phường. Cư dân trên ngưỡng được khuyến khích tìm bóng mát, nghỉ ngơi và uống đủ nước tại nhà. Giữ mát, giữ bình tĩnh, giữ sức khỏe.

“Papye di tu” Madame Kang nói. “La klèk te adisyone le. Li te pi wo pase la liy un ti kras. Ko li te nika a kay an kouche na kamra di li ave un tela mouye, kom li ekri, lonbraj an repo, an a matin li te pati.” Madame Kang gấp tờ giấy lại, cất vào cuốn sách thánh ca và cất cuốn sách vào trong áo. “Mo tena li paske nulan otra sere tena li. Mo te pensa ki un jou tu ve monta su techo sa. Aster tu te monta.”

Hana không nói gì một lúc lâu. Ở phòng làm mát trên phố Chapel, người thư ký đã tính những khoản tiền gửi về là thu nhập, và chúng đã đẩy mẹ chị vượt ngưỡng một chút, và mẹ chị đã về nhà nằm xuống trong phòng mình với một chiếc khăn ướt, như thông báo khuyến, bóng mát và nghỉ ngơi, và đến sáng thì bà đã đi.

Ở đầu kia mái nhà Ara nói “hai trăm mười một” và Minnie nói “tu te konta sa dos fua” và Ara nói “nó vòng lại hai lần.”

“Mo pa te vena baka po anterman” cuối cùng Hana nói, ý là chị đã không về dự đám tang. Tiếng Kanal của chị trở lại với chị trên mái nhà theo cách một con phố trở lại, từng mảnh một, với những cửa hàng cũ đã không còn.

“No.”

“Mo te su un kontra. Atelye sere te tena travay la.”

“Mo sava. Mo te chanta alto na plas di li. Mo tro vye po alto. Sa te terib.” Madame Kang gần như mỉm cười. “Tu te fasa kekchoz anlè larivyè, ave kontra di tu. Kekchoz bon?”

“Ponp. Po un klinik dializ. Valv.”

“Bon” Madame Kang nói. “Ko sa pa te anyen.” Bà ngửa mặt lên nhìn lũ chim yến, và chiếc quạt của bà ngừng lại. “Tu te vena baka po nonm De La Rosa.” Cháu về là vì người đàn ông nhà De La Rosa.

Hana nhìn bà.

“Toti chapel sava” Madame Kang nói. “Anvil ap manda wena li te nika. Kamra deye di Omma Kang havi un madanm enjenye de anlè larivyè ave un tib desen. Mona pu adisyone.” Cả nhà nguyện đều biết, ý bà là vậy; một nữ kỹ sư từ thượng nguồn mang ống bản vẽ ở ngay phòng sau nhà bà là một phép tính ai cũng làm được. Bà lại quạt. “Mo pa ap manda tu anyen. Mo vye. Le te pava mo ase bagay. Me Anvil e un bon kay, an mama di tu te amu la manbo, an tu ve sida na mesa di fanm so swar sa an manja manje di li.” Bà nhìn Hana với gương mặt quả óc chó của mình. “Ko pava le toti.” Kể cho họ nghe hết.

Lũ chim yến lao xuống tháp cùng một lúc, cả sợi dây chim, như thể có gì đó đã kéo chúng vào, và bầu trời trống trơn, và những quần đô-mi-nô trên mái bên cạnh đập xuống chát, chát, và ai đó dưới nhà gọi vọng lên rằng bữa tối đã dọn ra bàn.

Hana nghĩ đến tờ cuối cùng dưới đáy rương. Chị nói, “Vâng,” bằng tiếng Anh thượng nguồn, và nghe nó bật ra bằng cái giọng chị vẫn dùng để ký duyệt một bản vẽ, và ngồi trên nắp vại của mẹ mình trong bóng chạng vạng, chị không biết điều đó có thật hay không.



Nguồn gốc

Theo bản khai H004 của Hana Cho, như Margaux Abagnale ghi lại bên bàn ở Cái Đe; lời kể của chính Hana về buổi tối ấy, kể lại về sau, cho biết chị đã không nói ra điều gì và vì sao.

Căn bếp của Cái Đe về đêm, vào cái ngày chị trở về, vẫn như chị nhớ, chỉ nhỏ hơn. Vẫn cái bàn dài ấy, cũ thêm mười một năm, hằn thêm mười một năm vết dao và nồi nóng. Vẫn cánh cửa gian thờ ở cuối hành lang với tấm rèm xanh lam. Một cây đèn khác. Một đứa trẻ chị không quen, Junie, đứng trên ghế để với lên ngăn cao lấy cốc, và bên cạnh là một chiếc ghế khác đã kéo sẵn ra cho Ara, và Ara trèo lên đó mà không cần ai bảo rồi bắt đầu đếm cốc khi Junie đặt chúng xuống.

Họ đều có mặt. Yvonne ở đầu bàn trong chiếc tạp dề, già hơn, nhỏ hơn, bàn tay bác sĩ phẫu thuật đầy sẹo đặt phẳng trên mặt gỗ. Solène bên cạnh bà với một cuốn sổ cái, một cây bút chì đỏ và một gương mặt không cho Hana chút gì. Marcel, mười chín tuổi, cao hơn Hana, vai rộng như bố, tay đặt ở ngực nơi ánh hổ phách hiện mờ qua lớp áo, nhìn Hana như thể chị là một cỗ máy được đưa vào mà không kèm sách hướng dẫn. Nel bên cạnh anh, một tay cầm cây kalimba, không chơi. Lena đứng ở cửa ra sân. Margaux với cuốn sổ mở, giữa cái nóng vẫn mặc một chiếc áo khoác chắc phải đáng giá một năm tiền công ở Vùng Bùn. Và Nox, người chị gặp lần cuối khi anh hai mươi tư tuổi, trong chính căn bếp này, vào cái đêm tồi tệ nhất trong đời tất cả bọn họ, đang đứng dựa tường cạnh bếp lò trong chiếc áo khoác xám với các túi áo bị khâu kín, nhìn chị với một vẻ mặt chị hoàn toàn không đọc được.

“Tu sanble bien” Yvonne nói, một lời tử tế và không đúng sự thật, và Hana đáp “Tu osi” câu chẳng tử tế mà cũng chẳng sai.

Có hai can dầu trên kệ phòng khám, qua cánh cửa hành lang. Hana nhìn thấy chúng và thấy rằng không ai rán thứ gì cả. Bữa tối là bánh hấp với tương ớt và một nồi đậu bắp, cao lương và cua, và Junie đã ép dẹt những chiếc bánh trong chảo khô cho giòn mép, và món ăn ngon, và chị nói vậy, và Junie nhìn chị với vẻ nghi ngờ ra mặt.

Sau bữa tối chị trải các bản vẽ ra bàn.

Chị nói suốt một giờ. Chị đã tập trên thuyền, và chị thấy những gì đã tập vẫn trụ vững. Thiết bị là một cái bơm. Nó có hai buồng và một lớp màng uốn qua lại giữa chúng để đẩy máu đi. Nó cần nguồn điện từ bên ngoài, qua một đường dây dưới da nối tới một bộ dẫn động sẽ được đeo trên người hoặc đặt cạnh giường, và nó cần một bộ điều khiển để bảo nó

đẩy mạnh đến đâu và khi nào thì nghỉ. Một bộ điều khiển phải học. Nó phải được cho một kiểu mẫu khởi đầu, một lần hiệu chuẩn, từ một trái tim đã hoạt động với cùng thiết kế, và trên đời có đúng một trái tim như thế, và nó đang ở trong căn bếp này. Sau đó, nó cần một tín hiệu vào sống, một tín hiệu biến đổi từ một cơ thể sống, để điều chỉnh theo, và ở một người nhận khỏe mạnh thì chính cơ thể người nhận cho tín hiệu đó. Cơ thể Étienne không thể cho, ít nhất là lúc đầu. Vì thế ca thủ thuật sẽ mượn một tín hiệu. Còn năng lượng sẽ đến từ thiết bị có nguồn điện: một bộ ắc quy, một bảng điện, một ổ tường. Không gì trong ca thủ thuật lấy đi thứ gì từ cơ thể của bất kỳ ai, ngoài thông tin.

“*Người nhận*” Margaux nói, ghi nó bằng tiếng chuẩn. “Étienne De La Rosa. Kalib, de kora di Marcel. Kouman?”

“Un lekti. Via la registè.” Hana hát đầu về phía ngực Marcel, về phía đồng xu dưới lớp áo. “Kuarenta minit ave un lektè su li. Li pa touche la kora. Li kouta la bagay ra kontrolè ja sava.” Ý chị là một lần đọc: bốn mươi phút với một máy đọc giữ phía trên đồng xu, không gì chạm vào tim, chỉ lắng nghe điều bộ điều khiển của nó đã biết sẵn.

Marcel không nói gì. Tay anh không nhúc nhích.

“An li fasa wani po li?” Solène hỏi. Đó là câu đầu tiên cô nói.

“Li pran la travay de su kora di li mem. Li sinifa ki la sikui pu desanda.” Vòng tuần hoàn đang giết ông dần dần, và đã như thế nhiều năm rồi. Với một trái tim hoạt động được, ông có thể được trở mình sang bên nào cũng được, ngồi dậy, nếu ông ngồi dậy được, được di chuyển. Hana dừng lại. Chị bắt mình nói phần tiếp theo một cách thẳng thắn. “Li pa reveye li. Mo pa sava si li reveye aster. Un kora pa e un mona ra vena a kay. Mo veli ki sa ekri.” Nó sẽ không làm ông tỉnh lại. Chị không biết lúc này ông có tỉnh hay không. Một trái tim không phải là một con người trở về nhà, và chị muốn điều đó được ghi lại.

Margaux ghi lại.

Hana cảm thấy tờ giấy cuối cùng dưới đáy chiếc rương cách đó ba con phố như thể nó đang nằm trong túi chị. Chị đã quyết định trên thuyền. Chị lại quyết định một lần nữa vào chiều hôm ấy, trên giường nhà Kang. Ca thủ thuật sẽ cần một lần khởi động lại, và chị sẽ giải thích việc khởi động lại khi cả nhà đã đồng ý về nguyên tắc với ca thủ thuật và đang hỏi làm thế nào, chứ không phải trước đó, vì một gia đình được yêu cầu cân nhắc hai điều cùng lúc sẽ chỉ cân nhắc điều tệ hơn. Chị biết đó là một lập luận. Chị biết nó là lập luận để biện hộ cho điều gì. Chị để khoảnh khắc ấy trôi qua, và Margaux lật một trang, và khoảnh khắc ấy đã qua mất.

“Poukisa aster?” Nox nói từ chỗ bức tường.

Mọi người nhìn anh. Đó là lần đầu anh lên tiếng kể từ khi chị bước vào.

“Paske vu te trova li” Hana nói. “Mo te sava ki li te na *duy trì*. Mo pa te sava wena, oswa si li te vivan. Kan Margaux te reacha mo su resev an pava mo su la liy, mo te pran bato swivan.”

“Tu te ja havi desen ye. Dos ane di desen.”

“Yo.”

“Po un nonm ra tu pa te sava si li te vivan.” Ý anh là hai năm trời bản vẽ, cho một người đàn ông mà chị còn không biết là còn sống.

“Mo te espere.” Chị nhìn anh. “Mo te douva li.” Chị đã hy vọng. Chị mắc nợ ông.

“Douva li wani?” Marcel nói.

Theo bản khai Hoo4 của Hana Cho, phần Margaux Abagnale đặt tiêu đề là “nguồn gốc”; cái gậy đầu của Yvonne Celestin, mà Margaux ghi là “đá cho phép.”

Chị đã biết câu hỏi sẽ đến. Chị đã biết điều đó suốt mười chín năm. Chị cũng đã tập câu trả lời trên thuyền, và khi nó đến thì nó không đến bằng giọng chị đã chờ. Nó đến từ Marcel, tay đặt trên ngực, và anh hỏi như thể đã từng hỏi điều ấy ở những căn phòng khác và chẳng được cho gì, mà đúng là vậy.

“Li te soti de wena?” anh nói. “Kora di mo. Nulan janmen te pava mo. Yvonne pava manda Hana. Solène pava ki li te havi nueve ane.” Bốn ngày trước anh đã đứng ở Hồ Thu Số Ba trước một tủ chuyển tiếp đang đọc bố anh, và không biết trái tim của chính mình từ đâu mà có. “Mo ap manda.” Giờ anh đang hỏi. Giọng anh vững vàng.

Hana nhìn Yvonne. Yvonne nhìn lại chị và gậy đầu rất khẽ, sự cho phép của một người phụ nữ đã giữ một bí mật suốt mười chín năm vì nó không phải của bà để kể.

Vậy là Hana kể ra một cách thẳng thắn. Chị đã tự hứa trên thuyền rằng chị sẽ kể thẳng thắn hoặc không kể gì cả.

“Mười chín năm trước cô làm ở một xưởng chế tạo trên dải gò,” chị nói. Chị nói bằng tiếng Anh thượng nguồn, lối nói cẩn trọng chị dùng khi ký bản vẽ, vì chị không tin tiếng Kanal của mình với bất cứ điều gì chị không thể rút lại, và mọi người quanh bàn đều theo kịp, như mọi người ở Vùng Bùn đều theo được tiếng chuẩn. “Làm theo hợp đồng cho một gia đình Tầng Tấn. Họ có một đứa con mới sinh với một trái tim không thể hoạt động được. Họ trả nổi thứ không ai trả nổi, nên họ trả tiền cho xưởng của cô để làm một trái tim cho một đứa bé. Cô thiết kế nó. Mất mười bốn tháng. Đó là thứ tốt nhất cô từng làm ra. Khi xong, nó nằm trong một chiếc hộp niêm kín trong phòng sạch của xưởng, chờ được giao, và các bác sĩ phẫu thuật của gia đình đó đang chuẩn bị cho đứa con của họ.”

Chị đặt hai bàn tay phẳng lên các bản vẽ. Các khớp ngón tay chị nhuộm màu xanh gi đồng ở các nếp gấp vì những bể nước muối, và đã như thế suốt hai mươi năm.

“Bố cháu là một kỹ sư chuyển tiếp. Ông ấy từng làm việc cho xưởng, đi dây điện. Ông ấy biết cô. Ông ấy biết thứ gì nằm trong hộp. Và cháu sinh ra với trái tim giống hệt đứa trẻ Tầng Tấn kia. Cùng một khiếm khuyết. Ông ấy đưa cháu đến phòng khám ở đây, và Yvonne bảo ông ấy là cháu chỉ còn vài tuần.” Hana không nhìn Yvonne. “Ông ấy đến tìm cô và xin cô đưa nó cho ông ấy. Cô nói không. Cô nói nó thuộc về một gia đình đã trả tiền cho nó và một đứa trẻ cần nó. Ông ấy nói cháu cũng vậy. Cô lại nói không. Và rồi cô đã không ngăn ông ấy.”

Không ai cử động. Ara đã ngừng đếm cốc.

“Một mình ông ấy không thể mang nó ra khỏi xưởng. Chiếc hộp đã được vào sổ. Thiết bị nằm trong danh mục kiểm kê, và tài khoản của gia đình đó đang gánh chi phí của nó, và mọi bộ phận của nó đều có dấu vết giấy tờ. Thứ ông ấy cần là một người có thể khiến giấy tờ nói một điều khác.” Lúc đó chị nhìn Solène. Chị đã quyết định trên thuyền rằng chị sẽ nhìn Solène khi nói ra điều này, và chị đã làm thế. “Có một thư ký tài chính ở văn phòng Tập Đoàn lo tài khoản của gia đình đó và hợp đồng của xưởng. Tên bà ấy là Amarante. Bà ấy ghi thiết bị là một bản chế tạo hỏng và chuyển nó sang loại bỏ. Bà ấy chuyển chi phí ra khỏi tài khoản của gia đình đó và vào sổ tổn thất của xưởng, nơi nó biến mất giữa cả một

năm tổn thất khác. Và bà ấy xóa tên Marcel khỏi sổ tiếp nhận của phòng khám, để không còn đứa trẻ sơ sinh nào ở Phường 7 mang khiếm khuyết đó trong bất kỳ hồ sơ nào mà ai đó có thể tra cứu. Một thiết bị, một món nợ và một đứa trẻ, ra khỏi hồ sơ. Bà ấy mất bốn đêm.”

“An apre” Marcel nói.

“Rồi bố cháu giấu chiếc hộp dưới áo khoác mang xuống cầu thang công vụ, và cô lắp nó vào. Trong một căn phòng cô sẽ không nêu tên, với sự giúp đỡ cô sẽ không nêu tên. Khi ấy cháu mới mười một ngày tuổi.” Giọng chị có gì đó chao đi và chị để mặc nó. “Cháu đã sống. Cháu mười chín tuổi. Nó vẫn đang chạy. Cô đã muốn được nhìn thấy nó suốt mười chín năm.”

“An la lot timoun” Solène nói.

Hana đã biết sẽ có người hỏi. Chị không biết người đó lại là Solène.

“Xưởng làm một cái khác. Mất tám tháng.” Chị nói điều đó mà không làm nhẹ đi, vì không có cách nào làm nhẹ đi được. “Cô không biết tám tháng ấy đã khiến gia đình đó phải trả giá những gì. Cô chưa bao giờ hỏi. Năm sau cô rời xưởng. Từ đó đến giờ cô ở thượng nguồn.” Chị không tính cái đêm duy nhất, mười một năm trước, khi chị quay về ngồi trong căn bếp này cùng cả nhà sau khi Étienne không còn ở đây nữa.

Căn bếp rất yên lặng. Xuyên qua sàn nhà, chậm và nặng, nhịp bơm vẫn tiếp tục.

“Amarante” Solène nói. Cô nói cái tên ấy như thể đang cân nó trên bàn cân.

“Bà ấy là mẹ cháu,” Hana nói. “Mẹ đẻ của cháu. Bà ấy đã gửi cháu vào đây chín năm trước đó, với Yvonne. Vì thế bà ấy biết ngôi nhà này. Vì thế bà ấy đồng ý khi Étienne nhờ. Cô không nghĩ bà ấy sẽ làm vậy vì bất kỳ ai khác.” Hana bắt mình giữ ánh mắt trên gương mặt Solène. “Cháu giống bà ấy. Ngay từ khi còn bé cháu đã giống.”

Solène không nói gì. Cô đặt cây bút chì đỏ xuống cuốn sổ cái, rất cẩn thận, song song với mép trang, rồi đan hai tay đặt lên trên, và Hana thấy các khớp ngón tay trắng bệch ra rồi thấy cô gỡ chúng ra, có chủ ý, và đặt chúng phẳng xuống.

“Ke li vivan?” Solène nói.

“Cô không biết. Đã mười chín năm nay cô không gặp bà ấy.”

Solène gật đầu một lần. Cô lại cầm cây bút chì lên.

“Skriva li” cô nói với Margaux. “Toti. Nom di li. La bagay ra li te fasa. Skriva li kom Hana te pava li.”

Margaux nhìn cô một lúc rồi ghi lại tất cả, cái tên và việc Amarante đã làm, đúng như Hana đã kể.

* * *

Theo lời kể của Hana Cho; lời kể của Nox, chỉ gồm một câu duy nhất anh thừa nhận.

Quá nửa đêm một chút, Nox đưa chị về. Không ai bảo anh làm thế. Khi Hana bước xuống bậc bậc thềm của Cái Đe với ống đựng bản vẽ trống rỗng, anh đã đứng sẵn ở chân bậc, trong chiếc áo khoác xám, và anh lặng lẽ đi bên chị, phía ngoài vỉa hè, như cách anh đã đi bên Yvonne trên Lối Tang.

Phường 7 vào giờ ấy tối và ồn. Mọi con ếch dưới rãnh nước đều đang kêu. Một con chó sủa cách ba con phố, ngừng, lại sủa. Nhà bơm ở chân Dãy Sabine thở hơi nóng ra khi họ đi qua đầu dãy, và qua các khe chớp Hana nghe thấy một kíp thợ đang hát, khẽ, theo nhịp của cổ máy. Đầu đó có một người phụ nữ đang rón rứ gì đó bằng đầu lúc nửa đêm, cửa chớp đóng kín, và mùi thơm thoát qua các nan cửa ra ngõ khiến Hana ứa nước miếng, và Nox nói, không nhìn về phía cửa chớp, “Luil Sindika. Setanta token po kanis” nói ra cái giá, đầu Nghiệp Đoàn bảy mươi xềng một can, rồi đi tiếp.

Họ băng qua chợ, vắng tanh, các sạp hàng buộc chặt dưới tấm bạt. Ở góc nơi các ngõ dốc xuống kênh, một cô gái chừng mười lăm tuổi đang ngồi trên bậc thềm trong chiếc váy xám của bảo mẫu Tầng Tấn, chiếc vòng cổ vẫn cài khóa nơi cổ họng, người đung đưa. Đầu ngón tay cô bé bị bóng đèn bóng lên ở phần thịt dẹt. Mùi bốc ra từ cô bé, ngọt và khét, như đường để quá lâu trên bếp. Cô bé ngược nhìn họ bằng đôi mắt không hẳn dừng yên được ở một chỗ, và nói, bằng tiếng Kanal, rất lễ phép, “Eskize mo, ke tu havi kekchoz” và Nox dừng lại.

Hana nhìn anh nhìn cô bé. Anh nhìn chiếc vòng cổ, và những ngón tay, và dấu phấn trên tường phía trên đầu cô bé mà Hana không biết đọc thế nào, một bàn tay nắm lại với ba vạch bên dưới, và có điều gì đó lướt qua gương mặt anh mà chị đã từng thấy một lần, mười một năm trước trong căn bếp của Cái Đe, và đã mong không phải thấy lại.

Anh ngồi xổm xuống để mặt mình ngang với mặt cô bé.

“Tu deme wena?” anh nói.

“Katyè Tres.” Cô bé nói như thể đó là một câu đùa. “Mo travaya anlè. Mo lib. Mo havi un jou lib.”

Anh lấy thứ gì đó ra từ bên trong áo sơ mi, nơi anh cất bất cứ thứ gì anh cất, vì túi áo anh không giữ được gì. Đó là một gói giấy gấp đựng xềng. Anh lấy hai đồng đặt vào tay cô bé và khép những ngón tay bông của cô bé lại quanh chúng. “Sa e po chikore an un gato. Na stal su Rampart. Pa po lot bagay la.” Anh bảo cô bé là để mua cả phê điệp xoắn và một cái bánh ở sạp bên Rampart; không phải cho thứ kia.

“Yo” cô bé nói, lễ phép, chẳng có nghĩa gì, và anh biết vậy, rồi đứng dậy.

Họ đi tiếp xuống phía kênh. Hana chờ anh nói gì đó nhưng anh không nói, nên một lúc sau chị nói, “Poch di tu.”

“Po mo pa kava anyen ra mo pa te veli kava.”

“Tu te kava token ye.”

“Andedan chemiz di mo. Sa e veli.” Anh im lặng vài bước. “Sa e sa mo pava Junie. Sa pa e toti.” Túi áo được khâu lại để anh không mang theo thứ gì anh không định mang: đó là điều anh đã nói với Junie, và đó chưa phải là tất cả.

Cầu Phường 12 là một nhịp cầu sắt cũ bắc qua kênh, có một ngọn đèn ở đầu phía Phường 7 và không có ngọn nào ở đầu kia. Mặt kênh bên dưới nằm đen và phẳng lặng.

Trên cây cọc phía gần, một con diệc đêm đứng khom mình trong ánh đèn, xám và trắng với cái mũ đen, như một ông già nhỏ bé đang chờ thuyền, và không nhúc nhích khi họ bước lên cầu. Ngoài làn nước đen có thứ gì đó lật mình, lóe bạc rồi biến mất. Cá rô phi, Hana nghĩ. Giờ chúng làm chủ các con kênh. Hồi chị còn là một cô bé, ở đây có cá đối.

Nox dừng lại ở đỉnh nhịp cầu. Chị dừng cùng anh.

“Tu te repete sa” anh nói.

Chị không giả vờ. “Su bato. Tres jou.”

“Li te bon. Li te tena.” Anh nhìn xuống mặt nước, không nhìn chị. “Mo te fasa dora pandan onse ane, anlè larivyè.” Những người mở cửa cho anh bao giờ cũng đã tập trước. Những người không có gì phải giấu thì tập những phần dễ; những người đang giấu điều gì thì tập vòng quanh nó. Anh đặt hai tay lên lan can. “Mona ra repete lasa bagay deyo.”

Con diệc đêm dịch chân trên cây cọc.

Hana đứng trên đỉnh cầu với ống đựng bản vẽ trống rỗng và nghĩ đến tờ giấy dưới đáy rương, cách một con phố, cuộn riêng, chữ *có thể thất bại* gạch dưới hai lần. Chị có thể nói với anh. Anh sẽ nói với Solène trước khi trời sáng. Solène sẽ ghi nó vào sổ cái bằng bút đỏ. Cả nhà sẽ cân trái tim và lần khởi động lại cùng một lúc, và thấy lần khởi động lại nặng hơn, như các gia đình vẫn thế, và các bản vẽ sẽ trở lại trong ống, và người đàn ông nằm nghiêng bên trái trong căn phòng ảm sẽ tiếp tục được trở người thêm mười một năm nữa cho đến khi tim ông tự ngừng.

Chị không nói gì. Chị để sự im lặng đứng đó trên cây cầu giữa hai người, và anh cũng để mặc nó.

“Nenpot sa li e” cuối cùng Nox nói, “pa kita li trova li li sèl. Solène. Li trova toti bagay. Pa fasa li trova sa.” Dù đó là gì, ý anh là, Hana không được để Solène một mình tự tìm ra nó. Solène tìm ra mọi thứ. Hana không được bắt cô phải tìm ra chuyện này.

Anh quay người đi ngược xuống nhịp cầu về phía ngọn đèn mà không chờ câu trả lời, và con diệc đêm nhìn theo anh, và Hana đứng ở đầu tối của cây cầu thuộc Phường 12 với nhịp bơm của hai phường gặp nhau dưới chân, một chậm và một nhanh hơn, không hẳn khớp nhịp, cho đến khi chị không còn phân biệt được mình đang đứng trong nhịp nào.



Đề xuất

Theo lời thuật của Solène Lafitte; số đếm bằng phần của Ara trên nền đá lát ở Cái Đe và trên những phiến đá sau chợ; lời kể của Pip.

Solène không ngủ, và chuyện đó đang thành một thói quen cô không thích. Lúc trời vừa hửng sáng cô xuống bếp và thấy Ara đã thức, ngồi trên băng ghế dưới cửa sổ với hộp phấn, vạch những dấu lên nền đá lát, còn cả nhà thì vẫn im lặng. Nox đã đưa Hana đi đến tận cầu Phường 12 sau nửa đêm. Ara đã ngủ thiếp trên băng ghế trong bếp giữa chừng lời kể, và Yvonne đã đắp một tấm chăn lên thân hình nhỏ bé ấy và bảo cứ để đứa trẻ ở lại, sáng mai Nox sẽ đưa Ara sang nhà Kang.

“Cháu đang đếm gì thế?” Solène hỏi bằng tiếng Anh, vì tiếng Kanal của Ara chỉ có bốn mươi từ cộng với các con số.

“Nhịp bơm. Khoảng giữa nhịp bơm với cái kia.” Ara chỉ xuống nền, nơi một hàng vạch phấn ngắn chạy dọc mép một phiến đá. “Có một cái to, là máy bơm. Thỉnh thoảng có một cái nhỏ ở dưới nó. Cháu đang đếm xem giữa hai cái nhỏ có bao nhiêu cái to. Mỗi lần mỗi khác.”

Solène ngồi xổm xuống nhìn những vạch phấn. Chúng chia thành từng nhóm: bảy, bốn, mười một, bốn, chín. Cô không thấy quy luật nào cả.

“Cháu học đếm như thế ở đâu?”

“Cháu cứ thế mà đếm thôi.” Ara ngược lên. “Cô có buồn vì mẹ cô không?”

Câu hỏi đi vào cô gọn đến mức cô không kịp xếp đặt gì chắn trước nó.

“Cô không biết,” Solène nói. “Cô chưa từng biết bà ấy. Tối qua cô mới biết tên bà ấy.”

“Cháu biết mẹ cháu,” Ara nói, “nhưng cháu không biết mẹ đã làm gì suốt một thời gian dài trước khi cháu ra đời. Mẹ không kể cho cháu. Nên cũng hơi giống nhau.”

Solène ngẫm điều đó và thấy rằng đúng là cũng hơi giống nhau thật. Cô đứng dậy.

“Cháu có muốn ăn sáng không? Ăn sáng hẳn hoi, ở chợ. Cô mời.”

Ara đứng dậy ngay.

Họ đi bộ đến chợ Phường 7 vào cái giờ xám xịt khi hơi nóng đã bốc lên từ những phiến đá. Chợ đang thức dậy: những người bán hàng kéo mái che ra, một người bán cá dội nước rửa phần cá bằng một cái xô, một thằng bé đạp xe chẳng một thùng đậu bắp phía sau. Không ai rán gì cả. Mùi của chợ buổi sáng lẽ ra phải là cá rán trong dầu nóng và bánh rán cao lương, thế mà thay vào đó lại là đá ướt, diệp xoăn và tảo hấp, và người ta đứng ở các sạp với cốc

trên tay và phàn nàn về chuyện đó bằng tiếng Kanal với cái thú người ta vẫn có khi than một điều ai cũng phải chịu. Solène mua hai cốc cà phê diếp xoăn, một cốc gần như toàn sữa, và hai cái bánh khoai lang của một người phụ nữ nướng bánh trong lò đất và không cần đến dầu, và hai người đứng ăn. Ara đếm các nếp gấp trên mép bánh trước khi ăn. Mười chín.

“Nineteen” Ara nói. “Như anh Marcel.”

“Như Marcel,” Solène nói, rồi phải nhìn cái phản cá một lúc.

Sau chợ, qua khỏi lán hàng cá, đường ống chính cũ trồi lên khỏi mặt đất một đoạn chừng mười bước chân rồi mới chui xuống lại: một đường ống sắt đen to bằng cái thùng phuy, tán đinh, già hơn cả lịch, với một lớp sơn của Cổng đang bong tróc và một lớp muối đóng vảy ở các mối nối nơi nó rịn mồ hôi. Trẻ con Phường 7 đã áp tai vào nó từ hồi nào không ai còn nhớ. Lúc này có một đứa trẻ ở đó, nằm trên nền đá, một bên tai áp phẳng lên gang, mắt nhắm, chừng tám tuổi, mặc chiếc áo quá rộng, đôi chân trần xám bụi. Solène biết mặt đứa trẻ. Ai ở phía chợ cũng biết Pip.

Ara dừng lại. Pip mở một mắt.

“Cậu đang nằm chỗ của tớ,” Ara nói bằng tiếng Anh, điều đó không đúng, vì Ara chưa từng đến đây bao giờ.

“Mo ap kouta” Pip nói.

“Nghe cái gì?” Ara hiểu được giọng điệu dù không hiểu lời.

“Katy Onse. Pafwa Katy Onse rira.” Pip ngồi dậy, chỉ vào đường ống và cười, một tiếng cười trầm ừng ục bất chước, để Ara hiểu. “Nulan kroua mo.” Đôi khi Phường Mười Một cười, và chẳng bao giờ có ai tin phần đó.

Ara nhìn đường ống, nhìn Pip, rồi, khiến Solène ngạc nhiên, không cái, không hỏi bằng cách nào, cũng không bảo là không thể. Ara lấy hộp phấn ra, ngồi xếp bằng trên nền đá cạnh đường ống và nói: “Khi nào thì bảo tớ. Tớ sẽ đếm.”

“Konta wani?”

“Khoảng giữa. Từ nhịp bơm đến lúc cậu nghe thấy nó.” Ara ra hiệu bằng tay: một nhịp, một quãng trống, một nhịp.

Pip ngẫm nghĩ, rồi nằm xuống lại, áp tai vào gang, một lúc sau nói “Now” và Ara vạch một dấu, một lúc sau Pip lại nói “Now” và Ara vạch thêm một dấu nữa. Solène đứng bên cạnh với cốc của mình. Chúng không nhìn cô. Chúng đã quên mất cô. Pip nghe còn Ara đếm, và giữa các dấu chúng cái nhau khe khẽ xem một thứ Pip vừa nghe thấy là tiếng cười hay tiếng cửa, và tiếng cửa có được tính không, và Ara bảo tiếng cửa có tính nếu mình ghi nó là tiếng cửa, và Pip nghĩ một lúc rồi đồng ý.

Solène đứng nhìn chúng rất lâu, lâu hơn cô định. Tai Pip trên ống chính; phấn của Ara trên nền đá. Đứng đó, cô chợt nghĩ ra rằng cô có thể hỏi chúng. Rằng cả nhà đã mất hai tuần để tìm hiểu xem lớp gang cũ mang được bao nhiêu thứ, và rằng Marcel đã từ Hồ Thu Số Ba trở về, tay ép lên ngực, nói về một nhịp thứ hai bên dưới nhịp bơm, một thứ đều đặn hơn bất cứ thứ gì, và đây là hai đứa trẻ nằm cạnh đường ống chính lâu đời nhất trong phường, đang ghi chép đúng loại thứ ấy, bằng phấn, chẳng vì lý do gì ngoài việc chúng muốn thế. Cô có thể ngồi xồm xuống hỏi chúng nghe thấy gì. Cô có thể đưa Marcel đến. Cô có thể chép các dấu của chúng vào sổ cái.

Cô không làm thế. Cô đứng đó với cốc cà phê đang nguội dần và hiểu rằng ý nghĩ kia đã đến với cô bằng đúng cái giọng của những bản vẽ trên bàn bếp, cái giọng biến bất cứ thứ gì nghe được thành một thứ có thể đem ra dùng, và cô để nó trôi qua. Chúng là trẻ con. Chúng đang chơi. Những gì chúng nghe được là của chúng.

“Mira” Pip đột nhiên nói, ngồi bật dậy. “La. Sa te la ri. Tu te pran li?” Đấy, đó là tiếng cười; Ara có bắt được không?

“Thirteen” Ara nói, vạch dấu. “Mười ba nhíp bơm. Ghi rồi.”

“Nulan ve kroua li.”

“Không sao,” Ara nói. “Ghi rồi.”

Pip nhìn vạch phấn một lúc, rồi cười toe, một nụ cười rộng sứt răng, và nằm xuống lại trên ống gang.

Cuối cùng khi Solène gọi Ara về, Ara đứng dậy phủi người, và Solène nhìn thấy đôi giày: đồ làm trên sàn, da tốt, chạt mắt một cỡ, đế mòn thủng hẳn ở mép ngoài gót chân trái đến lộ cả tất. Ara thấy cô đang nhìn.

“Đó là chân đếm của cháu,” Ara nói. “Lúc đếm cháu đứng dòn lên mép ngoài của nó. Nên nó mòn trước.”

“Chú Nox sẽ đưa cháu đến chỗ cô Janelle,” Solène nói. “Ở Dãy Sabine. Cô ấy sẽ sửa cho.”

“Cô ấy có giỏi không ạ?”

“Giỏi. Cháu kể cho cô ấy gót giày mòn thế nào. Cô ấy sẽ muốn biết. Cô ấy ghi chép mọi thứ.”

Ara trông hài lòng với điều này, như thể đó là một phẩm chất đáng có ở một con người. Pip, trên đường ống, giơ một tay lên mà không mở mắt, và Ara giơ tay đáp lại, rồi họ đi về nhà.

* * *

Theo lời kể của Pip, kể rất dài; của Ernestine, ngắn hơn và thống nhất về cái bánh.

Tối hôm đó ở Dãy Bể Chứa, trong căn nhà nổi có cửa xanh cách máy bơm ba nhà, Pip về lúc chạng vạng, bụi phấn lấm đến tận hai khuỷu tay, và tuyên bố với cả nhà rằng có một người mới biết đếm đường ống.

Không ai ngăn lên. Căn nhà nổi có một phòng dưới nhà và một phòng trên gác, và lúc chạng vạng phòng dưới chứa tất cả mọi người: mẹ Pip là Ernestine ngồi ở bàn với một xô hắc ín nóng đang nguội dần bên cạnh, hai tay đen đến cổ tay vì cái máng nước nhà Batrville; chị gái Pip là Josiane đang vá lưới trên đầu gối; đứa bé nằm trong cái nôi đan đặt trên sàn, ho tiếng ho nhỏ và ướt mà ai sống ở tầng trệt Dãy Bể Chứa cũng mắc trong cái nóng ẩm và mà phòng khám gọi là “bệnh ẩm” và đã viết hẳn một bài về nó. Tờ giấy chứng nhận nằm móc treo trên một cái đinh cạnh cửa. Trên đó ghi *CÓ ĐIỀU KIỆN*. Nó đã ghi *CÓ ĐIỀU KIỆN* suốt hai năm, nghĩa là căn nhà vẫn ở được cho đến khi có ai đó quyết định là không.

“Un mona nov” Pip nhắc lại, giọng lớn hơn.

“Lava” Ernestine nói.

Pip rửa ráy qua loa ở chậu, rồi quay lại ngồi trên bậc cầu thang dưới cùng, vốn là chỗ dành cho lời kể, và kể. Người mới đã đến trên một con thuyền từ thượng nguồn cùng với

một người mẹ là kỹ sư và một hộp phấn trong túi áo khoác. Người mới đã ngồi xuống cạnh ống chính sau lán hàng cá và không nói *không thể nào* hay *về nhà đi* hay *coi chừng kẹt tai đấy*, là những điều người ở chợ hay nói, và điều đó đã có lần xảy ra thật, với một thằng bé tên Didier, và phải mất hai người bán cá và một xô mỡ. Người mới đã nói *khi nào thì bảo tớ*.

“An mo te pava kile” Pip nói. “An la mona nov te konta ponp. De ponp tanka mo audi li. An te skriva li su roch ye.”

“Skriva wani?” Josiane nói, không ngẩng lên khỏi tấm lưới.

“La kont. Trese. Po la ri.”

“Pa gen ri” Josiane nói. “Katy Onse e un tanri. Nulan rira na un tanri.”

“Kekmoun rira.”

“Tanè pa rira. Manda nenpot mona ra te kanpa anba van di un.” Ý Josiane là Phường Mười Một là phường thuộc da, mà thợ thuộc da thì không cười; cứ hỏi bất cứ ai từng đứng cuối gió một xưởng thuộc da mà xem.

“Kekmoun” Pip nói, “rira.”

Ernestine đặt cây cọ quét hắc ín xuống. Chị nhìn Pip một lúc lâu qua mặt bàn, hai bàn tay đen đặt phẳng trên mặt gỗ, và Pip chờ câu *đi ngủ đi* nhưng câu đó không đến.

“Madanm ave kreyon wouj te fasa wani?” Ernestine nói. “Tu te pava ki madanm Anvil te e du.” Chị muốn biết người phụ nữ của Cái Đe cầm bút chì đồ đã làm gì ở đó.

“Anyen.” Pip nghĩ ngợi. “Li te kanpa du. Li te havi un tas. Li te gon manda kekchoz, ko li pa te manda.” Pip nhúu mày, cố hình dung cho ra. “Li te sanble kom kan tu gon pran denye gato, ko tu dava li a bebe a.” Người phụ nữ đã đứng đó với một cái cốc, muốn hỏi điều gì đó mà không hỏi, và trông giống như khi người ta định lấy cái bánh cuối cùng rồi lại đem cho đứa bé.

Ernestine cầm cây cọ lên lại và nhìn nó mà không làm gì với nó cả.

“La mona nov pava ki sa pa enpotan si okenn mona kroua li” Pip nói. “La mona nov pava ki li ekri.”

“Su roch deye hanga pouason” Josiane nói. “Nonm pouason rene le chak matin.” Ông bán cá dội rửa mấy phiến đá ấy mỗi sáng; các vạch phấn sẽ không còn đến hết ngày.

“Ko nu ve skriva li ankora” Pip nói.

Đứa bé ho. Ernestine đứng dậy nhắc cái nôi lên bàn cạnh mình, cho khỏi hơi ẩm ban đêm bốc lên qua sàn phao, rồi đặt một ngón tay khớp đen vào nắm tay đứa bé, và đứa bé nắm lấy. Ngoài cửa sổ máy bơm Dây Bể Chứa đang chạy, nhẹ hơn máy bơm Dây Sabine một chút, đều đặn, và căn nhà nổi cưỡi trên nó như nó vẫn luôn cưỡi, không xê dịch, cảm nhận nó suốt từ các cột dẫn lên tận khung nhà. Pip ngồi trên bậc cầu thang dưới cùng, tai áp vào cây cột, cây cột xuyên qua sàn cắm xuống đất, và lắng nghe căn nhà.

“Ke tu pu audi Katy Onse?” Ernestine nói.

“Pa de da. Selman de gran tiyo.” Không phải từ đây; chỉ trên ống chính lớn thôi. Pip nhắm cả hai mắt. “Mo pu audi nu.” Từ bậc cầu thang dưới cùng, cái Pip nghe được là căn nhà, và tất cả mọi người trong đó.

Theo số cái của Solène Lafitte, trang H004 và trang tiếp theo.

Nox đưa Ara sang nhà Kang qua đường Dây Sabine, như cô đã nhờ anh. Solène ngồi một mình ở bàn bếp với cuốn sổ cái.

Trang của đêm qua là nét chữ của Margaux, sạch sẽ và đầy đủ, đề *H004*. Người nhận. Dùng để hiệu chuẩn, và bằng cách nào. Năng lượng. Trái tim sẽ làm được gì cho ông, và không làm được gì: *Một trái tim không phải là một người trở về nhà*. Vụ trộm, theo thứ tự: gia đình Tăng Tấn, xương, cái hộp, Étienne, Amarante, việc ghi sổ loại bỏ, món nợ, cái tên bị rút khỏi sổ tiếp nhận của phòng khám, ca lắp tim trong một căn phòng không tên, mười một ngày tuổi. Đứa trẻ kia và tám tháng. *Bà ấy là mẹ cháu*. Margaux đã viết tất cả đúng như Hana nói, như Solène đã dặn.

Solène đọc ba lần. Cô đã mất mười năm đọc bản kê hàng, và điều cô học được đầu tiên và tin nhất là hình dạng của một hồ sơ có thứ gì đó bị thiếu. Mình không nhìn thấy thứ bị thiếu. Mình nhìn thấy hình dạng mà phần còn lại của hồ sơ tạo ra quanh nó, cái cách các chuyển hàng cộng lại thiếu một chút xú so với trọng lượng, cái cách tuyến đường của một người chở hàng mất thêm một ngày so với quãng đường. Mọi phần trong lời thuật của Hana đều khớp, mà nó vẫn có hình dạng ấy. Cô không thể nói được là ở đâu. Đó là một lời thuật tốt. Hana đã kể phần tệ nhất mà không cần ai ép. Thế nhưng, đầu đó giữa đoạn hiệu chuẩn và đoạn tỉnh dậy, các trọng lượng vẫn thiếu một chút xú.

Cô cầm bút chì đỏ lên và, ở lề bên cạnh chữ *bằng cách nào*, rất nhỏ, cô vẽ một dấu hỏi. Cô không biết nó đang hỏi gì. Cô để nó lại đó.

Rồi cô lật sang một trang trắng, viết lên đầu trang bằng những chữ in hoa ngắn gọn của chính mình *ĐỀ XUẤT*, và bên dưới là câu hỏi đầu tiên cả nhà sẽ phải trả lời, rồi ngồi nhìn nó trong lúc căn bếp đầy dần ánh sáng và Junie vừa ngáp vừa đi xuống cầu thang, và nhíp bơm vẫn tiếp tục dưới sàn, và ở đâu đó trong thành phố, trong một căn phòng ấm, một người đàn ông đang được trở người sang nằm nghiêng bên trái.



Hết phần đọc thử

Bản đọc thử miễn phí này dừng lại ở cuối chặng đầu của câu chuyện. Toàn bộ cuốn tiểu thuyết hiện có bằng tiếng Anh trên Amazon.

Bản tiếng Việt này được làm bằng công cụ AI tạo sinh theo chỉ đạo của tác giả và được kiểm tra bằng công cụ tự động, không qua dịch giả là người. Các bản dịch tiếp theo tùy thuộc vào bạn đọc. Mời bạn ghé mudnewspackage.com.



Nhân vật

Danh sách những người xuất hiện nhiều lần, như họ vốn là khi câu chuyện mở đầu. Danh sách không tiết lộ kết cục nào.

Cái Đe

Một hộ gia đình ở Phường 7: bếp, phòng khám, điện thờ và xưởng, đồng thời là sở chỉ huy của Gai Hồng.

Yvonne Celestin. Sáu mươi lăm tuổi. Manbo, người trông coi phòng khám và điện thờ của Cái Đe. Bạn đời của Étienne.

Marcel De La Rosa. Mười chín tuổi. Thợ sửa chữa của Cái Đe, người có một trái tim mang lịch sử riêng.

Nox. Ba mươi lăm tuổi. Từng là lính cường chế của Liên Minh, túi áo khâu kín. Đến Cái Đe năm mười bốn tuổi và được đăng ký là con trai của Étienne.

Solène Lafitte. Hai mươi tám tuổi. Chỉ huy của Gai Hồng.

Lena. Bạn đời của Solène, được gọi là Tướng quân. Dẫn đầu những người tuần tường trên đoạn tường của Dây Bể Chứa.

Margaux Abagnale. Hai mươi lăm tuổi. Người lập hồ sơ. Con gái của thị trưởng.

Hana Cho. Kỹ sư. Trở về Vùng Bùn cùng một đứa trẻ và một cặp bản vẽ.

Ara Cho. Một đứa trẻ đếm mọi thứ.

Junie. Đứa trẻ làm việc của Cái Đe, chừng mười tuổi: chuyển lấy nước, bảng kiểm đếm, đàn gà mái và bàn ăn. Gọi Yvonne là “Bà”.

Pip. Tám tuổi. Lắng nghe những đường ống.

Nel. Bạn đời của Marcel.

Cora Badeaux. Thư ký ở bàn tiếp nhận của phòng khám.

Colette. Mười một tuổi. Con gái của chị em gái Solène, đang sống ở Cái Đe.

Dây Sabine và các phường

Janelle Mouton. Sửa giày và chữa chân ở Dây Sabine, cách Cái Đe hai con phố.

Nessa. Ca sĩ, tay guitar và trưởng Ban Nhạc Xưởng Thừng. Người yêu của Janelle.

Babette Mouton. Chị em họ của Janelle, người thực hành đạo Vodou.

Delphine Aubry. Dẫn đầu đội nhíp bơm ca đêm ở Dây Sabine. Mẹ của Lisette, mười sáu tuổi.

Ozanne Dufresne. Thợ thủy tinh làm nhiệm vụ chống sào ở các nhà máy lọc.

Vessa. Người Dây Bể Chứa. Néri, anh em trai của Vessa, đã nằm trong chương trình Duy Trì chín năm nay.

Teodor Asante. Người quản lý hành chính của Phường 7.

Madame Oyelaran. Giữ một quầy ở Dây Sạc Diếp Xoăn.

Prosper Maraist. Người tuần tường ngoài bảy mươi tuổi, thế hệ thứ tám trên Khuỷu Bà Góa.

Hố Thu Số Ba, Tầng Tán và Nghiệp Đoàn

Étienne De La Rosa. Kỹ sư chuyển tiếp, bị giữ ở Hố Thu Số Ba. Bạn đời của Yvonne và cha của Marcel.

Esvane và Elvaren. Những người chăm sóc Étienne ở Hố Thu Số Ba.

Georges Abagnale. Thị trưởng. Sáu mươi một tuổi. Cha của Margaux.

Laveau. Nằm một ghế trong Nghiệp Đoàn.

Baron Feray. Chỉ huy Bọn Im Tiếng và đường dây buôn Ashe. Khởi đầu là người tổ chức dịch vụ đi khách trong một lán thuyền ở Bywater.



Địa danh và thiết chế

Thành phố. Một New Orleans tương lai: thành phố của những lòng chảo được bơm cạn, bị bỏ lại khi sông Mississippi đổi dòng. Lịch địa phương đang ở Năm 19.

Vùng Bùn. Những lòng chảo: bảy mươi lăm phường, xếp hạng từ A đến F, nằm dưới dải gò. Người ta hỏi bạn thật ra đến từ phường nào.

Tầng Tần. Những dinh thự cũ trên dải gò và các sân phía trên Vùng Bùn. Khô ráo, được lọc sạch, và im lặng theo thiết kế.

Tầng Giữa. Sườn dốc giữa dải gò và những lòng chảo: thư ký, điểm đổi xềng, dây hàng chăm sóc sức khỏe.

Vùng Lún. Các phường 41 đến 75, những lòng chảo vòng ngoài ngập một nửa.

Con kênh. Nhánh nước mặn có thủy triều mà dòng sông để lại ở thành phố, bên kia những bức tường vòng.

Phường 7, Dây Sabine và Dây Bể Chứa. Phường của Cái Đe; dây sửa chữa của Janelle với trạm bơm cũ; dây bên cạnh hay bị ngập.

Khuỷu Bà Góa. Đoạn tường vòng phía trên Dây Bể Chứa, nơi bức tường ngoặt về phía Hồ.

Hố Thu Số Ba. Cơ sở nơi Étienne bị giữ.

Glass House. Ngôi nhà bằng thủy tinh phế phẩm của Laveau, trên mái nhà máy lọc lâu đời nhất ở Basin.

Hội Đồng. Phê duyệt các chương trình lớn và ban hành những mệnh lệnh đến tay người dân dưới dạng thông báo.

Quầy. Xềng, phân phối, Tuyển Thập Phân và hạng bậc.

Cổng. Đê, máy bơm, cửa cổng và xử lý nước.

Đội Canh. Thanh Tẩy, trạm kiểm soát, giám sát chuyển tiếp và duy trì.

Nghiệp Đoàn. Hàng tiếp tế, tín dụng, tuyển đường và lao động trong xưởng thủy tinh.

Thanh Tẩy. Lực lượng an ninh của Tập Đoàn, mặc đồ xám, đi ủng kín.

Gai Hồng. Lực lượng bảo vệ và hậu cần bám rễ trong phường, điều hành từ Cái Đe.

Bọn Im Tiếng. Tổ chức của Feray. Một vết khắc hình chữ V nông trên ghế băng hay khung cửa nghĩa là chúng đã đến và sẽ còn quay lại.

Ashe. Một thứ cặn gây nghiện từ thủy tinh đỏ phế phẩm.

Nhạc nhịp bơm. Âm nhạc của mỗi phường giữ theo nhịp máy bơm của phường ấy.

Tiếng ngân. Các loa phát của Tầng Giữa phát ra một tiếng ngân làm dịu lòng người, và người ta mua hộp tiếng ngân để nghe nó ở nhà. Một số hộp vẫn tiếp tục ngân sau khi đã bị cắt điện; chưa ai giải thích được vì sao.



Đọc các ngôn ngữ

Tiếng Kanal là tiếng nói chung của Vùng Bùn. Nó hình thành qua nhiều thể hệ từ tiếng Creole Louisiana, tiếng Kreyòl Haiti, tiếng Pháp Louisiana, tiếng Anh của New Orleans, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt và, về sau, tiếng Hàn. Câu của nó theo trật tự chủ ngữ, động từ, tân ngữ, với những từ nhỏ đứng trước động từ để chỉ thời và cách thức:

- *te* quá khứ; *ap* đang diễn ra; *gon* sắp, định; *ve* sẽ
- *pa* không
- *mo* tôi, *tu* bạn, *li* anh ấy, chị ấy hoặc nó, *nu* chúng ta (gồm cả người nghe), *vu* các bạn
- *la* mạo từ xác định; *di* của (*ekip di Delphine*, đội của Delphine)
- *yodi* ở cuối câu nghĩa là “người ta nói”: người nói đã nghe điều đó chứ không tận mắt thấy. Báo cáo của một giao liên kết thúc bằng *viza* (đã thấy) hoặc *yodi* (nghe kể).

Cách phát âm. Tiếng Kanal có sáu nguyên âm, *a e i o u è*, trong đó *è* đọc như “e” trong “xe”. *Ou* đọc như “u” trong “thu”, *ch* như “s” uốn lưỡi, *j* như “gi” uốn lưỡi, *y* như “y” trong “yêu”, và *r* là một cái chạm lưỡi nhẹ. Trọng âm rơi vào âm tiết áp chót. Người nói lớn tuổi giữ âm *è* và các phụ âm cuối; người trẻ thường bỏ chúng đi.

Cú chuyển. Tầng Tấn nói một thứ tiếng Anh chuẩn đã bị là phẳng. Người Vùng Bùn chuyển sang thứ tiếng ấy ở trạm kiểm soát, ở quầy và trong các phiên điều trần, rồi chuyển ra khỏi nó khi về nhà. Trong nguyên tác, sự chuyển đổi ấy được thể hiện bằng việc câu thoại chuyển sang tiếng Anh; trong bản này, câu thoại chuyển sang tiếng Việt, còn tiếng Kanal vẫn được giữ nguyên như khi viết.

Các ngôn ngữ khác của Liên Minh. Cuốn tiểu thuyết song hành, *Đường ray thứ tư*, lấy bối cảnh hành lang đông bắc, nơi người ta nói tiếng Span, tiếng Latch và tiếng Switch.



Bảng từ vựng

Các từ như chúng được nói trong cuốn sách này. Mỗi mục ghi dạng từ, nghĩa của từ, và ngôn ngữ mà từ ấy du nhập từ đó nếu biết được. Bạn đọc không cần danh sách này để theo dõi câu chuyện; nó ở đây cho bất kỳ ai muốn tra cứu.

Nguồn: EN, tiếng Anh. HK, tiếng Kreyòl Haiti. KO, tiếng Hàn. LC, tiếng Creole Louisiana. LF, tiếng Pháp Louisiana. SP, tiếng Tây Ban Nha. VI, tiếng Việt. Mục nào không ghi nguồn thuộc về phần lõi cổ của ngôn ngữ.

KANAL

Tiếng Kanal là ngôn ngữ nói của Vùng Bùn. Tiếng Anh chuẩn của Tầng Tán là thứ tiếng mà người nói tiếng Kanal chuyển sang khi giao tiếp với viên chức, khi làm giấy tờ và trước Hội Đồng.

a: đến, cho	andedan: bên trong (HK: <i>andedan</i>)
a lè: đúng giờ (HK: <i>a lè</i>)	ane: năm (LC: <i>ane</i>)
achta: mua (HK: <i>achte</i>)	ankèt: cuộc điều tra (LF: <i>enquête</i>)
achtè: người mua (HK: <i>achtè</i>)	ankora: lại, nữa
adezif: chất kết dính (LF: <i>adbésif</i>)	anlè: phía trên; lên (HK: <i>anlè</i>)
adisyon: cộng lại (LF: <i>additionner</i>)	anlè a: trên cao
administratè: quản lý hành chính (HK: <i>administratè</i>)	ann: ta hãy, mình cùng (HK: <i>ann</i>)
adwaz: bằng đá (LF: <i>ardoise</i>)	anpil: nhiều (HK: <i>anpil</i>)
afich: tờ niêm yết, thông báo (LF: <i>affiche</i>)	anpile: chất đống (LF: <i>empiler</i>)
afiche: niêm yết (thông báo) (LF: <i>afficher</i>)	anrejistre: ghi sổ, đăng ký (HK: <i>anrejistre</i>)
aigo: ôi trời (cũng là tiếng kêu than khi tang tóc) (KO: <i>aigo</i>)	ansam: cùng nhau (cũng nói <i>ansanm</i>)
ajans: cơ quan (LF: <i>agence</i>)	ansanm: cùng nhau (LF: <i>ensemble</i>)
ajiste: điều chỉnh, lắp cho vừa (LF: <i>ajuster</i>)	ant: giữa (LF: <i>entre</i>)
akroche: mắc, vướng (LF: <i>accrocher</i>)	antere: chôn (LF: <i>enterrer</i>)
alkil: tiền thuê, thuê (SP: <i>alquiler</i>)	anterman: việc chôn cất (HK: <i>antèman</i>)
alkila: tiền thuê, thuê (SP: <i>alquiler</i>)	antra: vào, đi vào (LF: <i>entrer</i>)
almeno: ít nhất (SP: <i>al menos</i>)	antre: mục ghi (trong sổ); chỗ lấy (nước)
alokasyon: phân phân bổ (LF: <i>allocation</i>)	antye: toàn bộ, nguyên (HK: <i>antye</i>)
alto: giọng nữ trầm (LF: <i>alto</i>)	anvè: ngược, lộn trái (HK: <i>anvè</i>)
amu: thích, yêu	anyen: không có gì (HK: <i>anyen</i>)
an: và	ap: đang làm, đang diễn ra (đứng trước động từ)
anba: dưới, bên dưới	aparèy: thiết bị, dụng cụ
anba dlo: dưới nước	apèn: hầu như không (LF: <i>à peine</i>)
anbete: làm phiền (HK: <i>anbete</i>)	apre: sau
anch: hông (LF: <i>hanche</i>)	apremidi: buổi chiều (LF: <i>après-midi</i>)
	apren: học (một giai điệu, một nghề)
	arbol: cây (SP: <i>árbol</i>)

arjan: bạc (LF: *argent*)
asansè: thang nâng, thang chuyển đồ (HK: *asansè*)
asasina: vụ giết người (LF: *assassinat*)
ase: đủ (HK: *ase*)
asosi: mướp đấng (HK: *asosi*)
asosyasyon: hội (LF: *association*)
aster: bảy giờ
asye: thép (LF: *acier*)
atann: chờ đợi, mong (HK: *atann*)
atansyon: cẩn thận, chú ý (LF: *attention*)
atè: trên sàn, dưới đất (HK: *atè*)
atelye: xưởng (LF: *atelier*)
atik: điều (của một quy định) (HK: *atik*)
atrap: bắt (LF: *attraper*)
atravè: xuyên qua, ngang qua (LF: *à travers*)
audi: nghe
avan: trước
avani: sớm
ave: với
avèg: mù (HK: *avèg*)
avi: thông báo (LF: *avis*)
aye: hôm qua (HK: *aye*)
ayere: phơi (quần áo) (LF: *aérer*)
ba: thanh, quán rượu (LF: *barre*)
bach: tấm bạt (HK: *bach*)
bag: vòng (HK: *bag*)
bagay: đồ, thứ (HK: *bagay*)
baget: dưa (LF: *baguette*)
baka: lại (như trong *quay lại*)
balanse: đựng dưa, lắc lư (LF: *balancer*)
ban: bàn thờ
bank: dây (pin) (EN: *bank*)
bann: ban nhạc (LF: *bande*)
barik: thùng tôn (HK: *barik*)
bas: giọng nam trầm (LF: *basse*)
bat: đánh (trống, nhịp) (LF: *battre*)
bateliè: người lái đò (LF: *batelier*)
bati: xây (LF: *bâtir*)
batiman: tòa nhà (LF: *bâtiment*)
batman: mạch, nhịp (LF: *battement*)
bato: thuyền
batri: bộ trống (LF: *batterie*)
baz: (lương) cơ bản (LF: *base*)
bebe: em bé (LF: *bébé*)
beinte: hai mươi (SP: *veinte*)
bel: đẹp trai, đẹp (LF: *belle*)
bèl: đẹp (HK: *bèl*)
belmè: mẹ chồng, mẹ vợ (LF: *belle-mère*)
ben: à, này (mở đầu câu nói) (LF: *eh bien*)
benefis: buổi gây quỹ (LF: *benefice*)
bese: cúi, khom xuống (LF: *baïsser*)
beton: bê tông (LF: *béton*)
bidjè: ngân sách (HK: *bidjè*)
bien: tốt, đúng cách (LF: *bien*)

biwo: văn phòng (HK: *biwo*)
blan: trắng (LF: *blanc*)
ble: xanh lam (LF: *bleu*)
blese: đau, bị thương (LF: *blesé*)
bliye: quên (LF: *oublier*)
blok: khối (LF: *bloc*)
blokaj: bế tắc, tắc nghẽn (LF: *blocage*)
bo: hôn (HK: *bo*)
bokal: lọ, hũ (LF: *bocal*)
bokou: nhiều (LC: *beaucoup*)
bol: bát (LF: *bol*)
bon: tốt (LF: *bon*)
bon mache: rẽ (HK: *bon mache*)
bondye: Chúa (HK: *Bondye*)
bonjou: xin chào, chào ngày mới (HK: *bonjou*)
bonswa: chiều buổi chiều, chào buổi tối (HK: *bonswa*)
bor: mép, rìa
bot: ủng (LF: *botte*)
boua: uống (LF: *boire*)
bouason: đồ uống, một chén (LF: *boisson*)
bouat: hộp, quan tài (HK: *bwat*)
bouch: miệng (LF: *bouche*)
bouche: chặn (không khí) (LF: *boucher*)
bouchon: nút bần (LF: *bouchon*)
bouja: cử động, khuấy
bouje: di chuyển, xô dịch (HK: *bouje*)
bouke: chán, ngán (HK: *bouke*)
bous: ví (LF: *bourse*)
bout: cuối (phố) (LF: *bout*)
bouteye: chai (LF: *bouteille*)
bouton: cúc áo, nút bấm (LF: *bouton*)
bouyi: luộc; nồi luộc (luộc cua) (HK: *bouyi*)
bouyon: nước dùng (LF: *bouillon*)
bouyot: ấm đun nước (LF: *bouilloire*)
bra: cánh tay (LF: *bras*)
branch: tuyến nhánh (EN: *branch*)
bri: tiếng ồn; fasa bri làm ồn (LF: *bruit*)
brila: đốt, cháy (LF: *brûler*)
brile: (đầu) đốt; bị cháy (LF: *brûlé*)
chaj: tải, hàng chở (HK: *chaj*)
chaje: ghi nợ (vào tài khoản) (LF: *charger*)
chajè: người bốc vác (LF: *chargeur*)
chak: mỗi (HK: *chak*)
chaland: sà lan (LF: *chaland*)
chale: hơi nóng (HK: *chalè*)
chalke: viết phấn (một cái tên) (EN: *chalk*)
chan: bài hát (LF: *chant*)
chanja: đổi, đổi chỗ (LF: *changer*)
chanje: đã đổi (LF: *changé*)
chanm: phòng thờ, phòng (HK: *chanm*)
chanta: hát (LF: *chanter*)
chantè: ca sĩ (HK: *chantè*)
chapel: nhà nguyện (LF: *chapelle*)
chare: trâu, chọc (HK: *chare*)

charnyè: bản lẻ (HK: *chanyè*)
chef: ông chủ, sếp (LF: *chef*)
chemiz: áo sơ mi (LF: *chemise*)
chen: chó (LF: *chien*)
cher: thân yêu (LF: *cher*)
chercha: tìm (LF: *chercher*)
cheval: ngựa (LF: *cheval*)
cheve: tóc (HK: *cheve*)
chez: ghé (LF: *chaise*)
chikore: điệp xoắn (LF: *chicorée*)
chimen: đường, lối (LF: *chemin*)
cho: nóng (LF: *chaud*)
chodyè: nổi hơi (HK: *chodyè*)
chofaj: sưởi, cấp sưởi (LF: *chauffage*)
chofe: hâm nóng, làm ấm (LF: *chauffer*)
chofè: ẩm hơn (HK: *chofè*)
chouazi: chọn (LF: *choisir*)
da: đây
dakor: được, đồng ý (LF: *d'accord*)
dam: quý bà (LF: *dame*)
dan: răng (LF: *dent*)
dansa: nhảy múa (LF: *danser*)
dapre: theo (LF: *d'après*)
dava: cho, đưa
davans: trước (LF: *d'avance*)
de: từ, của
debakadè: bến (thuyền) (LF: *débarcadère*)
debarasman: thoát nợ (LF: *débarras*)
dechaja: dỡ hàng (LF: *décharger*)
defèt: tháo rời (LF: *défaire*)
degre: độ (LF: *degré*)
dejene: bữa sáng (HK: *dejene*)
dek: sàn (các sàn của Tầng Tấn) (EN: *deck*)
demann: yêu cầu (LF: *demande*)
deme: ở lại, còn lại
demen: ngày mai
demonte: tháo rời (LF: *démonter*)
denye: cuối cùng (HK: *dènye*)
depi: từ khi (HK: *depi*)
depo: kho (LF: *dépôt*)
deranje: phiền, quấy rầy (LF: *déranger*)
derive: trôi dạt (LF: *dérivér*)
desanda: đi xuống (LF: *descendre*)
desant: đường xuống (LF: *descente*)
desen: bản vẽ (LF: *dessin*)
deside: quyết định (LF: *décider*)
desine: vẽ (LF: *dessiner*)
desizion: quyết định (LF: *décision*)
deska: bàn dịch vụ
dèt: nợ (HK: *dèt*)
devan: phía trước
dey: tang; fasa dey để tang (HK: *dèy; LF deuil*)
deye: phía sau (HK: *dèyè*)
deyo: bên ngoài, bị gạt ra khỏi

dezobeyi: không vâng lời (LF: *désobéir*)
dezod: mớ hỗn độn (HK: *dezòd*)
di: của (*èkip di Delphine*, đội của Delphine)
dializ: lọc máu (LF: *dialyse*)
dies: mười (SP: *diez*)
diesim: thứ mười (SP: *dies + -im*)
diesinueve: mười chín (SP: *diecinueve*)
diesiocho: mười tám (SP: *dieciocho*)
diesiseis: mười sáu (SP: *dieciséis*)
diesisiete: mười bảy (SP: *diecisiete*)
dife: lửa (HK: *dife*)
diferans: sự khác biệt
dimanch: Chủ nhật (LF: *dimanche*)
dire: kéo dài, chịu đựng (LF: *durer*)
dirèkteman: ngay, thẳng (LF: *directement*)
dierson: hướng (LF: *direction*)
diri: gạo, cơm (HK: *diri*)
diskite: cãi nhau (LF: *discuter*)
dispans: giấy miễn trừ (LF: *dispense*)
distri: quận, khu (LF: *district*)
dlo: nước
do: lưng (LF: *dos*)
doka: trừ (lương) (EN: *dock*)
dora: cửa
dormi: ngủ (LF: *dormir*)
dos: hai
dose: mười hai (SP: *doce*)
dosim: thứ hai
dosye: hồ sơ (LF: *dossier*)
douet: ngón tay (HK: *duèt*)
dous: ngọt, dịu dàng (LF: *doux*)
dousman: khỏe, nhẹ nhàng (HK: *dousman*)
douva: nợ; phải (LF: *devoir*)
dra: ga trải giường, vải lạnh (LF: *drap*)
dragaj: nạo vét (LF: *dragage*)
drapo: cờ (LF: *drapeau*)
drese: nắn thẳng (LF: *dresser*)
drèt: (bên) phải (LF: *droite*)
du: đó, ở đó
e: là, thì
echanj: trao đổi (LF: *échange*)
eda: giúp
egzakteman: chính xác (LF: *exactement*)
egziste: tồn tại (HK: *egziste*)
ekay: vảy cá (HK: *ekay*)
èkip: đội, nhóm (LF: *équipe*)
ekri: viết ra, bằng văn bản (LF: *écrit*)
ekstraksion: khai thác, chiết xuất (LF: *extraction*)
elve: nuôi (con) (LF: *élever*)
endistrièl: công nghiệp (LF: *industriel*)
enjenyè: kỹ sư (HK: *enjenyè*)
enposib: không thể (LF: *impossible*)
enpotan: quan trọng; điều đó có ý nghĩa (LF: *important*)

ensiste: khẳng khăng (LF: *insister*)
enskri: đăng ký (cho mình) (LF: *inscrire*)
envante: phát minh, bịa ra (LF: *inventer*)
envenena: thuốc độc (SP: *envenenar*)
epeng: ghim; epeng cheve kẹp tóc (LF: *épingle*)
epese: đập dầy (HK: *epesè*)
eron: con diệc (LF: *héron*)
eseye: thử (HK: *eseye*)
eskalye: cầu thang (LF: *escalier*)
eskiz: lời bào chữa (LF: *excuse*)
eskize: xin lỗi (cho tôi hỏi) (LF: *excuser*)
espere: hy vọng (LF: *espérer*)
espre: cố ý (LF: *exprès*)
esterilizè: máy tiết trùng (LF: *stérilisateur*)
eta: tầng (LF: *étage*)
etajè: ngăn, kệ (LF: *étagère*)
etenda: đập tắt (LF: *éteindre*)
etikèt: thẻ, nhãn (LF: *étiquette*)
etranj: lạ (LF: *étrange*)
explika: giải thích
fab: xưởng chế tạo (EN: *fab*)
fabrik: nhà máy (LF: *fabrique*)
fache: giận (HK: *fache*)
fami: gia đình (kể cả người thân tự chọn và nhận nuôi)
fannm: đàn bà, phụ nữ (HK: *fannm*)
fann: tách, bỏ ra (HK: *fann*)
fant: vết nứt (LF: *fente*)
fantom: ma (LF: *fantôme*)
farin: bột mì (LF: *farine*)
fasa: làm
fasil: dễ (LF: *facile*)
fatige: mệt (LF: *fatigué*)
fatra: rác (HK: *fatra*)
fayi: thất bại, hỏng (HK: *fayi*)
fè: sắt (HK: *fè*)
fen: mỏng, mảnh (LF: *fin*)
fenet: cửa sổ (HK: *fenèt*)
feray: sắt vụn (HK: *feray*)
ferma: đóng (LF: *fermer*)
ferme: đã đóng (LF: *fermé*)
fey: lá (LF: *feuille*)
fi: con gái (HK: *fi*)
fia: tin, trông cậy (SP: *fia*)
fier: tự hào (LF: *fier*)
fièvr: sốt (LF: *fièvre*)
figi: mặt (HK: *figi*)
fikse: định (giá) (LF: *fixer*)
fil: dây điện, dây thép (LF: *fil*)
fin: kết thúc, đoạn cuối (LF: *fin*)
fini: xong, hết, cạn
fis: con trai (LF: *fil*)
fisèl: dây (LF: *ficelle*)
fitè: thợ lắp ráp (LF: *ajuteur*; EN *fitter*)

flan: phôi thủy tinh (LF: *flan*)
flettri: rú, héo (LF: *flétrir*)
flot: nổi (dề nước nổi) (LF: *flotter*)
flotan: nổi; kay flotan nhà nổi (LF: *flottant*)
flote: nổi (LF: *flotter*)
fo: già (HK: *fò*)
fom: biểu mẫu (LF: *forme*)
fon: sâu (LF: *fond*)
fondasyon: sự thành lập (LF: *fondation*)
fonn: tan chảy (HK: *fonn*)
for: mạnh (LF: *fort*)
formalite: thủ tục (LF: *formalité*)
formasyon: huấn luyện (LF: *formation*)
fors: gắng sức, ép (LF: *force*)
fos: hố (hố bom) (LF: *fosse*)
fo: lỗi (LF: *faute*)
foto: ảnh chụp (LF: *photo*)
fou: lò nung (LF: *four*)
fourie: giận dữ (HK: *fouryè*)
frapa: đánh (LF: *frapper*)
frape: gỗ (LF: *frapper*)
fre: anh em trai (HK: *frè*)
frè: phí (LF: *frais*)
fredone: ngân nga (LF: *fredonner*)
fregat: chim cốc biển (LF: *frégate*)
frèt: lạnh (HK: *frèt*)
fri: rán (LF: *frire*)
frota: cọ rửa (SP: *frotar*)
fua: lần (như trong một lần, ba lần)
gadaj: kho chứa (LF: *garde*)
gadyen: người trông cửa cổng (LF: *gardien*)
gaf: cây móc (EN: *gaff*)
gan: găng tay (LF: *gant*)
gany: thắng (HK: *genyen*; LF *gagner*)
gaskèt: gioăng (EN: *gasket*)
gate: hông, hư (HK: *gate*)
gato: bánh ngọt (LF: *gâteau*)
gaz: gạch (LF: *gaze*)
gen: có (HK: *gen*)
glann: nắp đệm (đệm kín van) (LF: *glande*; EN *gland*)
glise: trượt (LF: *glisser*)
goch: (bên) trái (LF: *gauche*)
golf: Vịnh (LF: *golfe*)
gon: sắp, định (đứng trước động từ)
gonbo: đậu bắp (HK: *gonbo*)
gonm: kẹo cao su (LF: *gomme*)
goumen: đánh nhau (HK: *goumen*)
gouta: nếm, vị (LF: *gouter*)
gouvènè: bộ điều tốc (máy bơm) (HK: *gouvènè*)
gramè: ngữ pháp (LF: *grammaire*)
gran: to, đã lớn (LF: *grand*)
grandi: lớn lên (LF: *grandir*)
granfanfan: khoe khoang (HK: *granfanfan*)
grangou: con dúi; dúi (HK: *grangou*)

granmè: bà (HK: *granmè*)
granpè: ông (HK: *granpè*)
grate: cào, cào (LF: *gratter*)
gratis: miễn phí (SP: *gratis*)
gren: hạt (LF: *grain*)
grès: béo (LF: *graisse*)
gri: xám (LF: *gris*)
grigri: chim cắt (HK: *grigri*)
grij: song chắn rác; lưới chắn (LF: *grille*)
grosè: cỡ (LF: *grosueur*)
grosi: béo ra (HK: *grosi*)
grosye: thô lỗ (HK: *grosye*)
hanga: lán (LF: *hangar*)
havi: có, giữ, được dùng
ho: thành tiếng, to (LF: *haut*)
inonde: ngập (LF: *inonder*)
input: đầu vào (tín hiệu đưa vào thiết bị)
istoua: câu chuyện (LF: *bistoire*)
ivè: mùa đông (LF: *biver*)
izaj: chỗ mòn (trên giày) (LF: *usage*)
ize: mòn (LF: *user*)
ja: rời
jakèt: áo khoác (HK: *jakèt*)
jan: cách, kiểu (HK: *jan*)
janm: chân (HK: *janm*)
janmen: không bao giờ (HK: *janm*)
jantiman: từ tế, lễ phép (HK: *janti*)
jantiy: lịch sự, tốt bụng (LF: *gentil*)
jape: sữa (LF: *japper*)
je: mất (HK: *je*)
jedi: thứ Năm (LF: *jeudi*)
jej: đồng hồ đo (EN: *gauge*)
jele: đồng băng (một quyết định) (LF: *geler*)
jèn: trẻ (HK: *jèn*)
jenere: hào phóng (LF: *généreux*)
jenou: đầu gối (LF: *genou*)
jeta: vứt đi
jete: ném (LF: *jeter*)
ijman: phán quyết (LF: *jugement*)
jimo: sinh đôi (HK: *jimo*)
jodi: hôm nay
jon: vàng (HK: *jòn*)
jonksion: chỗ nối (LF: *jonction*)
jou: ngày (HK: *jou*)
jouen: mạch vữa (trong tường gạch) (LF: *joint*)
jouet: trò chơi, đồ chơi (LF: *jouet*)
kab: dây đo
kabann: giường, giường tầng (HK: *kabann*)
kaben: tù
kado: quà (HK: *kado*)
kaiman: cá sấu caiman (HK: *kayiman*)
kalib: biên bản hiệu chuẩn
kalimba: kalimba (đàn ngón cái) (EN: *kalimba*)
kalite: loại (HK: *kalite*)

kalkil: phép tính, tính toán (LF: *calcul*)
kalkile: tính, tính trước (LF: *calculer*)
kalm: yên, bình tĩnh (LF: *calme*)
kamra: phòng
kan: khi
kanal: kênh (LF: *canal*)
kanari: nôi đất, vại (HK: *kanari*)
kanis: lon, hộp thiếc (EN: *canister*)
kanistè: can, hộp đựng (HK: *kanistè*)
kanmem: dù sao
kanni: mốc (HK: *kanni*)
kanpa: đứng (HK: *kanpe*)
kantik: thánh ca (HK: *kantik*)
kantite: lượng, số lượng (LF: *quantité*)
kaoutchou: cao su, lốp xe (LF: *caoutchouc*)
kapitèn: thuyền trưởng; kapitèn provizyon người phụ trách hậu cần (LF: *capitaine*)
kapsil: ống nang (LF: *capsule*)
kapta: đầu thu
kaptè: đầu thu, cảm biến (LF: *capteur*)
karèm: Mùa Chay (HK: *karèm*)
kase: vỡ, hỏng (HK: *kase*)
kat: thẻ (LF: *carte*)
katorse: mười bốn (SP: *catorce*)
katouch: hộp mực, ống nạp (HK: *katouch*)
katrim: thứ tư (HK: *katriyèm*)
katye: phường, khu phố (LF: *quartier*)
kava: mang, vác
kavilye: chột, chột chẻ (HK: *kavilye*)
kay: nhà, hộ
kazak: áo khoác (áo điểu hành) (HK: *kazak*)
ke: (mở đầu câu hỏi có hay không)
kek: vài (LF: *quelque*)
kek kote: đầu đó (HK: *kèk kote*)
kekchoz: cái gì đó (LC: *quelque chose*)
kekoun: ai đó (HK: *kèkoun*)
kès: thùng thư (LF: *caisse*)
kèsta: câu hỏi
ki: rằng (như trong *bà ấy nói rằng*)
kile: khi nào (câu hỏi) (LC: *ki là*)
kiles: cái nào (HK: *kilès*)
kilo: ki lô (LF: *kilo*)
kimjang: kimjang (KO: *kimjang*)
kinse: mười lăm (SP: *quinze*)
kit: kit ... kit, dù ... hay (HK: *kit*)
kita: để, cho phép; bỏ (LF: *quitter*)
kiyè: thià (HK: *kiyè*)
kizin: bếp (HK: *kizin*)
klanp: cái kẹp (EN: *damp*)
klarte: ánh sáng, đèn (LF: *clarté*)
kle: chìa khóa (LF: *dé*)
klè: rõ ràng (HK: *klè*)
klèk: thư ký (EN: *clerk*)
klib: câu lạc bộ (EN: *club*)

klinik: phòng khám (LF: *dinique*)
klinye: chớp mắt (LF: *digner*)
kloch: chuông (giờ) (LF: *cloche*)
ko: thể thì, vậy
koch: vết khía (HK: *kòch*)
kod: mã (LF: *code*)
kodonye: thợ giày (HK: *kòdonye*)
kodye: thợ bện thừng (LF: *cordier*)
kola: dán, gắn lại (LF: *coller*)
kole: dính, bám (LF: *coller*)
kolè: cơn giận (LF: *colère*)
kolektè: ông góp (LF: *collecteur*)
kolonn: cột (LF: *colonne*)
kolye: vòng cổ (vòng cổ lao động) (HK: *kolye*)
kom: như (LC: *kòm*)
komandan: chỉ huy (LF: *commandant*)
komande: đặt (hàng) (LF: *commander*)
komìn: chung (LF: *commun*)
komite: ủy ban (LF: *comité*)
konbe: bao nhiêu (HK: *konbyen*)
kondision: điều kiện, tình trạng (LF: *condition*)
konek: đã nối
konekta: nối (LF: *connecter*)
konfizyon: sự lẫn lộn (LF: *confusion*)
konn: từng, quen (HK: *konn*)
konnen: quen biết (người) (HK: *konnen*)
konpliman: chúc mừng; lời khen (LF: *compliment*)
konpozit: vật liệu composite (EN: *composite*)
konpran: hiểu
konsa: như thế, kiểu đó (HK: *konsa*)
konsanti: sự đồng ý (LF: *consentir*)
kont: tài khoản (LF: *compte*)
konta: đếm (LF: *compter*)
kontan: vui (HK: *kontan*)
konte: tính, có ý nghĩa (LF: *compter*)
kontè: đồng hồ đếm (LF: *compteur*)
kontesta: tranh chấp, khiếu nại (LF: *contester*)
konti: tiếp tục
kontizyon: vết bầm (LF: *contusion*)
kontra: hợp đồng (HK: *kontra*)
kontrolè: bộ điều khiển (HK: *kontwolè*)
kontwa: quầy (bàn) (LF: *comptoir*)
konvoy: đoàn xe (EN: *convoy*)
kooperativ: hợp tác xã (LF: *coopérative*)
kopia: bản sao hồ sơ hay bản thiết kế
kor: ca đoàn (LF: *chœur*)
kora: tim, kể cả tim cấy ghép
kord: dây thừng (LF: *corde*)
korek: đúng
koreka: sửa, chỉnh lại
korespon: khớp, tương ứng (LF: *correspondre*)
korp: cơ thể, thân
kosta: làm (ai đó) mất (cái gì)
kote: bên cạnh

kotizasyon: hội phí (LF: *cotisation*)
koton: bông, vải bông (LF: *coton*)
kou: nhịp (bơm); cú đánh (LF: *coup*)
kouch: lớp (LF: *couche*)
kouche: nằm (trên cái gì); nằm xuống (LF: *coucher*)
koud: đã khâu (HK: *koud*)
kouda: khâu (LF: *coudre*)
kouen: góc (LF: *coin*)
koule: rò, chảy (LF: *couler*)
koulè: màu (LF: *couleur*)
kouman: thể nào (HK: *kouman*)
koup: đôi, cặp (LF: *couple*)
koupa: cắt (LF: *couper*)
koupe: bị cắt; cắt đứt (LF: *coupé*)
koupè: dao cắt (thủy tinh) (LF: *coupeur*)
kouplè: đoạn thơ, lời ca (LF: *couplet*)
koupli: khớp nối (EN: *coupling*)
kouran: dòng điện, điện (LF: *courant*)
kourè: giao liên (của Gai) (HK: *kourè*)
kouri: chạy (HK: *kouri*)
kourye: người đưa tin (LF: *courrier*)
kous: mùa cá (cá vè) (LF: *course*)
kout: ngắn (LF: *court*)
kouta: nghe (HK: *koute*)
koute: giá (LF: *coûter*)
koutim: phong tục (HK: *koutim*)
kouto: dao (LF: *couteau*)
kouvèk: nắp (HK: *kouvèk*)
kouzen: anh chị em họ (LF: *cousin*)
kouzin: chị em họ (nữ) (LF: *cousine*)
koz: nguyên nhân
krab: cua (LF: *crabe*)
krabye: người đánh cua (LF: *crabier*)
krache: nhố (LF: *cracher*)
kranp: chuột rút (LF: *crampe*)
kranpon: cái kẹp (LF: *crampon*)
krapo: ếch, cóc (LF: *crapaud*)
kras: một chút (un ti kras) (HK: *kras*)
kraze: xô đổ, đè nát (LF: *écraser*)
kredi: tín dụng (LF: *crédit*)
kret: dài gò, dính (LF: *crête*)
kreyon: bút chì (HK: *kreyon*)
kri: sống (LF: *cru*)
kribich: tôm (HK: *kribich*)
krich: bình (HK: *krich*)
kritike: chê bai (LF: *critiquer*)
kriya: khóc (HK: *kriye*)
crochi: cong vẹo (HK: *kwochi*)
kroua: tin (LF: *croire*)
kuarenta: bốn mươi (SP: *cuarenta*)
kuatro: bốn (SP: *cuatro*)
kuatrosien: bốn trăm (SP: *cuatrocientos*)
kuenta: có tính; tài khoản, sổ nợ (SP: *cuenta*)
kuir: da thuộc (LF: *cuir*)

kuit: chín (HK: *kuit*)
kuita: nấu (HK: *kuit*)
kuiv: đồng (HK: *kuiv*)
kuizinye: nấu (LF: *cuisinier*)
kumansa: bắt đầu (LF: *commencer*)
kura: chăm sóc
la: (mạo từ xác định)
labiè: bia (HK: *byè*; LF *la bière*)
labou: bùn; Vùng Bùn (HK: *labou*)
labouyi: cháo (HK: *labouyi*)
lach: độ chùng (của dây, của tải) (LF: *lâche*)
lacharite: của bố thí (HK: *lacharite*)
ladan: trong đó (HK: *ladan*)
laga: buông ra (HK: *lage*)
laj: tuổi (HK: *laj*)
lajan: tiền (HK: *lajan*)
laje: bề rộng (HK: *lajè*)
lak: hồ (LF: *lac*)
lakay: nhà (HK: *lakay*)
lakou: sân (HK: *lakou*)
lalin: mặt trăng (HK: *lalin*)
lam: lưỡi; phím (đàn kalimba) (HK: *lam*)
laminat: tấm ép (LF: *laminé*)
lan: chậm (LF: *lent*)
lana: chớ
lang: ngôn ngữ, cái lưỡi (LF: *langue*)
lank: mực (HK: *lank*)
lanklo: khu rào (HK: *lanklo*)
lanmè: biển (HK: *lanmè*)
lanmor: cái chết (HK: *lanmò*)
lanmou: tình yêu (HK: *lanmou*)
lanp: đèn (LF: *lampe*)
lantèman: việc chôn cất (LF: *enterrement*)
lanyap: thêm một chút (LF: *lagnappe*)
lapen: thỏ (LF: *lapin*)
laperez: nổi sọ (HK: *laperèz*)
lapli: mưa (HK: *lapli*)
laplipa: phần lớn (LF: *la plupart*)
lari: phố (HK: *lari*)
larim: cảm lạnh (HK: *larim*)
larivyè: sông (HK: *larivyè*)
laro: trên đó (LF: *là-haut*)
lasa: để lại cái gì ở đâu
lava: giặt, rửa (LF: *laver*)
laverite: sự thật (LF: *la vérité*)
le: họ
lè: giờ (HK: *lè*)
lèd: xấu (HK: *lèd*)
ledven: men (LF: *levain*)
legliz: nhà thờ (LF: *l'église*)
leje: nhẹ (LF: *léger*)
lekol: trường học (LF: *l'école*)
lektè: máy đọc (HK: *lektè*)
lekti: chỉ số đọc (của máy đo)

lendi: thứ Hai (LF: *lundi*)
lenn: len; lenn plon len chì (LF: *laine*)
lès: phía đông (LF: *est*)
lesiv: tiệm giặt, đồ giặt (HK: *lesiv*)
lesye: trục xe (HK: *lesye*; LF: *essieu*)
let: thư, chữ cái; chữ in nhỏ (LF: *lettre*)
lèt: sữa (LF: *lait*)
leva: dậy (LF: *lever*)
leve: độ nặng (của máy bơm) (LF: *levée*)
leza: đọc
li: anh ấy, chị ấy, nó
lib: rãnh, hết ca
limena: thấp (đèn) (LF: *allumer*)
lin: (sợi) lanh (LF: *lin*)
lis: danh sách (LF: *liste*)
lisans: giấy phép (LF: *licence*)
lit: lít (LF: *litre*)
liti: giường
liv: sách (LF: *livre*)
livre: đã giao (LF: *livré*)
livrezon: chuyển hàng, việc giao hàng (HK: *livrezon*)
liy: hàng, hàng người (HK: *liy*)
lod: mệnh lệnh (LF: *l'ordre*)
lon: dài (LF: *long*)
lonbraj: bóng râm (HK: *lonbraj*)
longè: chiều dài (LF: *longueur*)
lontan: ngày xưa (HK: *lontan*)
lopital: bệnh viện (LF: *l'hôpital*)
loraj: bão (HK: *loraj*)
losa: lông, tuột
lot: khác (HK: *lòt*)
lou: nặng (LF: *lourd*)
loua: luật (LF: *loi*)
luen: xa (LF: *loin*)
luil: đầu (LF: *l'huile*)
mach: lối đi trên tường (LF: *marche*)
macha: đi bộ (HK: *mache*)
machandiz: hàng hóa (HK: *machandiz*)
mache: chợ (LF: *market*)
machin: máy (LF: *machine*)
machwè: hàm (HK: *machwè*)
madanm: vợ; Madame (HK: *madanm*)
madera: gỗ (SP: *madera*)
madi: thứ Ba (LF: *mardi*)
magazen: cửa hàng (HK: *magazen*)
mais: à, này (mở đầu câu nói) (LF: *mais*)
mak: dấu (LF: *marque*)
mal: đau, tổn hại (LF: *mal*)
malad: ốm (LF: *malade*)
mama: mẹ (không nhất thiết là mẹ đẻ)
manbo: manbo, nữ tư tế (HK: *manbo*)
manbran: màng (LF: *membrane*)
manch: ống tay áo (LF: *manche*)
manda: hỏi (HK: *mande*)

manja: ăn
manje: đồ ăn, bữa ăn (HK: *manje*)
manke: nhớ (ai, cái gì) (LF: *manquer*)
mantè: kể nói dối (HK: *mantè*)
manti: nói dối (HK: *manti*)
marchanda: mặt cả (LF: *marchander*)
mare: buộc (HK: *mare*)
marekaj: đâm lầy (HK: *marekaj*)
mari: chồng (LF: *mari*)
markari: đã đánh dấu
maron: nâu (LF: *marron*)
marya: cưới (LF: *marier*)
maryaj: đám cưới (LF: *mariage*)
maske: mặt nạ (mặt nạ của thành phố) (LF: *masque*)
mason: thợ nề (LF: *maçon*)
mat: cột buồm (LF: *mât*)
materyo: hàng dự trữ, vật liệu (LF: *matériau*)
matin: buổi sáng
matla: đệm giường (LF: *matelas*)
me: những
mè: thị trường (LF: *maire*)
mèg: gậy (HK: *mèg*)
mekanis: cơ cấu (LF: *mécanisme*)
mèkredi: thứ Tư (LF: *mercredi*)
mele: trộn (LF: *mêler*)
melodi: giai điệu (LF: *mélodie*)
mem: cùng, giống; ngay cả (LF: *même*)
memo: bản ghi nhớ (EN: *memo*)
men: bàn tay
men sa: đây là; đây chính là (HK: *men sa*)
mena: đưa (một người) đi, dẫn (LF: *mener*)
meno: ít hơn (SP: *menos*)
mes: tháng (SP: *mes*)
mès: Thánh lễ (LF: *messe*)
mesa: bàn
mèsi: cảm ơn (HK: *mèsi*)
met: chủ (HK: *mèt*)
meta: đặt, để
metal: kim loại (LF: *métal*)
metro: đồng hồ đếm (SP: *metro*)
mezire: đo (LF: *mesurer*)
midi: trưa (LF: *midi*)
mile: cá đuối (LF: *mulet*)
milèt: cá đuối (LF: *mulet*)
minit: phút (HK: *minit*)
minwi: nửa đêm (LF: *minuit*)
mira: nhìn, xem
miray: tường (LF: *muraille*)
mita: một nửa (SP: *mitad*)
mizè: khôn khéo; trời đất ơi! (tiếng kêu) (HK: *mizè*)
mo: tôi, của tôi
moda: cách, lối
mode: cắn (LF: *mordre*)
model: hoa văn, kiểu mẫu (LF: *modèle*)

mona: người
monnen: đồng xu (HK: *monnen*)
monta: đi lên (LF: *monter*)
montre: dạy, chỉ (LF: *montrer*)
mor: chết (LF: *mort*)
mori: cá muối (HK: *mori*)
mosa: cho xem
mou: mềm (LF: *mou*)
moulen: cối xay, xưởng xay (LF: *moulin*)
moun: người, người ta (HK: *moun*)
mouri: chết (LF: *mourir*)
mouye: ướt
mov: mòng biển (mov ri mòng biển đầu đen) (LF: *mauve*)
mova: dòi (cái gì)
move: xấu, tồi (HK: *move*)
mu: chúng tôi (không gồm người nghe)
muta: thay đổi
na: ở, trong, vào (nơi chốn, thời gian hay cách thức)
naja: bói (LF: *nager*)
nap: khăn trải bàn (LF: *nappe*)
nasi: được sinh ra (SP: *nacer*)
ne: tiểu từ làm mềm câu ở cuối câu (VI: *nhé*)
nechèl: cái thang (HK: *nechèl*)
neda: cần
nèf: tươi, mới (LF: *neuf*)
nen: mũi (HK: *nen*; LF: *nez*)
nenpot: bất cứ, gì cũng được (HK: *nenpôt*)
netoya: sạch (LF: *nettoyer*)
neve: cháu trai (LF: *neveu*)
neye: chết đuối; đã chết đuối (LF: *noyer*)
nika: đi
nika baka: quay về
nivo: mực, mức (LF: *niveau*)
no: không (câu trả lời)
nobenta: chín mươi (SP: *noventa*)
nod: nút (EN: *node*)
nokmam: nước mắt (VI: *nước mắt*)
nom: tên
noma: đặt tên, gọi, ghi nhận
nomal: thường, bình thường (HK: *nomal*)
nonm: đàn ông (HK: *nonm*)
nonpli: cũng không (LF: *non plus*)
nota: nốt (nhạc)
notare: ghi lại
nouri: cho ăn (LF: *nourrir*)
nouvèl: tin tức (LF: *nouvelles*)
nov: mới
noventa: chín mươi (SP: *noventa*)
nu: chúng ta (gồm cả người nghe)
nuaj: mây (LF: *nuage*)
nuar: đen, tối (LF: *noir*)
nudo: nút thắt (SP: *nudo*)
nueve: chín (SP: *nueve*)

nuevesien: chín trăm (*SP: novecientos* (ghép từ *nueve* + *sien*))
nuít: đêm
nulan: không ai
numero: số (*LF: numéro*)
o: hoặc (*SP: o*)
ochenta: tám mươi (*SP: ochenta*)
ocho: tám (*SP: ocho*)
ode: mùi (*LF: odeur*)
odit: kiểm toán (*EN: audit*)
ofra: đề nghị, mời
okenn: bất kỳ
oket: nấc cụt (*HK: okét*)
okipe: trông nom, lo cho (*LF: occuper*)
olye: thay vì (*LF: au lieu*)
omma: mẹ (khi gọi) (*KO: comma*)
onse: mười một (*SP: once*)
opera: vận hành
opinyon: ý kiến (*LF: opinion*)
orê: lịch (*LF: horaire*)
osi: cũng
osinon: nếu không thì (*LF: ou sinon*)
oswa: hoặc (*HK: oswa*)
otan: bằng chừng ấy (*LF: autant*)
oton: mùa thu (*LF: automne*)
otorite: vị thế, uy quyền (*LF: autorité*)
otou: quanh (*LF: autour*)
otra: khác, cái khác
otremen: theo cách khác (*LF: autrement*)
output: đầu ra điều khiển (gửi tín hiệu, không truyền điện hay chuyển động)
ouvè: mở (trạng thái) (*HK: ouvè*)
ouvra: mở
pa: không
pa du: không có ở đó
pad: đệm (đệm giảm chấn) (*EN: pad*)
padon: xin lỗi; xin thứ lỗi (*HK: padon*)
pafwa: đôi khi (*HK: pafwa*)
paj: trang
pak: Lễ Phục Sinh (*HK: Pak*)
pal: nhọt nhọt (*LF: pôle*)
pali: nói, trò chuyện
palto: áo khoác (*LF: paletot*)
palye: chiếu nghỉ cầu thang (*LF: palier*)
panche: tựa (*LF: pencher*)
pandan: trong khi
pandye: treo (*HK: pandye*)
panel: tấm, bảng (*EN: panel*)
pankat: biển, bảng tin (*HK: pankat*)
pansman: băng (vết thương) (*HK: pansman*)
pant: dốc (*LF: pente*)
pantolon: quần (*LF: pantolon*)
papa: bố
papiyon: bướm đêm, bướm (*LF: papillon*)

papye: giấy (*HK: papye*)
par: đôi (*SP: par*)
para: chuẩn bị, sắp
parad: cuộc diễu hành (*LF: parade*)
pare: sẵn sàng, đã dọn xong (*LF: paré*)
parèy: giống nhau, như nhau (*HK: parèy*)
pasa: đi qua (*LF: passer*)
pase: trước (như trong tuần trước)
pasian: bệnh nhân (*LF: patient*)
paske: vì (*HK: paske*)
pat: hồ dán (*LF: pâte*)
pati: rời đi, khởi hành (*LF: partir*)
patron: thánh bốn mạng (*LF: patron*)
patwon: rập (để cắt) (*LF: patron*)
pava: nói, bảo
pawol: câu nói; lời (*HK: pawol*)
pè: sợ (*HK: pè*)
peche: tội (*LF: péché*)
pecho: ngực (*SP: pecho*)
pedal: bàn đạp (*LF: pédale*)
pel: da (*SP: piel*)
pele: chơi (nhạc)
pelikan: bồ nông (*LF: pélican*)
peman: khoản thanh toán (*LF: paiement*)
pèmi: giấy phép (*LF: permis*)
pen: bánh mì (*LF: pain*)
pèn: công sức, vất vả (*LF: peine*)
pensa: nghĩ, tin
pentire: đã sơn (*LF: peinture*)
pera: quả lê (*SP: pera*)
perdi: mất, thua (*LF: perdre*)
perimèt: vành đai (*LF: périmètre*)
pesa: mảnh, phần
peso: trọng lượng (*SP: peso*)
pèt: tổn thất; liv pèt số tổn thất (*LF: perte*)
petet: có lẽ (*LF: peut-être*)
pey: lương (*LF: paye*)
peya: trả tiền (*HK: peye*)
peye: đã trả (*HK: peye*)
peyi: đất nước (*HK: peyi*)
pi: hơn, thêm (*HK: pi*)
pie: bàn chân (*HK: pye*)
pikan: gai; Gai (*HK: pikan*)
pikèt: cột, cọc (*LF: piquet*)
pilotis: cọc (cọc của sân) (*LF: pilotis*)
piman: hạt tiêu, ớt (*HK: piman*)
pitifis: cháu trai (*HK: pitit pitit; LF: petit-fils*)
pitit: đứa trẻ, trẻ con (*HK: pitit*)
pla: phẳng; pla men lòng bàn tay (*LF: plat*)
plafon: trần nhà (*LF: plafond*)
plak: bảng (bảng mạch, bảng tin) (*LF: plaque*)
plan: kế hoạch, bản thiết kế
planche: sàn nhà (*HK: planche*)
plant: cây trồng (*LF: plante*)

plas: chỗ (LF: *place*)
plasman: an trí (LF: *placement*)
plat: đĩa
plati: đĩa nhỏ
plato: khay (LF: *plateau*)
plen: đầy (LF: *plein*)
pleny: phản nản (LF: *se plaindre*)
pliye: gấp (LF: *plier*)
plon: chì (LF: *plomb*)
plonje: lặn (LF: *plonger*)
plonjè: thợ lặn, thợ chìm (HK: *plonjè*)
po: để
poch: túi (LF: *poché*)
pola: sào (thủy tinh) (EN: *pole*)
polaj: chống sào (EN: *poling*)
polè: người ngồi chống sào (EN: *pole, with the Kreyòl agent ending -è*)
politès: phép lịch sự (LF: *politesse*)
pon: cầu (LF: *pont*)
ponde: đẻ (trứng) (LF: *pondre*)
ponp: máy bơm, bơm (LF: *pompe*)
ponyet: cổ tay (HK: *ponyèt*)
porta: mặc, đeo (LF: *porter*)
pota: mang đến
potay: cổng (HK: *pòtay*)
poua: đậu (HK: *pwa*)
pouason: cá (HK: *pwason*)
pouen: điểm, mũi nhọn (LF: *point*)
poukisa: tại sao (HK: *poukisa*)
poul: gà mái, gà (HK: *poul*)
poumon: phổi (LF: *poumon*)
poutet: vì; vì thế mà (HK: *poutèt*)
pran: lấy
pre: gần (LF: *près*)
preri: đồng cỏ (LF: *prairie*)
pres: khuôn ép (khuôn ép bánh); ép (LF: *presse*)
presbitè: nhà xứ (LF: *presbytère*)
prese: bị ép, bị vắt; báo chí (LF: *pressé*)
preske: gần như
presyon: áp suất, sức ép (LF: *pression*)
pret: linh mục (LF: *prêtre*)
prèt: linh mục (HK: *pè*)
preta: cho vay, cho mượn (LF: *prêter*)
prezidan: hội trưởng (LF: *président*)
pri: giá
prim: thứ nhất
priye: cầu nguyện (LF: *prier*)
prizonye: tù nhân (HK: *prizonye*)
problèm: vấn đề (LF: *problème*)
prochen: tiếp theo (LF: *prochain*)
program: chương trình (EN: *program*)
promes: hứa (LF: *promesse*)
promi: hứa
promnad: đi dạo (LF: *promenade*)

prop: sạch (LF: *propre*)
proteja: bảo vệ (SP: *protéger*)
prova: một cuộc thử
provizyon: đồ tiếp tế (LF: *provisions*)
pu: có thể
pui: hồ thu; giếng (LF: *puits*)
ra: người mà, cái mà (như trong người đàn ông mà)
radio: vô tuyến, đài (EN: *radio*)
rado: bè (LF: *radeau*)
rafineri: nhà máy lọc (LF: *raffinerie*)
rak: song chắn (song chắn rác) (EN: *rack*)
rakonta: kể (chuyện) (LF: *raconter*)
rale: kéo (HK: *rale*)
randa: trả lại (LF: *rendre*)
ranje: hàng (gạch), dãy; sửa, chỉnh lại (LF: *rangée; ranje*)
rankin: mối hận (HK: *rankin*)
ranmase: tập hợp, thu gom (HK: *ranmase*)
ranplas: sự thay thế (với *po*: thứ thay thế cho)
ranplase: thay (LF: *remplacer*)
ranpli: đổ đầy; điền vào (LF: *remplir*)
rapor: báo cáo
rasyon: khẩu phần (LF: *ration*)
rata: trượt, đánh hụt (LF: *rater*)
rava: sửa chữa
raya: ghét (HK: *rayi*)
raze: cạo (LF: *raser*)
re: lại
reacha: liên lạc được (với ai)
rechanj: đồ dự phòng, đồ thay thế (HK: *rechanj*)
recho: bếp lò (LF: *réchaud*)
rèd: cứng (LF: *raide*)
referans: mẫu chuẩn, tham chiếu (LF: *référence*)
refize: từ chối (LF: *refuser*)
règ: quy định (LF: *règle*)
regat: cuộc đua thuyền (LF: *régate*)
registè: thanh ghi (bộ điều khiển) (LF: *registre*)
regla: dàn xếp, thanh toán (LF: *régler*)
reglaj: chế độ cài đặt (trên máy) (LF: *réglage*)
regle: đặt, chỉnh (LF: *régler*)
regreta: hối tiếc, lấy làm tiếc (LF: *regretter*)
rejete: loại bỏ; phế phẩm (LF: *rejeter*)
rejis: sổ cái, sổ ghi (LF: *registre*)
rejistri: hộ tịch (EN: *registry*)
rekizision: phiếu yêu cầu cấp (LF: *réquisition*)
reklamasyon: yêu sách, đòi (HK: *reklamasyon*)
rekonesan: biết ơn (LF: *reconnaissant*)
rekonet: nhận ra (LF: *reconnaître*)
rekonsiliasion: đối chiếu (sổ sách) (LF: *réconciliation*)
rekor: hồ sơ, bản ghi
rekrite: tuyển (LF: *recruter*)
rela: gọi to, hét (HK: *rele*)
relis: giấy cho phép (biểu mẫu) (EN: *release*)
remake: thông báo

remed: thuốc (LF: *remède*)
remèsye: cảm ơn (HK: *remèsye*)
renma: tình yêu (HK: *renmen*)
rense: xối, trắng (LF: *rincer*)
reparasion: việc sửa chữa (LF: *réparation*)
repare: vá, sửa (LF: *réparer*)
repete: tập đượt (LF: *répéter*)
repetisyon: buổi tập (LF: *répétition*)
repitasyon: tiếng tăm (HK: *repitasyon*)
repo: nghỉ (LF: *repos*)
repon: trả lời, đáp
repote: hoán (LF: *reporter*)
reproch: trách (LF: *reproche*)
resemela: thay đổi (LF: *ressemeler*)
resev: chỗ tiếp nhận
resi: biên lai (HK: *resi*)
reso: lò xo (LF: *ressort*)
respekta: tôn trọng (LF: *respecter*)
resta: phần còn lại
restoran: nhà hàng (LF: *restaurant*)
reta: sự chậm trễ (LF: *retard*)
retay: mẫu vụn, đầu thừa (HK: *retay*)
retire: côi, gờ bỏ (LF: *retirer*)
reva: giấc mơ (LF: *rêver*)
revey: đồng hồ (LF: *réveil*)
reveye: thức (LF: *réveillé*)
revize: xem xét lại (LF: *réviser*)
revizion: thủ tục xem xét (LF: *révision*)
revokab: có thể thu hồi (LF: *révocable*)
revu: xem xét lại
reyinyon: cuộc họp (HK: *reyinyon*)
rezè: dự trữ, kho (LF: *réserve*)
rezo: mạng lưới (LF: *réseau*)
rezon: lý do
ri: một tràng cười (LF: *rire*)
riban: dải vật liệu
rira: cười (LF: *rire*)
risiva: nhận
rit: nghi lễ (LF: *rite*)
ritme: nhịp, tần số (của mạch) (LF: *rythme*)
riva: đến (cũng nói *rive*) (LF: *arriver*)
rive: đến, tới (LF: *arriver*)
rob: váy, áo dài (LF: *robe*)
robinè: vòi nước (HK: *robinè*)
roch: đá (LF: *roche*)
rou: roux (bột xào bơ) (LF: *roux*)
rozè: chuỗi Mân Côi (HK: *rozè*)
rut: tuyến đường
sa: cái này, cái đó
sab: cát (LF: *sable*)
sak: bao tải
sale: mặn (HK: *sale*)
samdi: thứ Bảy (LF: *samedi*)
san: không có

sanble: trông như, có vẻ (HK: *sanble*)
sandal: dép (LF: *sandale*)
sangre: máu (SP: *sangre*)
sann: tro (HK: *sann*)
santi: cảm thấy; nghĩ (LF: *sentir*)
santiman: cảm giác (LF: *sentiment*)
sava: biết
se: chị em gái; là (như trong *Sa se*, đó là) (HK: *sè; se*)
sechrès: hạn hán, mùa khô (LF: *sécheresse*)
segond: giây (LF: *seconde*)
seis: sáu (SP: *seis*)
sějjan: trung sĩ (LF: *sergent*)
sek: khô (LF: *sec*)
seksion: tổ (của Gai) (LF: *section*)
sel: muối (LF: *sel*)
sèl: một mình; chỉ một (HK: *sèl*)
sele: con dấu, niêm phong (LF: *sceller*)
selil: pin (LF: *cellule*)
selman: chỉ (HK: *sèlman*)
sèman: lời thề; fasa sèman thề (LF: *serment*)
semel: để (giày) (LF: *semelle*)
semen: tuần (HK: *semèn*)
sen: thánh (LF: *saint*)
senda: gửi
senouk: cá chém (EN: *snook*)
senyen: chảy máu (HK: *senyen*)
separa: riêng rẽ
separasyon: sự chia tách (LF: *séparation*)
separe: riêng ra, tách biệt (LF: *séparer*)
sere: sẽ, có thể
seri: ổ khóa, khóa (LF: *serrure*)
servi: phục vụ; có ích (LF: *servir*)
sesenta: sáu mươi (SP: *sesenta*)
setanta: bảy mươi (SP: *setenta*)
sèvi: phụng sự (một lwa); thực hành đạo (HK: *sèvi*)
sèvis: sự phục vụ, nghi lễ (LF: *service*)
sèvyèt: khăn ăn (LF: *serviette*)
sezon: mùa (LF: *saison*)
sí: nếu
sida: ngồi
sidi: ghế đầu
sien: trăm (SP: *cien*)
siete: bảy (SP: *siete*)
signal: tín hiệu
sik: đường (HK: *sik*)
sikui: mạch điện (LF: *circuit*)
silans: sự im lặng (LF: *silence*)
silvouple: xin, làm ơn (trang trọng, van nài) (LF: *s'il vous plaît*)
siman: xi măng (HK: *siman*)
sindika: Nghiệp Đoàn (LF: *syndicat*)
sinifa: có nghĩa là
sinkim: một phần năm (HK: *senkyèm*)
sinko: năm (SP: *cinco*)

sinkuenta: năm mươi (*SP: cincuenta*)
sinya: ký tên (*LF: signer*)
sinyale: vẫy, ra hiệu (*LF: signaler*)
sinye: đã ký (*LF: signé*)
sipote: chịu, chịu đựng (*LF: supporter*)
sipoze: đáng lẽ phải (*HK: sipoze*)
sirijen: bác sĩ phẫu thuật (*LF: chirurgien*)
sirj: nước dâng (*EN: surge*)
sitèn: bể chứa (*LF: citerne*)
sitou: nhất là (*HK: sitou*)
sizim: một phần sáu (*HK: sizyèm*)
sizo: kéo (*HK: sizo*)
skriva: viết
so: cái kia (đằng kia)
sof: trừ, chưa tới (*LF: sauf*)
solda: lính (*LF: soldat*)
soley: mặt trời (*LF: soleil*)
somat: nước lợ (*LF: saumâtre*)
son: âm thanh (*LF: son*)
sona: nghe (như trong *nghe sai sai*)
sonja: nhớ (*HK: sonje*)
sonnen: rung (chuông) (*HK: sonnen*)
sopran: giọng nữ cao (*LF: soprano*)
sorgo: cao lương (*LF: sorgho*)
sorti: ra, rời đi (*LF: sortir*)
sos: nước sốt (*LF: sauce*)
sosyete: hội (hội mai táng) (*LF: société*)
sot: ngu (*LF: sot*)
sote: nhảy (*LF: sauter*)
soti: ra ngoài; rời đi
sou: say rượu (*LF: soûl*)
souch: cuống phiếu (*LF: souche*)
soud: hàn thiếc (*LF: soudure*)
souli: giấy
souliye: gách chân (*LF: souligner*)
soup: súp, canh (*LF: soupe*)
soupe: bữa tối (*LF: souper*)
souple: làm ơn (*HK: souple*)
sous: nguồn (*LF: source*)
souta: đỡ, ủng hộ
souvan: thường, hay (*LF: souvent*)
sova: cứu (*LF: sauver*)
stab: vững, ổn định (*LF: stable*)
stal: sạp hàng (*EN: stall*)
starta: khởi động (với re: khởi động lại)
sterilizatè: máy tiệt trùng (*HK: sterilizatè*)
stopa: dừng
stopaj: sự ngừng việc (*LF: stoppage*)
su: trên
sufi: đủ
swaf: cơn khát; khát (*HK: swaf*)
swar: buổi tối
swe: mồ hôi (*HK: swe*)
swen: chăm sóc (*LF: soîn*)

swich: cần gạt (*EN: switch*)
swiv: theo (*HK: swiv*)
swivan: tiếp theo
ta: muộn (*LF: tard*)
tab: bàn (*LF: table*)
tabliye: tập dề (chân tường; áo choàng làm việc) (*HK: tabliye*)
tablo: tấm bảng (*LF: tableau*)
tach: vết bẩn (*LF: tache*)
talon: gót (*LF: talon*)
tan: thời gian
tanbou: trống, lồng (lồng giặt; trống lễ rửa tội) (*HK: tanbou*)
tanè: thợ thuộc da (*LF: tanneur*)
tanka: cho đến khi
tanpet: bão (*LF: tempête*)
tanpon: con dấu, đóng dấu (*LF: tampon*)
tanpone: con dấu, đóng dấu (*LF: tamponner*)
tanri: xưởng thuộc da (*LF: tannerie*)
tant: cô, dì (*LF: tante*)
tapi: chiếu (*LF: tapis*)
tard: muộn (*LF: tard*)
tarpon: cá chấu lớn (*EN: tarpon*)
tas: cốc, tách (*LF: tasse*)
te: đã (đứng trước động từ: thì quá khứ)
tè: đất (*HK: tè*)
te gon: đã định
techo: mái nhà (*SP: techo*)
tela: vải, mảnh vải
tèlman: đến mức mà (*HK: tèlman*)
teminal: máy đầu cuối (*HK: tèminal*)
temwen: nhân chứng
tena: giữ
tenor: giọng nam cao (*LF: ténor*)
tep: băng dính (*EN: tape*)
tepe: dán băng dính (*EN: tape*)
teras: sân hiên (*LF: terrasse*)
terib: khủng khiếp (*LF: terrible*)
teste: đã thử (*LF: testé*)
testè: máy thử (*HK: testè*)
tet: đầu (*HK: tèt*)
tèt: đầu; tèt di cứng đầu (*LF: tète*)
tí: nhỏ, bé (*LC: ti*)
tib: ống (*LF: tube*)
tibebe: trẻ sơ sinh (*HK: tibebe*)
tiè: một phần ba (*LF: tiers*)
tikè: vé (*HK: tikè*)
tilapia: cá rô phi (*EN: tilapia*)
timoun: đứa trẻ (*HK: timoun*)
tira: kéo; bắn (súng) (*LF: tirer*)
tirak: ngăn kéo
tiyo: ống (*HK: tiyo*)
tochon: lau, giẻ (*LF: torchon*)
tokèn: xềng (*EN: token*)

ton: giọng (âm nhạc); tiếng ngân (LF: *ton*)
tonba: ngã, rơi (LF: *tomber*)
tonelye: thợ đóng thùng (LF: *tonnelier*)
tonm: mộ (HK: *tonm*)
toti: tất cả, toàn bộ
tou: tháp (LF: *tour*)
touche: chạm (LF: *toucher*)
toudi: sững sờ (HK: *toudi*)
toujou: vẫn, luôn
touletan: luôn luôn (LC: *tout le temps*)
tounen: quay, trở thành (HK: *tounen*)
toupatou: khắp nơi (HK: *toupatou*)
toutan: mãi mãi, vĩnh viễn (HK: *tout tan*)
toutouni: trần, trơ (HK: *toutouni*)
touya: giết (HK: *touye*)
touye: một vụ giết (HK: *touye*)
tradisyon: truyền thống (LF: *tradition*)
trafik: giao thông (LF: *trafic*)
trakasa: lo lắng (LF: *tracasser*)
tranble: lung lay, run (LF: *trembler*)
trangle: bóp cổ (LF: *étrangler*)
tranpe: ngâm (LF: *tremper*)
trap: cửa sập (LF: *trappe*)
tras: vết (trên màn hình theo dõi) (LF: *trace*)
trase: kẻ (một đường) (LF: *tracer*)
trav: việc được giao
travay: làm việc, công việc (HK: *travay*)
travaya: làm việc, công việc (HK: *travay*)
traversa: băng qua (LF: *traverser*)
tre: rất (LF: *très*)
trenta: ba mươi (SP: *treinta*)
tres: ba (SP: *tres*)
trese: mười ba (SP: *trece*)
tresim: thứ ba (SP: *tres* + *-im* (cf. *dosim*, *katrim*))
tretman: xử lý, điều trị (LF: *traitement*)
treysi: mắt cáo (LF: *treillis*)
trimès: quý (ba tháng) (HK: *trimès*)
tris: buồn (LF: *triste*)
triye: phân loại (LF: *trier*)
tro: quá (LF: *trop*)
tronk: đường trục (dây chuyền vận chuyển) (LF: *tronc*)
trou: lỗ (LF: *trou*)
trova: tìm thấy
tu: bạn (một người)
tura: ca (làm việc), lượt (trong hàng)
un: một
uza: dùng
vag: sóng (HK: *vag*)
valv: van (EN: *valve*)
van: gió (LF: *vent*)
vanda: bán (LF: *vendre*)
vandredi: thứ Sáu (LF: *vendredi*)
vapè: hơi nước (LF: *vapeur*)

ve: sẽ
vè: khoảng, chừng (thời gian) (LF: *vers*)
vela: buồm (SP: *vela*)
veli: muốn
veli pava: có ý, muốn nói
vena: đến
vena baka: trở lại
veteman: lễ phục (LF: *vêtement*)
veye: canh, canh gác (HK: *veye*)
vi: cuộc sống (LF: *vie*)
vía: qua (một mối quen hay một tuyến đường)
vid: trống, rỗng (HK: *vid*)
vida: đổ hết đồ trong thùng
vidrio: thủy tinh (SP: *vidrio*)
viktoua: chiến thắng (LF: *victoire*)
vil: thành phố (LF: *ville*)
vin: trở thành (HK: *vin*)
vira: rẽ, quay
vít: nhanh (LF: *vite*)
viv: sống (cư trú); trực tiếp (đang diễn ra)
vivan: còn sống (LF: *vivant*)
viza: thấy (khác với mira, nhìn); đã thấy (kết thúc một bản báo cáo)
vizit: thăm (LF: *visite*)
vizite: thăm (LF: *visiter*)
vizitè: khách (LF: *visiteur*)
vle: sẵn lòng nhận, chấp nhận (HK: *vle*)
vlope: đã gói (HK: *vlope*)
vo: đáng giá (HK: *vo*)
vole: bị đánh cắp (LF: *volé*)
volè: kẻ gian, kẻ trộm (HK: *volè*)
volet: cửa chớp (LF: *volet*)
volonte: sự tự nguyện, thiện chí (LF: *volonté*)
voua: giọng (LF: *voix*)
vouazen: hàng xóm (HK: *vwazen*)
vout: hầm mộ (LF: *voûte*)
vre: thật (HK: *vre*)
vu: các bạn (nhiều người)
vye: già, cũ
waf: cầu tàu, bến (EN: *wharf*)
wafer: tấm mỏng (chip hiệu chuẩn) (EN: *wafer*)
wani: cái gì
wena: ở đâu
wini: ai
wo: cao (HK: *wo*)
won: vòng tròn; tròn (LF: *rond*)
wont: xấu hổ (HK: *wont*)
wou: bánh xe (LF: *roue*)
wouj: đồ (HK: *wouj*)
woulman: ổ bi (LF: *roulement*)
woulo: cuộn (LF: *rouleau*)
yad: bãi (bãi trên sàn) (EN: *yard*)
ye: nhiều hơn một (đứng sau danh từ: *Kang ye*, nhà Kang)

BẢNG TỪ VỰNG

yo: có, vắng

yodi: người ta nói (nghe kể, không tận mắt thấy)
(HK: *yo di*)

zafè: việc, chuyện (HK: *zafè*)

zandolit: thằn lằn (anole) (HK: *zandolit*)

zanmi: bạn (HK: *zanmi*)

ze: trứng (HK: *ze*)

zo: xương (HK: *zo*)

zonzon: vo ve (HK: *zonzon*)

zoranj: quả cam, màu cam (HK: *zoranj*)

zorey: tai (HK: *zòrèy*)

zoreye: gói (HK: *zòrye*)

zotey: ngón chân (HK: *zòtèy*)

zouazo: chim (HK: *zwazo*)

zouti: dụng cụ, đồ nghề (HK: *zouti*)



Nghiên cứu và hư cấu

Câu chuyện này bắt đầu từ một vùng đất có thật. Lịch sử tương lai, nhân vật, thiết chế và sự kiện của nó đều là hư cấu. Nghiên cứu soi sáng những phân biệt mà câu chuyện đưa ra; nó không tiên đoán tương lai này, cũng không giải thích những bí ẩn của nó.

Tiếng Kanal là một ngôn ngữ nhân tạo. Nó được xây dựng từ lịch sử đã được ghi chép của các ngôn ngữ được nói ở New Orleans và vùng lân cận, và từ những gì các nhà ngôn ngữ học biết về cách các ngôn ngữ tiếp xúc hình thành: những từ chỉ thì và thể đứng trước động từ, những từ mang nghĩa “nói” và “thấy” trở thành dấu hiệu cho biết người nói biết điều gì đó bằng cách nào, và một ngôn ngữ nói sống bên cạnh một chuẩn viết. Các dạng thức của nó không phải là lời ăn tiếng nói của bất kỳ cộng đồng nào đang sống. Những bạn đọc biết tiếng Creole Louisiana hay tiếng Kreyòl Haiti sẽ nhận ra những nét giống nhau như người cùng một nhà, và không nên xem tiếng Kanal là sự thể hiện của thứ tiếng nào trong hai thứ tiếng ấy.

Trong số các công trình mà ngôn ngữ này dựa vào: Charles A. Ferguson, “Diglossia” (*Word*, 1959); Thomas L. Willett, “A Cross-Linguistic Survey of the Grammaticization of Evidentiality” (*Studies in Language*, 1988); và *Atlas of Pidgin and Creole Language Structures* (APiCS Online).

Các cuốn sách của Robert Greene và cuốn *Philosophy 101* của Paul Kleinman đã ảnh hưởng đến những câu hỏi của cuốn tiểu thuyết về quyền lực, ham muốn, chiến lược và ý nghĩa. Lựa chọn của các nhân vật là của riêng họ, không phải là minh chứng rằng một cách lý giải nào đó là đúng.

Cuốn sách này và bìa sách được phát triển bằng công cụ AI tạo sinh theo chỉ đạo của tác giả. Bản dịch tiếng Việt này được làm bằng công cụ AI tạo sinh và được kiểm tra bằng công cụ tự động, không qua dịch giả là người.



Về tác giả



Manuel A. Dominguez là tác giả của *Nghịch âm (DISSONANCE)* và *Đường ray thứ tư (The Fourth Rail)*, các tiểu thuyết thuộc bộ Liên Minh Farbound. Những cuốn sách khám phá cách con người cùng nhau dựng nên một cuộc sống khi chốn nương thân, công việc và sự chăm sóc đi kèm những nghĩa vụ mâu thuẫn nhau, và điều gì xảy ra khi những người họ yêu thương lại muốn một điều khác.



Các tác phẩm khác của Manuel A. Dominguez

Đường ray thứ tư (nguyên tác: *The Fourth Rail*), tiểu thuyết thuộc bộ Liên Minh
Farbound